


Phần Hai

HẢI-QUÂN
TRONG NHIỆM-VỤ
BẢO-VỆ LÃNH-HẢI







HẢI LỰC



Phỏng-vấn:

Đề-Đốc TRẦN VĂN-CHƠN

NHIỆM-VỤ BẢO-VỆ LÃNH-HẢI

Ban Biên-Tập



Đề-Đốc Trần-văn-Chơn, giữ chức-vụ Tư-Lệnh Hải-Quân hai nhiệm-kỳ, tổng-cộng trên 10 năm.

Ông có công hàn gắn những đổ vỡ và bành-trướng Hải-Quân trở thành một quân-chủng tiên tiến, to lớn và hữu-hiệu. Trong 11 vị tướng Hải-Quân, ông là người duy nhất kẹt lại tại Việt-Nam. Với những năm dài tù-tội, ông vẫn giữ được khí-tiết, đảm-lược của một vị tướng lãnh của miền Nam. Hiện Đề-Đốc Trần-văn-Chơn cư-ngụ tại San José, California, Hoa-Kỳ.

Bài phỏng-vấn cho chúng ta thấy quan-niệm bảo-vệ và phòng-thủ lãnh-hải Việt-Nam như thế nào để chống lại sự xâm-nhập của Cộng-Sản Bắc-Việt bằng đường biển trong cuộc chiến vừa qua.

- Người Phóng-Viên (NPV): Thưa Đề-Đốc, nhiều người trong cũng như ngoài Hải-Quân (HQ) cho rằng khi Đề-Đốc trở lại đảm-nhận chức-vụ Tư-Lệnh HQ, HQ lúc đó đang ở trong tình-trạng phân-hóa. Xin Đề-Đốc cho biết thực trạng của HQ lúc đó như thế nào, (a) về nhân-sự cũng như, (b) về khả-năng bảo-vệ lãnh-hải và sông ngòi.

- Trần-văn-Chơn (TVC): Tôi đồng ý với anh là có người trong HQ và ngoài HQ nói rằng HQ

đang phân-hóa khi tôi trở về phục-vụ HQ, nhưng tôi chưa hề nói như vậy vì nếu HQ đã thực sự phân-hóa thì khó hàn gắn kháng-khít lại được. Theo tôi nghĩ thì chỉ có sự bất-đồng ý-kiến giữa một số sĩ-quan cao cấp trong HQ không được giải-quyết thỏa đáng nên xảy ra sự xích mích, xao động, cần sự can-thiệp của thượng-cấp mà thôi.

Trở về Hải-Quân, tôi không để ý đến vấn-đề này mà chỉ chú-tâm đến sự phát-triển của quân-chủng mình và gạt ra mọi ảnh-hưởng của phe phái. Về nhân-sự, sĩ-quan, hạ-sĩ-quan và đoàn-viên đều được huấn-luyện từ các trường quân-sự trong nước cũng như ngoài nước (Pháp, Mỹ), học-tập chỉ-huy, tham-mưu, chiến-đấu, tiếp-vận và mọi ngành kỹ-thuật từ thấp đến cao. Về quân-dụng (chiến-hạm, chiến-đỉnh, súng ống, đạn-dược v.v...), tất cả đều do Mỹ viện-trợ. Về đại đơn-vị chiến-đấu, ta có Hải-Lực, Duyên-Lực, Giang-Lực, sánh với HQ miền Bắc thì lực-lượng của chúng ta lớn mạnh hơn HQ địch rất nhiều. Nhưng nói đến khả-năng bảo-vệ lãnh-hải và sông ngòi của HQ mình thì ai dám nói là đã đủ rồi, trong khi mình còn cần đến sự yểm-trợ của các lực-lượng HQ Mỹ như Đệ Thất Hạm-Đội, Lực-Lượng Tuần-Duyệt,



Đô-Đốc Trần-văn-Chơn

Lực-Lượng Tuần-Giang và Lực-Lượng Lưu-Động Sông.

Chúng ta cũng nhớ rằng mình đã đánh chìm một chiếc tàu chở vũ-khí của Cộng-Sản (CS) miền Bắc năm 1965 nhưng chúng ta chỉ đánh chìm nó khi nó đã vào tận bãi Vũng-Rô rồi. Nghiên-cứu trận đánh này, người ta nhận thấy có một số tàu khác đã xâm-nhập thành-công xuyên qua các vùng kiểm-soát của ta mà không phát-giác được.

- NPV: Khi Đô-Đốc trở lại Hải-Quân, cũng là lúc cuộc chiến-tranh Việt-Nam ở vào giai-đoạn bùng nổ. CS Bắc-Việt đã dùng mọi phương-tiện để xâm-nhập người và chiến-cụ vào Miền Nam. Với HQ, công-cuộc phòng-vệ lãnh-hải đã được quan-niệm như thế nào?

- TVC: *Khi tôi trở về HQ, quan-niệm phòng-vệ duyên-hải là chống xâm-nhập của CS Bắc-Việt*

vào lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hòa (VNCH) bằng đường biển.

* *HQVN lãnh nhiệm-vụ tuần-phòng, lục-soát, chặn bắt hay tiêu-diệt các ghe thuyền của địch dọc sát bờ biển bằng chiến-đỉnh và hải-thuyền của các Vùng Duyên-Hải đồng thời biệt-phái các chiến-hạm hoạt-động trong vùng hành-quân Market Time của Mỹ.*

* *Còn HQ Hoa-Kỳ lãnh nhiệm-vụ hành-quân Market Time, tuần-phòng một vùng biển kéo dài từ vĩ-tuyến 17 đến đường Brévié trong vịnh Thái-Lan và nối rộng ra 40 hải-lý bằng Lực-Lượng Tuần-Duyên và phi-cơ do Đệ Thất Hạm-Đội biệt-phái, đồng thời bao vây các cửa sông lớn bằng Lực-Lượng Tuần-Giang.*

Chính-phủ VNCH chính-thức cho phép chiến-hạm, chiến-đỉnh của HQ Hoa-Kỳ lục-soát, chặn bắt hoặc tiêu-diệt các tàu thuyền CS Bắc-

Việt xâm-nhập lãnh-hải VNCH và vùng tiếp-cận.

- NPV: Xin Đô-Đốc nói rõ về chiến-dịch *Market Time*:

(a) qua những giai-đoạn

(b) những mục-đích của từng giai-đoạn này và

(c) kết-quả của nó.

- TVC: *Market Time* là tên một cuộc hành-quân của HQ Mỹ chống CS miền Bắc xâm-nhập vào VNCH bằng đường biển, cuộc hành-quân này bắt đầu từ ngày 24 tháng 3 năm 1965 dưới quyền chỉ-huy của Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 71 trực thuộc Tư-Lệnh Hạm-Đội Thái-Bình-Dương (CINCPACFLEET) và đặt Bộ Tư-Lệnh trên Tuần-duong-hạm USS Canberra (CAG 2).

Người ta thường gọi nó là chiến-dịch vi liên-quan đến chính-trị, quân-sự, kéo dài cho đến khi chuyển giao cho HQVNCH, và hệ-thống chỉ-huy rất phức-tạp. Tùy theo sự biến-chuyển của tình-hình và sự tiến-triển của lực-lượng, ta có thể chia chiến-dịch *Market Time* ra làm bốn giai-đoạn:

Giai-đoạn I

Đầu năm 1964, tình-báo Mỹ quả-quyết rằng Hà-Nội lên-lút xâm-nhập cán-bộ và vũ-khí quân-dụng vào Nam bằng đường biển vì thuận-tiện nhất và ít tốn kém nhất. HQVNCH lúc đó chỉ có 28 chiến-hạm có khả-năng đi biển và vài trăm chiếc hải-thuyền tuần-tiểu dọc theo duyên-hải, hoạt-động không hữu-hiệu. HQ Mỹ gửi một toán đặc-biệt gồm 8 sĩ-quan Hải-Quân do HQ Đại-Tá Phillip H. Bucklew hướng-dẫn, qua Việt-Nam để nghiên-cứu vấn-đề xâm-nhập. Bucklew phúc-trình rằng CS miền Bắc đã xâm-nhập nhiều đến mức độ có thể yểm-trợ cho CS miền Nam mở các cuộc hành-quân đại qui-mô, còn tổ-chức chống xâm-nhập của HQVN chỉ có trên danh-nghĩa và hoạt-động không đáng kể. Bucklew đề-nghị tăng-cường khả-năng của HQVNCH đồng thời bổ-sung hoạt-động bằng lực-lượng HQ Mỹ và nhấn mạnh rằng “chỉ ngăn-chặn đường biển mà không có lực-lượng tuần-tiểu dọc biên-giới VNCH - Lào - *Campuchia* thì sự xâm-nhập của địch không bao giờ chấm dứt”.

Ngày 6 tháng 2 năm 1965, chúng ta đánh

chìm một chiếc tàu 100 tấn chở đầy vũ-khí, đạn-dược của CS Bắc-Việt trong khi tàu này đã vào tận bãi Vũng-Rô rồi. Nghiên-cứu chiến-trường và trận đánh này, người ta nhận thấy rằng trước đó đã có một số tàu khác xâm-nhập thành-công. Đầu tháng sau, Đại-Tướng Westmoreland, Tư-Lệnh Viện-Trợ Quân-Sự Mỹ tại VNCH (ComUSMACV), triệu-tập một buổi họp kéo dài cả tuần-lễ, gồm có Tư-Lệnh Thái-Bình-Dương (CINCPAC), đại-diện Tư-Lệnh Hạm-đội Thái-Bình-Dương (CINCPACFLT), đại-diện Bộ Tổng-Tham-Mưu Quân-Lực VNCH, Tư-Lệnh HQVNCH, trưởng đoàn Cố-Vấn Hoa-Kỳ (CNAG) và đại-diện các đơn-vị Việt Mỹ liên-quan. Hội-nghị đồng ý mở cuộc hành-quân hỗn-hợp Việt-Mỹ với quan-niệm giao cho HQVNCH hoạt-động ven bờ duyên-hải còn HQ Hoa-Kỳ hoạt-động trong vùng biển bao bọc duyên-hải rộng 40 hải-lý và xin chính-phủ VNCH cho phép chiến-hạm Mỹ tìm kiếm, chặn xét và bắt hoặc tiêu-diệt các tàu thuyền khả-nghi của CS xâm-nhập trong lãnh-hải VNCH và vùng tiếp-cận.

Ngày 16 tháng 3 năm 1965, Bộ Tổng-Tham-Mưu Liên-Quân Mỹ (JCS) chấp-thuận cuộc hành-quân này và chính ngày này hai Khu-trục-hạm USS Higbee DD 806, và USS Black DD 666 có mặt tại vùng hành-quân và phi-cơ SP-2 bắt đầu các phi-vụ tuần-tiểu, xuất-phát từ phi-trường Tân-Sơn-Nhút. Cuộc hành-quân này chính-thức mang tên *Market Time* kể từ ngày 24 tháng 3 năm 1965 và triển-khai lực-lượng rất nhanh chóng. Chỉ trong vòng hai tuần-lễ sau thì đã có 28 chiến-hạm Mỹ loại Khu-trục DD, Khu-trục Hộ-Tống DER, Trục-lôi MSO tham-dự dưới quyền chỉ-huy của Tư-Lệnh Lực-Lượng Tuần-Tiểu VN (Vietnam Patrol Force), nhiệm-danh là Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 71 (CTF 71), trực thuộc Tư-Lệnh Hạm-Đội Thái-Bình-Dương. Sau đó được bổ-sung thêm 54 duyên-tốc-đỉnh (PCF) tuần-tiểu dọc duyên-hải và 17 Tuần-duyên-đỉnh (WPB) của Hải-Đội Duyên-Phòng (9 chiếc tuần-tiểu dọc theo vĩ-tuyến 17 và 8 chiếc dọc theo đường *Brévié* trong vịnh Thái-Lan). Ngày 11 tháng 5 năm 1965, chính-phủ VNCH chính-thức cho phép các đơn-vị hành-quân *Market Time* lục-soát, chặn bắt những tàu xâm-nhập vào lãnh-hải VNCH (3 hải-lý cách bờ) và vùng tiếp-cận

(12 hải-lý cách bờ). Ngoài vùng tiếp-cận, những tàu ngờ rặng tàu đăng bộ VNCH cũng phải bị xét. Nếu lỗ xét lầm tàu ngoại quốc, chính-phủ VNCH sẽ chịu bồi thường.

Giai-đoạn II

Cuối tháng 4 năm 1965, Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Mỹ chấp-thuận đặt cuộc hành-quân *Market Time* dưới quyền chỉ-huy của Đoàn Cố-Vấn HQ(CNAG/MACV) và chỉ-định Đô-Đốc Norwell Ward làm trưởng đoàn thay thế Đại-Tá Hardcastle. Đô-Đốc Ward thành-lập Lực-Lượng Kiểm-Duyên (Coastal Surveillance Force) với nhiệm-danh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 115 (*Task Force 115*) do ông đích-thân chỉ-huy. Ngày 1 tháng 8 năm 1965, Tư-Lệnh Hạm-Đội Thái-Bình-Dương chuyển trách-nhiệm hành-quân *Market Time* cho Tư-Lệnh Viện-Trợ Quân-Sự Mỹ Tại VNCH (MACV) và Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 71 bàn-giao quyền chỉ-huy cuộc hành-quân này cho Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 115 (CTF 115). Lực-Lượng này gồm có 7 DER, 2 MSO, 2 LST, 54 PCF, Hải-Đội 1 Duyên-Phòng gồm 9 WPB tại An-Thới và 8 WPB tại Đà-Nẵng, 5 phi-cơ tuần-tiểu SP-2H tại Tân-Sơn-Nhút và một số phi-cơ do Đệ Thất Hạm-Đội biệt-phái. Ngoài ra còn có máy bay Lockheed P3A Orion xuất-phát từ Sangley Point (Phi-Luật-Tân) tuần-tiểu từ Vũng-Tàu đến vĩ-tuyến 17, máy bay Martin P5 Marlin từ các tàu mẹ (tender) và máy bay Lockheed P2V Neptune từ Tân-Sơn-Nhút và Cam-Ranh tuần-tiểu trên các cửa sông từ Vũng-Tàu cho đến An-Thới. Dọc theo duyên-hải có 5 Trung-Tâm Kiểm-Soát Duyên-Hải (Coastal Surveillance Center) tại Đà-Nẵng, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Vũng-Tàu và An-Thới, đặc-trách phối-hợp hoạt-động của các đơn-vị HQ Việt-Mỹ. Một Trung-Tâm Hành-Quân (Surveillance Operation Center) đặt tại Tổng-Hành-Dinh của CNAG/MACV để chỉ-huy hành-quân *Market Time*.

Giai-đoạn III

Đầu tháng 10 năm 1965, đại-diện Tư-Lệnh

Hải-Quân Mỹ (CNO), đại-diện CINCPAC, đại-diện CINCPACFLT, đại-diện ComUSMACV và CNAG họp tại Sài-Gòn để duyệt-xét lại sự tiến-triển của cuộc hành-quân *Market Time*. Kết-qua cuộc họp là tăng-cường *Task Force 115* bằng cách thêm 5 chiến-hạm tuần-tiểu ngoài khơi, tăng gấp đôi số phi-vụ tuần-tiểu, tăng số PCF lên 84 chiếc và số WPB lên 26 chiếc. Ngoài nhiệm-vụ chống xâm-nhập CS bằng đường biển, *Market Time* còn có nhiệm-vụ cải-tiến khả-năng của HQVNCH để giúp lực-lượng Việt Mỹ chống sự nổi dậy của CS tại VN. Về phần HQVN, Lực-Lượng Hải-Thuyền bị giải-tán, nhân-viên và quân-dụng được sát nhập vào HQ để bổ-sung các Vùng Duyên-Hải, hoạt-động ven bờ và trong các vàm sông; còn các chiến-hạm của Hải-Lực biệt-phái thì hoạt-động ngoài khơi theo hệ-thống TF 115. Ngoài ra, ngày 18 tháng 12 năm 1965, Đô-Đốc Ward được chỉ-định thành-lập và chỉ-huy Lực-Lượng Tuần-Giang (River Patrol Force) dưới nhiệm-danh *Task Force 116* gồm 120 PBR, 20 LCPL, 1 LSD, 1 LST và 8 trực-thăng UH1B. Lực-Lượng này hoạt-động ở các cửa sông và tuần-tiểu sâu vào thượng nguồn khoảng 25 hải-lý. HQVN biệt-phái liên-lạc-viên trên chiến-hạm và chiến-đỉnh Mỹ để tiện việc kiểm-soát ghe thuyền. TF 116 trực thuộc CNAG nhưng nằm ngoài hệ-thống *Market Time*.

Giai-đoạn IV

Nhận thấy sau này sẽ chuyển giao trách-nhiệm hành-quân của HQ Mỹ tại VN cho HQVNCH, Đô-Đốc Ward quan-niệm rằng mọi cuộc hành-quân của HQ Mỹ tại VN phải tổ-chức phối-hợp với các cuộc hành-quân của HQVNCH để sau này có thể bổ-sung nhau thành một cuộc hành-quân thống-nhất và những phương-tiện dùng để HQ Mỹ hành-quân phải đặt trong căn-cứ HQVNCH để phối-hợp yểm-trợ và sau này dễ chuyển giao. Lực-lượng của HQ Mỹ tại VN càng ngày càng phát-triển dưới sự chỉ-huy của CNAG, nhưng CNAG theo danh-nghĩa chỉ là Trưởng Đoàn Cố-Vấn HQ - một thành-phần tham-mưu của MACV - chứ không phải là một vị Tư-Lệnh. Đô-Đốc Ward (CNAG) nêu những vấn-đề này lên USMACV và CNO Mỹ. Hai vị này đồng ý

chức-vụ *CNAG* không còn thích-hợp với tính-chất thay đổi của các cuộc hành-quân của HQ càng ngày càng phức-tạp. Ngày 1 tháng 1 năm 1966 ông đề-nghị giải pháp sau đây:

* Thành-lập Bộ Tư-Lệnh HQ Mỹ tại VN (*NavForV Command*) dưới quyền chỉ-huy hành-quân của *CINCPACFLT* và dưới sự kiểm-soát hành-quân của *ComUSMACV*. *NavForV* phải do một vị sĩ-quan HQ chỉ-huy và vị sĩ-quan này kiêm-nhiệm chức-vụ *CNAG*.

* Tất cả đơn-vị HQ Mỹ tại Việt-Nam, trừ Quân-Đoàn III Thủy-Quân-Lục-Chiến đều đặt dưới quyền kiểm-soát hành-quân của *ComNavForV*.

* *ComNavForV* có trách-nhiệm (trước *ComUSMACV*), yểm-trợ tiếp-vận cho tất cả lực-lượng HQ Mỹ tại VN trong đó có cả Quân-Đoàn III Thủy-Quân-Lục-Chiến.

Đề-nghị này được JCS chấp-thuận.

Đô-Đốc Ward, *CNAG*, được chỉ-định kiêm-nhiệm chức-vụ Tư-Lệnh Lực-Lượng HQ Mỹ tại VN (*ComNavForV*). Ngày 16 tháng 4 năm 1966, ông bàn-giao chức-vụ *CTF 115* cho Đại-Tá Clifford L. Stewart với cuộc hành-quân *Market Time*; và ngày 18 tháng 5 năm 1966, ông bàn-giao chức-vụ *CTF 116* cho Đại-Tá B. B. Witham với cuộc hành-quân *Game Warden*. Cả hai lực-lượng và cuộc hành-quân này đều trực thuộc *ComNavForV*.

Song-song với hai lực-lượng này, trong hệ-thống *NavForV* còn có Lực-Lượng Xung-Phong trên sông (River Assault Force) với nhiệm-danh là *Task Force 117* gồm có 2 *LST*, 2 *APB*, 32 *ASPB* và 68 *LCM* (loại *ATC*, *CCB*, *Monitor*, *Refueler*), dưới quyền chỉ-huy của Đại-Tá W. C. Wells, (*CTF 117*). Nhiệm-vụ của lực-lượng này là phối-hợp hành-quân thủy-bộ với Sư-Đoàn 9 Bộ-Binh trong vùng châu-thổ thuộc hệ-thống Lực-Lượng Lưu-Động Sông (Mobile Riverine Force).

Về kết-quả, mỗi năm các đơn-vị của *HQVNCH* và HQ Hoa-Kỳ hoạt-động trong cuộc hành-quân *Market Time* đã chặn xét trên 200.000 ghe thuyền và khám-xét trên 1 triệu người, trong đó có nhiều ghe và người bị chặn xét nhiều lần. Suốt cuộc hành-quân này, ta đánh chìm 17 chiếc tàu sắt chở vũ-khí, đạn-dược, quân-dụng của CS Bắc-Việt đã xâm-nhập vào lãnh-hải và vùng tiếp-cận của ta. Nhiều chiếc

khác chưa vào vùng tiếp-cận của ta nhưng đã bị ta phát-giác nên bỏ ý-định xâm-nhập và quay trở về. Chiến-đỉnh và hải-thuyền của ta cũng phát-giác, đưng-độ và tiêu-diệt hàng trăm ghe thuyền của địch xâm-nhập sát duyên-hải.

- NPV: Qua các tài-liệu hướng-dẫn khi tuần-tiểu trên lãnh-hải VN, cũng như bây giờ đọc được các tài-liệu của Hà-Nội liên-hệ đến việc xâm-nhập của tàu bè từ Bắc vào Nam, *HQVN*, đã tỏ ra quá “hiền-lành”. Nhiều tàu bè của Hà-Nội trên đường xâm-nhập, bị các chiến-hạm *VNCH* theo dõi tại hải-phận quốc-tế, cũng như ở rất gần lãnh-hải *VNCH* (ngoài 12 hải-lý), các chiến-hạm ta cũng chỉ theo dõi, chụp ảnh mà không chặn đánh. Khi các tàu địch chạy về Bắc, chúng ta cũng không ngăn-chặn làm khó dễ gì. Như thế có một câu hỏi rất quan-trọng được đề ra:

(a) HQ chúng ta (hay nói một cách rộng hơn, quân-đội miền Nam) đã bỏ lỡ những cơ may hiếm có để triệt-hạ khả-năng của địch. Đó là một sai lầm lớn-lao trong quy-luật chiến-tranh. Tại sao?

(b) Bây giờ cuộc chiến-tranh súng đạn đã qua, mà sự thua thiệt về phía *VNCH*, Đô-Đốc có thấy rằng, nếu phải làm lại, chúng ta sẽ không hiền-lành như thế?

- TVC: *HQVNCH là một quân-chủng chính-quy, đặt căn-bản trên tinh-thần thượng võ, hoạt-động hợp với truyền-thống anh-hùng, đúng theo quy-luật quốc-gia và quốc-tế.*

Chiến-hạm của ta đã từng theo dõi tàu địch bằng radar rất xa trong hải-phận quốc-tế cho đến khi nó vào lãnh-hải VNCH, ta mới tiếp-cận, ra lệnh nhiều lần bằng cờ, bằng đèn, bằng ngôn-ngữ cho họ ngừng máy. Khi họ ngoan-cố không ngừng lại, ta mới bắn ba phát đạn chặn đầu để cảnh-cáo. Nếu họ không vâng lệnh ta mới bắn vào tàu. Khi tàu địch chìm ta vớt thủy-thủ-đoàn, lên tàu ta đối xử tử-tế, cấp-cứu, nuôi dưỡng no đủ và đưa về Sài-Gòn giao cho cơ-quan trách-nhiệm tù-binh. Phải chăng hành-động này là hành-động đức-độ “không giết địch chìm tàu” cũng như không giết người dưới ngựa của người dũng-sĩ đầy-đủ giáo-dục của một quân-chủng chính-thống (xem bài HQ 4 Đánh Chìm Tàu Địch). Ngoài ra, đến giờ phút chót, phải rút lui theo lệnh thượng-cấp, HQ chúng

ta không kinh-hoàng bỏ tàu đào-thoát mà còn tập-hợp hàng ngũ trong hải-phận quốc-gia sẵn-sàng chờ lệnh chiến-đấu, nhưng rồi vì không có lệnh, đành phải bỏ ra đi mà vẫn còn di-tản được hàng vạn quân cán chính bạn và thường dân. Chẳng những thế chúng ta còn trả lại chiến-hạm và vũ-khí lại cho người đã cho chúng ta mượn để chiến-đấu bảo-vệ quốc-gia. Sự thua thiệt của VNCH nào phải do quân-đội mà ai ai cũng công-nhận rằng nó đã bắt nguồn từ “siêu chính-trị”.

Tôi rất hãnh-diện được ở trong hàng ngũ các anh em và mong rằng HQ chúng ta vẫn mãi-mãi “không hiền-lành quá” cũng “không dữ-tợn quá” mà vẫn cư-xử như những bậc anh-hùng.

- NPV: Nếu nói rằng bảo-vệ không-phận là trách-nhiệm của Không-Quân; bảo-vệ lãnh-thổ là của Bộ-Binh; bảo-vệ lãnh-hải và sông ngòi là nhiệm-vụ của HQ, thì theo nhận-định của Đô-Đốc, HQ chúng ta có làm tròn được vai-trò của mình không?

- TVC: Nếu mình-định rằng bảo-vệ lãnh-hải, sông ngòi là nhiệm-vụ của HQVNCH, thì bảo-vệ có phải là làm cho ngoại-nhân không chiếm-cứ được hoặc không sử-dụng được lãnh-hải và sông ngòi của ta? Nếu đúng như vậy thì từ lúc thành-lập HQVNCH đến lúc tan hàng, địch chưa bao giờ chiếm-cứ được một tấc nước của ta - chưa bao giờ thành-lập được căn-cứ trong lãnh-hải hoặc sông rạch của ta - mà chỉ đi xuyên qua mà xâm-nhập vũ-khí, đạn-dược, quân-dụng vào chiến-khu của họ trên đất liền thuộc lãnh-thổ do Lục-Quân trách-nhiệm. Như vậy ta đã hoàn-thành nhiệm-vụ thứ nhất là chống chiếm-cứ, còn nhiệm-vụ thứ hai là chống xâm-nhập, ta chỉ thành-công theo tùy thời-kỳ: trước khi chiến-dịch Market Time hoạt-động, ta không đủ phương-tiện để kiểm-soát chặt-chẽ duyên-hải, nên địch xâm-nhập dễ-dàng. Nhưng sau khi HQVNCH và HQ Mỹ phối-hợp trong cuộc hành-quân Market Time và Game Warden, ta khép kín mạng lưới tuần-tiểu duyên-hải, đánh chìm cả chục chiếc tàu địch chở vũ-khí, quân-dụng, một số khác chưa kịp vào lưới đã phải quay mũi trở về. Địch xoay qua dùng thương-thuyền chở hàng qua cảng Sihanoukville, rồi bằng đường bộ đưa hàng đến biên-giới Việt-Miên-Lào để xâm-nhập

VNCH bằng ghe nhỏ trên các sông rạch. Nhưng khi ta mở các cuộc hành-quân ngăn-chặn, rải chiến-đỉnh thường xuyên tuần-tiểu kiểm-soát từ Hà-Tiên dọc theo rạch Giang-Thành, kinh Vĩnh-Tế đến Châu-Đốc, xuyên qua sông Hậu, sông Tiền, vào kinh Ông Lớn (xuyên Đồng-Tranh) rồi dọc theo sông Vàm-Cỏ Tây, Vàm-Cỏ Đông thì địch gặp rất nhiều trở-ngại. Khi Mỹ rút quân, Hải-Quân Mỹ trao cho HQVNCH nhiệm-vụ tiến-hành tất cả các cuộc hành-quân của chiến-dịch Sea Lords mà không giao tất cả phương-tiện cần-thiết của Sea Lords như là máy bay tuần-tiểu, thám-báo và chiến-đấu. Chẳng hạn, chỗ yếu của chiến-đỉnh là trong suốt giang-trình trong vùng địch, ta không nhìn thấy địch trước mà địch đã nghe tiếng máy của chiến-đỉnh từ xa và nhìn thấy ta rất dễ-dàng, cho nên địch thường phục-kích chờ ta đi ngang qua để nổ mìn và tấn-công. Chừng đó ta mới phản-công và địch bỏ chạy; ta không có bộ-binh để truy-kích và khai-thác chiến-quả. Thiếu những phương-tiện cần-thiết này, thử nghĩ làm sao Hải-Quân ta có thể thành-công một trăm phần trăm như Hải-Quân Mỹ được. Tuy nhiên chúng ta cũng đã hoàn-thành nhiệm-vụ yểm-trợ Lục-Quân hành-quân trong vùng sông rạch bằng cách an-toàn chở quân đến chiến-trường, đổ quân trong vùng hành-quân, yểm-trợ hỏa-lực, giữ một trục hành-quân để chặn đường rút lui của địch, v.v... Chiến-dịch Trần-Hung-Đạo của Hải-Quân ta thay thế chiến-dịch Sea Lords của Đô-Đốc Zumwalt, chẳng những bủa giăng dàn lưới sát-xao ngăn-chặn địch từ biển khơi mà còn sẵn địch tận sông cùng rạch hẻm, làm tròn mọi công-tác giao-phó.

- NPV: Suốt chiều dài của cuộc chiến, so với Không-Quân, nhất là so với các đơn-vị Bộ-Binh, Hải-Quân không có nhiều thiệt-hại, nhất là ít có những trận thư-hùng ác-liệt, nhưng không phải vì thế mà Hải-Quân kém phần đóng góp chung, không những trực-tiếp qua các công-tác phòng-vệ lãnh-hải, sông ngòi mà còn đóng những vai-trò hữu-hiệu trong lãnh-vực kinh-tế, xã-hội nữa. Đô-Đốc nhận-định như thế nào về ý-kiến này.

- TVC: CS miền Bắc đeo-đuổi mộng xâm-lăng đã từng thả sư-đoàn này, trung-đoàn nọ vào Nam tấn-công các đơn-vị của quân-đội ta nhưng



*Đề-Đốc Trần-văn-Chơn
Tư-Lệnh Hải-Quân*

chưa bao giờ dám cho Hải-Quân vượt qua vĩ-tuyến 17 để đối chọi với Hải-Quân ta vì Hải-Quân ta lớn mạnh hơn họ. Tuy nhiên không thể nói rằng HQVNCH lúc nào cũng hoạt-động trong vùng an-toàn mà ngược lại khi hoạt-động trong sông, HQ như một con voi mù xông-pha trong đồng hoang đầy sói lang nguy-hiểm như đã trình-bày trong câu hỏi trước. Mặc dù hoạt-động trong điều-kiện cực kỳ nguy-hiểm, lúc nào cũng phải phản-công tức-khắc sau khi bị phục-kích tấn-công, HQ ta vẫn hoàn-thành nhiệm-vụ chống xâm-nhập và yểm-trợ Lục-Quân hành-quân trong vùng sông rạch. Ngoài ra HQ ta còn giúp thương-chính trong công-tác kiểm-soát kinh-tế (chặn bắt tàu thuyền buôn lậu, chuyển ma-túy, khai-thác hải-sản v.v...) và làm công-tác xã-hội trong vùng sông rạch xa-xôi hẻo-lánh (chẩn bệnh,



cho thuốc, phát quà v.v...). Tuy nhiên khi các cơ-quan trách-nhiệm có đầy-đủ phương-tiện thì Hải-Quân ta cần phải từ-chối các công-tác này để chú-tâm vào nhiệm-vụ chính.

- NPV: Một cách cụ-thể, khi Quân cũng như Dân có những khó-khăn liên-hệ đến đường thủy, HQ đã có mặt một cách rất hữu-hiệu. Xin Đô-Đốc đơn cử những công-tác cụ-thể về vấn-đề này.

- TVC: Khi chính-phủ VNCH bị ép buộc phải ra lệnh cho quân-đội phải hạ vũ-khí, Hải-Quân ta vẫn kiên-cường ở trong những ổ sủng, chiến-hạm vẫn còn tuân-tiểu dọc duyên-hải và sẵn-sàng chiến-đấu khi có lệnh phản-công. Hải-Quân không đầu hàng, không buông súng. Tư-Lệnh Hải-Quân vẫn ở vị-trí chỉ-huy trên soái-hạm trường cờ VNCH. Súng đã lên cò, sẵn-sàng chiến-đấu nếu địch tấn-công dù bằng Không-Quân hay bằng Hải-Quân.

Nhưng Không-Quân và Hải-Quân địch chưa bao giờ dám đương đầu với Hải-Quân ta, luôn cả khi bộ-đội của họ đã vào chiếm-cứ Sài-Gòn.

Vì không có quyền đơn-độc hành-động khi chưa có lệnh của thượng-cấp nên Hải-Quân ta phải rút quân. Nhưng mặc dầu phải rút quân, Hải-Quân ta còn hoàn-thành một công-tác cực kỳ quan-trọng là di-tản hàng vạn quân dân cán-chính ra khỏi bàn tay địch quân và đưa họ đến nơi an-toàn. Năm 1970, Hải-Quân ta cũng đã một lần hành-quân vượt biên, ngược dòng sông Cửu-

Long, vào tận thủ-đô Kampuchia để di-tản gần 100000 đồng-bào bị CS Khmer đàn áp.

- NPV: Một điều rất kỳ-diệu, ngay cả khi cuộc chiến kết-thúc, trên thực-tế các cựu quân-nhân Hải-Quân, trong nước cũng như tại hải ngoại đã tỏ ra rất hữu-hiệu trong việc tiếp tay cho đồng-bào trên đường đi tìm tự-do bằng đường biển. Đô-Đốc có biết về vấn-

đề này không, và Đô-Đốc nghĩ sao?

- Đề-Đốc Trần-văn-Chơn: Sau khi tan hàng, những người lính Hải-Quân VNCH còn ở lại trong nước chịu nhiều gian-khổ dưới chế-độ CS, nhưng khi có cơ-hội chụp lấy để thoát thân đồng thời giúp đồng-bào vượt biển tìm tự-do ở nước ngoài; còn những người lính Hải-Quân ra khỏi nước cũng tìm cách hoạt-động ngoài khơi để cứu vớt những đồng-bào đã thoát ra khỏi lãnh-hải. Chuyện thứ nhất tôi nghe HQ Đại-Úy Trần-minh-Chánh thuật lại những chuyến đi của anh em Hải-Quân làm thuyền-trưởng lái ghe vượt biên đưa đồng-bào trốn thoát ra nước ngoài. Còn chuyện thứ hai, anh nên hỏi HQ Thiếu-Tá Phan-lạc-Tiếp. Nghe nói anh ấy có tổ-chức một hội vớt người ngoài khơi và đã cứu hàng ngàn người vượt biên tìm tự-do.



HẢI-QUÂN VIỆT-NAM TRONG GIAI-ĐOẠN VIỆT-HÓA CHIẾN-TRANH

& TÌNH BẰNG-HỮU

Đề-Đốc Trần-văn-Chơn trả lời
Người Phóng-Viên ghi-nhận

Người Phóng-Viên (NPV): Kính thưa Đề-Đốc, khi Đề-Đốc trở lại giữ vai-trò Tư-Lệnh Hải-Quân lần thứ hai, quân-số của Hải-Quân chưa tới 10.000 người, Hải-Lực và Giang-Lực còn rất nhỏ bé. Khi cuộc chiến chấm dứt, Đề-Đốc vừa rời chức-vụ khoảng nửa năm, quân-số của Hải-Quân có trên 40.000 người, tổng-số các chiến-hạm, chiến-đỉnh trên 1.600 chiếc, với hệ-thống tiếp-vận và sửa chữa khắp nơi thuộc bốn Vùng Chiến-Thuật. Đó là sự bành-trướng vượt ra ngoài dự tưởng của bất cứ ai trong một thời-gian kỷ-lục. Để thực-hiện công-tác chuyển giao này, về phía Hoa-Kỳ, chương-trình này được gọi là ACTOV, người phụ-trách là Đề-Đốc Zumwalt. Về phía Việt-Nam, người tiếp-nhận là Đề-Đốc. Xin Đề-Đốc nói rõ về mục-đích, các giai-đoạn chuyển giao và kết-quả cụ-thể của chương-trình này.

Trần-văn-Chơn (TVC): *Chúng ta đều biết ACTOV là từ cấu-tạo bằng chữ đầu của “Accelerated Turn Over to Vietnam”, nghĩa là chuyển giao gấp cho Việt-Nam. Đề-Đốc Zumwalt dùng danh-từ này để đặt tên cho chương-trình chuyển giao gấp trách-nhiệm điều-hành chiến-dịch Sealords (South East Asia Lake, Ocean, River, Delta Strategy) của Lực-Lượng Hải-Quân Hoa-Kỳ tại Việt-Nam (U.S. Naval Forces in Vietnam, US/NAVFORV). Chương-trình này là một thành-phần của chương-trình Việt-Nam-hóa chiến-tranh mà Mỹ gọi tắt là “Vietnamization” do Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Melvin Laird đề-nghị và Tổng-Thống Johnson chấp-thuận để rút quân ra khỏi chiến-trường Việt-Nam trong danh-dự. Mục-đích của Đề-Đốc Zumwalt là rút hết Hải-Quân Mỹ về nước càng sớm càng tốt mà không phương-hại đến sự chiến-đấu anh-dũng của Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa (HQVNCH). Còn mục-đích của tôi là*

xây-dựng một Hải-Quân Việt-Nam càng mạnh càng hay, đủ khả-năng chiến-đấu để hoàn-thành nhiệm-vụ mà chính-phủ và quân-đội giao-phó. Mặc dù mục-đích của chúng tôi khác nhau, nhưng nhiệm-vụ của chúng tôi là xây-dựng một lực-lượng Hải-Quân đủ sức chặn đứng các cuộc xâm-nhập của Cộng-Sản bằng đường biển và đường sông, đồng thời yểm-trợ Lục-Quân trong các vùng nhiều sông rạch, rồi chuyển giao cho Hải-Quân VNCH để Hải-Quân Mỹ về nước, và Hải-Quân VNCH tiếp-tục hoàn-thành chiến-dịch. US/NAVFORV và HQ/VNCH đã phối-hợp chặt-chẽ trong việc thiết-kế và thực-hiện kế-hoạch một cách hài-hòa, thông-cảm, từ tham-mưu, huấn-luyện, tiếp-vận, hành-quân đến chuyển giao đơn-vị, lực-lượng. Sĩ-quan, hạ-sĩ-quan và đoàn-viên được huấn-luyện trong trường quân-sự trong nước và tại Hoa-Kỳ và thực-tập trong các đơn-vị trên chiến-hạm và chiến-đỉnh Mỹ. Sự chuyển giao không ô-ạt háp-táp cùng một lúc, mà phải xuyên qua các giai-đoạn tổ-chức, tuyển-mộ, huấn-luyện, thực-tập, hành-quân và trắc-nghiệm. Trắc-nghiệm xong mới chuyển giao. Có khi chuyển giao đơn-vị rồi mới chuyển giao lực-lượng. Có khi nhân-viên thực-tập xong thì nhận luôn chức-vụ trên chiến-hạm, chiến-đỉnh Mỹ; có khi thay thế chỉ-huy-phó một thời-gian ngắn rồi lãnh luôn chức-vụ chỉ-huy-trưởng. (Nhân-viên Mỹ nào được thay thế có thể chuẩn-bị về nước). Tôi không nhớ ngày chuyển giao, tuy-nhiên đại-khái có thể nói rằng các đại đơn-vị được chuyển giao theo năm tháng sau đây:

- Tháng 6 năm 1969: chuyển giao Lực-Lượng Thủy-Bộ (Task Force 117).
- Tháng 10 năm 1969: chuyển giao Lực-Lượng Tuần-Thám (Task Force 116).
- Tháng 9 năm 1970: chuyển giao Lực-Lượng Duyên-Phòng (Task Force 115)
- Suốt năm 1971: chuyển giao các chiến-hạm WHEC (Cost Guard High Edurance Cutter) theo kế-hoạch SCATTOR (Small Craft Assets, Training and Turn Over of Resources): WHEC 380, 385, 384, v.v..

Ngoài những đơn-vị chiến-đấu, Hải-Quân Mỹ còn chuyển dần hệ-thống tiếp-vận gồm những căn-cứ tiền-doanh yểm-trợ tiếp-vận theo kế-hoạch

ACTOVLOG, cho đến tháng 4 năm 1972 mới xong. Qua tháng 8 năm 1972, Hải-Quân Mỹ mới hoàn-tất chuyển giao hệ-thống kiểm-báo gồm 16 đài radar trải dọc theo duyên-hải, trong đó có một đài lưu-động.

NPV: Như Đô-Đốc Chung-tấn-Cang có nói: “Căn-bản của Hải-Quân là tinh-thần đồng-đội...”, tuy-nhiên việc thi-hành chương-trình này, ai, phòng sở nào đã tỏ ra hữu-hiệu nhất, có công nhất?

TVC: Đô-Đốc Cang nói đúng lắm. Tinh-thần đồng-đội là căn-bản để kiến-thiết quân-chủng Hải-Quân, chẳng những thực-hiện chương-trình này, mà bất cứ thực-hiện chương-trình nào trong Hải-Quân cũng phải có tinh-thần đồng-đội. Phòng sở nào, đơn-vị nào cũng có công trong việc thực-hiện chương-trình này. Người lớn làm việc lớn, người nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo nhiệm-vụ mà thi-hành, khó phân-biệt đâu là nhất, đâu là nhì, đâu là ba...Thí-dụ sĩ-quan tham-mưu cũng phải uyển-chuyển từ-tổn tranh-luận với sĩ-quan cố-vấn, giải-thích cho họ hiểu tình-trạng của nhân-viên Hải-Quân mình, để công-việc tuyển-mộ, huấn-luyện, thực-tập, chuyển giao được hài-hòa, tốt đẹp. Thậm chí người thủy-thủ mới tuyển-mộ theo học lớp chiến-đỉnh tuần-thám (PBR), phải học bằng tiếng Anh các vật dụng trên tàu vẽ trên bảng, rồi thực-tập trên chiến-đỉnh của Mỹ, cũng gặp nhiều khó-khăn trong sinh-hoạt hàng ngày với người Mỹ khác văn-hóa, khác ngôn-ngữ. Thế mà họ cũng cố-gắng vượt qua mọi trở-ngại để hoàn-thành công-tác.

NPV: Chúng tôi biết rằng, để đáp-ứng nhu-cầu quân-số lúc ấy, nhiều sĩ-quan được lấy từ bên Bộ-Binh qua, rồi gửi đi học ở Mỹ mà sau này chúng ta thường gọi là sĩ-quan OCS. Thưa Đô-Đốc, Đô-Đốc có nhận-định gì về khả-năng của các vị sĩ-quan này?

TVC: Hải-Quân chúng ta cần tăng quân-số hơn gấp năm lần (từ 8.000 lên 42.000) để tiếp-nhận những lực-lượng Hải-Quân Mỹ tại Việt-Nam. Nhu-cầu huấn-luyện cần thỏa-mãn bằng mọi cách. Trường Sĩ-quan Trừ-Bị Hải-Quân Hoa-Kỳ

(Officier Candidate School – OCS) chấp-nhận huấn-luyện 700 sinh-viên sĩ-quan Việt-Nam, chia ra làm nhiều khóa. Không nhất thiết là sĩ-quan Bộ-Binh mới được học khóa này. Điều kiện cần-thiết là phải qua kỳ thi khả-năng Anh ngữ. Phần đông là những khóa-sinh tuyển-mộ để học khóa sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang, đã học xong lớp căn-bản quân-sự và thi đậu lớp Anh Văn. Sĩ-quan tốt-nghiệp trường sĩ-quan Thủ-Đức có khả-năng Anh ngữ cũng được tuyển vào khóa này. Các sinh-viên sĩ-quan OCS Việt-Nam ăn ở chung trường với các sinh-viên sĩ-quan OCS Mỹ. Chương-trình giáo-khoa tương-tợ nhau, nhưng rút ngắn, bỏ bớt những môn không cần-thiết đối với Hải-Quân Việt-Nam. Thời-gian của khóa học này ngắn hơn khóa học sĩ-quan Nha-Trang, nên khả-năng chuyên-nghiệp có thể thấp hơn, nhưng nhờ giỏi Anh văn nên có thể hấp-thụ kỹ-thuật, khoa-học Hoa-Kỳ dễ-dàng, nhanh chóng hơn. Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân nhận thấy có sự mặc-cảm giữa những sĩ-quan Hải-Quân xuất thân từ nhiều trường sĩ-quan khác nhau như Nha-Trang, Đà-Lạt, Thủ-Đức, Pháp, Mỹ và các hạ-sĩ-quan có trình-độ văn-hóa cao, nên có tổ-chức các khóa đặc-biệt để bổ-sung khả-năng cần-thiết đúng theo tiêu-chuẩn sĩ-quan Hải-Quân quốc-tế. Khi mọi sĩ-quan có trình-độ ngang nhau thì không còn mặc-cảm nữa.

NPV: Trên thực-tế, như mọi người đều biết, chính lớp sĩ-quan OCS này tới Mỹ là lớp người có tỷ-lệ thành-đạt cao nhất trong việc hội-nhập và tiến thân. Đô-Đốc có nhận-định gì về hiện-tượng này?

TVC: Sĩ-quan OCS đã học trường Mỹ, có bạn-bè Mỹ, đã sống trong xã-hội Mỹ, quen thuộc tập-quán Mỹ nên dễ hội-nhập vào xã-hội Mỹ. Khi di-cư qua nước Mỹ, các sĩ-quan này còn trẻ tuổi, giỏi Anh văn, khả-năng thu nhập còn “sốt-đỏ”, nhập vào trường đại-học dễ-dàng, nên tiến thân và thành-đạt là điều tất-nhiên. Ông J. J. Kimselle trước kia làm việc trong văn-phòng của tôi, đã lên cấp Đại-Tá mấy năm nay, cũng theo học trường OCS ở New Port đồng thời với Trung-Úy Phan-kế-Toại. Ông tự coi mình như đồng môn với các sĩ-quan OCS. Ông có nhiều cảm-tình và rất khen

ngợi các sĩ-quan này.

NPV: Sau khi hoàn-tất chương-trình ACTOV, Đô-Đốc Zumwalt chẳng những đã được thăng cấp, mà còn được chọn giữ chức-vụ Tư-Lệnh Hải-Quân Hoa-Kỳ, qua mặt trên 30 vị sĩ-quan cấp tướng có thâm-niên hơn Đô-Đốc Zumwalt của Hải-Quân Hoa-Kỳ. Từ đó ai cũng biết rằng chính chương-trình ACTOV, Mỹ trao vũ-khí cho người Việt, hay vắn tắt là Việt hóa chiến-tranh là một sách-lược rất quan-trọng của Hoa-Kỳ. Vì thế công-lao của Đô-Đốc Zumwalt được coi là rất quan-trọng. Song thành-quả đó, chúng tôi nghĩ rằng cũng chính là công-lao của Đô-Đốc, ít nhất là 50%. Đô-Đốc nghĩ sao về nhận-định này?

TVC: Đọc sách của Đô-Đốc Zumwalt (*My Father and my Son*), và của nhiều tác-giả khác về chiến-tranh và hoạt-dộng của Hải-Quân Hoa-Kỳ tại Việt-Nam, rất nhiều người công-nhận rằng Đô-Đốc Zumwalt là một trong số Đô-Đốc tài-ba tuyệt-diệu của Hải-Quân Hoa-Kỳ. Sau khi ông từ-giã cõi đời, Hải-Quân Hoa-Kỳ đã vinh-danh ông bằng cách lấy tên của ông để đặt tên cho một khu-trục-hạm tân-tiến.

Năm vừng được sách-lược của chính-phủ từ khi ông còn phục-vụ trong Bộ Hải-Quân Hoa-Kỳ, nên khi qua nhậm chức tại Việt-Nam, ông áp-dụng những điều ông nghiên-cứu từ lâu và được ông Bộ-Trưởng Hải-Quân tận-tình ủng-hộ, thì sự thành-công kể như đã nắm chắc trong tay.

Cùng làm một công-việc mà quan-niệm của Đô-Đốc Zumwalt là phục-vụ Hoa-Kỳ, còn tôi là phục-vụ cho Việt-Nam Cộng-Hòa. Cả hai chúng tôi đều hoàn-thành nhiệm-vụ, kể giao, người nhận. Xét về công-lao, có thể nói rằng Đô-Đốc Zumwalt có công lớn với Hoa-Kỳ, vì đã hoàn-thành mỹ-mãn việc rút quân; còn hoàn-thành việc xây-dựng Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa nào phải công của riêng tôi đâu, mà phải công-nhận đó là công-lao của mọi thành-phần của Hải-Quân mình, từ người thủy-thủ, đến các hạ-sĩ-quan và các cấp sĩ-quan tham-mưu cũng như ngoài chiến-trường. Nếu không có sự đoàn-kết chặt-chẽ, nếu mọi người chúng ta không dốc toàn tâm, toàn lực thì làm gì tạo được một Hải-Quân mà các Đồng-Minh của

chúng ta thường khen ngợi và đặc-biệt dịch quân phải tránh né không dám đương đầu.

NPV: Khi Đô-Đốc bị kẹt lại tại Việt-Nam dưới sự kiểm-soát của Cộng-Sản, họ có nhắc đến công-tác này của Đô-Đốc không?

TVC: *Trong thời-gian bị giam cầm trong các trại lao-động cưỡng-bách, trong Nam cũng như ngoài Bắc, họ hỏi tôi rất nhiều về tổ-chức mà chưa hề động tới hành-quân, đứng trận. Tôi nghĩ rằng có lẽ họ không muốn nhắc đến sự thua kém của họ về phương-diện Hải-Quân.*

NPV: Ngoài tư-cách là hai vị tướng của hai lực-lượng, chúng tôi biết rằng giữa Đô-Đốc và Đô-Đốc Zumwalt còn có những mối thâm-tình giữa hai gia-đình. Từ mối thâm-tình này, theo chúng tôi biết đã tạo nên nhiều kết-quả đẹp-đẽ có ích-lợi chung. Xin Đô-Đốc nhắc lại một số kỷ-niệm, cũng như những công-tác liên-hệ.



Đô-Đốc Elmo Russell Zumwalt, Jr.

TVC: *Khi đi thăm viếng các đơn-vị của Hải-Quân Việt-Nam, tôi cũng như Đô-Đốc Zumwalt đều nhận thấy cuộc sống của mọi giới quân-nhân Hải-Quân mình mỗi ngày mỗi thêm khó-khăn. Đồng tiền mỗi lúc mỗi mất giá. Quân-số thì tăng mà nhà của, cư-xá thì không có. Nhìn những bữa ăn của thủy-thủ-đoàn cũng như nhìn vào cuộc sống của gia-đình họ, càng lúc càng trở nên bi-thảm, túng thiếu. Từ đó giữa tôi và Đô-Đốc Zumwalt mới thành-lập một số chương-trình trợ giúp cụ-thể. Chương-trình này được đặt tên là Zum-Chon, là tên của hai chúng tôi. Đô-Đốc Zumwalt đã vận-động với các cơ-quan từ-thiện Mỹ để gia-đình quân-nhân Hải-Quân VNCH có được một căn nhà nhỏ, được phát những quần áo cũ, tổ-chức các trung-tâm chăn nuôi heo, gà, cung-cấp các phương-tiện bắt cá cho các đơn-vị ở trong sông cũng như cho các chiến-hạm hầu cải-thiện các bữa ăn trong gia-đình quân-nhân Hải-Quân. Đại-Tá Rauch được chỉ-định điều-hành chương-trình. Phía Việt-Nam là Phòng Tâm-Lý-Chiến phụ-trách. Bà Zumwalt đã bỏ ra rất nhiều công sức hỗ-trợ cho Đô-Đốc Zumwalt trong công-tác này. Tôi cũng cần nói rõ rằng ngân-khoản dùng cho chương-trình này không nằm trong tài-khoá của Hải-Quân, mà do sự quyên góp từ các cơ-quan từ-thiện. Từ chương-trình Zum-Chon, có những chương-trình phụ như Helping Hand là chương-trình xây cất khu gia-bình cho Hải-Quân VNCH. Chương-trình "Pigs anh Chickens". Tôi còn nhớ hai con heo nái đem từ Phi-Luật-Tân qua, chúng tôi đặt tên là Zumwalt và Chon. Chương-trình Sisters Ships nhằm kết-giao giữa các chiến-hạm của Mỹ và chiến-hạm Việt-Nam. Chương-trình Buddy Bases kết-giao giữa các căn-cứ Mỹ và Việt-Nam. Các chương-trình này đều nhằm mục-đích tạo phúc-lợi cho đời sống của gia-đình nhân-viên Hải-Quân được no ấm hơn.*

Đoàn Ong Biển (Sea Bees) của Hải-Quân Mỹ đã xây cất 4500 căn nhà tại trại Cửu-Long, Sài-Gòn, cũng như ở Đà-Nẵng, Phú-Quốc... và đã phân-phối cho các gia-đình Hải-Quân.

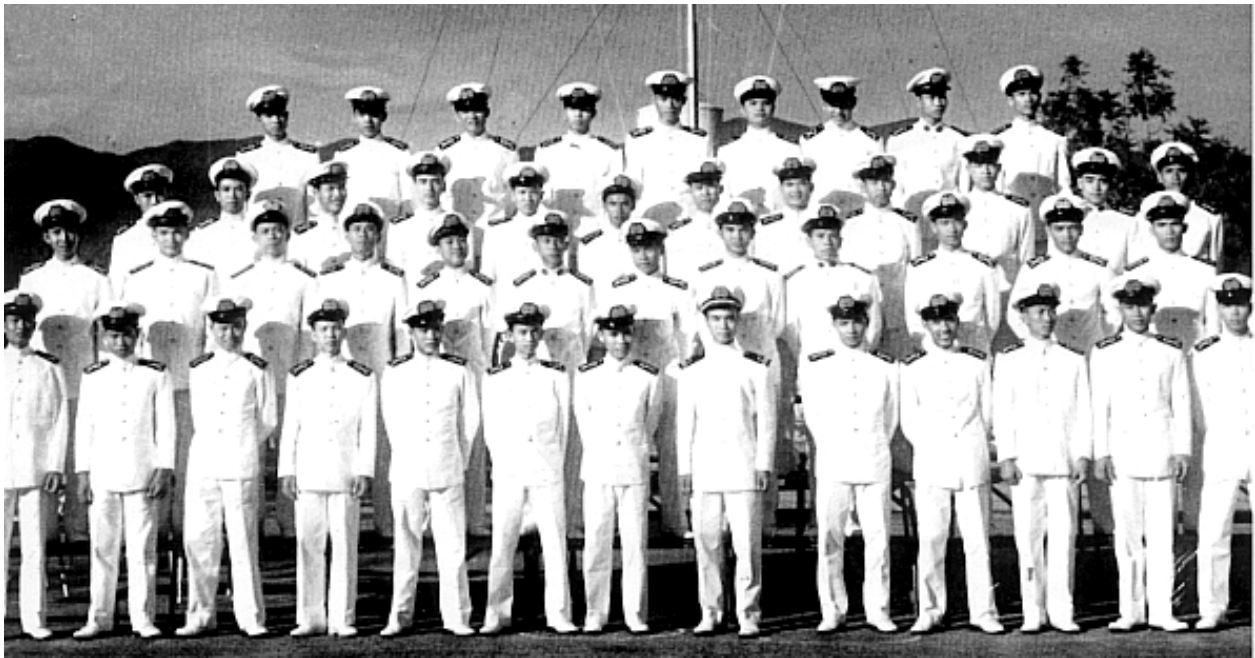
Riêng giữa gia-đình tôi và gia-đình Đô-Đốc Zumwalt có sự giao-hảo rất thân tình. Tình bằng-hữu của chúng tôi rất sâu đậm và đến ngày nay

vẫn còn tồn-tại. Chấm dứt nhiệm-vụ tại Việt-Nam trở về nước làm Tư-Lệnh Hải-Quân, ông vẫn tiếp-tục giúp-đỡ Hải-Quân Việt-Nam và hàng năm đều mời tôi qua Mỹ thăm ông. Trước ngày Cộng-Sản xâm-chiếm Sài-Gòn, mặc dù ông đã giải-ngũ, nhưng ông có nhờ cơ-quan DAO giúp phương-tiện cho gia-đình tôi di-tản. DAO có liên-lạc với tôi và sẵn-sàng giúp-đỡ, nhưng vì đau lòng trước cảnh kẻ ở người đi trong hoàn-cảnh cực kỳ nguy-hiểm, tôi đành ở lại với đại gia-đình cha mẹ, anh chị em của tôi và của nhà tôi. Các con tôi lúc vượt biên tạm-trú tại trung-tâm tị-nạn cũng được ông giúp-đỡ, can-thiệp nhập cư vào Hoa-Kỳ. Khi tôi di-cư qua Mỹ, ông có đến thăm gia-đình tôi và mời vợ chồng tôi qua Virginia ở chơi tại nhà ông một tuần-lễ. Cậu James, con trai ông cũng có đến nhà tôi chơi vài ngày. Chúng tôi thường liên-lạc với nhau bằng điện-thoại và thư từ. Chúng tôi cùng một tuổi, nhưng tôi sinh ra trước ông 2 tháng 3 ngày. Khi đọc báo thấy tin ông vào bệnh-viện để giải-phẫu, tôi có viết thiệp chúc ông mau phục-hồi, thì qua ngày sau tôi cũng vào nhà thương chữa bệnh. Ba ngày trước khi ông qua đời, tôi nằm mộng thấy ông cùng đi với tôi trên một chiến-hạm, rồi ông từ-giã tôi. Không ngờ đây là lần từ-giã cuối cùng

để ông vĩnh-viễn ra đi!...

Đô-Đốc Trần-văn-Chơn nói xong câu trên, ông nhẹ-nhàng khép mắt như muốn tìm giữ một cơn xúc-động vừa ủa đến với tất cả những kỷ-niệm vui buồn suốt một cuộc đời dài rộng trên sông nước quê nhà, lẫn những ngày buồn cay-đắng lao tù trong tay địch. Tôi, NPV và anh Lê-công-Mùng lặng-lẽ ngồi im. Chúng tôi nghe rất rõ tiếng lá rơi chao-chát ở trước nhà. Chiều đã xuống. Chúng tôi xin phép ra về. Đô-Đốc Chơn trong bộ quần áo xanh có hai túi rộng, xắn cao tay áo, bộ quần áo làm việc của sĩ-quan Hải-Quân ngày cũ, đứng lên tiễn chúng tôi ra tận cửa. Mắt tôi chạm vào hai bức chân-dung của hai vị Đô-Đốc, một Việt, một Mỹ, với quân-phục và những ngôi sao trên vai áo một thời lừng-lẫy, gắn ở trên tường. Như một thói quen, cả hai chúng tôi đều cất tay chào nghiêm-túc. Ra xe, tôi nhìn lại, vẫn thấy Đô-Đốc Chơn đứng trước hiên nhà. Trời đã như sắp tối. Ở ông tôi chỉ còn thấy mái tóc dài phủ vai trắng xóa, bay phơ-phất như một vị đạo-sĩ trong truyện cổ Trung-Hoa, có đày mà như chẳng luyến-tiếc chi ở cõi đời này.





Khóa 10 Sinh-Viên Sĩ-Quan Hải-Quân Nha-Trang
Hàng thứ ba, số 5 từ phải qua trái là Cố HQ Trung-Úy Lê-văn-Bình
phục-vụ GD26XP, tử trận tại Cà-Mau năm 1965
khi chiếc LCM6 chở Pháo-Binh đi hành-quân bị trúng mìn.
Trợ-chiến-hạm HQ 227 mang tên Lê-văn-Bình cũng bị chìm vì mìn Việt-Cộng tại Mỹ-Tho năm 1966.
Số 3 từ phải qua trái là Cố HQ Trung-Úy Nguyễn-ngọc-Khai
Sĩ-Quan Đệ Tam trên Trục-lôi-hạm HQ 115 do HQ Đại-Úy Lưu-đình-Phú làm Hạm-Trưởng
mất tích trên biển trong chuyến công-tác tuần-dương ngoài khơi Cà-Mau

Một cuộc săn đánh tàu địch trên biển
của Hải-Quân Việt-Nam

HQ 4 ĐÁNH CHÌM TÀU ĐỊCH

Phan-lạc-Tiếp

KẾ-HOẠCH XÂM-NHẬP BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA HÀ-NỘI

Cuộc xâm-nhập bằng đường biển của Cộng-Sản Hà-Nội được chính-thức khởi đầu vào ngày 30 Tết năm 1960, cho đến ngày 24 tháng 4 năm 1972 được coi là chấm dứt, bởi con tàu số 645 của Cộng-Sản Hà-Nội bị theo dõi và bị đánh chìm rất ngoạn-mục tại vùng biển Phú-Quốc. Khu-trục-hạm Trần-khánh-Dư, HQ 4 của Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa đã lập được chiến-công này. Trước khi đi sâu vào cuộc săn đánh tàu Cộng-Sản Bắc-Việt, cần có một cái nhìn khái-quát về kế-hoạch xâm-nhập của Hà-Nội vào bờ biển Miền Nam.

Suốt 12 năm dài, từ 1960 đến 1972, lực-lượng xâm-nhập đường biển của Hà-Nội được tổ-chức theo quy-chế bộ-binh. Từ năm 1960 đến 1964, lực-lượng này còn nhỏ, được gọi là Đoàn 604. Lúc

đầu là các thuyền gỗ nhỏ, trọng-tải trên dưới 10 tấn, sau là các tàu sắt lớn hơn, trọng-tải trên dưới 40 tấn. Các ghe loại này ngoài việc trang-bị một số vũ-khí để tự-vệ khi thật cần-thiết, tất cả còn được trang-bị các dụng-cụ đánh cá như lưới, cào, vừa để ngụy trang, vừa để đánh cá và sản-xuất nước mắm.

Bắt đầu từ tháng 12 năm 1964, xã-hội miền Nam có nhiều xáo trộn, cuộc chiến mỗi lúc mỗi thêm ác-liệt, nhu-cầu tiếp-viện chiến-trường miền Nam của quân-đội Bắc-Việt (dưới chiêu-bài Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam), mỗi lúc mỗi thêm to lớn, Hà-Nội thành-lập Đoàn 125, và được cung-cấp thêm nhiều tàu sắt có khả-năng đi biển lâu ngày, trọng-tải cũng to lớn hơn, trên dưới 100 tấn.

Suốt 12 năm đó, ở khoảng giữa một biển-cố bột-phát đã làm thay đổi tới cách xâm-nhập của Hà-Nội, đồng thời cũng là thời điểm mà Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa và Hoa-Kỳ thay đổi kế-hoạch phòng-thủ bờ biển Việt-Nam. Biển-cố ấy là tàu số 143 của Cộng-Sản Hà-Nội bị phát-giác và đánh chìm tại Vũng-Rô ngày 16 tháng 2 năm 1965. Theo

tài-liệu tịch-thu được trên con tàu này, thì đây là chuyến thứ 23 của con tàu này xâm-nhập bờ biển miền Nam. Hàng ngàn vũ-khí và rất nhiều đạn-dược của Cộng-Sản Bắc-Việt đã bị tịch-thu.

KẾ-HOẠCH PHONG-TỎA, BẢO-VỆ BỜ BIỂN VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Khởi đi từ biển-cổ đó, Hải-Quân Việt Mỹ đã có một kế-hoạch tỉ-mỉ và hùng-hậu bảo-vệ bờ biển Việt-Nam. Ngày 24 tháng 3 năm 1965, (hơn một tháng sau biển-cổ Vũng-Rô), kế-hoạch *Market Time* đã được mở đầu. Kể từ lúc này, ngoài các ghe của các duyên-đoàn, đóng tại cửa sông huyết-mạch, kiểm-soát và theo dõi các ghe tại sát các vùng nước nông, còn có các Hải-Đội Duyên-Phòng, được trang-bị bằng các loại tàu nhỏ, có vận-tốc cao, hỏa-lực mạnh để chặn xét các ghe thuyền trong vùng lãnh-hải Việt-Nam Cộng-Hòa. Bên ngoài lãnh-hải, 12 hải-lý kể từ bờ lúc nước thấp nhất, còn có các chiến-hạm loại lớn, tuần-dương, để theo dõi và phát-giác các ghe tàu khả-nghi từ hải-phận quốc-tế. Xa hơn nữa, bao gồm cả vùng biển Đông từ bờ biển Phi-Luật-Tân phía Đông, vùng vịnh Bắc-Việt cho mãi tận đến phía Nam là vùng lãnh-hải của Mã-Lai, Singapore, Thái-Lan ..., đều được sự kiểm-soát của Đệ Thất Hạm-Đội của Hoa-Kỳ. Ngoài các đơn-vị cơ động nói trên, dọc theo bờ biển của Việt-Nam Cộng-Hòa còn có 16 đài kiểm-báo, với các radar cực mạnh, bán-kính kiểm-soát của radar của các đài này đan kín nhau để hỗ-trợ cho việc kiểm-soát bờ biển. Trên không-phận, còn có các loại máy bay Không-Tuần để mau chóng theo dõi và phát-giác các điểm di-động khả-nghi. Như thế, để chống lại sự xâm-nhập các tàu bè Cộng-Sản Bắc-Việt, bờ biển Việt-Nam Cộng-Hòa đã được bao kín. Chính tài-liệu của Hà-Nội đã phải xác-nhận: “*địch điên-cuồng ngăn-chặn phong-tỏa hoạt-động của Đoàn 125*”. Sau vụ Vũng-Rô, lần-lượt có thêm 13 vụ khác mà các tàu bè của Cộng-Sản Bắc-Việt đã bị phát-giác, săn đuổi và đánh chìm như:

- Cửa Tiểu ngày 8 tháng 1 năm 1966

- Cửa Bồ-Đề ngày 10 tháng 5 năm 1966
- Ba-Động ngày 20 tháng 6 năm 1966
- Bồ-Đề lần thứ hai ngày 1 tháng 1 năm 1967
- Mũi Ba-Làng-An (Batangan) ngày 14 tháng 3 năm 1967
- Sa-Kỳ ngày 15 tháng 7 năm 1967
- Đức-Phổ ngày 1 tháng 3 năm 1967
- Hòn Hèo gần Nha-Trang ngày 1 tháng 3 năm 1968
- Cửa Việt ngày 1 tháng 3 năm 1968
- Bồ-Đề lần thứ ba ngày 1 tháng 3 năm 1968
- Cửa Cung-Hầu ngày 22 tháng 11 năm 1970
- Gành-Hào ngày 12 tháng 4 năm 1971
- Và vụ cuối cùng là ngày 24 tháng 4 năm 1972, HQ 4 đánh chìm tàu địch, tại vùng biển Phú-Quốc.

Như thế, trong thời-gian từ 1965 đến 1972, Hải-Quân Việt Mỹ hợp-tác hoạt-động với nhau rất chặt-chẽ. Các chiến-hạm, chiến-cụ mới, các cơ-phận thay thế dồi-dào, các cơ-sở tiếp-vận và sửa chữa ở dọc theo các vùng duyên-hải, cũng như các cơ-xưởng-hạm neo tại các con sông lớn, lúc nào cũng sẵn-sàng cung-cấp các cơ-phận thay thế và sửa chữa. Năng-suất hoạt-động thật là cao. Nhiều ghe tàu của Cộng-Sản Hà-Nội xâm-nhập, gần tới bờ biển Việt-Nam Cộng-Hòa đành phải quay trở lại, vì gặp các tàu bè miền Nam theo dõi, săn đuổi. Trong cuốn lịch-sử “*Hải-Quân Nhân-Dân - Dục-Thảo và Tóm-Tắt*”, trang 139 - 194, của Hà-Nội, đã phải viết “*Mười một chuyến vận-chuyển nhưng chỉ một chuyến thành-công, đưa được 60 tấn vũ-khí vào mặt-trận, còn 10 chuyến gặp địch bao vây, phong-tỏa, phải quay về*”.

Qua lời ghi-nhận của Cộng-Sản Hà-Nội nói trên, ai cũng thấy là Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa, cũng như Hoa-Kỳ, luôn-luôn tôn-trọng luật hàng-hải quốc-tế. Nếu các tàu khả-nghi chưa xâm-nhập lãnh-hải của mình, thì con tàu ấy chỉ bị theo dõi, mà không bị lục-soát, tấn-công. Vì thế, chúng mới quay về được khi không lọt được vào lãnh-hải Việt-Nam. Nhưng cuộc chiến mỗi lúc mỗi thêm ác-liệt. Hà-Nội đã dùng đủ mảnh-khỏe gian-manh, lừa-bịp trên mọi lãnh-vực để đưa người và vũ-khí vào xâm-lăng miền Nam. Quân-tử mãi, tôn-trọng

luật-lệ mà chỉ lấy phần thua thiệt. HQ 4 đánh tàu địch ngày 24 tháng 4 năm 1972 đã chính-thức chấm dứt cuộc xâm-lăng bằng đường biển vào Nam theo lối bình-thường.

HÀ-NỘI THAY ĐỔI LỘ-TRÌNH XÂM-NHẬP

Không thể xâm-nhập bằng các ghe nhỏ vào bờ biển phía Đông được nữa, Hà-Nội mở một con đường mới. Chúng đóng loại tàu sắt to lớn, có khả năng đi xa, đi lâu trên đại-dương. Để mở đường “ngày 24 tháng 8 năm 1969, con tàu số 42 rời cửa biển Hải-Phòng. Trên chặng hải-trình tàu đã qua vùng quần-đảo Hoàng-Sa, sau xuyên thẳng xuống vùng biển Đông-Nam-Á, vào vùng Tây-Nam, rồi quay về căn-cứ xuất-phát vào ngày 9 tháng 9 năm 1969. Trong chuyến đi 22 ngày này, vượt qua chặng đường dài gần 4000 hải-lý, chịu đựng đói khát, thiếu-thốn và sóng gió trên biển cả, tàu 42 đã tìm được và mở ra một con đường chuyển-vận mới trên biển từ Bắc vào Nam địch ít ngờ tới nhất” (Hải-Quân Nhân-Dân - Dự-Thảo và Tóm-Tắt”, trang 137, tài-liệu của Cộng-Sản Hà-Nội).

Với con đường mới này Cộng-Sản Bắc-Việt đã để lại các xác tàu tại Gành-Hào, ngày 12 tháng 4 năm 71 và Cung-Hầu, ngày 22 tháng 11 năm 70. Nhưng Hà-Nội đã không biết rằng mọi phát-xuất từ các cửa biển ở miền Bắc, hình-ảnh các tàu bè của Hà-Nội đã được cung-cấp và lưu-trữ tại Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Sài-Gòn. Các số tàu có thể sơn lại, màu sơn có thể thay đổi, nhưng kiến-trúc con tàu, một cách tổng-quát làm sao thay đổi trên đường xâm-nhập, nhất là các cửa sổ tròn kín nước. Có loại có 9 cửa, có loại có 12 cửa, v.v... và cả đặc-tính và vận-tốc của các con tàu ấy cũng được theo dõi và biết một cách chính-xác, để sẵn trong ngăn kéo trong Phòng Hành-Quân Biển tại Sài-Gòn, khi cần, sau khi phối-kiểm, kèm theo Lệnh Hành-Quân trao cho các chiến-hạm thi-hành.



HQ 4 VỚI THỦY-THỦ-ĐOÀN GUƠNG-MẪU ĐÁNH CHÌM TÀU ĐỊCH

Nằm trong chương-trình chuyển giao cấp tốc (Accelerated Turn Over to the Vietnamese: ACTOV), Khu-trục-hạm HQ 4 nguyên là một chiến-hạm của Đệ Thất Hạm-Đội, đang hoạt-động tại Thái-Bình-Dương, mang số 334. Đối với Việt-Nam đây là một con số bù, không tốt. Ngày chuyển giao tại Guam, Hải-Quân Trung-Tá Nguyễn-ngọc-Rắc, hạm-trưởng, với sự sắp xếp của Hải-Quân Mỹ, cử hai thủy-thủ, một Việt, một Mỹ, sau một hồi còi nghi-lễ, lấy cọ sơn xóa đi hai con số 3, nên con tàu chỉ còn lại số cuối là số 4. Khu-trục-hạm mang tên một vị tướng lấy-lừng họ Trần, Trần-khánh-Dư. Thủy-thủ-đoàn được tuyển-chọn và huấn-luyện kỹ-càng. Sau Hạm-Trưởng là Hạm-Phó Nguyễn-kim-Khánh, khóa 11. Ông Khánh đã cho hay: “HQ 4 lúc ấy vừa mới lãnh về, tất cả ở trong tình-trạng toàn-hảo. Tàu dài 305 bộ, rộng 36 bộ, độ sâu là 14 bộ, vận-tốc tối-đa là 21 gút. Tàu được trang-bị hải-pháo 76 ly 2 trước mũi, bắn bằng điện, do hai nhân-viên phụ-trách. Thượng-Sĩ Điện-Pháo Tân và xạ-thủ chính là Trung-Sĩ Trọng-Pháo Huệ. Ở phía sau cũng có một dàn hải-pháo 76 ly 2 nữa. Chưa kể các khẩu đại-bác 20 ly dọc theo hai bên sàn tàu. Đó là những vũ-khí trên mặt biển. HQ 4 còn có sáu ống phóng ngư-lôi, một dàn thủy-lưu-đạn MK 15 để đánh tàu ngầm. Nhân-viên, lúc ấy với cấp-số 170 người, đầy-đủ 100%, rất thuần-thục và gương-mẫu”.

Vẫn theo sự nhớ lại của cựu Hạm-Phó HQ 4, Nguyễn-kim-Khánh, ông nói: “trước ngày 22 tháng 4 năm 1972, Hạm-Trưởng của tôi từ Bộ Tư-Lệnh về, đem theo các tài-liệu hành-quân, với độ khẩn Hỏa-Tốc. Ông ra lệnh cho đi chợ thật mau, gọi tất cả nhân-viên về. Tất-nhiên một số đi phép không có mặt. Mặc, 2 giờ chiều tàu rời Sài-Gòn. Cẩn-thận tối-đa và tới cửa Cap St. Jacques lúc 5 giờ chiều. Với các chi-tiết đã được cung-cấp, HQ 4 tiến thẳng ra vùng vịnh Phan-Thiết. Radar mở tối-đa, bán-kính



Hải-Quân Trung-Tá Nguyễn-kim-Khánh

bao vùng 32 hải-lý. Chỉ sau mấy giờ đồng-hồ, echo địch đã hiện ra. HQ 4 lại gần tàu địch, với một phân-đội hải-hành sẵn-sàng trong nhiệm-sở tác-chiến. Lúc ấy tàu địch ở ngoài hải-phận quốc-tế, cách bờ từ 25 đến 30 hải-lý. Quan-sát tàu, kiến-trúc đúng như hình-ảnh đã được cung-cấp. Trên tàu địch chỉ có các ô vuông phủ lưới. Thấy bị theo dõi, tàu địch hướng mũi về phía Hồng-Kông. Ta đi theo, xa xa trong tầm kiểm-soát của radar. Sau tàu địch đổi hướng vào vùng Cà-Mau. Đợi cho địch vào sâu hơn nữa, ta xả hết máy theo sát nó. Sáng ngày 24 tháng 4 năm 1972, tàu địch ở giữa vùng biển từ Phú-Quốc và đảo Thổ-Châu. Trên tàu địch không treo quốc-kỳ của bất cứ quốc-gia nào. Tàu ta và tàu địch rất gần nhau. Ta đánh đèn hỏi, tàu địch vẫn giữ im-lặng. Tàu ta đi sát hơn, dùng cờ hiệu hỏi, tàu địch vẫn lầm-lì không phản-ứng gì. Trên ống nhòm, hình dáng, bộ mặt các nhân-viên trên tàu địch rất là Việt-Nam. Không còn khả-nghi gì nữa. HQ 4 ở nhiệm-sở tác-chiến

toàn diện. Và tất-nhiên mọi diễn-tiến đều được thông-báo bằng âm-thoại tới Trung-Tâm Hành-quân tại Sài-Gòn. Tàu ta, HQ 4, dùng loa kêu gọi “các anh hãy dừng máy, kéo cờ trắng đầu hàng, chúng tôi sẽ cho các anh hưởng quy-chế chiêu-hồi...” Tàu địch hình như ở trong tình-trạng hôn-mê. Bỗng chúng kéo quốc-kỳ Trung-Cộng lên cột cờ. Hạm-Trưởng Nguyễn-ngọc-Rắc rất tin-tưởng vào các xạ-thủ của khẩu 76 ly 2 tại mũi tàu. Ông nhắc: “Khi cần, chỉ một mình khẩu này bắn thôi...” Tàu mình và tàu địch vẫn chạy song-song, hướng mũi vào Phú-Quốc. Và thật nhẫn-nại, vừa theo sát, vừa bắt loa kêu gọi, tàu địch vẫn cứ lì. Lệnh từ chính Tư-Lệnh Hải-Quân, Đê-Đốc Trần-văn-Chơn, bằng âm-thoại: “Theo đúng luật hàng-hải quốc-tế, hãy bắn hai phát trước mũi tàu địch để cảnh-cáo. Nếu tàu địch không ngừng máy, kéo cờ trắng, hãy bắn thẳng vào tàu địch.” Sau hai phát đại-bác, tàu địch vẫn lầm-lì tiến. Hạm-Trưởng Nguyễn-ngọc-Rắc ra lệnh: “Bắn thẳng vào đài chỉ-huy.” Khẩu 76 ly 2 do xạ-thủ Huệ bóp cò. Chỉ một phát, tàu địch nghiêng. Trên tàu địch tán-loạn. Phát thứ hai, tàu địch bốc cháy và từ-từ chìm trong vòng mấy phút. Các họng súng khác trên HQ 4 đều hướng về tàu địch và chưa được lệnh bắn phát nào”.

Vẫn theo cựu Hạm-Phó Nguyễn-kim-Khánh: “nhiệm-sở thả youyou loan ra. Trên các xuống máy này đều có nhân-viên trang-bị súng nhỏ, và còng. HQ 4 đã ngừng máy, biển êm. Hai xuống được thả xuống tiến đến vùng biển, nơi các mảnh ván và các đầu người bơi lóp-ngóp. Sĩ-quan trưởng toán báo-cáo về HQ 4. “Thưa Hạm-Trưởng, tất cả họ đều nói tiếng Việt-Nam”. Báo-cáo này được loan ngay về Trung-Tâm Hành-Quân tại Sài-Gòn. Đê-Đốc Chơn cười, và lấy khăn lau mồ-hôi trên trán (ghi-nhận này của người viết lúc ấy ở Sài-Gòn).

Vẫn theo ông Khánh, có hơn 10 nhân-viên trên tàu của Hà-Nội được vớt lên. Lúc ấy HQ 4 vừa mới lãnh từ Mỹ về, thuốc lá Mỹ, cam, táo còn đầy. Ta đem ra mời các tù-binh của tàu Bắc-Việt. Tất cả đều ngồi im, từ-chối. Sau Thượng-Sĩ Quân-Y, tên là Ân, nói: “Ông thầy phân tán họ ra, rồi hãy cho họ ăn”. Đúng như ông Ân đoán. Các tù-binh Cộng-Sản Bắc-Việt uống nước cam, ăn táo, ăn nho rất tận-tình.

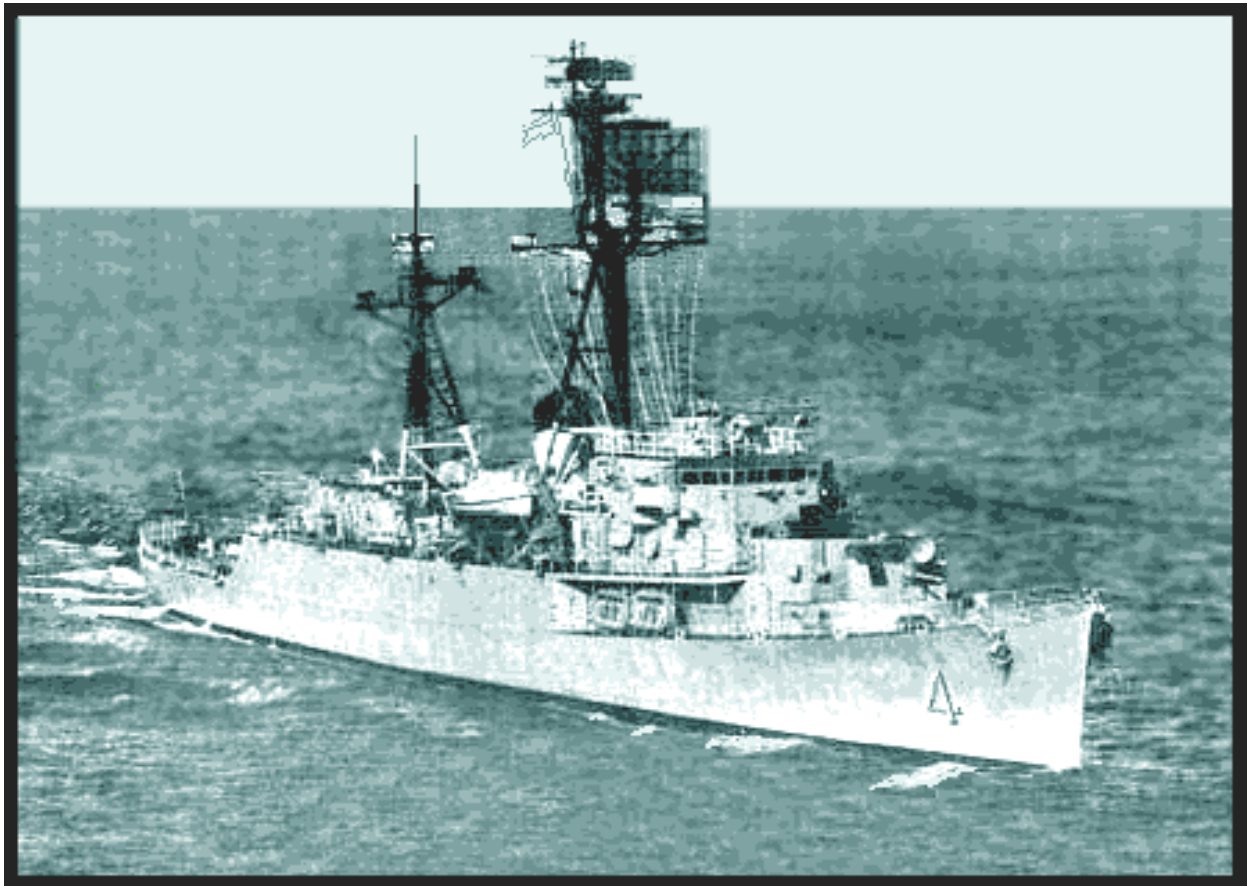
Hà-Nội Đã Viết Gì Về Vụ Này

Theo tài-liệu chính-thức của Hà-Nội: *Lịch-Sử Hải-Quân Nhân-Dân Việt-Nam, Dự-Thảo Tóm-Tắt*, trang 140 nguyên-văn như sau:

“*Trung tuần tháng 4, đoàn lại tiếp-tục giao nhiệm-vụ cho tàu 645 đưa một chuyến hàng nữa vào Quân-Khu 9. Trên đường đi tàu đã lợi-dụng mọi yếu-tố bất ngờ vượt qua các tuyến tuần-tiểu của địch gồm hàng chục tàu chiến, máy bay trinh-sát của Mỹ và Ngụy. Đến ngày 24 tháng 4, khi tàu chuyển hướng vào bờ thì gặp địch và xảy ra chiến-đấu. Với âm-mưu nham-hiểm định bắt sống tàu ta, bọn địch dùng mọi thủ-đoạn chiến-tranh tâm-lý, dụ-đổ, mua chuộc và đe-dọa hòng lung-lạc ý-chí cán-bộ, chiến-sĩ tàu 645. Sau một thời-gian tác động, kêu gọi, chiêu-hồi không được, bọn địch*

liền dùng đại-bác bắn vào ta. Thực-hiện kế-hoạch đã bàn sẵn, tàu 645 chưa bắn trả lại vôi, vừa dập lửa cứu máy vừa tiếp-tục vận-động bình-thường để nghi binh nhử địch đến gần. Sau mấy loạt đạn 76,2 mi-li-mét bắn tới-tấp không thấy tàu ta phản-ứng gì, chiếc tàu khu-trục địch ngưng bắn tiến sát lên ngang hông tàu 645. Chỉ chờ có thời cơ ấy, tàu 645 bất ngờ tăng hết tốc-độ nhắm thẳng tàu địch lao tới. Trong giờ phút quyết-liệt một mất một còn với kẻ thù. Thiếu-Ủy chính-trị-viên, Bí-thư chi bộ tàu 645. Nguyễn-văn-Hiệu, đã bình-tĩnh, tỉnh-táo tổ-chức, cho anh em rời tàu, cản dạn anh em tiếp-tục chiến-đấu vì miền Nam ruột thịt”.

Tập tài-liệu được biên-soạn bởi ba người: Phạm-hồng-Thụy, Phạm-hồng-Đời, Vũ-mạnh-Đoan (không thấy có một vị tiến-sĩ, hay một vị nào với học-vị cao kiểm-soát, hay trách-nhiệm xuất-bản như các cuốn tài-liệu khác).



Khu-trục-hạm Trần-khánh-Du, HQ 4

Đôi Lời Nhắn Gửi

Thư các anh Thụy, Đời và Doan.


Như các anh đã thấy và ghi-nhận. Cuộc xâm-nhập của các anh từ Bắc vào Nam, chúng tôi đã theo dõi và biết rất rõ, và Hải-Quân chúng tôi luôn-luôn tôn-trọng luật hàng-hải quốc-tế. Hơn thế nữa, dù ở thế thượng phong, chúng tôi sẵn-sàng mở một cánh cửa để cho các anh có thể về với chúng tôi qua chính-sách chiêu-hồi. Cực chẳng đã, chúng tôi mới sử-dụng vũ-khí, và cũng chỉ giới-hạn, rất giới-hạn hỏa-lực và thời-gian tác-xạ. Chúng tôi muốn cứu sống các anh tối-đa. Khi tàu các anh đã chìm, chúng tôi đã cứu vớt các anh ngay và đối xử với các anh rất tử-tế, nồng-hậu.

Một con tàu nhỏ, thiếu tiện-nghi, và được huấn-luyện sơ-sài, không đáp-ứng được các quy-luật thông-tin căn-bản của luật hàng-hải, họ đã cho các anh ra đi. Như thế thật là liều-linh và tàn-ác. Với con tàu nhỏ, chưa quá 100 tấn, gặp con tàu của Hải-Quân Việt-Nam, lớn gấp 20 lần tàu của các anh, với tất cả sự hùng-hậu về hỏa-lực và kỹ-thuật, các anh khiếp-đảm là lẽ đương nhiên. Chỉ nguyên đi gần chiến-hạm của chúng tôi, với sức hút của trọng-tải khối sắt gần 2000 tấn, đã làm các anh khó có thể giữ được bánh lái vững-vàng. Khi đã bị bắn, tàu nghiêng và phát hỏa, đứng đã không vững, lấy sức đâu mà “... *tàu 645 chưa bắn trả vội, vừa dập tắt lửa cứu máy, vừa tiếp-tục vận-động bình-thường để nhử địch tới gần ...*” Tôi chắc các anh, người viết bài, chưa có một chút kinh-nghiệm nào về cuộc sống trên tàu chiến. Các anh quen phóng đại và tô hồng bữa-bãi, nên đọc đoạn văn trên tôi buồn cười quá. Con tàu đã nghiêng, hầm máy đã cháy, khiếp lắm, chứ có đâu như đám rơm, đám rạ cháy lan trong góc bếp của các anh đâu mà dập lửa. Với anh “*Nguyễn-văn-Hiệu, chính-trị-viên, bí-thư chi bộ tàu 645*”, trên thực-tế, do các bạn tôi kể lại, thì từ 10 giờ sáng hôm 24 tháng 4 năm 1972, lúc con tàu của các anh bị HQ 4 theo sát, anh ta đeo kính đen, ngồi ngoảnh mặt về phía HQ 4, không động-đậy. Tôi chắc là anh ta lúc đó, hãi quá “*ướt cả quần*”, nên không còn nhúc-nhích gì được. Anh ta chết ngay, như tin anh phụ máy mà tôi hỏi lúc các anh này được đưa về Sài-Gòn hôm 25 tháng

4 năm 1972. Anh này nói: “*Tàu đi “nâu” quá, em hãi quá, khi tàu bị bắn cháy, em thấy đầu và phổi của anh Hiệu rơi xuống trước mặt em ...*”

Thư các anh trong Ban Biên-Tập của tập tài-liệu trên. Điều thứ nhất là anh Nguyễn-văn-Hiệu, bí-thư chi bộ tàu 645, chết đúng 12 giờ ngày 24 tháng 4 năm 1972, tại vùng biển giữa đảo Phú-Quốc và đảo Thổ-Châu. Các anh nên thông-báo cho gia-đình anh Hiệu biết như thế để tiện bề cúng giỗ.

Là một người đi biển, tôi thấy rằng thủy-thủ của con tàu 645 đã phải có một niềm-tin vững-chắc lắm mới dám liều ra đi như thế. Niềm-tin ấy đã được nhờ nặn với tất cả căm-thù và sai quấy. Các anh ra đi để giải-phóng miền Nam. Người lính miền Nam được các anh hiểu như là một loại người tàn-ác và không có tình-tự dân-tộc. Các anh hãy bình tâm đọc lại và kiểm-chứng các đoạn tôi ghi ở trên. Nếu chúng tôi muốn tiêu-diệt các anh, các họng súng 20 ly trên tàu chỉ quét một lượt, các anh còn gì? Khi vớt các anh lên, nếu muốn cho phi-tang, quá dễ. Vậy mà các anh đã được nuôi dưỡng, đón tiếp như thế. Trừ một mình anh Hiệu, hơn 10 người của con tàu 645, đã được vớt. Và giờ đây, tất cả đất nước đã nằm trong tay các anh, các thủy-thủ của con tàu 645, chắc đã được trở về đoàn tụ với gia-đình.

Thực-tế, sau khi đất nước đã về tay các anh, những thủy-thủ như các thủy-thủ của con tàu 645 ra sao? Sao không thấy các anh nói đến. Các anh hãy nhìn lại quanh các anh, những thân-nhân các anh, gia-đình của các “*chiến-sĩ ngoan cường chống Mỹ cứu nước*” hiện họ sống ra sao? Thực-tế là câu trả lời cụ-thể về cái lý-tưởng mà những thanh-niên miền Bắc đã liều thân đi vào chỗ chết. Hỡi các anh trong Ban Biên-Tập của Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Hà-Nội, chúng tôi, bằng tất cả tấm lòng tôn-trọng sự thật, và rất bình-tĩnh mong được anh lên tiếng. Hãy trả sự thật lại cho sự thật. 

Ngày 12 tháng 7 năm 1999



CHUYẾN “BẮC TIẾN” ĐẦU TIÊN?

Nguyễn-ngọc-Quỳnh

Đầu năm 1975, nhiều quân-nhân Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa đã tham-dự các công-tác đặc-biệt ở phía Bắc vĩ-tuyến 17, phần lớn do Lực-Lượng Hải-Tuần thuộc Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải tổ-chức. Đa-số các công-tác này được thực-hiện vào giữa và cuối thập niên 1960, với các chiến-hạm và chiến-đỉnh được kiến-trúc và trang-bị đặc-biệt cho loại công-tác đó. Ngoài các công-tác nói trên, có một số công-tác do Hải-Quân tổ-chức với các chiến-hạm cơ-hữu của Hải-Quân.

Vào khoảng cuối năm 1959, đầu năm 1960, tôi đang giữ chức-vụ hạm-trưởng Hộ-tống-hạm Vạn-Kiếp, HQ 2, thì nhận được lệnh thi-hành một công-tác ở phía Bắc vĩ-tuyến 17. Công-tác này có mục-đích quan-sát hệ-thống phòng-thủ duyên-hải của miền Bắc và yểm-trợ Nha Chiến-Tranh Tâm-Lý thuộc Bộ Quốc-Phòng, trong việc thả truyền-đơn và tài-liệu vào bờ. Mục-tiêu là bờ biển Vinh, Thanh-Hóa.

Đây có lẽ là công-tác “Bắc Tiến” đầu tiên của Hải-Quân, và đối với tôi đó là một trong những công-tác hào-húng và hồi-hợp nhất trong đời hải-hồ. Hào-húng vì đến một nơi xa lạ, khác hẳn với

vùng biển miền Nam mà mình đã quen thuộc. Nơi đó lại thuộc miền Bắc mà tôi đã xa cách gần bảy năm. Hồi-hợp vì đây là một công-tác khá bất-trắc, nguy-hiểm. Vẫn hay rằng đa-số các công-tác khác, nhất là công-tác hành-quân, cũng có ít nhiều nguy-hiểm, bất-trắc, nhưng mình còn nắm vững được nhiều yếu-tố. Với công-tác này những yếu-tố ấy hầu như không có. Để chuẩn-bị công-tác, tôi liên-lạc với Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân (BTL/HQ), đặc-biệt là Phòng Nhì, và Bộ Chỉ-Huy Hải-Lực (tiền-thân của Bộ Tư-Lệnh Hạm-Đội) để lấy tài-liệu và tin-tức cần-thiết. Phần vấn đáp sau đây cho thấy rõ tính-cách “hồi-hợp” của công-tác:

Vấn: Có hải-đồ được nhật-tu và huấn-thị hàng-hải mới nhất cho vùng công-tác không?

Đáp: Không.

V: Có tin-tức gì về lực-lượng Hải-Quân hay duyên-phòng Bắc-Việt hoạt-động ở vùng đó không?

Đ: Không.

V: Còn Không-Quân?

Đ: Không biết.

V: Có tin-tức gì về lực-lượng Hải-Quân Nga hay Trung-Cộng hoạt-động ở vùng đó không?

Đ: Không.

V: Vùng đó có được đặt *mìn* biển để phòng-

thủ không?

Đ: Không biết.

V: Có các đài kiểm-báo duyên-hải ở vùng đó không?

Đ: Không biết.

V: Có trọng-pháo duyên-phòng ở đó không?

Đ: Không biết.

V: Hoạt-động ngư-nghiệp ở vùng đó ra sao?

Đ: Không biết.

Tóm lại, với hải-đồ không được nhật-tu, chiến-hạm sẽ phải vào gần bờ mà không biết có những trở-ngại hàng-hải nào, nhất là xác tàu chìm. Tôi được biết ngoài khơi của Vinh có nhiều xác tàu Nhật do phi-cơ Đông-Minh đánh chìm trong Đệ Nhị Thế-Chiến, trên đường đi từ hải-cảng này ra Hải-Phòng hoặc trở về Nhật. Cũng không biết lực-lượng Hải-Quân đối phương, hoặc Nga, hoặc Trung-Cộng, mạnh yếu ra sao, hoạt-động như thế nào. Nghĩa là chỉ “tri kỷ” mà không “tri bỉ” (và làm sao mà “bách chiến, bách thắng” được?). Như vậy phần “Tình-hình” của lệnh hành-quân coi như là một số không. Thêm vào đó phải kể Hộ-tống-hạm Vạn-Kiếp là một trong những chiến-hạm cũ kỹ và “ọp-ẹp” nhất của Hải-Quân. Đi cùng với chiến-hạm này có Hộ-tống-hạm Tụy-Động, tình-trạng cũng không hơn chiếc Vạn-Kiếp mấy, và chỉ túc-trực tí xa ngoài khơi khi chiếc Vạn-Kiếp vào gần bờ. Ngoài ra không còn lực-lượng bạn nào yểm-trợ, kể cả Hải-Quân Hoa-Kỳ.

Tham-dự công-tác này còn có Phó-Đề-Đốc Nghiêm-Văn-Phú (lúc đó mang cấp Thiếu-Tá), Chỉ-Huy-Trưởng Hải-Lực. Khi được biết HQ Đại-Tá Hồ-Tấn-Quyên, Tư-Lệnh Hải-Quân, dự-định cũng tham-dự công-tác, tôi tìm cách can ông, với lý-do là công-tác này rất bấp-bênh, nguy-hiểm, ông không nên đi. Ông hỏi lại:

- “*Thế còn các anh thì sao? Cũng chịu sự nguy-hiểm chứ? Các anh đi được thì tại sao tôi lại không đi được?*”

Tôi trả lời:

- “*Nếu chẳng may chúng tôi bị bắt thì còn đỡ, nhưng nếu chúng bắt được vị Tư-Lệnh Hải-Quân thì hậu-quả sẽ vô cùng bất lợi, nhất là về mặt tuyên-truyền.*”

Ông đáp:

- “*Không sao. Nếu gặp nguy, không chạy thoát, thì mình tự đánh chìm chiến-hạm, không để tụi nó bắt được mình. Anh cứ kiểm-soát và chuẩn-bị hệ-thống mở nước làm chìm tàu là được.*”

Kính phục lòng dũng-cảm của ông, tôi không dám can ngăn nữa.



Thời-gian công-tác nhằm giữa mùa gió Đông-Bắc, tình-trạng biển thường rất xấu, tuy-nhiên được chọn vì thuận chiều gió đưa truyền-đơn và tài-liệu vào bờ bằng bong-bóng bay và túi *ny-lông* thả nổi trên mặt biển. Cũng may là đúng ngày công-tác, thời-tiết tương-đối tốt, sóng biển không cao quá và tầm thấy xa khả-quan.

Chiến-hạm rời Đà-Nẵng vào buổi chiều để có thể đến vĩ-tuyến 17 sau hoàng-hôn. Chúng tôi tiếp-tục tiến lên hướng Bắc nhưng xa bờ, ít ra là ngoài tầm quan-sát bằng mắt của địch từ bờ, cho tới khi gần ngang vùng mục-tiêu mới tiến vào bờ. Chiến-hạm được che tối và đặt vào nhiệm-sở tác-chiến. Các vọng-sát-viên và nhân-viên trực *radar* được tăng-cường. Mọi người chăm-chú nhìn vào bờ, có lẽ một phần vì tò-mò khi tới nơi lạ, một phần vì lo địch có thể phát-giác chiến-hạm và tấn-công.

Ban đầu chiến-hạm được dự trù chỉ vào cách bờ 12 hải-lý. Đây là bề rộng của hải-phận được nhiều quốc-gia công-nhận, nhất là các nước Cộng-Sản. Vì thấy còn xa bờ quá, chưa quan-sát được gì, Tư-Lệnh Hải-Quân chỉ-thị cho tôi vào tới khoảng cách bờ 6 hải-lý. Đây cũng là bề rộng hải-phận mà nhiều nước công-nhận. Tới đây chúng tôi bắt đầu thấy ánh-sáng đèn của thành-phố Vinh chiếu lên nền trời đêm. Tôi cảm thấy bồi-hối ít nhiều, mừng-tượng tới ánh-sáng đèn Hà-Nội năm xưa.

Chúng tôi cho chiến-hạm chạy song-song với bờ và bắt đầu thả truyền-đơn và tài-liệu bằng bong-bóng bay và túi *ny-lông*. Gió lúc ấy có tốc-độ cao nên đưa bong-bóng vào bờ khá nhanh. Khi đã thả hết mà vẫn chưa quan-sát được gì trong bờ, bằng mắt cũng như bằng *radar*, Tư-Lệnh Hải-Quân lại yêu-cầu tôi cho chiến-hạm tiến gần bờ hơn nữa. Lúc này độ sâu đã giảm nhiều nên tôi sợ chiến-

hạm có thể đụng phải xác nhiều tàu chìm ở vùng này, hơn cả sợ bị địch phát-giác. Tôi nghĩ nếu địch phát-giác được và cho tàu ra tấn-công, chúng tôi còn có thể chiến-đấu để tự-vệ hoặc, nếu rơi vào thế yếu, còn có hi-vọng chạy thoát. Còn nếu đụng phải xác tàu chìm, chiến-hạm có nhiều nguy-cơ bị mắc kẹt hay bị chìm ngay tại đó. Khi tôi trình-bày lý-do này, ông ngần-ngừ một lát nhưng vẫn khuyên tôi nên cố vào thêm chút nữa.

Ngoài bờ biển hiện mờ-mờ dưới ánh-sáng đèn của thành-phố Vinh, chúng tôi không nhìn thấy mục-tiêu nào. *Radar* chiến-hạm bắt đầu quan-sát được bờ biển với một số mục-tiêu nhỏ và rất mờ. Khi còn cách bờ khoảng 3 hải-lý nhân-viên trực *radar* báo-cáo có một mục-tiêu tương-đối rõ hơn và có vẻ di-động ở gần bờ. Thấy giọng nhân-viên này có vẻ thiếu bình-tĩnh, tôi trấn-an anh ta, dặn anh ta bình-tĩnh theo dõi và cho biết hướng đi và vận-tốc phỏng-định của mục-tiêu. Tôi cho chiến-hạm chạy

song-song với bờ, gia tăng vận-tốc và chỉ-thị cho các nhân-viên tăng-cường quan-sát và sẵn-sàng khai-hỏa khi có lệnh. Sau khi quan-sát một lát, chúng tôi thấy mục-tiêu có vẻ chạy chậm và hình-ảnh trên mặt *radar* không được rõ như của một tàu làm bằng kim-khí, như vậy chắc không phải là một phồng-lôi-đỉnh như một số người lo lúc trước. Khi mục-tiêu bị bỏ lại tít xa đằng sau, chiến-hạm trở lại vận-tốc bình-thường và tiếp-tục quan-sát.

Lúc này đã hơn 1 giờ sáng, tôi xin Tư-Lệnh Hải-Quân cho chiến-hạm được quay mũi trở về để có thể tới vĩ-tuyến 17 trước khi mặt trời mọc. Chiến-hạm mới đổi hướng và chạy chừng 15 phút thì bỗng nhiên máy tả giảm vận-tốc, mặc dù đài chỉ-huy không ra lệnh. Từ lúc khởi-hành công-tác, tôi vẫn lo cho máy này vì lúc trước đã hay bị trực-trắc mà chưa có thời-giờ để sửa lại cho hoàn-hảo. Nếu máy bị hư-hỏng bây giờ thì quả là không đúng chỗ và đúng lúc chút nào. Phòng máy báo-cáo là



máy tả có một vài chỉ-dấu bất-thường nên phải giảm vận-tốc để kiểm-soát lại. Cũng may là chỉ một lát sau máy đã trở lại vận-tốc bình-thường. Mọi người thở phào. Có lẽ thời-gian giảm vận-tốc máy chỉ độ 20 phút, nhưng nhiều người nghĩ rằng phải hơn một tiếng đồng-hồ!

Chiến-hạm chạy thẳng ra khơi, bỏ lại vùng mục-tiêu đằng sau. Tuy nhiên đa-số nhân-viên trên đài chỉ-huy ngó về phía sau hơn là phía trước tàu. Không biết còn luyến-tiếc ánh đèn của thành-phố Vinh hay hãy còn lo có tàu của địch ra đuổi theo.

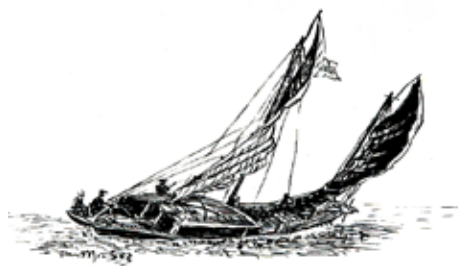
Khi chiến-hạm về gần đến vĩ-tuyến 17 thì trời đã sáng. Mọi sự an-toàn và không thấy có chỉ-dấu gì là địch đã phát-giác được chúng tôi.

Chừng một tháng sau, chúng tôi được biết là các truyền-đơn và tài-liệu đã theo bóng bay vào rất sâu trong đất liền. Các túi *ny-lông* đã được nhiều dân chài vớt được suốt dọc bờ biển từ Vinh vào tới gần vĩ-tuyến 17. Chúng tôi không hề bị phát-giác trong suốt công-tác và địch chỉ biết khi lượm được tài-liệu và truyền-đơn vào buổi sáng. Nhiều nhân-viên hữu-trách vùng duyên-hải của chúng, quân-sự, dân-sự cũng như công-an, bị trừng-phạt, cách chức hoặc thuyền-chuyển đi nơi khác vì sơ-xuất trong việc canh-phòng bờ biển. Có lẽ việc tăng-cường phòng-thủ duyên-hải được bắt đầu từ hồi đó, sau khi bị chúng tôi xâm-nhập hải-phận bất ngờ.

Công-tác thả truyền-đơn và tài-liệu vào bờ biển Bắc-Việt có đem lại kết-quả gì đáng kể không? Mặc dù địch tăng-cường kiểm-soát miền duyên-hải, trong thập niên 60 có nhiều dân chài miền Bắc vượt tuyến vào các tỉnh duyên-hải miền Trung xin tị-nạn. Một số đã mang theo những truyền-đơn mà họ lượm được và cất giấu, để xuất-trình cho các đơn-vị duyên-phòng của chúng ta khi xin tị-nạn. Tôi tin rằng nội-dung những tài-liệu chúng tôi đã thả là động-lực quan-trọng thúc đẩy họ vượt gian-nguy để tìm tự-do. Ngoài ra, chắc cũng còn có tác-dụng không nhỏ đối với tinh-thần của nhiều dân duyên-hải miền Bắc không có hoàn-cảnh vượt thoát. Như vậy công-tác đã đem lại kết-quả mong muốn và bỏ công thực-hiện, dù với nhiều hồi-hộp và bất-trắc. Chỉ có điều là chuyến đi này đã khiến miền Bắc cảnh-giác trong việc duyên-phòng mà tiếc rằng chúng ta không tận-dụng để thi-hành luôn thể những công-tác quan-trọng khác, hoặc tiếp-tục ngay sau đó với một số công-tác trước khi họ có đủ thì-giờ tăng-cường hệ-thống phòng-thủ một cách hữu-hiệu và lâu bền. Yếu-tố bất ngờ chưa được chúng ta khai-thác tối-đa.



California, Xuân Nhâm-Ngọ



HỘ-TỔNG-HẠM KỶ-HÒA RA BẮC

Phan-lạc-Tiếp

Năm đó là năm 1963, trước thời đảo-chánh, HQ 9 dưới quyền chỉ-huy của HQ Đại-Úy Nguyễn-xuân-Sơn. Ông là một vị hạm-trưởng vui tính, hoạt-động. Ông rất hãnh-diện được chỉ-huy chiến-hạm được coi là mới nhất, tối-tân nhất của Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa (VNCH) lúc bấy giờ. Trong câu chuyện hàng ngày, ông thường thổ lộ “*khi Hải-Quân mình có khu-trục-hạm, tôi ao-ước được làm hạm-phó*”. Ông không quan-trọng vấn-đề như các vị hạm-trưởng khác mà tôi đã gặp. Chiến-hạm khi ghé bến thường có những cuộc gặp-gỡ với đoàn-thể địa-phương, vui chơi tổ-chức cho cả tàu, nên nhân-viên gọi Hộ-tổng-hạm Kỳ-Hòa là Kỳ-Hòa Trà-Thất. Những chuyến công-tác tuần-dương lúc ấy thanh-thoai, nhàn-nhã, nếu trời êm bể lặng. Có những buổi tàu vào sát chân núi ở Cap Chân-Mây, thả neo rồi chia nhau xuống tắm. Sát bờ, những mỏm đá đưa lưng ra biển, những cây thông nhỏ, hình thù kỳ-dị mọc giữa những khe đá. Những mảng cỏ xanh êm mượt như nhung. Cảnh-trí tuyệt đẹp. Tôi có cảm-tưởng như đây là một vùng hoang địa chưa bao giờ có bước chân người. Một bãi cát nhỏ

phẳng-lì, đây đó những cái mai mực khô trắng với thời-gian. Hình như từ ngàn vạn năm chưa ai đến đây. Hạm-trưởng cùng thủy-thủ-đoàn bắn cá đem về tàu nấu cháo. Chán rồi nhổ neo lênh-bềnh trên trục tuần-dương chỉ-định.

Một hôm hạm-trưởng ra lệnh cho ban Vận-Chuyển lấy những miếng bìa lớn dán phủ lên số tàu và tên tàu rồi lấy sơn xám sơn lên, tiếp với màu vỏ tàu. Tất cả đèn *pha* cũng như đèn *pin* đều được lệnh thay kính đỏ. *Radar* và *sonar* của Trung-Tâm Chiến-Báo (CIC) mở từ chiều. Sĩ-quan Hành-Quân túc-trực ở đấy. Trời vừa tối, mặt biển và nền trời như dính vào nhau, đen đặc như miếng thạch. Hạm-trưởng ra lệnh nhiệm-sở tác-chiến toàn diện và cho chiến-hạm tăng tốc-độ hai máy tiến 3, đi giữa bờ và hòn Cọp, hướng khoảng 300, và vượt qua vĩ-tuyến 17. *Radar* trên đài chỉ-huy mở tỷ-lệ lớn nhất, bờ biển và đảo hiện lên rất rõ-ràng. Một *écho* hiện ra bên hữu hạm gần hòn Cọp. Hình *écho* hiện lên rõ dần và rất sắc nét, nhỏ, tốc-độ chậm như thả trôi, chắc là một chiếc ghe đánh cá. Chiến-hạm đi vượt lên, tiến sâu vào vùng biển phía Bắc vĩ-tuyến mấy chục hải-lý, rồi quay lại bợc sau chiếc ghe này. Tàu giảm tốc-độ và đi sát vào chiếc



Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-xuân-Sơn

ghe. Trên ghe có tiếng người gọi nhau:

- “Núi. Núi. Ghe đâm vào núi sao bây oi...”

Giữa lúc ấy thì từ trên đài chỉ-huy dùng loa ra lệnh:

- “Tất cả những người trong ghe ra đứng hết ở mũi ghe, và giờ tay lên.”

Dưới ánh đèn pha màu đỏ, mấy ngư-phủ trên ghe hiện ra lấp-lánh, đen thẫm và nhìn kỹ thì không ai có quần áo gì cả. Tất cả là đàn ông, đều trần-trồng. Hạm-trưởng ra lệnh cho chiếc ghe cặp vào hũu hạm ở sân lái. Tại đây một toán đặc-nhiệm, với súng ống, đèn pin chờ đợi họ. Từng người được kéo lên tàu, hình như có 6 hay 7 người tất cả. Sĩ-quan ban hai của tàu dẫn họ vào phòng trong lấy cung và hỏi những điều cần biết. Đó không phải là nhiệm-vụ của tôi. Tôi lúc ấy là sĩ-quan Chiến-Tranh Chính-Trị (CTCT) của tàu, tôi chưa biết phải làm gì thêm. Chỉ thấy những người này gầy ốm và hốt-hoảng quá độ. Hình những ngư-phủ hai tay để trên đầu, ngơ-ngác, trần-trồng đen tím đi giữa những thủy-thủ Việt-Nam Cộng-Hòa, quần

áo sạch-sẽ, nghiêm-túc, thật quả là một hình-ảnh tương-phản đến kỳ-dị. Hạm-Trưởng Sơn bảo tôi:

- “Ông là sĩ-quan CTCT, ông có ý-kiến gì, cần làm gì thêm không.”

Tôi thấy những người này sợ-hãi quá và chắc là họ đói lắm, tôi đề-nghị là nên cho họ ăn uống rồi hạ hồi tính sau. Hạm-trưởng đồng ý. Nhà bếp được lệnh đem đồ ăn cho họ. Lúc ấy HQ 9 mới ở Mỹ về, thực-phẩm Mỹ còn nhiều, nên đem cơm, hot dog và nước cam bột pha trong một bình lớn phân-phối cho họ. Nhìn đồ ăn bày ra, họ ngơ-ngác nhìn nhau không dám ăn. Có lẽ họ sợ trong thức-ăn có thuốc độc như những lời tuyên-truyền của miền Bắc. Nghĩ thế, tôi nói với họ rằng:

- “Chúng tôi là Hải-Quân của miền Nam. Chúng tôi bắt các anh lên tàu để hỏi một số điều, rồi sẽ thả các anh về ghe trở lại. Các anh không có gì phải sợ-sệt quá như thế. Đây là thực-phẩm chúng tôi dùng hàng ngày, thấy các anh đói thì đem ra cho các anh dùng, vậy thôi.”

Nghe thế, những ngư-phủ vẫn e-ngại, nhìn nhau. Tôi bèn cầm lấy mẫu hot dog ăn một miếng và nói:

- “Ai sợ trong thức-ăn có thuốc độc thì đưa tôi ăn trước cho”.

Thấy thế mấy ngư-phủ Bắc-Việt ăn uống rất tận-tình. Nhà bếp lại đem thêm thức-ăn cho họ. Sau khi ăn uống, sự sợ-hãi có phần bớt đi nhiều. Tôi hỏi họ:

- “Sao các anh không mặc quần áo gì hết vậy?”

Rụt-rè một lúc, một người nói:

- “Thưa các quan, các quan bỏ qua cho. Đi biển quần áo đâu chịu thấu. Có cái quần cái áo để dành, về tới bến tụi chúng tôi mới mặc vào...”.

Lúc ấy đã quá nửa đêm, ban hai đưa người chủ ghe ra, cho ăn rồi ngồi đợi cùng với mấy người kia. Chiếc ghe của họ vẫn buộc ở bên hông tàu. Hạm-trưởng từ trên đài chỉ-huy đi xuống. Ông tươi cười nhìn họ một lượt rồi ra lệnh cho chúng tôi đem ra những gói quà dân-vận để trước mặt họ. Đó là những gói nylon đựng khoảng 10 thước vải đen, chỉ khâu, một cái kéo. Một cái radio bán dẫn do Nhật chế-tạo và tất-nhiên còn có một lá thư của đồng-bào Miền Nam hỏi thăm đồng-bào Miền Bắc,

với những chỉ dẫn cách thức sử dụng *radio* và nếu họ muốn trốn vào Nam thì đồng-bào sẽ được đón tiếp, đối xử như thế nào. Chính tay hạm-trưởng trao từng món quà này cho từng ngư-phủ. Nhà bếp cũng cho thêm một số thức-ăn khô. Ai nấy ôm khư-khư gói quà và lần-lượt được thả, bước xuống cầu thang giầy, về lại ghe mình. Khi ghe họ rời chiến-hạm, giầy mũi của chiếc ghe buộc vào tay quay của khẩu 40 ly trên sân giữa được cởi ra. Họng đại-bác hiện lên dưới ánh đèn màu đỏ nằm la đà như sẵn-sàng tác-xạ. Các người trên ghe bỗng kêu lớn, nửa như mừng rỡ, nửa như hốt-hoảng của phút lâm-chung:

- "*Chúng con lạy các quan. Lạy các quan....*"


Tiếng kêu vang động giữa biển khơi bao-la tĩnh-mịch. Tiếng kêu vẫn tiếp-tục nhưng nhỏ dần, nhỏ dần. Chiến-hạm quay mũi về Nam. Hai máy tiến *full*. Trên màn ảnh *radar*, *écho* của chiếc ghe chìm lấp mau chóng cùng với *écho* của Hòn Cọp. Về tới phía Nam vĩ-tuyến, trời bắt đầu ửng sáng. Tàu thả trôi. Ban Vận-Chuyển thả xuống để nhân-viên tháo miếng bìa đập tên và số chiến-hạm. Hạm-trưởng ra lệnh:

- "*Không ai được tiết-lộ chuyến vượt biên này, và ban Giám-Lộ cũng không được để lại vết*

tích trên hồ-sơ hải-hành."

Sau đó ít lâu hạm-trưởng Nguyễn-xuân-Son rời tàu, già từ Hạm-Đội. Đó cũng là chiến-hạm chốt của cuộc đời hải-nghiệp của ông. Vì chỉ mấy năm sau ông trở lại Hạm-Đội, không phải để đi tàu lớn hơn, mà cấp bậc nặng trĩu trên vai, ông trở thành Tư-Lệnh Hạm-Đội. Dưới quyền ông không phải chỉ có một chiếc tàu, mà là hàng trăm chiếc tàu lớn nhỏ đủ loại, trong đó có cả những khu-trục-hạm rất tối-tân.

Thoảng cái bốn thập niên đã ào-ạt trôi qua. Tất cả đã chẳng còn gì. Những mong ước, lo toan, đóng góp, tốt xấu, vinh-quang hay tủi-hận của một lớp người, của một giai-đoạn lịch-sử đều đã mờ dần trong quên lãng.

Không biết vị hạm-trưởng đầu tiên của Hộ-tống-hạm Kỳ-Hòa, ông còn nhớ kỷ-niệm này không. Bài này đã được chuyển thẳng tới ông và ông đã nói : "*... Nhớ rồi, nhớ rồi ... Những ngư-phủ tìm thẳm dưới ánh đèn, không quần áo...*" 

19 tháng 2 năm 2002





Chiến-hạm Pháp trên sông Sài-Gòn

Hồi-ký

CHUYẾN CÔNG-TÁC CUỐI CÙNG CỦA HQ 09



Hoàng-đình-Báu

Đầu năm 1974 tôi được chỉ-định đảm-nhận Hộ-tổng-hạh Kỳ-Hòa HQ 09. Suốt năm đó HQ 09 có hai nhiệm-vụ chính: tuần-tiểu vùng Trường-Sa và yểm-trợ các giàn khoan dầu của Hoa-Kỳ ngoài khơi từ Vũng-Tàu đến Côn-Đảo. Mỗi chuyến công-tác kéo dài ba tháng nên việc nghỉ bến để tiếp-tế lương-thực, dầu và nước là Vũng-Tàu, đôi lúc cũng ghé Côn-Sơn để nghỉ-ngơi và tiếp-tế. Đến năm 1975 các tỉnh ở Cao-Nguyên Trung phần bị lọt vào tay Cộng-Quân. Đầu tháng 2 thì Huế và Quảng-Trị bắt đầu rối loạn, Sư-Đoàn I đóng tại Huế đang được di-tản vào Đà-Nẵng. Vào thời điểm này HQ 09 được lệnh chuẩn-bị ra công-tác khẩn cho Vùng I Duyên-Hải. Đây được coi như là chuyến công-tác cuối cùng của HQ 09 mà hằng năm vào dịp 30 tháng 4 vẫn còn ghi đậm trong lòng thủy-thủ-đoàn đã từng phục-vụ

trong những ngày tháng cuối cùng đó.

- Sáng ngày 26 tháng 3 năm 1975 chiến-hạh khởi-hành ra Vùng I Duyên-Hải.

- 6 giờ sáng ngày 28 tháng 3 năm 1975 chiến-hạh tới của Sơn-Trà để chờ lệnh.

Các tin-tức nhận được từ Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng I Duyên-Hải (BTL/HQ/V1DH) và do dân-chúng tỏa ra bằng ghe cặp vào chiến-hạh lúc sáng nay như sau. Tối hôm qua Cộng-quân pháo-kích vào BTL/HQ/V1DH bằng hỏa-tiến 122 ly và sơn-pháo 130 ly, làm hư-hại chiếc trực-thăng của Tư-Lệnh V1DH, Phó-Đề-Đốc Hồ-Văn-Kỳ-Thoại. Toàn thành-phố bị thiết-quân-luật 24/24. Lính của các binh-chủng di-chuyển về Đà-Nẵng quá đông,

không nơi ăn chốn ở, gia-đình ly-tán. Lợi-dụng cơ hội này, đặc-công Cộng-Sản trà-trộn để phá hoại nên có nhiều tiếng súng và vài đám cháy nhỏ xảy ra trong thị-xã. Các đơn-vị cơ-giới hạng nặng cùng các chiến-xa, quân-xa của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã đậu dài từ cầu Trịnh-Minh-Thế cho đến bờ biển Tiên-Sa. Một vài nhóm quân-nhân đã uy-hiệp một tàu Hải-Quân, buộc phải đưa họ tách bến. Nhưng tàu này bất-khiển-dụng nên rất may là không có gì đáng tiếc xảy ra. Với tình-hình đó, HQ 09 được lệnh không vào Đà-Nẵng mà cũng không cập cầu Tiên-Sa.

Chiến-hạm vận-chuyển với 2 máy tiến 1, chạy lòng vòng ngoài cửa Đà-Nẵng để chờ lệnh. Chiến-hạm quan-sát thấy hàng trăm ghe tàu đủ loại đang tiến ra biển; một số ghe tiến về chiến-hạm rồi cặp vào để đưa một số binh-sĩ và thường dân lên *boong* tàu.

- 12 giờ 00 ngày 28 tháng 3 năm 1975, chiến-hạm nhận lệnh xuôi về Qui-Nhơn để đón Sư-Đoàn 23 Bộ-Binh di-tản. Trên đường đi, chiến-hạm cũng đã vớt nhiều đồng-bào từ Quảng-Ngãi, Cù-lao Chàm và Cù-lao Ré. Phần đông họ đi trên các ghe thúng hoặc ghe nhỏ. Chiều hôm đó chúng tôi đã chứng-kiến bao cảnh thương-tâm mà không sao cứu giúp được. Đó là các đồng-bào đang ở trên *xà-lan* do các tàu dòng của hãng *thầu RMK* kéo về Sài-Gòn. Tàu kéo thì quá chậm, trên *xà-lan* lại quá đông người, lẫn-lộn với nhiều binh-sĩ đầy-đu súng ống. Trời nóng như đốt, không nước, không lương-thực thì chuyện rối loạn là điều không tránh khỏi. Chiến-hạm không thể đến gần để giúp-đỡ vì lúc đó trên tàu cũng đang đầy người, nếu đến gần không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Đành bấm bụng cho tàu chạy lướt qua, để lại đằng sau những tiếng la cầu-cứu lẫn tiếng súng.

- 8 giờ 00 sáng ngày 29 tháng 3 năm 1975, đến Qui-Nhơn, lúc bấy giờ đã thấy hiện-diện nhiều chiến-hạm gồm LSM, LST, WHEC, DER và rất nhiều tiểu-đỉnh của Vùng II Duyên-Hải đang di-tản, một số quân-nhân của Sư-Đoàn 23 từ bờ ra biển. Bãi biển Qui-Nhơn với bãi cát vàng được ôm ấp bởi hàng trăm cây dừa xanh tươi, nay nhìn vào

chỉ thấy lửa và khói.

- 12 giờ 00 ngày 29 tháng 3 năm 1975, chiến-hạm được lệnh tác-xạ để phá hủy 3 bồn dầu ở ngã ba quốc-lộ 1 và đường vào thị-xã. Cùng vài chiến-hạm bạn, sau gần nửa giờ tác-xạ, 3 bồn dầu đã bị phá hủy, khói đen cao ngất che phủ một góc trời.

- 4 giờ 00 chiều cùng ngày, chiến-hạm được lệnh về Nha-Trang. Đến 4 giờ sáng ngày hôm sau thì tàu đến Hòn *Pyramid*, nằm ngoài khơi Nha-Trang. Tàu tiếp-tục xuống Hòn Yến rồi Hòn Dung để chờ sáng sẽ vào Nha-Trang bằng ngõ Cầu-Đá phía bên Hải-Học-Viện. Trời sáng dần, biển êm, gió nhẹ, chiến-hạm bắt đầu nhiệm-sở tác-chiến. Trên đài chỉ-huy nhìn hướng 10 giờ là Hòn Tre với đài kiểm-báo trên đỉnh như còn say ngủ. Bên hướng 3 giờ là con đường Duy-Tân với bao biệt-thự xinh đẹp cùng 1 dãy các *ky-ốt* dọc theo bờ cát trắng. Xa xa là Chụt, phi-trường, quân-trường Hải-Quân Nha-Trang. Xa hơn nữa là Xóm Bống, Hòn Chông, Đồng-Đế. Tất cả đều lần-lượt thấy rõ qua mắt thường. Chiến-hạm chạy từ-từ, thận-trọng, quan-sát. Có lúc chiến-hạm chạy sát bờ biển Nha-Trang đến nỗi có thể thấy rõ người đi bộ. Đặt ống nhòm nhìn càng rõ hơn, toàn người và người. Tuyệt nhiên không thấy xe thiết-giáp nào của Cộng-Sản cả. Có vài chiếc xe hơi rọi đèn pha ra phía biển, không biết có còn ai ngồi trong đó. Lúc đi ngang qua khách-sạn lớn của thành-phố, chiến-hạm thấy có nhiều người đang đứng trước khách-sạn này, có người lấy nón vẫy cầu-cứu. Từ Cầu-Đá đến Xóm Bống, bờ biển Nha-Trang dài độ 6 cây-số, chiến-hạm đi qua rồi vòng trở lại Cầu-Đá. Quan-sát kỹ nhưng chẳng thấy bóng dáng T54 như lời đồn-đãi lúc bấy giờ. Thủy-thủ-đoàn làm việc ngày đêm, ngoài việc đi phiên hải-hành thường lệ, họ còn giúp-đỡ đồng-bào lúc lên tàu. Kiểm-soát an-ninh và trật-tự vì có nhiều binh-sĩ quá-giang, nhiều đàn bà và trẻ em đang cần sự giúp-đỡ. Bận rộn nhất là nhân-viên nhà bếp, luôn-luôn phải có cơm nóng và nước uống cho đồng-bào. Tôi còn nhớ tên một vài người đã làm việc rất tích-cực như Giám-Lộ Long và Thiệu-Úy Trọng-Pháo Dũng trong chuyến công-tác này.

Ngày hôm sau chiến-hạm được lệnh tuân-

tiểu ngoài khơi vùng biển Nha-Trang. Chỉ-thị của Phó-Đề-Đốc Hoàng-cơ-Minh, Tư-Lệnh Vùng II Duyên-Hải kiêm Tư-Lệnh Tiền-Phương sau khi mất Đà-Nẵng là: tuần-tiểu và chặn bắt các tàu lạ xâm-phạm hải-phận Vùng II từ Nha-Trang đến Cam-Ranh. Vào lúc này, các tàu lạ mang quốc-tịch Trung-Cộng và Liên-Sô di-chuyển về phía Nam rất đông. Các thương-thuyền này ngang-nhiên xâm-phạm hải-phận Việt-Nam một cách trắng-trợn. Tôi báo-cáo lên cho Bộ-Tư-Lệnh Vùng II Duyên-Hải và xin chỉ-thị. Lần này tôi được lệnh không ngăn-chặn nó mà chỉ theo dõi và báo-cáo mà thôi. Số lượng tàu ngoại-quốc đi sát bờ biển Việt-Nam càng lúc càng đông, đến nỗi không thể nào kiểm-soát hết; và lại các thương-thuyền lạ này có trọng-tải và vận-tốc lớn, nên chiến-hạm ta không đủ khả-năng bám sát được. Có lần chiến-hạm thử chặn đầu một thương-thuyền có mang cờ búa liềm bằng cách chộp đèn, nhưng nó vẫn tiến mà không hề giảm tốc-độ. Buộc lòng chiến-hạm phải né sang một bên, nếu không tránh kịp sẽ bị đứt làm đôi.

- Ngày 2 tháng 4 năm 1975, chiến-hạm được lệnh tiến đến “Chụt”, một làng nhỏ cách Cầu-Đá Nha-Trang độ 1 Km để phá hủy hai bồn dầu của kho xăng nằm dưới chân núi đối-diện phía bên kia con đường. Các bồn xăng sơn màu bạc, từ chiến-hạm nhìn vào giống như hai ống khói khổng-lồ nhô lên trong đám dừa xanh. Tôi yêu-cầu sĩ-quan trọng-pháo lên đài chỉ-huy để chuẩn-bị dùng súng 76 ly tác-xạ vào hai bồn dầu đó. Chiến-hạm tiến gần sát thêm vào mục-tiêu; Giám-Lộ Long và sĩ-quan đương-phiên xác-định điểm neo. Lúc đó là 10 giờ sáng, trời tốt, biển động nhẹ, gió nhẹ. Khoảng cách mục-tiêu cần tác-xạ là 2 hải-ly. Nhân-viên vào nhiệm-sở tác-xạ, tất cả sẵn-sàng. Tôi nhìn kỹ mục-tiêu lần chót trước khi ra lệnh tác-xạ. Tôi cũng như mọi người trên tàu đều thấy rõ hàng ngàn đồng-bào đang lũ-lược lên dốc núi để qua bên kia Cầu-Đá, họ đang hướng về bến cảng nơi đó có hàng trăm ghe thuyền đang chờ đợi để di-tản về Sài-Gòn. Các ụ súng cũng báo-cáo thấy rất đông đồng-bào đang di-chuyển ngang qua bồn dầu. Tôi ra lệnh ngưng tác-xạ, theo dõi mục-tiêu và chờ lệnh. Tôi báo-cáo lên phòng hành-quân của Tư-Lệnh Hoàng-cơ-Minh

rằng mục-tiêu không thể tác-xạ được vì đồng-bào đang đi qua đó rất đông. Vài phút sau tôi lại được lệnh bằng mọi giá phải triệt-hạ hai bồn dầu đó. Biết không thể nào từ-chối việc thi-hành lệnh cấp trên, tôi chỉ cho sĩ-quan trọng-pháo nên bắn lên các đỉnh núi cao nằm phía sau kho xăng đó.

Khẩu trọng-pháo 76 ly bắt đầu nhả đạn, từng viên, từng viên nổ chát-chúa rung chuyển cả con tàu, tạo nên những cột khói trắng trên đỉnh núi cao, tựa hồ như những đám khói của các người đốt rừng để trồng-trọt.

Sau khi tác-xạ theo lệnh xong, tôi lên máy báo-cáo: đã tác-xạ 10 viên 76 ly. Bên kia hỏi cho biết kết-quả. Tôi trả lời không trúng mục-tiêu. Sau đó tôi bị dẫn-vật bởi lời báo-cáo này. Nhưng tôi không biết phải làm gì hơn, trong khi tất cả nhân-viên trên chiến-hạm cũng như tôi ai cũng cảm thấy nhẹ-nhỏm.

Ngày hôm sau, chiến-hạm lại được lệnh tiêu-hủy hai bồn dầu đó, trước khi rút về Cam-Ranh nhận lệnh mới. Chiến-hạm trở lại “Chụt” lần nữa, vẫn còn thấy nhiều người qua lại gần bồn dầu. Vì lý-do nhân-đạo tôi liền báo-cáo về Tư-Lệnh Vùng II Duyên-Hải là tôi sẵn-sàng chịu mọi trách-nhiệm vì không thể tác-xạ vào hai bồn dầu này được.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975, chiến-hạm khởi-hành về Cam-Ranh mang theo gần 500 đồng-bào và binh-sĩ. Số người quá đông nên vấn-đề ăn uống và vệ-sinh bắt đầu khó-khăn. Chiến-hạm cập cầu Cam-Ranh lúc 12 giờ trưa. Một số đông đồng-bào rời tàu để tìm phương-tiện khác vào Sài-Gòn. Bộ Tư-Lệnh Vùng II Duyên-Hải đã di-tản nên không thể liên-lạc được, một vài thủy-thủ còn lang-thang trên cầu tàu, xa xa các bồn dầu Cam-Ranh đã tiêu-hủy từ các ngày trước chỉ còn lại đồng tro tàn.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, sau 14 ngày chiến-hạm liên-tục hoạt-động không ngơi-ngủ, hai máy chành bắt đầu có trở-ngại, máy quá nóng nên chiến-hạm cho chạy một máy, máy kia nghỉ. Nước ngọt và dầu cặn đã bắt đầu cạn mà không có nơi tiếp-tế. Tôi báo-cáo mọi hư-hỏng về Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Sài-Gòn xin được về để sửa chữa và tiếp-tế. Một ngày sau Bộ Tư-Lệnh cho chiến-hạm về Phan-Thiết để tuần-tiểu từ mũi Kê-Gà đến Vũng-

Tàu. Tại đây chiến-hạm sẽ nhận tiếp-tế dầu, nước từ các chiến-hạm bạn đang cùng công-tác trong vùng. Khi nhận được tiếp-tế đầy-đủ, chiến-hạm lại tiếp-tục chở đồng-bào và quân-nhân từ Phan-Thiết về Vũng-Tàu. Ngày 16 tháng 4 năm 1975 mới được lệnh về Sài-Gòn để sửa chữa.

Ngày 17 tháng 4 năm 1975, chiến-hạm ráng lết về Sài-Gòn với 1 máy chánh tả. Cặp cầu Hải-Quân Công Xưởng (HQCX) vị-trí 1 cho đồng-bào lên bờ. Các thủy-thủ bắt đầu dọn-dẹp vệ-sinh. Tôi rời tàu, ra cổng HQCX gọi *Honda* ôm để về nhà. Trên đường đi tôi bị ám-ảnh bởi cảnh đọa-đày trên *xà-lan* mà đồng-bào ta đang chịu đựng, làm lòng tôi nôn-nóng muốn mau về để thấy mặt vợ con. Tôi nghĩ lại mình còn có hạnh-phúc hơn nhiều người.

Ngày hôm sau tôi vào Hạm-Đội và trình-diện Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-xuân-Sơn, Tư-Lệnh Hạm-Đội. Ông cũng là vị hạm-trưởng đầu tiên nhận lãnh chiến-hạm HQ 09 năm 1960 tại Hoa-Kỳ. Ông nói tôi phải đưa lệnh công-tác sửa chữa gấp cho HQCX, đồng-thời xúc-tiến ngay việc lãnh gạo và nhiên-liệu để sẵn-sàng công-tác. Đặc-biệt lần lãnh gạo này được cấp đầy kho, điều đó cũng đã nói lên ý-định của hạm-đội chuẩn-bị cho một cuộc di-tản sắp tới.

Ngày hôm sau Đại-Tá Sơn nhận được lệnh chuyển và Hải-Quân Đại-Tá Phạm-mạnh-Khuê lên thay thế. Một buổi họp khẩn-cấp các hạm-trưởng của Hạm-Đội, Đại-Tá Khuê tuyên-bố: anh em yên-chí, chúng ta vừa mới thả hai trái bom *CBU* ở Long-Khánh, Cộng-Quân đang bị chặn đứng. Mọi hoạt-động của Hạm-Đội vẫn tiếp-tục như thường lệ. Tất cả chiến-hạm phải ở trong tình-trạng khiễ-dụng tối-đa. Tất cả mọi người lạng-lẽ ra về. Tuần-lễ cuối cùng của tháng 4 năm 1975 là một tuần-lễ thê-thảm của HQCX. Máy chánh, máy điện rả ra mà chẳng có thợ xuống ráp lại. Mỗi ngày có một đốc-công xuống xem qua rồi lên, họ lắc đầu nói chờ "*part*", v.v... Các nhân-viên chiến-hạm cũng điểm danh đầy-đủ, có một sĩ-quan vào chào từ-biệt tôi để đi Hoa-Kỳ ngày 20 tháng 4 năm 1975, anh nói đã có vé máy bay vì bà xã làm ở cơ-quan Mỹ.

Chiều 29 tháng 4 năm 1975, các chiến-hạm từ cầu A cho tới sở Hằng-Hà đều đầy nghẹt người, riêng các chiến-hạm đậu trong HQCX thì ít người hơn vì vào lối này phải có người hướng-dẫn. Trung-Tá Trị, Hạm-Trưởng HQ 406 đang đậu vị-trí ngoài cùng, gặp tôi đang lúc anh đưa gia-đình ngang qua HQ 09, anh bảo tôi cùng đi nhưng gia-đình tôi chưa vào được nên tôi từ-chối.

Chiều lại, tôi tập-hợp nhân-viên trên tàu, mọi người nhìn tôi chờ đợi. Tôi nói tàu mình hư không thể chạy được, anh em nào muốn đi thì qua HQ 406, tối nay tàu sẽ khởi-hành. Riêng bản-thân tôi thì ở lại, vì vợ con tôi không vào được. Một vài người qua HQ 406, còn bao nhiêu hầu như cùng ở lại chiến-hạm như tôi.

Tối hôm đó tôi vào phòng truyền-tin để theo dõi việc di-tản. Trong phòng đã có sẵn hai nhân-viên vô-tuyến đang đàm-thoại với những chiến-hạm bạn. Tôi chỉ sợ nếu có một chiến-hạm bị bắn cháy trên đoạn đường từ Sài-Gòn ra Vũng-Tàu thì cuộc di-tản của chúng ta sẽ như thế nào? May thay đám du-kịch Việt-Cộng hai bên bờ sông Lòng-Tào và Soài-Rạp chưa đủ sức để làm chuyện này.

Sáng 30 tháng 4 năm 1975, đứng trên đài chỉ-huy tôi chỉ thấy một vài chiến-hạm còn lại đang cột ngoài phao ở giữa sông, hay cặp bến tại các cầu tàu. Phần đông các chiến-hạm đều bị bất-khiễ-dụng, chỉ có một số ít chiến-hạm không đi, mặc dầu còn khiễ-dụng 1 máy hoặc cả 2 máy. Lý-do vì không có hạm-trưởng hay cơ-khí-viên. Nhưng không phải vì thế mà chiến-hạm bị bỏ ngõ. Tất cả vẫn nhiệm-sở tác-chiến. Họ là những người lính, nên dù ở hoàn-cảnh nào, họ cũng đều tuân-lệnh và chiến-đấu hết mình. HQ 09 cũng vậy, tất cả vào nhiệm-sở để chiến-đấu dù tuyệt-vọng. Nếu ông Dương-văn-Minh không tuyên-bố đầu-hàng, chắc-chắn các chiến-hạm còn lại cũng phải một sống một chết với Cộng-quân.

11 giờ 00 sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, ông Dương-văn-Minh tuyên-bố đầu-hàng.

Tôi tập-hợp anh em một lần chót. Tôi nói:

- Anh em đã nghe rồi, chúng ta đầu hàng.
Bây giờ các anh em có quyền về nhà.

Trước khi về, anh Quản-Nội-Trưởng cho anh em mang gạo về mà ăn. Cứ mở kho, ai mang được bao nhiêu thì mang.

Tôi thay thường phục lái xe về nhà. Tôi mang theo xách tay, trong đó có 2 khẩu súng (1 *ru-lô* và 1 *Colt 45*). Theo xe tôi có Hạ-Sĩ Thành, anh là trọng-pháo nhưng luôn-luôn sát cạnh để lo ăn uống và giúp-đỡ cho tôi khi cần. Vừa ra khỏi HQCX tôi quẹo phải đường Cường-Đề. Trước hết tôi thấy bao nổi kinh-hoàng còn ghi dấu hai bên đường. Nào là các xe hơi, xe *JEEP*, xe *Honda* nằm đầy la-liệt với hàng đống *vali* và xách tay cùng hàng đống hình-ảnh và *búp-bê* rơi tung-tóc. Đến đường Hiền-Vương tôi quẹo trái, gần ngang cổng Nha Hàng-Không Dân-Sự thì gặp phải 1 chiếc T54 của Cộng-Sản đang tiến nhanh ngược chiều về phía tôi, tôi nép qua phải, chút nữa là tôi bị cán nát. Đây là lần đầu tiên tôi thấy tận mắt T54.


Về đến nhà, tôi thấy vợ con tôi và một số bà con đang ngồi bẹp dưới sàn nhà. Có lẽ mọi người cũng như tôi đã chờ đợi suốt đêm qua, nhưng mỗi người chờ đợi mỗi cách. Gia-đình và bè-bạn thì chờ tôi về để đưa đi. Còn tôi và toàn-thể nhân-viên trên chiến-hạm thì chờ đợi những giờ phút cuối cùng của lịch-sử trong đời quân-ngũ. Một lúc sau chẳng ai nói với ai một điều gì, mọi người tự giải-tán trong nặng-nề và u-uất. Tôi đưa cho Hạ-Sĩ Thành khẩu *Colt 45* và một ít tiền để anh về xe, anh ở tận Cần-Thơ. Từ đó tôi chẳng bao giờ gặp lại anh.

Những ngày đầu tháng 4 này, Sài-Gòn như lên cơn sốt bệnh tật. Nhà nhà đóng cửa, ngoài đường xe cộ chạy loạn xạ, một chiếc đâm vào nhà tôi làm sập cánh cửa sắt, mặc dầu nhà tôi ở trong hẻm nhỏ. Người lái xe chẳng ai xa lạ, mà là một cậu xì-ke nhà đầu xóm. Cậu ta vừa mới vớ được chiếc xe *Jeep* của ai mới bỏ sáng nay nên lái chạy chơi, có người còn cầm súng bắn lên trời. Sự nhớ còn khẩu *ru-lô* trong túi xách, tôi bảo vợ tôi lấy tờ báo gói lại rồi đem ném vào đống rác ở chợ Bàn-Cờ. Vợ tôi lạng-lẽ ra đi một lát sau bà về bảo đã làm xong nhiệm-vụ. Tôi tự nhủ thầm, hôm nay tôi mới thực

sự từ-giã vũ-khí.

Ngày 2 tháng 5 năm 1975, tôi đứng dậy sau một ngày nằm dài như người mê-man. Tôi cố đi một vòng quanh khu Bàn-Cờ, chỗ tôi ở. Hai bên đường, cờ Mặt-Trận Giải-Phóng miền Nam treo đầy, các bộ đội Giải-Phóng hồ-hởi phấn-khởi mặc đồ đen, đồ xanh, có người quấn khăn rằn, có người đội nón tai bèo. Họ vừa chạy xe *Honda* vừa bóp còi inh-ỏi. Một tuần sau tôi lại đi lần nữa để xem có gì khác lạ không, khi đi ngang qua rạp hát Văn-Hoa trên đường Điện-Biên-Phủ gần Ngã Bảy, tôi thấy bộ đội miền Bắc đóng đầy trong đó, ngoài cổng có hai tên đầu đội nón cối, chân đi dép râu, tay cầm *AK* báng đỏ đứng gác. Nhìn chung-quanh đường tôi chẳng còn thấy bóng dáng cờ Mặt-Trận Giải-Phóng miền Nam đâu cả, mà thỉnh-thoảng có vài lá cờ đỏ sao vàng bay trên nóc các cao ốc. Tôi nghĩ bụng, Mặt-Trận Giải-Phóng miền Nam chỉ chiến-thắng có vài ngày thôi, họ hy-sinh nhiều nhất mà thua cũng mau nhất.

Vài ngày sau tôi đạp xe chạy xuống bến Bạch-Đằng. Hôm đó trời mưa lất phất, dẫn xe đạp qua gần cầu B, tôi thấy vài chiến-hạm còn đậu ngoài phao, nhìn về phía HQCX tôi thấy mũi tàu HQ 09. Tôi im-lặng với bao niềm thương nỗi nhớ. Vinh-biệt HQ 09!

Tôi đạp xe về nhà mà lòng tái-tê. 





Người nhái Hải-Quân Việt-Nam chuẩn-bị thu chiến-lợi-phẩm trong chiến-thắng Vũng-Rô

CHUYẾN HẢI-HÀNH CÔN-SƠN



Trần-quán-Niệm

Khi tôi “tốp” ông lấy cho tôi hướng biệt-điện Bảo-Đại nhé. Tôi đợi cái phao này thẳng hàng là “tốp” đấy.

- Có ngay, Hạm-Phó.

Tôi vừa đáp vừa bước nhanh ra hông đài chỉ-huy, xoay vòng đo hướng độ la-bàn về phía đối vật, rồi nheo mắt ngắm qua khung sắt mỏng hình chữ nhật nhỏ xíu, có sợi kẽm làm chuẩn treo ngay chính giữa để lấy hướng.

- Tốp.

Tôi đáp to:

- 290.

Ông ta cúi mình trên bàn hải-đồ, gạch một nét thẳng, rồi thêm một nét nữa. Cả hai cắt nhau tại một điểm. Đó là vị-trí chiến-hạm. Tôi bước vào, nhìn qua vai ông:

- Ngay boong trên đường, Hạm-Phó.

Ông ta khẽ “ừ” ra vẻ hài-lòng rồi quay qua nhìn hạm-trưởng chờ đợi:

- Mình đang ở trên đường.

Hạm-trưởng vẫn ngồi yên trên chiếc ghế da vĩ-đại, nhìn quanh một lượt rồi gật gù:

- Hạm-Phó dẫn tàu ra đi.

- Vâng.

Ông điềm-tĩnh ra lệnh cho phòng lái:

- Mặt 5.

Tiếng phòng lái trả lời:

- 5 bên mặt.

- Lái đường 050.

Tiếng lập lại từ phòng lái vọng lên qua ống truyền-thanh:

- Thẳng đường 050.

Lúc bảy giờ trời đã muốn về chiều, tuy u-ám với những tầng mây thấp nhưng vẫn còn sáng-sủa. Chiến-hạm chúng tôi đang hải-hành qua Vũng-Tàu, một vùng tương-đối chật hẹp và nhiều tàu bè qua lại. Những phao hải-hành nằm rải-rác khắp nơi trên vùng nước nửa nâu nửa xanh, giao-lưu của luồng nước ngọt từ sông Sài-Gòn đổ ra và làn nước mặn từ ngoài khơi tiến vào. Đó là những xác tàu chìm hồi đệ nhị thế-chiến. Phao nào cũng có tên tận cùng bằng chữ *Maru*. *Maru* có nghĩa thương-

thuyền trong tiếng Nhật. Những thương-thuyền Nhật neo tại đây hay đang đi qua vùng này thì bị máy bay Đồng-Minh tấn-công và bắn chìm. Quang cảnh lúc đó chắc phải kinh-khủng lắm, với tiếng rú của máy bay, tiếng rít của bom, tiếng nổ âm-âm của những họng súng phòng-không từ chiến-hạm, từ cơ-sở bờ biển. Lửa bốc cháy từ các thương-thuyền, tiếng la hét của những người bị thương, cảnh hỗn-loạn của thủy-thủ vội-vàng nhảy xuống bè, xuống biển đào-thoát. Tất cả bây giờ chỉ còn đánh dấu bằng những chiếc phao yên-lặng lác-lur trên mặt sóng. Nhưng coi chừng. Hiểm-nguy vẫn chờ-chực dưới làn nước. Loạn-quang chiến-hạm nào đi quá gần, xác tàu chìm có thể cắt đứt lườn tàu dễ như cắt giấy. Nước ngập, chìm tàu như chơi. Và dĩ nhiên là cá-nhân vị hạm-trưởng nhận lãnh cái hậu-quả thân bại danh liệt trong lịch-sử hạm-đội, vì bị mất chức hạm-trưởng, một chức-vụ tượng-trưng vinh-dự tuyệt-đối trong nghề đi biển. Ngoài ra còn có thể bị truy-tố ra tòa-án quân-sự. Chuyện đó đã xảy ra cho một vị hạm-trưởng có tính hơi “mát”, cố-ý đi sát phao xem có đúng là xác tàu còn nằm dưới mặt nước hay không. “Soẹt” một đường rách cỡ hai ba thước dưới đường ngăn nước. Tàu nghiêng như sắp chìm. Báo hại nửa đêm chiến-hạm tôi phải khởi-hành khẩn-cấp từ Sài-Gòn, đem bơm nước, dụng-cụ phòng-tai và dòng tàu ra cấp-cứu.

Hạm-phó giao cho tôi phận-sự đứng bên hông trái đài chỉ-huy, vừa đo các đối vật để ông làm *point*, vừa quan-sát các phao.

Không-khí trên đài chỉ-huy nghiêm-trọng hẳn lên. Hạm-phó bận rộn làm *point* liên-tiếp vừa ra lệnh sửa hướng tàu đi cho đúng đường. Tôi liên-tục đọc hướng đối vật cho hạm-phó. Hơn nửa tiếng sau, chiến-hạm ra khỏi cảng, đổi đường ra khơi. Tàu bắt đầu tròn-trành trên sóng.

Hạm-phó thở phào. Ông báo-cáo:

- *Mình đang ở trên đường 070, Hạm-Trưởng.*

Hạm-trưởng từ lâu vẫn ngồi trên ghế, quan-sát sự điều-khiển của hạm-phó, gật đầu ra dáng hài-lòng. Ông tháo chiếc ống nhòm đeo ở cổ, móc vào thành ghế.

- *Hạm-phó đi phiên này phải không?*

- *Vâng, Hạm-Trưởng.*

- *Trời coi bộ xấu. Ông nhớ cho đi tuần phòng-tai. Có công-điện về thời-tiết, bảo vô-tuyến đem xuống phòng ăn cho tôi.*

Hạm-trưởng xuống ghế, rời khỏi đài chỉ-huy. Mọi người đứng nghiêm chào. Ông không dặn-dò nhiều. Lệnh trực đêm ông đã viết sẵn trong sổ hải-hành. Hải-đạo đã được định trước trên hải-đồ. Hạm-phó có nhiều năm hải-nghiệp, kinh-nghiệm dồi-dào và cẩn-thận. Ông được sự tin-tưởng của hạm-trưởng. Có tin đồn sau chuyến hải-hành này ông sẽ thuyên-chuyển sang chiến-hạm nhỏ hơn với chức-vụ hạm-trưởng.

Mọi người có vẻ thư-thái. Tôi kéo cao cổ áo dạ-hành. Gió bắt đầu thổi mạnh mang theo hơi lạnh.

- *Trời u-ám quá, Hạm-Phó.*

Những đợt sóng dội vào thành tàu. Con tàu rướn mình lên. Khi hụp xuống lườn tàu gối ngang thân sóng, tiếng động âm-âm. Chắc đêm nay biển động. Hạm-phó dùng ống nhòm quan-sát một vòng. Chân trời đã bắt đầu lơ-mờ, lẫn vào màu biển. Hoàng-hôn đỏ xuống thật nhanh. Biển xám ngắt. Mây chiu thấp đe-dọa. Tôi cũng dùng ống nhòm quan-sát xa xa:

- *Có vòi rồng hút nước, Hạm-Phó.*

Tận chân trời, từ bức thành mây xám dày đặc treo lơ-lửng chắn ngang, một chiếc vòi thành hình, xoáy nhanh và từ-từ thò xuống mặt biển, y hệt có một sinh-vật vĩ-đại nào đó nắp trên mây thò vòi xuống hút nước như dân-gian vẫn truyền-tụng. Tôi biết đó chỉ là một cơn lốc xoáy, tạo thành bởi hai vùng áp-lực cao, thấp của khí-quyển giao nhau, nhưng vẫn xuýt-xoa trước hiện-tượng kỳ-lạ của thiên-nhiên. Mọi người trên đài chỉ-huy đều chú mắt nhìn. Hạm-phó tặc lưỡi:

- *Chà, đêm nay coi bộ mệt rồi. Sóng đã bắt đầu khá.*

Chiến-hạm chuyển mình rặng-rắc, chao-đảo, sóng đập vào mũi tàu tan thành bụi nước theo gió tạt lên tận đài chỉ-huy. Tôi liếm môi thấy mặn-mặn. Là sĩ-quan kém thâm-niên nhất, thuyên-chuyển xuống tàu mới mấy tháng, tôi được chỉ-định đi phiên với hạm-phó để học-hỏi. Ông to cao, trầm-tĩnh, tốt bụng nhưng ít nói. Quai hàm

bạn ra, cương-quyết. Tuy không để râu xồm-xoàm như những thủy-thủ ngày xưa, nhưng vẫn phảng-phất nét lì-lợm của một sói biển. Tôi rất kính-phục ông. Thận-trọng, kỹ-lưỡng và chưa thấy ông tỏ vẻ hoảng-hốt bối-rối lần nào.

Tôi ôm cột la-bàn, thân hình nghiêng qua, đảo lại lấy thăng-bằng, đồng thời nghe-ngóng tác-dụng của sóng trong tôi. Được nửa phiên, hạm-phó nói:

- Anh Tâm xuống bảo thám-xuất cho chạy radar. Sau đó đi tuần một vòng chiến-hạm rồi lên báo-cáo cho tôi. Nhớ báo toán Địa-Phuong-Quân và dân-chúng tìm chỗ kín-đảo mà nằm. Dặn họ tụyệt-đối không được ra ngoài boong tàu.

Tôi kéo chiếc mũ vải xuống một chút cho chặt để tránh bị gió thổi mất, rồi vịn thành cầu thang leo xuống. Phòng radar ấm-áp, các cửa tò-vò đóng kín. Hai nhân-viên thám-xuất cúi đầu trên màn ảnh.

- Hạm-phó nói bật radar.

- Xong rồi thiếu-úy. Écho tốt.

Vạch lân-tinh quét tròn đều-đặn. Mặt kính lẩn-tẩn như tuyết, phản-ảnh thời-tiết xấu và sóng trên mặt biển. Núi Vung-Tàu hiện ở phía sau. Về hướng 10 giờ, lơ-mờ hình-ảnh một đối vật khá to. Viên trung-sĩ thám-xuất nhanh-nhẩu:

- Đám mây đó, Thiếu-Úy.

Tôi bước tới trước cửa tò-vò, lấy tay xoa mặt kính, cố nhướng mắt nhìn ra ngoài. Trời tối đen. Tia chớp sáng ngoằn-ngoè như điện. Tiếng sấm ì-âm, nghe văng-vẳng mơ hồ. “Ầm” bất chợt một khối nước biển trắng xóa đập mạnh vào cửa kính. Tôi giật mình lùi lại. Đúng lúc con tàu chao nghiêng làm tôi lảo-đảo. Cố-gắng lấy thăng-bằng thì tàu đã nghiêng về phía đối-diện, làm thân hình tôi lại ngã theo. Ngoài kia biển trời bắt đầu lên cơn thịnh-nộ, thách-thức kiếp người đi biển.

Mới hồi chiều tại bến Bạch-Đằng, trời thật đẹp. Chiến-hạm cập cầu Tự-Do, nước sơn mới tươi lên trong nắng. Dung và tôi ngồi uống nước tại một kioskue bên đường. Nàng chum môi hớp một hớp nước chanh muối. Đôi môi mềm, tươi như một cánh hoa. Tóc tề đen mượt xõa trên vai áo trắng nữ-sinh. Tôi nhấp một hớp bia. Lòng ngây-ngất như say. Biết tôi ngắm nàng chăm-chú, Dung có vẻ

thẹn, khê cần môi. Hàm răng trắng trong như ngọc.

- Cái ống tròn tròn kia là gì hả anh?

Tôi nhìn về phía chiến-hạm. Cái ống tròn tròn? Biết bao nhiêu là ống tròn trên chiến-hạm, nàng muốn hỏi ống nào đây? Tôi đáp đại:

- Chắc ống khói đó em.

- Không phải. Anh chúa là hay trả lời ẩu.

Cái to to kia kia.

Tôi nheo mắt, nhìn theo tay nàng. Trước hết chỉ thấy bàn tay với những ngón thon mềm. Trời ạ, đài chỉ-huy của chiến-hạm mà nàng bảo là cái ống thì có chết người không cơ chứ. Đầu não của chiến-hạm là ở đây.

- Đài chỉ-huy đấy em ạ.

Dung cười khanh-khách:

- Thật không anh. Sao nó chênh-vênh giống chuông chim bồ-câu. Lại lệch qua một bên?

Tôi uống từng tiếng cười dòn tan, nhìn khuôn mặt lí-lắc:

- Tàu anh là loại tàu đặc-biệt, cần khoảng trống ở giữa để chở hàng, thành thử đài chỉ-huy phải nằm một bên để đỡ choán chỗ.

- Chiến-hạm mà cũng chở hàng sao? Dung tưởng anh đi tàu tuần chứ?

Chết thật, có vẻ Dung nghĩ tôi là loại lính cù-lần, lính cậ, không dám đi tàu chiến mà lại đi tàu hàng. Em gái hậu-phương nào chả muốn người anh tiền-tuyến của mình anh-hùng, hào-hoa phong-nhã. Một tay lái tàu, một tay bắn súng, miệng thì hát bài *Hoa Biển*. Tôi vớt-vát:

- Tàu anh chở hàng nhưng loại hàng đặc-biệt, đó là xe tăng, súng đạn tiếp-tế cho các đơn-vị bạn.

Dung nhìn tôi tinh-nghịch:

- Sao từ nãy, Dung thấy toàn đàn bà, con nít, gà vịt xuống tàu không hà?

Tôi ngăn người, cười trừ:

- Chịu em. Gớm, nữ-sinh trường Luật có khác. Quay anh như chong-chóng. Chuyến này tàu anh công-tác Côn-Son, chở toán Địa-Phuong-Quân và công-chức thuyền-chuyển thay thế toán cũ. Vợ con họ cũng đi theo, mang gà vịt ra đảo chuẩn-bị ăn Tết đấy mà.

Sau lúc đầu nhón-nháo chen-chúc trong lòng tàu, bây giờ đám hành-khách quá-giang nằm la-liệt trong hành-lang. Họ trải chiếu nằm khắp nơi. Vợ chồng con cái túm-tụm bên nhau. Nhiều chỗ tôi phải lựa chân mới bước qua được. Lồng gà vịt ngổn-ngang. Tôi rọi đèn *pin*. Chúng mở mắt nhìn, vẻ mệt-mỏi lơ-ờ, phần vì quáng gà, phần nữa vì say sóng. Mấy con heo con nằm ủ-ủ trong lồng, lặn qua lặn lại theo nhịp lắc. Không biết đám gia-súc này chịu đựng ra sao, nhưng chính mắt tôi đã thấy chuột say sóng. Khi nói đến thương-thuyền, ngay cả chiến-hạm, tàu nào cũng có chuột. Mỗi khi tàu cập bến, chuột phăng theo dây cột tàu, tiến chiếm mục-tiêu. Tàu nhiều ngô-ngách, tha-hồ ẩn núp, tuy-nhiên chiến-hạm không phải là tàu chở hàng-hóa, đâu có cơm gạo thóc lúa rơi vãi nhiều mà ăn, nên anh nào anh ấy gầy nhom. Tuân theo luật thiên-nhiên, thức-ăn có hạn nên họ-hàng nhà chuột cũng chỉ sinh nở có hạn. Lâu lâu số chuột nhiều quá, thừa miệng ăn, những anh chuột thanh-niên, tôi đoán thế, phải khấn gói quả mướp, bỏ tàu lên bờ, tha phương cầu thực. Lại phăng theo dây cột tàu mà đi. Đôi khi chúng nhảy đại xuống nước rồi vừa bơi, vừa lặn như người nhái, men theo bờ cát, vừa đụng bờ là chạy thực mạng. Có sách bàn hươu tán vượn, cho rằng chuột bỏ tàu là triệu-chứng tàu sắp chìm, làm tôi cũng sợ. Nhưng rồi thấy chuột lên bờ hà rầm, chiến-hạm vẫn phom-phom hải-hành từ chuyến này đến chuyến khác, làm tôi hết tin-tưởng túi khôn của người xưa. Số còn lại toàn dân chì, sinh nở đời này qua đời kia, quen với nhịp lắc-lư của con tàu. Ấy thế mà gặp mùa bão, biển động dữ-dội, con tàu ngất-ngư nghiêng-ngả ngày này qua ngày khác, chuột cũng đói meo, say sóng chí tử. Mới đầu nghe kể chuyện tôi cho là đàn anh đi biển phóng đại dọa đàn em mới vào nghề. Một lần trên chuyến hải-hành thực-tập trên tàu *PGM*, gặp mùa biển động chúng tôi say sóng đến mềm người, xác-xơ phờ-phạc, mưa thốc mưa tháo, rũ ra như cái mền rách. Vừa hết phiên, tôi lão-đảo mò xuống phòng kiểm chỗ ngủ, thì đụng đầu ngay một anh chuột. Người và vật nhìn nhau. Nó ngổi chình-ình ngay giữa lối đi, thấy tôi loạng-quạng đi tới cũng chẳng thèm tránh. Mới đầu tôi tưởng nó bệnh, nhưng nhìn vẫn thấy khỏe mạnh, lông

mướt láng, chỉ có vẻ lơ-ờ thôi. Lúc bình-thường thế nào tôi cũng đá cho nó một đá, nhưng lúc này thì chẳng còn lòng dạ nào, khẽ lấy chân đẩy nó sang một bên. Nó uể-oải bò được mấy bước rồi lại ngổi ngậy ra, bất cần đời. Không thấy nó ói mửa gì, nhưng mỗi lần nghĩ đến hình-ảnh anh chuột say sóng như chúng tôi là tôi lại cười thầm.



Mùi dầu nhớt, mùi không-khí hầm bí, mùi tanh của ói mửa làm tôi choáng-váng, lợm giọng, vội đi cho nhanh. Trong hóc kẹt, một người đàn bà bụng chứa thè-lè, nằm ngủ cùng mấy đứa con. Chắc chị này sanh năm một nên mấy đứa nhỏ sàn-sàn tuổi nhau. Tôi còn nhớ máy bay không nhận hành-khách có bầu lớn quá, sợ dễ rơi trên phi-cơ, còn chiến-hạm không thấy nói đến luật-lệ này. Thấy tôi chị ta thều-thào, mệt nhọc:

- *Say sóng quá Thiếu-Úy ơi. Thiếu-Úy có thuốc cho em xin vài viên. Chắc em chịu hết nổi rồi. Sao mà tàu lắc quá vậy.*

- *Tàu đâu có thuốc chống say sóng. Chị cố ngủ một lúc thì nó bớt đi. Gần sáng là tàu đến bến. Chồng chị đâu rồi?*

Hồi chiều khi chị ta xuống tàu, tôi thấy anh chồng Địa-Phương-Quân nhỏ thó, lóm-thóm đi cùng chị, chặn đất lữ trẻ.

- *Em nhờ nhà em đi xin ly nước nóng để pha sữa cho cháu. Thiếu-Úy có thấy nhà em đâu thì nhấn dùm em.*

Tôi lão-đảo đi về phía trước. Ánh đèn màu đỏ đục lờ. Hơi người nồng bí. Phần mũi tàu là phần chịu sóng nặng nhất. Từng chập, con tàu phóng vào bức tường nước. Lượn sóng khổng-lồ như chặn đứng trớn đi khiến nó rùng mình, ngần-ngừ, rướn mình lên rồi đâm bổ xuống trúng sóng. Lúc này thân sóng đã gối ngang lườn tàu, khiến nó rung chuyển mạnh như muốn gãy đôi. Cửa *ramp* kêu rắc-rắc nhưng vẫn đóng chặt. Nước tràn đầy lòng tàu, rồi lại ào-ạt rút đi. Con tàu bình-thường chắc-nịch, nay đối-diện với sức mạnh thiên-nhiên, bỗng trở nên mong-manh ọp-ẹp.

Trên vòng về, tôi ghé phòng máy. Tiếng máy

chạy âm-âm. Mùi dầu mỡ khét nghẹt, làm tôi nhờn-nhợn muối ói. Tôi hét to vào tai anh cơ-khí trực:

- *Có gì báo-cáo không?*

Anh ta cũng ghé vào tai tôi quát:

- *Không, Thiếu-Úy.*

Trước phòng máy anh Địa-Phương-Quân nằm cong như con tôm, co rúm lại như đứa trẻ. Bên cạnh anh lăn-lóc cái ly nhựa.

- *Sao anh này lại nằm đây?*

- *Giời ơi! Em chết mất quan tàu ơi. Sao mà sóng quá thế này. Ói tôi mất rồi. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ em mới biết thế nào là say sóng. Thiếu-Úy có cách nào cho em lên bờ. Hoặc cho em viên đạn, em chết cho rồi. Nếu biết thế này em chẳng đi tàu làm gì.*

- *Nói bậy nào. Để tôi ấy cho anh ly nước khác, ráng trở về chỗ vợ anh nằm, chị ấy đang đợi đấy.*

- *Em có nhớ nó chỗ nằm ở chỗ nào đâu mà tìm. Em lần mò vòng-vòng rồi đi lạc tới đây. Oe, oe.*

Anh ta ôm bụng nôn thốc vào cái xô để ở bên cạnh, chắc do cơ-khí cho mượn. Có đưa anh ta ly nước, chắc anh ta cũng không còn sức để đi, tôi nghiêng-ngả, cố giữ thăng-bằng trở về đài chỉ-huy.

- *Báo-cáo Hạm-Phó, tuần phòng-tai xong.*

Ông ta đứng tựa thành tàu, khuất sau tấm kiếng cho nước khỏi tạt. Lạnh và ẩm-ướt. Độ nghiêng-ngả của con tàu làm đầu óc tôi lũng-bùng, dạ dày đảo lộn, nước chua đã ứa lên tới cổ họng. Tôi cố dần cơn say, liếc quanh. Hạm-phó lâm-lì. Máy nhân-viên đi phiên mặt tái xanh, cố-gắng chịu đựng, tuy-nhiên vẫn chu-toàn nhiệm-vụ. Lâu lâu những đợt sóng lớn muốn trùm lấy đài chỉ-huy. Nước biển làm quân-phục chúng tôi ướt đẫm. Mưa gió quạt vào mặt rất sần-sạt như những vết roi. Bên ngoài tối đen như mực nhưng chúng tôi vẫn cố-gắng dùng ống nhòm quan-sát. Chúng tôi phải phụ-thuộc phần lớn vào *radar* để kiểm-soát mặt biển. Dung ơi, “chiếc chuồng bê-câu chênh-vênh” nghiêng qua vật lại với biên độ tối-đa. Loại lác mà anh trung-sĩ giám-lộ thường khời-hài “dùng mũ sắt múc được nước biển”. *Ăng-ten radar* rung chuyển

rắc-rắc như muốn gãy. Tôi hồi-tưởng đến những kỳ đi biển thực-tập kinh-hoàng hồi còn là sinh-viên sĩ-quan. Để huấn-luyện sinh-viên ném mùi biển cả, bộ chỉ-huy lựa mùa biển động nhất và loại tàu lác nhất. Tôi rũ ra như túm giẻ rách, phục xuống trong một góc, hai tay búi lấy tay vịn đài chỉ-huy, mặc cho sóng đưa qua đẩy lại, như cái xác không hồn. Lâu lâu lại chạy vội ra xô để nôn. Thức ăn, nước uống, chất mật đắng ngòm, tanh nồng phọt ra có vôi. Kỷ-niệm cay-đắng nhất là có lần tôi vừa cúi xuống thì chiếc mũ *cát-két* đang đội trên đầu tuột xuống, nằm lật ngửa trên miệng xô. Thấy vậy mà cơn nôn vẫn nín không kịp, thốc-tháo vào lòng chiếc mũ. Đổ đi. Phơi lên. Còn ẩm-ẩm nhờn-nhờn mà sáng sau vẫn phải đội ra tập hợp. Có anh say đến bí đá, nằm rên hừ-hừ, kêu cha kêu mẹ. Có anh lên đến Cầu-Đá, ngoái cổ lại thấy chiến-hạm neo ngoài khơi, bông-bệnh lác-lư, lại ôm bụng nôn tiếp. Người trong nghề gọi là say sóng đất, vì sau nhiều ngày bông-bệnh trên biển, lên đến bờ mà đất trời vẫn còn quay cuồng. Sau lần đi biển đầu tiên tôi hoảng quá vì tưởng mình chọn nhầm nghề, say sóng kiểu này làm sao chỉ-huy, làm sao làm việc trên chiến-hạm. Vấn kế đàn anh thì họ cho biết, rồi quen đi. Trách-nhiệm và danh-dự của sĩ-quan chỉ-huy không cho phép mình gục xuống trước mặt nhân-viên. Cố-gắng. Cố-gắng mãi rồi cũng phải quen. Trong nghề đi biển hơn nhau ở mức độ chùi sóng. Hạm-trưởng ngồi tỉnh bơ trên đài cao, còn phi-phà điếu *Bastos* hồi rình, người chung-quanh vừa ngủ đã muốn ói, nhân-viên mới phục. Cũng như lính bộ, cấp chỉ-huy phải lì trận chiến, về hậu-tuyến uống rượu như nước lã, chơi bời chọc trời khuấy nước, đàn em mới nể, ra trận mới hết lòng sống chết có nhau. Tôi thuộc nằm lòng bí-quyết này. Cố-gắng chịu trận. Rồi cũng quen, tuy chưa đến độ chì. Nhưng không phải ai cũng đạt được. Trong cả ngàn người, vẫn có người mà ý-chí không khuất-phục được sự yếu-kém của cơ thể. Đó là trường-hợp một vị cố sĩ-quan cao cấp. Khi còn ở chức đại-úy hạm-trưởng, ông dẫn tàu ra khơi trong một chuyến hải-hành vào mùa biển động dữ-dội. Chịu không nổi cơn say sóng, ông rũ-liệt, không đủ sáng-suốt để chỉ-huy. Tàu về bến bình-an nhờ sự lèo-lái của hạm-phó và nhân-viên.

Trong truyện ngắn để đời “*Cấp 94*” ông đã diễn-tả trung-thực cái tâm-trạng yếu-kém, tủi-nhục và cô-đơn, sự cố-gắng chiến-thắng bản-thân mà không thể được. Ông đã đệ đơn từ chức hạm-trưởng để phục-vụ các đơn-vị bờ.



Chẳng ai nói với ai một lời, chúng tôi lằm-lì chờ đợi hết giờ đi phiên, giao cho chi-đội khác rồi vội-vàng xuống giường nằm nghỉ.

Trong giấc ngủ chập-chờn, con tàu vật-vã, rên-rỉ, lão-đảo trong đêm tối cố-gắng chịu đựng cơn thịnh-nộ của biển trời. Tôi nằm nghe tiếng xô đẩy của bát đĩa trong phòng ăn và cả ngàn tiếng động đủ loại. Chỗ nào cũng lắc-lư run-rẩy. Tiếng máy chạy âm-ì, nhiều khi rú cao vì chân vịt rời khỏi nước quay tít trong không-khí. Con tàu chồm lên hụp xuống, kêu răng-rắc như muốn nứt thành từng mảnh.

Tôi thiếp đi trong mỗi-một. Tôi mê thấy anh chuột say sóng ôm bụng ói. Những con khác cười ngặt-nghèo, chế-nhạo.

- *Thiếu-Úy, dậy Thiếu-Úy. Có người đàn bà đau đẻ.*

Tôi hoảng-hốt bưng tỉnh. Trong một giây, tôi không biết mình đang ở đâu. Rồi tỉnh dần. Hóa ra tôi đang ở trên chiến-hạm hải-hành. Nhưng tôi vẫn còn mơ-màng. Tại sao lại có đàn bà đẻ. Mà đàn bà đẻ thì liên-quan gì đến tôi. Tôi tỉnh hay mê? Thấy tôi còn ngờ-ngác, người nhân-viên nhắc:

- *Có người đàn bà đau bụng đẻ. Y-tá Hưởng nói mời Thiếu-Úy lên ngay.*

Là sĩ-quan kém thâm-niên nhất chiến-hạm, theo thông-lệ, tôi được chỉ-định giữ chức-vụ coi về ẩm-thực và y-tế.

Tôi uể-oải:

- *Anh lên trước đi. Tôi thay quần áo rồi lên sau.*

Tàu vẫn chòng-chành dữ-dội. Tôi còn bàng-hoàng ngất-ngự. Yếu-ớt và ớn lạnh như vừa ốm dậy. Miệng đắng nghét. Cổ họng chua lè như muốn ói. Tôi muốn nằm xuống ngủ nướng, nhưng rồi

cũng cố-gắng mặc bộ quân-phục còn ẩm-ướt. Vừa cột dây giầy tôi vừa nghĩ-ngợi, nửa muốn lên, nửa muốn không.

Tôi sang phòng ăn, ánh đèn *neon* lạnh-lùng. Đồ-đạc ngổ-ngang xô lệch. Một vài cái ly lăn-lóc dưới gầm bàn, vỡ nát. Tôi mở tủ lạnh kiếm nước uống rồi ngại-ngùng leo cầu thang lên nhà bếp cạnh phòng thuốc của y-tá Hưởng. Tôi đoán không sai, chị vợ anh Địa-Phương-Quân với cái bụng chứa vượt mặt. Chị ta nằm tênh-hênh trên chiếc bàn nhôm. Hai chân dang rộng. Hai nhân-viên nhà bếp giữ hai bên hông để chị khỏi lăn. Y-tá Hưởng kiếm đâu được tấm *drap* trắng đắp ngang bụng chị. Y-tá Hưởng, đeo *găng* tay cao-su, cúi-húi đỡ đẻ. Mỗi lần chiến-hạm nghiêng theo sóng, *soong* nôi lại kêu loảng-xoảng. Chị đàn bà oằn-oại trên bàn, vừa rên, vừa khóc, vừa rửa chông, mắt vẫn nhắm nghiền. Tôi đứng xa xa cạnh tủ thuốc, không dám lại gần để nhìn “một loài hoa nở”. Có tiếng khóc oa-oa. Y-tá Hưởng nói to:

- *Xong rồi, con gái.*

Chị vợ mặt xanh lè, không mở mắt nổi để nhìn con. Hai anh nhà bếp có bộ sốt ruột.

- *Xong chưa, ông thầy?*

Y-tá Hưởng gắt:

- *Chưa đâu.*

Anh ta ngó tôi, vẻ bối-rối:

- *Đứa nhỏ ra rồi, sao nhau không ra hết.*

Chắc sốt nhau quá thiếu-úy. Bây giờ làm sao? Chiến-hạm mình đâu có dụng-cụ nạo.

Tôi bối-rối không kém, nói lửng-lơ:

- *Tôi cũng không biết. Hay đợi sáng mình gọi y-tá trên đảo xem sao. Chị ta đợi có được không?”*

- *Chắc cũng được.*

Hạ-sĩ Triều nhà bếp, lanh-chanh, lượm cái môi múc canh to tổ chẳng trên sàn.

- *Có cái này, anh Hưởng thử xem.*

Y-tá Hưởng nạt:

- *Mày nói ghê thấy mẹ nội. Dẹp đi mày. Phải có dụng-cụ y-khoa đằng-hoàng chứ. Bộ mày tưởng dễ như nạo cơm cháy hả?*

Hạ sĩ Triều cười hề hề:

- *Ai biết. Cứ nghe ông nói nạo với múc hoài.*

Tưởng nhúng nước sôi khử trùng là được.

Anh ta quơ-quơ cái môi giữa hai chân chị đàn bà, làm bộ mức để trêu y-tá Hưởng.

Tôi can-thiệp:

- *Thôi mấy cậu chịu khó vực chị ta sang băng-ca. Lấy mền đắp cho chị ta. Anh Hưởng lo cho đứa nhỏ. Có anh nào xuống phòng máy báo cho chồng chị ta hay.*

- *Em có xuống lúc nãy. Anh ta ói đến mặt xanh, mặt vàng, nằm như chết. Lay mãi cũng chẳng nhúc-nhích nổi.*

- *Thế thì thôi. Để tôi báo-cáo hạm-phó và bảo vô-tuyến liên-lạc trên bờ cho họ chuẩn-bị sẵn.*

Trời vừa sáng thì tàu tới Côn-Sơn. Trời mây quang-dăng. Con bão ngăn-ngủi hành-hạ chúng tôi suốt đêm đã tan. Chỉ còn những lượn sóng ngấm. Chiến-hạm thả neo, mở cửa đổ bộ. Người đầu tiên theo ca-nô vào bờ là chị Địa-Phương-Quân, cùng với y-tá Hưởng bế theo đứa nhỏ. Anh công còn sặc-sù, ở lại chặn đàn con, đi những chuyến sau.

Trong bữa ăn sáng, tôi thuật lại cảnh đỡ để đã-chiến cho hạm-trưởng, hạm-phó và toàn-thể sĩ-quan.

- *Bị mời lên xem để, tôi hãi quá, tính trốn*

luôn. May nhờ y-tá Hưởng mát tay, nên mẹ tròn con vuông cũng đỡ. Anh ta thú-thật có học đỡ bao giờ đâu. Chị ta say quá nên dễ non. Vừa vực vào bếp, đứa nhỏ đã muốn tuột ra, chỉ việc kéo phụ là xong.

Đến đoạn Hạ-Sĩ Triều đòi lấy môi mức nhau, cả bàn cười ồ, chỉ có Trung Úy Cát ngồi im-lặng, bỏ dở phần ăn sáng. Hạm-phó nói:

- *Để kỳ này đề-nghị “bác-sĩ” Hưởng là cá-nhân xuất-sắc trong tháng của hạm-đội, với thành-tích đỡ để vượt bực. Được không Hạm-Trưởng?*

Sau bữa ăn, Trung-Úy Cát kéo tôi ra hỏi nhỏ:

- *Có thực thằng Triều lấy môi mức thật không? Ông nói tôi hay?*

Tôi định nói đùa, nhưng khi thấy bộ mặt không cười của Cát, lại thôi. Cát vừa bỏ đi vừa lảm-bảm:

- *Dù sao, kể từ nay tôi cũng nhất định không ăn canh do thằng ấy nấu nữa!*

Buổi trưa, đã lấy lại sức sau chuyến hải-hành, nhân-viên làm vệ-sinh chiến-hạm.

Tôi cùng mấy sĩ-quan lên bờ chơi cho biết. Đảo có hệ-thống hành-chánh để quản-trị tù-nhân,



Hải-vận-hạm Hậu-Giang HQ 406

lại có cả một phi-trường nhỏ, phi-trường Cỏ-Ổng. Tôi muốn thăm viếng trại tù để chứng-kiến tận mắt nơi ngày xưa thực-dân Pháp giam-hãm đầy-đọa các nhà cách-mạng. Trại không đặt ở đây, mà ở mãi bên kia đảo. Trên đường tới dinh quận, hỏi thăm phép-tắc viếng trại, tôi bỗng nghe ai gọi:

- *Thiếu-Úy, Thiếu-Úy.*

Quay lại đã thấy anh chàng Địa-Phương-Quân lễ-mễ ôm quả dưa hấu:

- *Có món quà nhờ thiếu-úy kiếng lên hạm-trưởng và quý vị sĩ-quan dùng lấy thảo trong dịp Tết. Em cũng nhờ thiếu-úy cảm ơn hộ bác-sĩ đã lo dùm cho mẹ con nó.*

Tôi còn ngần-ngừ, chưa biết nói sao, anh ta

đưa thêm một tờ giấy đánh máy sẵn:

- *Thiếu-Úy trình lên quan hạm ký dùm em tờ giấy chứng-thực để em làm khai-sinh cho cháu.*

Tôi đọc lướt qua. Đó là giấy chứng-nhận em bé gái đã được sanh trên tàu, tên Nguyễn-Thị-Hậu-Giang.

Tôi ngạc-nhiên, chiến-hạm tôi là Hải-vận-hạm Hậu-Giang.

- *Anh đặt tên khéo quá nhỉ? Sao anh biết?*

Anh cười nhe hàm răng sún:

- *Dạ. Em say sóng tưởng chết luôn, có biết gì đâu. Cô y-tá trưởng tại trạm bày cho em đó, Cố bảo lấy tên chiến-hạm đặt cho nó, vừa lấy hên, vừa làm kỷ-niệm.*



Truyền-thống Hải-Quân: lễ Xuyên Nhật-Đạo



TRƯỜNG-SA HÀNH

LTS.- Do yêu-cầu, tôi đã dàn-xếp để Thiếu-Tá Đinh-thành-Tiên, tức thi-sĩ Tô-thùy-Yên, Trưởng Phòng Văn-Nghệ Cục Tâm-Lý-Chiến và mấy nhân-viên khác, tháp-tùng chiến-hạm đi thăm quần-đảo Trường-Sa với hy-vọng sẽ có một loạt bài viết về chuyến đi này.

Khi tàu đã xong công-tác, về bến, tôi có gọi qua hỏi xem sao và có ý nhắc. “Sao chưa thấy ai viết gì về chuyến công-tác này cả vậy..? Tô-Thùy-Yên nói: “Viết cái mẹ gì được. Tàu đi trên sông Sài-Gòn thì tụi này còn đứng trên boong tàu nhìn sông Sài-Gòn từ đầu tàu qua sau lái. Gió hiu-hiu, cũng hay. Khi tới Nhà-Bè, tàu chạy nhanh hơn, ngửi cái mùi gas-oil tụi này đã muốn mửa, và chỉ muốn đi nằm và nằm luôn. Vì từ đó, con tàu khổng-lồ của các ông cứ chồm lên, có lúc như ở trên đỉnh núi, có lúc rập xuống cái rầm, kêu rầm-rắc. Tụi tôi sợ quá, hỏi mấy sĩ-quan Hải-Quân xem có chuyện gì không. Họ bảo sóng gió như thế là thường. Mấy ngày sau còn khiếp hơn. Tàu đóng kín cửa, tụi này nằm bẹp trong phòng, mưa ra cả sàn, đầu còn thấy trời đất đâu mà viết...” Tôi chỉ cười! Tô-Thùy-Yên lại nói: “Có đi trên tàu mới thấy cái mệnh-mông đến ghê khiếp của biển trời, mới thấy cái nhỏ bé, vô nghĩa của kiếp phù-sinh. Có đi từng bước hụt-hẫng, mới thấy thêm đất quá. Quả lúc ấy, tụi này mới thấy muốn đi cầu cũng đành chịu. Nhưng khi tàu ghé đảo tụi này nhào

lên đất ngay. Khiếp con tàu quá sức! Ở trên đảo nướng khô cá ăn, nhìn mấy cây dừa xơ-xác vật-vã trước gió, quả là cái cảnh hoang-vu rất lạ của biển trời. Mà ông ơi, nhìn lại con tàu mà ngán. Vì còn phải bám vào đó mà về đất liền nữa chứ ông... Về, ông ơi, biển lặng. Đêm nhìn sao như đặc cả trời. Nổi mệnh-mông như quánh lại. Toàn thân mình nổi gai”.

Nghe bạn nói thế, tôi vừa thấy thương và vừa buồn. Một phái-đoàn báo chí ra đi, mà chẳng ghi lại được gì thật uống. Nhưng sau đó, tôi đọc được bài Trường-Sa Hành của Tô-Thùy-Yên viết về chuyến đi này. Bài thơ dài 64 câu. Tôi đọc mà rợn tóc gáy. Qua cái nhìn lần đầu với đảo, với cái mệnh-mông vô tận của biển trời của thi-sĩ quả là hùng-vĩ. Tôi mừng lắm! Tôi cho rằng tất cả các tác-phẩm mấy chục năm của Việt-Nam Cộng-Hòa, chưa có tác-phẩm nào lột tả được cái hùng-tráng của thiên-nhiên như Tô-Thùy-Yên đã viết. Chưa ai thấy được cái sợ-hãi đến lạnh mình như ông đã thấy. Và tất-nhiên, trên là tất cả, là nét sống trong cô-đơn mà đòi hỏi đầy nghị-lực, đầy gian-khổ của thủy-thủ Hải-Quân Việt-Nam.

Sóng thiên-cổ khóc biển tang-chế

Hữu hạn nào không tử nhỏ-nhoi.

Thôi hãy xem mình đứng trên hốc đá của Trường-Sa mà trôi theo với tâm-trạng của Tô-Thùy-Yên với Trường-Sa Hành.



Phan-Lạc-Tiếp

TRƯỜNG-SA HÀNH

*Toujours il y eut cette clameur,
toujours il y eut cette fureur..*
Saint John Perse

Trường-Sa! Trường-Sa! Đảo chuyển-choáng!
Thăm-thẳm sầu vầy trắng bốn bề.
Lính thú mười người lạ sóng nước,
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.

Mùa Đông-Bắc gió miên-man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tua.
Ta hỏi han, hề, Hiu-Quạnh lớn
Mà Hiu-Quạnh lớn vẫn làm ngờ.

Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ.
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên

Bốn trăm hải-lý nhớ không tới.
Ta khóc cười như tự bạo hành,
Dập giận vác khòm lưng nhẩn-nhục,
Đường thân thế lờ, cố đi nhanh.

Sóng thiên-cổ khóc, biển tang-chế.
Hữu hạn nào không tử nhỏ-nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng-dương khóc trắng trời.

Mùa gió xoay chiều, gió khốc-liệt,
Bãi Đông lở mất, bãi Tây bồi.
Đám cây bật gốc chờ tan xác,
Có hỡi ra đời chẳng chọn nơi?

Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng-ả bập-bênh
Nhu những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch-mịch long-lanh.

Mặt trời chiều rã rung rung biển.
Vàng khói chim đen trắng thốt quần,
Kinh động đất trời như cháy đảo.
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân.

Ta ngồi bên đống lửa man-rợ,
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi,
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả-tơi.

Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn-xứ,
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu.

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Nhu người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảnh đời tê đặng
Mà gửi cùng mây, đổ thắm-thê.

Ta nói với từng tinh tú một,
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng.
Bãi lân-tinh thức, âm-u sáng.
Ta thấy đầu ta cũng sáng trung.

Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng. Vô Biên, tín-hiệu trùng.
Mở. Mở giùm ta khoảng cách đặc.
Con chim động giắc gào cô-đơn.

Ngày. Ngày trắng chói-chang như giữa.
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên.
Mái tóc sần nung từng sợi đỏ
Kêu dòn như tiếng nứt hoa niên.

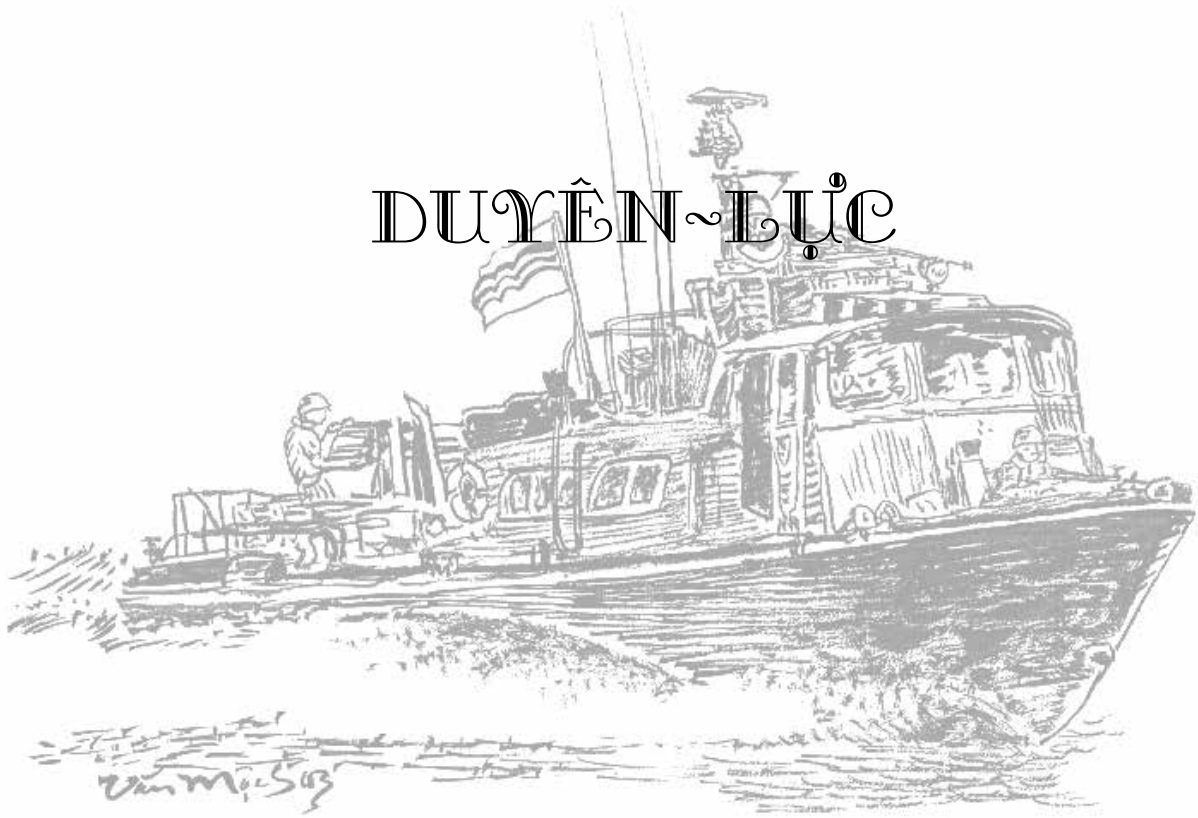
Ôi lũ cây gầy ven bãi sục,
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh,
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh

San hô mọc tua thêm cành nhánh.
Những nổi-niềm kia cũng mẫn khai.
Thời-gian kết đá mốc u tịch,
Ta lấy làm bia tưởng-niệm Người.

Tô-Thùy-Yên
3-1974



DUYÊN LỰC





TÂM SỰ VỚI

HẢI-QUÂN ĐẠI-TÁ
NGUYỄN-VĂN-THÔNG

VỀ

LỰC-LƯỢNG HẢI-THUYỀN



Ban Biên-Tập
tháng 3 năm 2002

Hải-Quân Việt-Nam, danh xưng ấy khiến người đọc, người nghe liên-tưởng đến những chiến-hạm đồ sộ, những người lính biển trong những bộ quần áo trắng, những cuộc thi tuyển khó-khăn cho các lớp sĩ-quan cũng như đoàn-viên; những ngày lễ ra trường uy-nghi và đẹp-đẽ; những rộn-rã của những người lên đường du học Mỹ, lãnh tàu; những lần tàu vượt Thái-Bình-Dương về nước được đón rước tung-bùng; cũng như không thiếu những bài văn, bài nhạc đầy lãng-mạn viết về những ngày lên-đỉnh trên sóng nước của những chàng thủy-thủ ... Nhiều chuyện lắm. Từ đó người ta hầu như có cảm-tưởng rằng Hải-Quân là một Quân-Chủng chọn lọc, ưu-tiên dành cho những người được coi là có trình-độ văn-hóa khá cao, hoạt-động trong một môi-trường đặc-biệt, nghiêm-túc và chuyên-môn. Nhận-định ấy không phải là không đúng,

nhưng không hoàn-toàn chính-xác và đầy-đủ. Vì bên cạnh những thành-trì sắt thép gồm những chiến-hạm, chiến-đỉnh ngày đêm bảo-vệ lãnh-hải và sông ngòi, còn có những đơn-vị Hải-Quân đóng tại những cửa sông trọng-yếu, những người lính ăn mặc đơn-sơ, hoạt-động trên những chiếc thuyền như những ngư-phủ địa-phương, lẫn-lộn trong những ghe thuyền đánh cá dọc theo duyên-hải Việt-Nam để theo dõi, phát-giác những hoạt-động của địch từ trong trứng nước, đó là những Đội Hải-Thuyền, tiền-thân của những duyên-đoàn sau này. Chính những đơn-vị này đã trực-tiếp nhiều phen đối đầu với các ghe tàu xâm-nhập của địch. Do đó để có một cái nhìn chính-xác và cụ-thể về các đơn-vị này, ngoài những tài-liệu có được, chúng tôi đã tìm gặp và phỏng-vấn Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-Thông, người được coi là am-hiểu nhất trong Hải-Quân về sự hình-thành những đơn-vị đặc-biệt này từ những ngày sơ-khởi.



Một nhân-viên Hải-Thuyền

Được hỏi tiền-thân của các duyên-đoàn là gì và trong trường-hợp nào các đơn-vị này được hình-thành, Đại-Tá Thông cho hay:

“...Trí nhớ của tôi đã mòn-mỏi nhiều. Khi tôi mang cấp bậc Đại-Úy, phụ-tá cho Đại-Tá Hồ-tấn-Quyền, Tư-Lệnh Hải-Quân, trong những năm sơ-khởi thành-lập Lực-Lượng Hải-Thuyền, nhưng tôi không phải là người duy nhất biết về Lực-Lượng này. Vì sau này Đại-Tá Vương-hữu-Thiều, Đại-Tá Khương-hữu-Bá đã chỉ-huy Lực-Lượng này. Nhưng theo tôi nhớ thì các duyên-đoàn là hậu thân của các Đội Hải-Thuyền. Vào năm 1960, khi thành-lập Mặt-Trận Giải-Phóng Miền Nam, Cộng-Sản Bắc-Việt bắt đầu phát động cuộc xâm-lãng miền Nam, theo ước tính của chúng ta, thế nào chúng cũng lợi-dụng đường thủy để chuyển-vận người và vũ-khí từ Bắc vào Nam. Lúc ấy Hải-Lực của chúng ta còn quá đơn-sơ. Mỗi Hải-Khu (chưa chia thành Vùng Duyên-Hải như sau này), chỉ được biệt-phái một chiến-hạm mà thôi. Nói trắng ra là ta không có khả-năng, phương-tiện để kiểm-soát toàn-thể lãnh-hải. Nhưng chẳng nhẽ bỏ

tay. Do đó Hải-Quân mình mới lập ra Lực-Lượng Hải-Thuyền là một tổ-chức bán quân-sự, nhằm mục-đích phát-giác và tiêu-diệt những đơn-vị địch xâm-nhập vào bờ biển miền Nam bằng những phương-tiện của chính chúng ta.”

Một cách cụ-thể và chính-xác hơn thì Lực-Lượng Hải-Thuyền lúc bắt đầu thành-lập ra sao. Ngân-khoản do đâu cung-cấp. Tổ-chức điều-hành và thống-thuộc đâu...?

Đại-Tá Thông suy-nghĩ rồi cười nói:

“Khởi đầu là do sáng-kiến của Đại-Tá Hồ-tấn-Quyền, lúc ấy là Tư-Lệnh Hải-Quân. Dự-án này được trình lên qua hệ-thống quân giai, với hy-vọng được Mỹ đài thọ. Nhưng Mỹ lúc ấy còn ngần-ngại, sợ vi-phạm tinh-thần hiệp-định Genève, nên không tài-trợ. Biết thế, Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm bảo cứ làm, và do ngân-quỹ quốc-gia đài thọ. Vì thế trên căn-bản đây là một lực-lượng bán quân-sự, mọi sự rất thiếu-thốn. Thứ nhất là nhân-sự. Trên lý-thuyết chính Đại-Tá Quyền, Tư-Lệnh Hải-Quân kiêm Chỉ-Huy-Trưởng Lực-Lượng này. Nhưng thực-tế, với tư-cách là phụ-tá cho Đại-Tá Quyền, tôi (Thông), phải lo đủ thứ. Dưới quyền tôi có hai người giúp-đỡ rất đắc-lực, đó là Trung-Úy Hoàng-Nam, sau cùng giữ chức-vụ chỉ-huy-trưởng Giang-đoàn 26 với cấp bậc Thiếu-Tá, và Trung-Úy Nguyễn-công-Hội, chỉ-huy-trưởng Hải-Khu Đà-Nẵng, sau lên Đại-Tá. Còn các cán-bộ thì do Hải-Quân biệt-phái qua, đa-số là các vị hạ-sĩ-quan thâm-niên, và một số sĩ-quan từ bên Bộ-Binh. Cơ sở đầu tiên ở bãi biển Sơn-Trà, Đà-Nẵng, dùng làm Trung-Tâm Huấn-Luyện. Còn đoàn-viên thì tuyển-mộ đa-số từ ngu-phủ địa-phương. Căn-bản học-vấn của họ thì coi như không có gì. Nhưng đi biển, nhất là vùng biển địa-phương, họ sống từ bé, giỏi lắm, mình không phải dạy mà ngược lại mình còn phải học của họ, nhất là cách đi buồm. Vì thế huấn-luyện cho những người này là chú-trọng đến cách sử-dụng vũ-khí, truyền-tin, đội hình, nhất là kỹ-thuật tình-báo. Như chúng ta đều biết, trừ những thành-phố, dưới vĩ-tuyến 17, từ năm 1945 đến 1954, các tỉnh như Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên ..., đều nằm trong vùng kiểm-soát của Việt-Cộng. Nay theo tinh-thần hiệp-định Genève, mình tiếp

quản những vùng này, dân ở đây về với mình nhưng vẫn có cảm-tình với bên kia. Những liên-hệ gia-đình, bè-bạn sao tránh được. Do đó việc huấn-luyện Tâm-Lý-Chiến là quan-trọng nhất. Các đoàn-viên của Lục-Lượng phải thấy rõ rằng những người theo Cộng-Sản là sai lầm, tàn bạo, đi ngược lại quyền-lợi của dân-tộc. Chính Cộng-Sản là kẻ thù không đội trời chung với chúng ta. Đó là lý-do, sau khi mãn-khóa, dưới lá quốc-kỳ nền vàng-ba-sọc-đỏ, những đoàn-viên Hải-Thuyền đều được làm lễ tuyên-thệ cực lực trung-thành với chế-độ Quốc-Gia, và trên ngực mỗi đoàn-viên đều có xâm hai chữ Sát Cộng. Ưu tiên là những đơn-vị ở Vùng I, năm 1960; thứ đến là Vùng IV, năm 1961. Theo kế-hoạch, Vùng III sẽ thành-lập năm 1962, và Vùng II sẽ thành-lập năm 1963.”

Đó mới là những trang-bị tinh-thần, còn phương-tiện hoạt-động của họ được trang-bị ra sao?

Đại-Tá Thông tiếp:

“Như tôi đã nói lúc đầu, đây là lực-lượng bán quân-sự, hoạt-động trà-trộn giữa những ghe đánh cá địa-phương, nhằm mục-đích phát-giác và tìm cách tiêu-diệt sự xâm-nhập của địch bằng các ghe thuyền vào bờ biển miền Nam, cũng như không cho Việt-Cộng lợi-dụng dân để đánh phá chúng ta. Do đó chúng ta đã thực-hiện những ghe đánh cá tại địa-phương để sử-dụng. Những đoàn-viên trên những ghe này mặc quần áo đen, cũng đánh cá kiếm ăn như mọi người. Họ chỉ khác dân địa-phương là khi về bến, sau khi bán cá xong, họ phải đem ghe về đậu trong căn-cứ...”

Sau một phút trầm ngâm, Đại-Tá Thông nói tiếp:

“Như ở vùng Đà-Nẵng, chúng tôi dùng loại ghe hai buồm, có tên là ghe mạnh-khoi. Sau này khi hoạt-động ở vùng Phú-Quốc, chúng tôi dùng loại ghe Kiên-Giang đuôi vểnh hết như những ghe ở vùng này. Riêng tại vùng Vũng-Tàu và các vùng Phan-Thiết và Phan-Rí thì chúng tôi sử-dụng một số ghe buồm, có gắn máy, gọi là ghe di-cư. Những ghe này có một cột buồm như những ghe ở vịnh Bắc-Việt, do những người Trung-Hoa lánh nạn Cộng-Sản năm 1949, rồi họ lại di-cư vào miền Nam năm 1954. Do đó trong thời-gian đầu, những ghe mà Lục-Lượng Hải-Thuyền sử-dụng trông xa

hình dáng ghe không có gì khác với những ghe của dân-chúng. Đó là cách mà chúng ta đi sát với dân, và tìm mọi cách tách dân ra khỏi những lợi-dụng ma quỷ của địch.”

Văn lời của Đại-Tá Thông:

“Nói như thế không phải là chúng tôi không có những khó-khăn. Khó-khăn nhiều lắm. Lúc đầu vì nhu-cầu dân địa-phương muốn tránh phải đi lính xa nhà, lại vẫn được hành nghề cũ, chúng ta tuyển-mộ tương-đối không mấy khó-khăn. Hơn nữa trong thời-gian Lục-Lượng phát-triển, một số thanh-niên thành-thị có học-vấn muốn tránh đi quân-dịch cũng xin vào Hải-Thuyền. Quân-số Lục-Lượng khi cao nhất có khoảng 2700 người. Về những ghe xuống hư-hỏng, mục nát, cần sửa chữa, thay thế, mà ngân-quỹ Quốc-Gia thì eo hẹp, nhân-viên các Đội Hải-Thuyền phải làm lầy, cũng kéo ghe lên bến vá lưới, trét các lỗ thủng ở sườn ghe, rất là cực nhọc, vậy mà có những tháng tiền không về kịp, thật phiền. Tình-trạng này đã được cải-thiện sau một số thành-tích mà Lục-Lượng gặt hái được. Điển-hình là một ghe Cộng-Sản từ Bắc xâm-nhập bằng đường biển bị Đội 11 Hải-Thuyền của chúng ta bắt được tại phía Nam của hậu-cứ Cửa Việt, cách bờ một cây-số, vào khoảng tháng 4 năm 1961. Trên ghe có một cán-bộ cấp Trung-Úy và hai nhân-viên. Tên sĩ-quan đã cung khai nhiều chi-tiết quan-trọng. Ngoài vũ-khí, anh ta còn có máy ảnh, bản-đồ những cửa sông mà chúng gọi là cửa khẩu. Từ đó người Mỹ thấy rõ sự hữu-hiệu của Hải-Thuyền, họ bằng lòng tài-trợ cho Lục-Lượng Hải-Thuyền, nên những khó-khăn trên được giải-quyết. Tuy nhiên một khó-khăn mới là tất cả các ghe dự trữ cũng như sự tuyển-mộ và huấn-luyện nhân-viên Hải-Thuyền phải hoãn-tất trong năm 1962. Một thời-hạn quá gấp rút, nhưng chúng tôi cố-gắng cũng phải xong. Ít năm sau Lục-Lượng được sát nhập vào Hải-Quân. Từ đó các Đội Hải-Thuyền được cải danh thành những chuyên-đoàn. Từ vĩ-tuyến 17 cho đến Phú-Quốc, có tất cả là 26 đơn-vị, đóng tại những cửa sông trọng-yếu, thống-thuộc sự chỉ-huy của năm Vùng Duyên-Hải. Những ghe đến thời-kỳ tu-bổ được đem sửa chữa tại các Căn-cứ Yểm-Trợ Tiếp-Vận Hải-Quân tại địa-phương. Những ghe hư được

thay thế bằng những ghe mới do những nhà thầu dân-sự tại các địa-phương ký giao kèo thẳng với Mỹ đóng. Và như tôi được biết, giá một chiếc ghe lúc đầu có 20 ngàn, rồi chỉ mấy năm sau theo vật giá, tăng dần lên gấp 5 lần, 100 ngàn. Quá đắt và thường nhà thầu không giữ đúng thời-hạn giao ghe, nên người Mỹ mới giao cho Hải-Quân Công Xưởng của Hải-Quân mình tại Sài-Gòn đóng những chiếc ghe mới, trong đó có những ghe gỗ đặt tên là ghe Yabuta do một kỹ-sư Nhật, cố-vấn Hải-Quân Công Xưởng, vẽ kiểu và ghe “ferro-ciment.”

(Ghe Yabuta vỏ gỗ, dài 15 m, rộng 3 m 3, trọng tấn 13, 9, tầm nước 0 m 9, máy tàu là động-cơ diesel hai thì với sức đẩy 100 mã-lực, tốc-độ khoảng 6 gút 5. Ghe được trang-bị một máy vô-tuyến AN/PRC 10, một đèn 3 màu trên nóc mũi và 2 đèn rọi. Vũ khí gồm 1 đại-liên .50, 1 đại-liên .30, 1 trung-liên Bar, 2 súng trường M1, 1 tiểu-liên Thompson và 1 súng phóng lựu M79. Thủy-thủ-đoàn tiêu-chuẩn là 10 người. Ghe này có khả-năng hoạt-động xa bờ 5 hải-lý, và hoạt-động quanh năm trong mọi thời-tiết. Phí-tốn đóng một chiếc ghe loại này từ 3000 đến 4000 Mỹ-kim, giá năm 1965.

Theo cuốn *Ghe Thuyền Việt-Nam*, trang 319, 320, ghe ferro-ciment còn được gọi là duyên-kích-đỉnh do Hải-Quân Công Xưởng tại Sài-Gòn đóng. Vỏ bằng lưới thép gắn vào sườn ghe bằng gỗ, ngoài trét xi măng, trọng-tải 31 tấn, dài 19 m 97, rộng 4 m 20, máy ghe là 2 động-cơ diesel 225 mã-lực, vận-tốc 6,5 gút, trang-bị 1 đại-liên .50, 1 bích-kích-pháo 81 ly, 1 máy truyền-tin AN/PRC-25, nhân-viên lý-thuyết là 5 người, do 1 hạ-sĩ-quan làm thuyền-trưởng.

Được hỏi về hai loại ghe này, Đại-Tá Thông cho hay:

“Khi các *Đội Hải-Thuyền* đã được cải danh thành các *duyên-đoàn*, và *thống-thuộc Hải-Quân*, thì mỗi *duyên-đoàn* có 20 ghe, trong đó có 3 ghe *Chủ-Lực*, nhân-viên trung-bình là 125 người kể cả *sĩ-quan*, *hạ-sĩ-quan* và *đoàn-viên*. Nói về Yabuta thì đây là một loại ghe rất hữu-hiệu trong mọi công-tác ở ven biển, rất chịu sóng, xoay chuyển dễ-dàng. Còn ghe ferro-ciment, có cái hay là vỏ ghe không dễ bị mục, nhưng xoay sở chậm-chạp,

ít chịu sóng, vì mũi ghe khi gặp sóng ngược khá lớn là ngóc đầu lên rất khó. Do đó ghe này thường dùng để chuyên-chở đồ-đạc, liên-lạc giữa các đơn-vị mà ít dùng trong các cuộc hành-quân.”

Còn ghe *Chủ-Lực* thì sao?

Đại-Tá Thông cho biết:

“Đó là một loại ghe lớn hơn ghe Yabuta, được trang-bị như ghe Yabuta, đôi khi có thêm cả súng cối 81 ly nữa. Khi đi hành-quân, sĩ-quan *thâm-niên* thường ở trên ghe này, nên ta gọi là ghe *Chủ-Lực*.”

Khi cuộc chiến Việt-Nam ở trong tình-trạng cam-go nhất thì Hải-Quân Việt-Nam đã được tổ-chức tương-đối hoàn-chỉnh và hoạt-động khá nhịp-nhàng. Ở ngoài khơi xa, lúc trước là các chiến-hạm của Hạm-Đội 7, trên đó thường có các sĩ-quan liên-lạc Việt-Nam, sau khi Mỹ đã rút khỏi Việt-Nam là nhiệm-vụ của những chiến-hạm lớn như khu-trục-hạm, tuần-dương-hạm thuộc Bộ Tư-Lệnh Hạm-Đội hoạt-động. Dọc theo lãnh-hải cách bờ từ 15 hải-lý trở lại, có những tàu nhỏ (PCF), tốc-độ cao tuần-tiểu, khám-xét tất cả các ghe tàu đi lại khi thấy khả-nghi. Nhiều ghe của ngư-phủ trong 24 giờ bị khám-xét ba, bốn lần. Sát bờ, nhất ở những cửa sông quan-trọng, là căn-cứ những *duyên-đoàn*, với các loại ghe ngày đêm tuần-tiểu, ngõ hầu khám-phá và ngăn-chặn kịp thời sự xâm-nhập của địch. Đặc-biệt mỗi *Đội Hải-Thuyền* (sau là *duyên-đoàn*), còn có một toán Xung-Kích. Khi *đoàn ghe* bị phục-kích, toán Xung-Kích này liền đổ bộ lên bờ phản-công, nhờ đó anh em *Hải-Thuyền* đã tạo được những thành-quả rất ngoạn-mục. Trong việc ngăn-chặn tàu địch xâm-nhập thì khi các chiến-hạm lớn, hay máy bay không-tuần khám-phá thấy một ghe khả-nghi, vì tôn-trọng luật hàng-hải quốc-tế, chúng ta chỉ theo dõi mà không ngăn-chặn hay tấn-công, mà ngược lại các chiến-hạm của chúng ta thường lảng xa ngoài tầm nhìn bằng mắt thường của ghe, tàu địch. Tuy nhiên trên thực-tế mọi di-động của chiếc ghe địch đều đã được theo dõi liên-tục bằng radar tại các phòng hành-quân của chiến-hạm, và thông-báo về Trung-Tâm Hành-quân Vùng liên-hệ cũng như ngay tại Sài-Gòn. Khi ghe thuyền địch vào gần lãnh-hải của ta, thì cũng là lúc *duyên-đoàn* gần nhất được thông-báo để sẵn-sàng đối-phó.

Cũng vì thế, phần lớn những ghe tàu của địch bị Hải-Quân miền Nam đánh bắt thường xảy ra gần bờ, với sự hỗ-trợ của các chiến-hạm, chiến-đĩnh, bao giờ cũng có sự tham-dự trực-tiếp của các ghe thuyền của duyên-đoàn.

Có nhiều người cho rằng khi sát nhập Hải-Thuyền vào Hải-Quân, chúng ta có những cái lợi là dễ chỉ-huy, mọi việc đều cùng trong một hệ-thống, nhưng chúng ta đã vô-tình chặt đứt liên-hệ giữa ta với dân. Người đội-viên Hải-Thuyền khi đã có số-quân, anh ta có tất cả quyền-lợi cũng như trách-nhiệm như một người lính Hải-Quân. Anh ta có thể xin đi phục-vụ tại các nơi khác xa hẳn sông nước quê-quán cũ. Anh ta chỉ lo làm xong công-việc như một quân-nhân thông thường, anh ta không biết và cũng rất khó biết về những sinh-hoạt của dân-chúng xung-quanh. Tai mắt của đơn-vị trên nguyên-tắc đã có người khác lo. Đặc-biệt hơn nữa, những ghe tàu bây giờ khác hẳn những ghe thuyền địa-phương. Hình thù ghe tàu của các duyên-đoàn rất dễ nhận từ rất xa, màu sơn hết như màu chiến-hạm. Anh đội-viên Hải-Thuyền ngày trước ăn mặc như ngư-phủ, nay mang quân-phục Hải-Quân như ai, đâu có còn giống với những bạn chài ngày cũ. Anh khác hẳn, xa hẳn dân. Như thế khi một chiếc ghe *Yabuta*, hay ghe *Ferro-ciment* hiện ra ở chân trời, ghe tàu địch nhận ra rất dễ và có thừa thì-giờ để lảng tránh hoặc phi-tang an-toàn. Như thế việc sát nhập nói trên vô-tình đã làm cho ta bị cô lập. Đó là điều địch vô cùng mong-mỏi.

Vì ai cũng biết rằng trong việc tiếp-tế từ miền Bắc cho chiến-trường miền Nam gồm có nhiều giai-đoạn. Việc chuyên-chở vũ-khí trên biển chỉ là giai-đoạn đầu. Giai-đoạn hai là làm sao giao được hàng cho đồng bọn một cách nhanh chóng và chính-xác. Do đó Việt-Cộng đã thành-lập Đơn-Vị-Bến để sẵn-sàng đón đợi tàu vào. Tàu từ ngoài Bắc đến, chúng đã sẵn-sàng nhân công để bốc dỡ hàng và di-chuyển đi thật nhanh. Muốn thế chúng phải tìm mọi cách nắm được dân tại bến-đợi, để tiếp tay với chúng trong việc dỡ hàng và đặc-biệt là giữ bí-mật cho chúng. Vì thế dưới hình-thức này hay hình-thức khác, chúng phải nắm được dân. Nắm thật chắc bằng mọi giá, kể cả tiêu-diệt bất cứ ai khi chúng khả-nghi. Trong khi đó, lúc khởi

đầu thành-lập Hải-Thuyền, chúng ta lấy dân làm tai mắt, đó là một cái nhìn rất sâu sắc. Nhưng tới khi lực-lượng bành-trướng, sáp nhập Hải-Thuyền vào Hải-Quân, chúng ta đã tự tách mình ra khỏi dân, xa dân.

Ý kiến trên đây được trình-bày với Đại-Tá Thông, ông trầm ngâm rồi nói:

“Việc thành-lập Lực-Lượng Hải-Thuyền là dùng nhân-dân để bẻ gãy sách-lược Chiến-Tranh Nhân-Dân của địch. Với những ghe thuyền đơn-sơ, nhưng không kém hữu-hiệu, ta có thể đóng lấy được, ít tốn kém, nhất là ta làm chủ được một phần tiếp-vận chính, không quá lệ thuộc vào Mỹ. Quan-niệm khởi đầu này hợp với tình-hình chiến sự lúc đó, những năm đầu thập niên 60. Nghĩa là địch còn núp dưới hình-thức nhân-dân, chúng ta cũng phải len-lỏi vào nhân-dân. Đến khi tình-hình chiến sự thay đổi dưới hình-thức qui-mô hơn, Bắc-Việt đã đưa hàng sư-đoàn vào Miền Nam. Ngoài khơi, thay vì xâm-nhập bằng những ghe thuyền nhỏ, năm bảy người như trước kia, họ đã dùng những tàu chuyên-chở lớn, khả-năng cả trăm tấn. Việc phát-triển Hải-Quân nhanh chóng, chúng ta tiếp-nhận trong một thời-gian kỷ-lục nhiều tàu bè lớn nhỏ, theo chương-trình ACTOV, để đáp-ứng đòi hỏi của chiến-trường, thì việc sáp nhập Hải-Thuyền vào Hải-Quân cũng nằm trong ý-niệm đó. Hơn nữa, khi thành-lập, Lực-Lượng Hải-Thuyền là một lực-lượng bán quân-sự. Người tuấn-viên có thể giải-ngũ sau hai năm phục-vụ. Nhưng vì tình-hình đất nước, quốc-gia cần giữ họ lâu hơn, thì cũng phải bù đắp lại cho họ những quyền-lợi thiết-thực của một quân-nhân bằng cách chuyên-nghiệp-hóa cho họ.”

Trong hoàn-cảnh tế nhị nêu trên, với ưu thế vượt trội trên mặt biển, cộng với sự tổ-chức khéo-léo, phân công nhíp-nhang, Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa vẫn liên-tiếp tạo được những chiến-công. Nhà đương cuộc Hà-Nội với bản chất đầy dối trá, huyênh-hoang cũng không thể không nhắc đến những thua thiệt này. Trong cuốn *Lịch-Sử Hải-Quân Nhân-Dân Việt-Nam, Dự-Thảo và Tóm-Tắt*, do Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân (Cộng-Sản Hà-Nội) xuất-bản năm 1980, dày 240 trang, soạn giả gồm 3 người là Phạm-hồng-Thụy, Phạm-hồng-Đời và Vũ-

mạnh-Đoan, đã nhiều lần nêu lên những thất-bại của những tàu thuyền của chúng khi xâm-nhập bờ biển miền Nam. Chúng tôi chỉ lấy những dữ-kiện căn-bản, loại bỏ những khoa trương vô lối của Hà-Nội, viết lại vắn tắt một số sự kiện điển-hình, từ trang 109 đến trang 112, như sau.

- Tàu số 100, xuất-phát ngày 25 tháng 4 năm 1966.

Ngày 10 tháng 5 tàu này đến Rạch-Giá, đang tìm đường vào cửa thì bị các chiến-thuyền của ta bao vây. Tàu 100 phải lao vào bờ và nổ tung.

- Tàu số 187, khởi-hành hôm 11 tháng 6 năm 1966 vào Nam (không nói rõ chỗ nào), đến bến ngày 20 tháng 11 năm 1966, bị chiến-thuyền của chúng ta bao vây, tàu này lao vào bờ cát, thủy-thủ-đoàn tẩu-thoát lên bờ.

- Tàu số 43, xuất-phát ngày 8 tháng 3 năm 1967, trên đường đi bị máy bay phát-hiện. Đến 2 giờ sáng ngày 14 tháng 3 năm 1967, tàu này vào bờ biển Sa-Kỳ, bị 4 tàu ta bao vây. Đến 5 giờ sáng thì tàu này bị các chiến-thuyền ta tấn-công, 18 thủy-thủ trên tàu dịch bỏ tàu, rút lên bờ. Tàu này bị phá hủy.

- Tàu số 198 xuất-phát ngày 6 tháng 7 năm 1967. Ngày 14 tháng 7 năm 1967, tàu này vào bờ biển Sa-Kỳ, Ba-Làng-An, bị các chiến-thuyền của ta chặn đánh. Kết-quả, tên Thượng-Ủy chính-trị-viên Huỳnh-ngọc-Thạch và Thiếu-Ủy Phạm-chuyên-Nghiệp bị chết. (Không thấy nói tới sự thương-vong của thủy-thủ-đoàn).

- Tàu 235 do Nguyễn-phan-Vinh làm thuyền-trưởng, khởi-hành ngày 6 tháng 2 năm 1968, trên đường đi, bị máy bay ta theo dõi, nên tàu này quay trở lại. Ngày 27 tháng 2 năm 1968, tàu này lại tiếp-tục đi. Đến 18 giờ ngày 29 tháng 2 năm 1968, tàu này ở 10 hải-lý Đông bờ biển Nha-Trang. Tiến vào bờ với tốc-độ cao nhất, khi còn cách Hòn Hèo độ 5 hải-lý, tàu 235 này bị 8 tàu của chúng ta bao vây gồm có 5 PCF, 1 PCE và 2 Yabuta. Tàu này lao vào bến và bị các chiến-thuyền của ta tấn-công. Cuộc chiến diễn ra ác-liệt. Kết-quả tất cả 14 người trong tàu này bị giết, kể cả Thuyền-Trưởng Nguyễn-phan-Vinh.

- Tàu số 165, do Nguyễn-chánh-Tâm làm thuyền-trưởng (không nói khởi-hành ngày nào). Ngày 28 tháng 2 năm 1968, tàu này vào cửa Bồ-Đề bị các chiến-thuyền của ta bao vây, nổ súng. Kết-quả Thuyền-Trưởng Nguyễn-chánh-Tâm, Chính-Trị-Viên Nguyễn-ngọc-Lương, Thuyền-Phó Huỳnh-văn-Thuyết, Nguyễn-văn-Thông, Nguyễn-văn-Danh, cùng 13 thủy-thủ-đoàn đều bị chết trong trận này. (Có lẽ đây là sự thiệt-hại lớn nhất trong các tàu của Bắc-Việt xâm-nhập Miền Nam).

Chỉ với bốn trang thôi, trong thời-gian ba năm (1966, 67 và 68) đã có 6 chiến-thuyền của Hà-Nội bị Hải-Quân miền Nam đánh chìm, với những thiệt-hại rất cao. Tất-nhiên Hà-Nội đâu có kê-khai hết. Nhưng chỉ ngần ấy, chúng ta cũng thấy sự tiên liệu của chúng ta từ khi khởi đầu cuộc chiến là đúng, cũng như thấy rõ trong các thành-tích nói trên vai-trò của các duyên-đoàn, của những chiếc ghe gỗ nhỏ không phải là không hữu-hiệu.

Một-câu hỏi cuối cùng được đặt ra với Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-Thông là:

“Xin Đại-Tá cho biết qua đôi hàng tiểu-sử, chức-vụ cuối cùng của Đại-Tá và chót hết điều gì gây nên nỗi suy-tư, nếu có, khi cuộc chiến đã tàn gần 30 năm qua.”

Suy nghĩ rất lâu, Đại-Tá Thông cho hay:

“Tôi xuất thân khóa 3 Nha-Trang, ra trường vào tháng 1 năm 1954. Cũng lặn-lội đi tàu như mọi người trước khi nhận lãnh những chức-vụ chỉ-huy cao hơn. Tôi có điều lấy làm tiếc là sau này chúng ta đã sử-dụng Hải-Thuyền khác, sai với mục-tiêu ban đầu.”





Phan-hữu-Niệm

RA VÙNG DUYÊN-HẢI

Tay trái quay vòng tay lái về trái, tay phải kéo cần giảm tốc-độ máy, Chính đưa mũi ghe quay vào hướng cầu tàu. Rồi quay tay lái ngược hết về bên phải, kéo cần số về tử điểm để ngừng chân vịt. Khi chiếc ghe vừa nằm song-song với cầu tàu, Chính quay tay lái về số không, và kéo cần số lùi, rồ ga một tí, rồi trả cần số về tử điểm. Chiếc ghe dừng lại và nằm yên tại vị-trí đã dự tính. Chính tự hài-lòng về việc cặp cầu nhanh, gọn, và chính-xác của mình. Tại sân mũi, Tuần-Viên Vĩnh nhảy lên cầu tàu, trông vòng dây vào chiếc trụ lớn nhất trên cầu tàu. Đứng đứng trên ghe thu dây, và buộc chặt dây mũi. Nhiếp ở phía sau lái, cầm sợi dây quăng lên cầu tàu, và Vĩnh chạy đến nhặt dây, máng vào chiếc cột khác trên cầu, phía sau lái.

Chính nghiêng đầu vào bên trong ghe, nói:

- *Thưa Đội-Trưởng, đã đến chợ rồi.*

Thiếu-Úy Thơm hỏi lại:

- *Chú có đi chợ không?*

- *Dạ không. Em phải sơn lại mũi ghe. Ngày mai sợ mưa, sơn không được.*

- *Chú nhớ canh gác ghe cẩn-thận, và trên*

ghe lúc nào cũng có người hiện-diện.

- *Dạ. Em không đi đâu. Đội-Trưởng yên-tâm.*

Mọi người và Thiếu-Úy Thơm đi rồi, Chính bảo Vĩnh:

- *Chú có vào chợ mua hộ tôi bao thuốc lá Bastos đen. Nhớ về sớm, đừng la-cà trong chợ.*

Chính gọi Nhiếp vào trong khoang ghe thay quần áo để sơn lại mũi ghe. Vừa kéo ống quần, Chính vừa bảo Nhiếp:

- *Mình sơn độ nửa giờ là xong. Gia-đình đi chợ chừng hai tiếng họ sẽ về.*

Bất ngờ ghe bị đụng và lắc mạnh. Chính hỏi:

- *Thằng nào cặp vào ghe vậy? Vừa nói Chính vừa thò đầu qua cửa sổ, nhìn ra ngoài xem.*

“Đùng, đùng, đùng, đùng, ...”

Một tràng tiểu-liên từ ghe bên kia xả thẳng vào Chính. Chính hô to:

- *Việt-Cộng!*

Và Chính thụt đầu nhanh vào trong, chụp cổ áo Nhiếp, kéo chuồn ra cửa khoang phía trước. Một tên Việt-Cộng khác cũng đã nhảy sang ghe của Chính ở sân trước. Chạm mặt nó, Chính húc đại vào người tên Việt-Cộng. Tên Việt-Cộng ngã

lăn trên sàn ghe. Một tràng tiểu-liên khác xé tai, bay xối-xả vào chỗ Chính và Nhiếp, xoi những lỗ thủng trên sàn ghe. Nhiếp cảm thấy man-mát nơi bắp đùi. Đưa tay sờ đùi, máu đã thấm ướt chiếc quần. Nhiếp nói:

- *Tôi bị thương.*

Chính chồm dậy, đẩy Nhiếp ra khỏi ghe, rồi nhảy theo.

“Bùm! Bùm!”

Thoáng mắt, Chính và Nhiếp đã ở dưới mặt nước. Không hẹn, nhưng Chính và Nhiếp hành-động nhịp-nhàng nhau. Cả hai cùng lặn một hơi dài theo xuôi dòng nước về hướng đồn Nghĩa-Quân gần chợ, trong khi tay trái của Chính vẫn giữ chặt cổ áo của Nhiếp, vì sợ Nhiếp bị thương, nước cuốn trôi mất. Vừa ngóc đầu trôi lên để thở, tiểu-liên từ ghe chủ-lực nhả đạn theo. Chính và Nhiếp lặn thêm một hơi nữa, cả hai đã đến vòng rào đồn Nghĩa-Quân. Anh lính gác đồn hỏi:

- *Ai đó?*

Chính trả lời:

- *Hải-Thuyền!*

Nhận ra người quen, anh lính gác hỏi:

- *Anh Hai đó hả? Tại nó rượt anh hả? Có sao không? Vào đây mau đi anh Hai!*

Chính dìu Nhiếp vội vào bên trong rào kẽm gai đồn Nghĩa-Quân. Chính nhìn lại hướng cầu tàu, chiếc chủ-lực A-40 đang xé nước, lao mình nhanh trên kinh Nước-Mặn, tiếng máy Gray-6 rú vo vo như muốn chọc thủng màng nhĩ tai anh. Chính gặp Trung-Đội-Trưởng Nghĩa-Quân, nhờ máy liên-lạc hậu-cứ.

Chuẩn-Ủy Đăng ở hậu-cứ Lý-Nhơn tức-tức gọi một ghe chủ-lực và hai ghe di-cư vào để chặn chiếc ghe chủ-lực A-40, giải cứu Thiếu-Ủy Thơm và anh em bị kẹt.

Trong chợ kinh Nước-Mặn, dân-chúng nghe súng nổ, chạy hối-hả về nhà, hay tìm cách ẩn náu nhà người quen quanh chợ. Một cửa tiệm người Hoa ở đó cũng kéo sập cửa. Thiếu-Ủy Thơm vừa chạy tới, thấy người chủ còn đứng bên trong, Thơm xỏ ngay câu tiếng Tiều để xin vào. Nghe tiếng Tiều và nhận-diện người quen, người chủ tiệm kéo xích cửa, và hối thúc Thơm đi nhanh vào bên trong. Mười lăm

phút sau, tình-hình trở nên yên-tĩnh, Thơm đã biết mất ghe do dân-chúng nói lại. Thơm đến đồn Nghĩa-Quân thì gặp Chính và Nhiếp. Chính đang băng vết thương cho Nhiếp. Thiếu-Ủy Thơm hỏi:

- *Chú thấy thế nào? Có trúng xương không?*

Nhiếp trả lời:

- *Dạ, hình như đạn chỉ xuyên qua thịt thôi, thưa Đội-Trưởng.*

Thiếu-Ủy Thơm hỏi:

- *Có anh em nào khác bị gì không? Còn ai bị kẹt trên ghe không?*

Chính trả lời:

- *Chỉ có em và Nhiếp trên ghe. Mọi người đều vào chợ.*

Thiếu-Ủy Thơm hỏi:

- *Chú gọi hậu-cứ chưa?*

Chính trả lời:

- *Dạ rồi, Đội-Phó cho ba ghe vào đây đón Đội-Trưởng, ghe đã rời hậu-cứ.*

Thiếu-Ủy Thơm đến máy truyền-tin của Nghĩa-Quân nhờ gọi.

- *Biên-Hòa, đây Long-An! (Biên-Hòa và Long-An là danh-hiệu của Đội-Phó và Đội-Trưởng Đội 33 Hải-Thuyền).*

- *Đây Biên-Hòa nghe rõ, Long-An thế nào? Trả lời!*

- *Alfa 40 đã hư.*

- *Biên-Hòa nhận rõ. Long-An có cần Biên-Hòa zulu kilo november mike không? (zulu kilo november mike là đến kinh Nước-Mặn).*

- *Đây Long-An, không cần. Cảnh-thận hotel charlie (hậu-cứ). November (Nhiếp) bị tango (thương). Anh bravo charlie (báo-cáo) đến Hải-Yến hộ tôi (Hải-Yến là danh-hiệu đài kiểm-soát hành-quân Vũng-Tàu).*

- *Long-An, đây Biên-Hòa nhận rõ!*

Gác máy xong, Thơm hỏi Chính:

- *Chú canh gác thế nào mà chúng lấy mất ghe vậy?*

- *Em và Nhiếp vào khoang thay quần áo để sơn ghe. Chưa thay xong thì ghe bị đục và lắc mạnh. Em nhìn ra ngoài xem, thì một tràng tiểu-liên nhả đạn vào em. Em lòi Nhiếp thoát ra sân trước. Một tên Việt-Cộng cũng vừa nhảy sang. Em húc vào nó. Cả em và nó ngã trên sàn ghe. Tiểu*

liên bắn theo em và Nhiếp. Vì không thể đến cây đại-liên trước mũi kíp, em đẩy Nhiếp nhẩy xuống sông vào đây.

- *Bọn chúng có mấy tên?*
- *Dạ khoảng sáu tên.*
- *Chúng dùng loại súng gì?*
- *Dạ, tiểu-liên và súng trường bá đờ.*
- *Chú ra chợ tìm các anh em khác và gia-đình, bảo tập họp một nơi, chờ ghe vào là về ngay.*

Chính đi rồi, Thiếu-Úy Thơm quay lại an-ủi Nhiếp.

- *Chú thấy đau nhiều không?*
- *Dạ ít thôi!*
- *Chú cố-gắng đừng cử động, máu ra nhiều sẽ yếu sức. Đợi ghe vào sẽ có y-tá băng vết thương cho chú.*

Nhiếp nói:

- *Em đỡ quá! Còn cách cây đại-liên có mấy thước mà em không tới kíp. Nếu kíp thì tụi nó đời tàn rồi.*

- *Chúng bắn rất lắm sao mà không đến đại-liên kíp?*

- *Tên Việt-Cộng vừa bị anh Chính húc ngã là em cũng bị thương liền. Anh Chính bắt chọt đẩy em xuống sông, rồi em và anh ấy lặn vào đây. Chúng bắn theo mấy tròng tiểu-liên, em tưởng khó thoát rồi chớ. Dầu sao đây cũng là kinh-nghiệm xương máu của em, có ngày em sẽ phục-thù mà Đới-Trưởng!*



Hai tuần-lễ sau Thiếu-Úy Thơm bị cất chức đội-trưởng, và thuyền-chuyển đi giang-đoàn. Chính mất ghe chủ-lực A-40, cũng mất chức thuyền-trưởng luôn, mà lòng ân-hận không ít vì sự lơ-đếnh của mình, đã làm mất một tài-sản lớn-lao của quốc-gia. Chuẩn-Úy Lê-quý-Đặng xử-lý thường-vụ đội-trưởng cả tháng trường, Thiếu-Úy Phan-hữu-Niệm mới tân đáo nhậm chức. Nhân-viên thấy vị tân đội-trưởng quá trẻ, không mấy tin-tưởng, vì chưa có kinh-nghiệm. Nhưng sau một thời-gian làm việc, tu-bổ hệ-thống an-ninh phòng-thủ hậu-cứ, huấn-luyện nhiệm-sở tác-chiến. Nhân-viên được tái phối-trí đúng với khả-năng. Những lệnh

nhỏ, ngắn, gọn, được gắn trên ghe. Bộ mặt Đới 33 Hải-Thuyền có nhiều thay đổi.

Ghe chủ-lực A-40, sau khi hành-quân hỗn-hợp lấy lại, đã được sửa chữa đại kỳ, cũng được trả về đơn-vị. Lại thêm ba ghe *Yabuta* mới về bổ-sung, làm cho hoạt-động của Đới 33 Hải-Thuyền có năng-suất cao hơn.

Thuyền-Trưởng Chính đã được thuyền-chuyển khỏi đơn-vị. Tuần-Viên Hạng Nhất Viện được chỉ-định làm thuyền-trưởng ghe chủ-lực A-40, được sử-dụng như soái-thuyền của Đới 33 Hải-Thuyền. Tuần-Viên Hạng Nhất Đăng được chỉ-định làm thuyền-trưởng ghe *Yabuta* Y-90 cho đội-phó sử-dụng khi đi công-tác và tuần-tiểu. Tuần-Viên Hạng Nhất Nhiếp được chỉ-định làm thuyền-trưởng ghe *Yabuta* Y-72. Nhiếp rất hài-lòng với chức-vụ thuyền-trưởng một chiếc ghe mới. Anh nghĩ rằng kể từ đây anh có dịp trả thù vết thương nơi bắp đùi của anh. Anh o bế ghe và súng đạn trên ghe Y-72 như là ghe riêng của mình. Súng đạn bất cứ lúc nào cũng đầy-đủ và ở tư-thế sẵn-sàng. Đối với tân đội-trưởng, Nhiếp là một thuyền-trưởng gương-mẫu.

Thiếu-Úy Niệm thăng lên trung-úy đầu năm 1965. Sau khi ở với Đới 33 Hải-Thuyền tại Lý-Nhơn được mười tháng, Niệm giao đơn-vị lại cho Trung-Úy Phú, và Niệm được đổi sang Đới 34, hậu-cứ đóng trên tả ngạn sông Hàm-Luông, đối-diện với Đới 37, của Trung-Úy Nguyễn-đức-Bồng, qua rạch Bà-Hiền.

Tình-hình chiến-sự sôi-động, các đơn-vị được tái phối-trí. Đới 33 Hải-Thuyền được dời về Rạch-Dừa, chung căn-cứ với Đới 32. Cuối năm 1965, danh xưng các đội Hải-Thuyền được đổi thành duyên-đoàn. Tất cả nhân-viên bán quân-sự Hải-Thuyền được cải tuyền thành Hải-Quân với cấp bậc tương-đương như sau:

Thuyền-trưởng tương-đương với cấp bậc hạ-sĩ-nhất.

Tuần-viên hạng nhất tương-đương với cấp bậc hạ-sĩ.

Tuần-viên hạng nhì tương-đương với cấp bậc thủy-thủ-nhất.

Trong trận chiến Bãi-Ngao, thuộc quận Ba-Tri, năm 1965, khoảng 90 quân-nhân Hải-Quân của

Liên Đội 34-37 và Nghĩa-Quân đã đối đầu với một tiểu-đoàn Việt-Cộng, Trung-Úy Bồng, đội-trưởng Đội 37, không may tử thương, Thiếu-Úy Bào, đội-phó Đội 34 mất tích. Sau đó Trung-Úy Niệm được chỉ-định thay thế Trung-Úy Bồng trong chức-vụ liên-đội-trưởng Liên Đội 34-37. Trung-Úy Dương-văn-Phú được cử giữ chức-vụ đội-trưởng Đội 37.

Được tám tháng thì Trung-Úy Niệm giao Duyên-đoàn 34 cho Đại-Úy Lưu-trọng-Đa, để trở lại Duyên-đoàn 33. Tuy hậu-cứ đóng tại Rạch-Dừa, thuộc đặc-khu Vũng-Tàu, Duyên-đoàn 33 vẫn trách-nhiệm vùng biển từ quận Cần-Giờ đến phía Nam mỏm cửa Đại, thuộc quận Bình-Đại, tỉnh Kiến-Hòa. Vùng trách-nhiệm này có ba cửa sông lớn là cửa Soài-Rạp, cửa Tiểu, và cửa Đại.

Từ Cần-Giờ vòng ra bãi Trước, bãi Sau Vũng-Tàu, và đi ngược về phía Bắc, đến Long-Hải, là khu-vực hoạt-động của Duyên-đoàn 32, Trung-Úy Vĩnh-Lợi làm duyên-đoàn-trưởng. Từ Long-Hải chạy lên phía Bắc là vùng hoạt-động của Duyên-đoàn 31, duyên-đoàn-trưởng là Trung-Úy Phạm-văn-Tạo. Hậu-cứ của duyên-đoàn này đóng tại Hàm-Tân, thuộc tỉnh Bình-Tuy. Phía Bắc Hàm-Tân là mũi Kê-Gà. Duyên-đoàn 31 là duyên-đoàn cực Bắc của Vùng III Duyên-Hải. Từ phía Nam mỏm Bình-Đại đi xuống cửa Ba-Lai, sông Hàm-Luông, bãi biển Thanh-Phong, thuộc quận Thanh-Phú là khu-vực hoạt-động của Liên Duyên-đoàn 34-37. Vị Tư-Lệnh Vùng III Duyên-Hải⁽¹⁾ lúc bấy giờ là Thiếu-Tá Nguyễn-xuân-Sơn. Vùng hoạt-động của Vùng III Duyên-Hải bao trùm các cửa sông của sông Cửu-Long. Sông Cửu-Long đến Việt-Nam chia làm hai nhánh: Tiền-Giang và Hậu-Giang. Hai sông này đổ ra biển bằng bảy cửa sông chính (hồi tôi học địa-lý ở nhà trường thì sách dạy là năm cửa): Tiền-Giang đổ ra năm cửa, đó là: cửa Tiểu, cửa Đại (hai cửa này ngăn cách bởi cù lao Ilo Ilo), cửa Hàm-Luông, cửa Cổ-Chiên, và cửa Cung-Hầu. Vùng Cung-Hầu này thuộc trách-nhiệm Duyên-đoàn 35, mà hậu-cứ đóng tại Bãi-Vàng, thuộc tỉnh Vĩnh-Bình. Theo truyền-thuyết, mà anh Nguyễn-kim-Trọng, duyên-đoàn-trưởng Duyên-đoàn 35 kể lại: xưa kia có cặp vợ chồng ở vùng này, người vợ ngoại tình, người chồng biết được mà không nói năng gì. Nhưng cứ

đến mỗi bữa ăn, anh ta đem những thỏi vàng đặt trên mâm cơm, trước mặt vợ. Ngày nào cũng thế. Bà vợ quá xấu hổ, bèn ôm những thỏi vàng đó nhảy xuống sông tự-vẫn. Về sau, trên mặt nước nơi con sông bà tự-vẫn, có những vầng vàng tụ lại, dân-gian mới đặt tên cho vùng này là Bãi-Vàng.

Hậu-Giang đổ ra biển hai cửa: cửa Định-An, và cửa Tranh-Đề (hay Trần-Đề). Hai cửa sông ngăn cách bởi cù lao Dung. Duyên-đoàn 36 trách-nhiệm khu-vực này. Hậu-cứ đóng tại Long-Phú, thuộc tỉnh Ba-Xuyên. Duyên-đoàn 36 là duyên-đoàn cực Nam của Vùng III Duyên-Hải. Vùng hoạt-động của duyên-đoàn này chạy dài đến vùng Bắc cửa sông Bô-Đề, giáp ranh với vùng hoạt-động của Duyên-đoàn 41, thuộc Vùng IV Duyên-Hải.

Đây là vùng có nhiều sông rạch và rừng tràm, rừng đước, nên rất dễ-dàng cho đối phương xâm-nhập để chuyển quân và tiếp-tế vũ-khí, đạn-dược. Dịch quân xâm-nhập từ Bắc vào, phải qua ba lượt lưới chắn mới vào đến bờ:

1. Đầu tiên là các chiến-hạm lớn hoạt-động xa bờ.
2. Kế đến, chúng phải lọt lưới chắn của các chiến-đỉnh của các vùng duyên-hải.
3. Và sau cùng là màn lưới chắn của Hải-Thuyền.

Sự hoạt-động của Hải-Thuyền mặt ngoài trông có vẻ không hiệu-nghiệm, nhưng thật ra cái lo ngại nhất của địch là cái lưới chặn sau cùng này, vì những lẽ sau đây:

- Chương-trình tuần-tiểu của các duyên-đoàn không theo thông-lệ.

- Hải-Thuyền án-ngũ tại các cửa sông, rạch, mà tàu địch, khi đổ quân hay vũ-khí, chúng thường phải đi qua.

- Các tàu lớn ngoài khơi khó khám-xét ghe thuyền, tàu bè.

- Tàu địch chạy ngoài khơi để lẩn tránh tàu tuần-tiểu Hải-Quân hơn, vì chúng dễ nhận-diện tàu Hải-Quân, và chúng có thể lách ra ngoài hải-phận 12 hải-lý là ít bị nghi-ngờ, ngoại trừ trường-hợp Hải-Quân có tin-tức tình-báo chính-xác.

- Khi vào đổ hàng hay đổ quân, địch cần thời-gian ở tại một địa-điểm lâu hơn, để bị ghe Hải-Thuyền phát-hiện.

- Khi đổ hàng hay đổ quân, địch cần nhân-lực trên bờ để nhận hàng, hay lực-lượng trên bờ để yểm-trợ. Như vậy, họ có nhiều nguy-cơ bị tình-báo của ta phát-hiện.

- Những ghe thuyền đậu tại những nơi vắng vẻ, lâu dài, hay các ghe thuyền và tàu bè có hình dáng khác lạ, thường là những mục-tiêu cho các ghe Hải-Thuyền khám-xét.

- Việc chuyển-vận và hải-hành vào các cửa sông rạch miền Nam, để mắc cạn, cần đòi hỏi người có kinh-nghiệm sông rạch ở địa-phương hướng-dẫn. Nếu các thuyền-trưởng từ miền Bắc mới vào Nam lần đầu, khi vào các cửa sông sẽ phải e-ngại lực-lượng Hải-Thuyền.

- Ghe Hải-Thuyền hoạt-động lẫn-lộn trong ghe thuyền đánh cá, tàu địch từ xa khó có thể phân-biệt được. Một khi phân-biệt được rồi thì đã quá muộn.



Tối thứ Bảy, ngày 8 tháng giêng năm 1966, Trung-Úy Niệm đang nằm chờ bàn-giao đơn-vị, Duyên-đoàn 33, thì hạ-sĩ-quan trực vào báo-cáo:

- *Thưa Duyên-Đoàn-Trưởng, Duyên-Đoàn-Phó cần gặp trên đầu máy.*

Niệm đáp:

- *Tôi đến ngay.*

Mặc vội chiếc quần dài, Niệm đến phòng truyền-tin. Từ loa, tiếng Thiếu-Úy Đăng vọng ra:

- *Bạch-Đăng ngày mai có zulu sierra gold (đi Sài-Gòn) không? Nếu có, cho tôi nhắn tin.* (Bạch-Đăng là danh-hiệu của tân Duyên-Đoàn-Trưởng Duyên-đoàn 33).

- *Không, Papa (Phú) đã zulu (đi) sáng nay, nhờ tôi lo giùm công-việc. Hôm nay có gì lạ không?*

- *Anh em ngủ từ chiều, bây giờ tỉnh đi bắt cua.*

- *Anh nói nghe hấp-dẫn quá! Có gì gọi tôi ngay. Anh cho biết victor tango (vị-trí).*

- *Fort Romeo Charlie (Fort Rạch Cát).*

- *Good luck! Bye!*

Niệm gác máy trở về phòng nghe nhạc yêu-cầu của đài quân-đội. Tiếng Thái-Thanh vọng ra cao vút:

"Tiếng nước tôi, tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi ..."

Niệm mở chai bia 33 rót vào ly nước đá mà Hạ-Sĩ Chí mới đem vào. Đợi bia vừa đủ lạnh, Niệm tu một hơi hết hai phần ba ly bia. Uống xong anh ta gở tờ *Tiền-Tuyển*, đọc tin chiến-sự. Tiếng hát du-dương của những ca-sĩ thượng-thặng Sài-Gòn vọng ra từ chiếc máy thu thanh "áp chiến-lược", đưa dần anh ta vào giấc ngủ bình-yên.

Trên ngã ba sông Soài-Rạp và sông Vàm-Cỏ Đông, Thiếu-Úy Đăng đang họp với Thuyền-Trưởng Đăng, Thuyền-Trưởng Nhiếp, và Thuyền-Trưởng Bảy để phổ-biến tin tình-báo nhận được sáng nay về tàu địch sẽ xâm-nhập vùng biển Tân-Thành, của Tiểu, của Đại. Đích thân Thiếu-Úy Đăng cùng ba thuyền-trưởng xem lại súng đạn ở tư-thế sẵn-sàng. Trước khi hướng ra cửa sông Soài-Rạp, Thiếu-Úy Đăng cho ghe chạy sâu vào sông Vàm-Cỏ Đông, để đánh lạc hướng địch. Sau đó Đăng cho ghe quay lại, đi dọc sát bờ hữu ngạn sông Vàm-Cỏ Đông, vào sông Soài-Rạp, từ-từ tiến ra hướng cửa sông.

Đồng hồ chỉ chín giờ đêm. Trên sông, mặt nước phẳng như tờ. Thủy-triều đã dâng nên ghe chạy tốc-độ chậm. Cả một vùng trường giang không có lấy một bóng ghe ngư-dân. Tại giàn dáy Vàm-Láng, các ghe đã rút về bến sau khi giăng dáy xong. Thường thì họ sẽ trở lại khoảng ba giờ sáng để kéo lưới. Đó là những công-việc hàng đêm mà dân lưới dáy cũng như lính Hải-Quân Duyên-đoàn 33 biết rõ. Vì thế những ghe nào chạy trên sông vào những giờ giấc bất-thường, đều là những mục-tiêu để chặn xét.

Thiếu-Úy Đăng đưa ống dòm lên nhìn qua dòng sông Soài-Rạp, nhìn dọc bờ sông từ cửa vào ấp Lý-Nhơn, khu hậu-cứ cũ của Duyên-đoàn 33. Mọi vật đều yên-lặng. Bỗng trong máy truyền-tin vọng ra:

- *Hồng Hà, đây Cát Lở.* (Hong Hà là danh-hiệu của Thiếu-Úy Đăng, Cát Lở là danh-hiệu của ghe Yabuta Y-72).

- *Cát-Lở, đây Hồng-Hà, nói đi! Thiếu-Úy Đăng bốc máy trả lời.*

- *Báo-cáo Hồng-Hà, đây tango của bravo november bị đứt (dây trên của bơm nước).*

- *Cát-Lở, đây Hồng-Hà. Có cái dục-trữ không?*
- *Báo-cáo, có. Mất chừng nửa golf để thay*
(nửa giờ).

- *Cát-Lở chờ, Hồng-Hà đến ngay.*
- *Nghe rõ.*

Thiếu-Úy Đăng cho chiếc ghe *Yabuta* Y-90 tiến đến cặp vào ghe *Yabuta* Y-72 của Thuyền-Trưởng Nhiếp, và kéo ra giữa dòng sông. Thuyền-Trưởng Đăng của ghe *Yabuta* Y-90 nhảy sang ghe Y-72 để phụ giúp. Đăng nói đùa:

- *Đi bắt Việt-Cộng mà ghe thuyền thế này thì còn làm ăn gì được đây!*

Thuyền-Trưởng Nhiếp cười trả lời:
- *Nó hư trước mình cũng đỡ.*

Thuyền-Trưởng Nhiếp, Thuyền-Trưởng Đăng, và Cơ-Khí Vĩnh hì-hục hơn nửa giờ sau mới thay xong dây trần bơm nước.

Ba ghe tiếp-tục ra cửa Soài-Rạp. Nhìn xuyên qua cửa rạch Vàm-Láng, vài ngọn đèn leo-lét từ những mái nhà tranh thấp lè-tè quanh chợ, làm cho cảnh vật ở đây vắng-vẻ khác hẳn ban ngày. Nơi đây các ghe Duyên-đoàn 33 thỉnh-thoảng cũng ghé đi chợ để mua những thứ cần-thiết trong các bữa ăn hàng ngày. Tuy nhiên, vì mức an-ninh không mấy bảo-đảm, nên mọi người đều cảnh-giác, chỉ ghé vào rồi đi, không ở lại quá lâu. Đối-diện Vàm-Láng, bên kia sông Soài-Rạp, là khu Rừng Sát, lập thành bờ tả ngạn sông Soài-Rạp. Khu rừng chạy ra đến biển thì uốn cong bên trái, tạo thành một cửa rạch nhỏ để vào xã Đồng-Hòa. Xã này thuộc quận Quảng-Xuyên, và có một trung-đội Nghĩa-Quân trấn đóng.

Phía hữu ngạn sông Soài-Rạp, sau khi đến Vàm-Láng, dòng sông đổ ra cửa biển. Bãi biển Tân-Thành của tỉnh Gò-Công chạy dài đến quận Hòa-Bình, quận này nằm về phía tả ngạn sông Cửa Tiểu. Ra khỏi sông Soài-Rạp, nhìn về phía Bắc, ban ngày sẽ thấy núi Vũng-Tàu. Nếu hôm nào trời trong, chúng ta cũng thấy được những dãy nhà trắng cuối cùng của bãi Dầu Vũng-Tàu. Ban đêm thì ngọn hải-đăng Vũng-Tàu quét những lẫn sáng chói, làm kim chỉ nam cho tàu bè qua lại trong vùng.

Từ Đồng-Hòa, Rừng Sát kết thành bờ biển chạy thẳng lên phía Bắc chừng mười hải-lý, bờ

biển lôm vào phía Tây, tạo nên khu-vực kín sóng gió cho ghe thuyền nghỉ-ngơi, đó là khu-vực quận Cần-Giờ. Bờ biển Cần-Giờ được nối thông với hữu ngạn sông Lòng-Tào, một con sông tuy nhỏ, nhưng có tầm mức quan-trọng cho nền thương-mại miền Nam-Việt-Nam, vì con sông có độ nước đủ sâu cho tàu bè ra vào cảng Sài-Gòn, cất và dỡ hàng. Cửa sông Lòng-Tào còn được gọi là cửa Cần-Giờ.

Sông Lòng-Tào chạy ngoằn-ngoè về phía Tây chừng mười hải-lý là gặp Nhà-Bè. Tại đây, vào những đêm trăng thời xa xưa nào đó, đã vẳng lên những giọng hò đầy tình quê-hương lan truyền trên sóng nước:

*“Nhà-Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia-Định, Đồng-Nai thì về.”*

Vừa đến ngã ba, nếu ta bẻ tay lái tàu sang phải, ta sẽ hướng tàu về Sài-Gòn - Gia-Định hay Đồng-Nai. Nếu quay tay lái về trái, ta sẽ đi ra sông Soài-Rạp. Như vậy Rừng Sát là một vùng ngăn cách bởi hai con sông Lòng-Tào và Soài-Rạp, và một mặt tiếp giáp với biển. Rừng Sát gồm hai quận Quảng-Xuyên và Cần-Giờ. Về hành-chánh Quảng-Xuyên và Cần-Giờ trực thuộc tỉnh Biên-Hòa, về an-ninh và hành-quân thì trực thuộc Bộ Chỉ-Huy Đặc-Khu Rừng Sát, đóng tại Nhà-Bè.

Vùng biển Tân-Thành cũng như vùng Rừng Sát có nhiều khu-vực tác-xạ tự-do. Biển Tân-Thành nông nên ghe thuyền chỉ vào được khi nước lớn. Bãi này hướng mặt về phía Bắc, nên vào mùa gió Đông-Bắc, sóng gió đập vào bờ dữ-dội. Mùa gió Tây-Nam thì biển Tân-Thành trở nên yên-tĩnh. Tuy nhiên, vì đây là những khu-vực tác-xạ tự-do nên ghe thuyền ít lai-vãng gần bờ. Tân-Thành nổi tiếng về măng-cầu dai ngon tuyệt.

Đêm nay gió Đông-Bắc thổi về lạnh-lạnh, nhưng càng về khuya gió càng nhẹ dần nên ba ghe trên đường tiến ra cửa biển tương-đối không bị nhảy sóng nhiều. Trên bầu trời, không một ánh sao. Trăng cũng đã lên cao từ lâu vì hôm nay là ngày 17 âm lịch, nhưng trăng đã bị che khuất

bởi những dãy mây *strato-cumulus* dày đặc ở phía Đông. Những dãy mây này như cổ lan rộng ra, làm cho bầu trời u ám và thấp hẳn xuống, tạo nên cảnh u tịch cho những thủy-thủ đang lênh-đênh trên biển cả những đêm buồn nằm nghe sóng vỗ mạn tàu.

Thuyền-Trưởng Nhiếp đang ngồi trên chiếc ghế lái, trước mặt là vòng tay lái, cần sang số của máy ghe *Yabuta*, một máy truyền-tin *PRC-25*, một đèn bấm, và một khẩu phóng lựu *M-79* với hai dây đạn vòng qua cột mái che mưa phòng lái. Chiếc ống dòm đeo lưng-lẳng dưới cổ, và hai thùng lựu-đạn *M-26* để cạnh chân bên trái. Nhiếp rút điều *Bastos* đưa lên môi và bật chiếc quẹt máy *Zippo* mà Thượng-Sĩ Canby tặng cho anh khi còn ở Lý-Nhơn, đốt điều thuốc. Hít hai hơi liên-tục, hơi ấm của thuốc lá lỏng vào phổi làm cho anh có cảm-giác ấm-áp dễ chịu. Chiếc *Yabuta Y-72* của Nhiếp đi tiên-phong, đến chiếc ghe di-cư *D-56* của Thuyền-Trưởng Bả, và sau chót là chiếc *Yabuta Y-90* của Thuyền-Trưởng Đăng, có Thiếu-Úy Đăng trưởng toán.

Nhiếp kéo cổ chiếc áo lạnh phủ kín đến phần tóc sau gáy, cài chiếc nút phía trước cổ để chắn gió, giữ ấm cổ và ngực. Anh đưa tay trái lên gần mắt, nhìn mặt kính chiếc đồng-hồ *Seiko* có dạ quang, thấy đã hơn mười giờ rưỡi. Nhiếp ao-ước được một cốc *cà-phê*, nhấp vài hớp thì đã ghiền biết mấy. Bỗng tiếng rọc-rọc từ máy *PRC-25*, rồi tiếng gọi của Thiếu-Úy Đăng vọng ra:

- *Cát-Lở, Rạch-Dừa, đây Hồng-Hà.* (*Cát-Lở* là danh-hiệu của *Y-72*, *Rạch-Dừa* là danh-hiệu của *D-56*).

Nhiếp bốc máy trả lời:

- *Hồng-Hà, đây Cát-Lở, nghe.*

Nhiếp lắng nghe, từ ống liên-hợp phát ra tiếng của Thuyền-Trưởng Bả:

- *Hồng-Hà, đây Rạch-Dừa nghe, trả lời.*

Tiếng Thiếu-Úy Đăng lại vẳng lên:

- *Cát-Lở, Rạch-Dừa, đây Hồng-Hà! Đến ngay tôi, có việc.*

Nhiếp trả lời:

- *Cát-Lở nhận rõ, thi-hành.*

Rồi Nhiếp cũng nghe từ ống liên-hợp:

- *Rạch-Dừa nhận rõ, thi-hành.*

Nhiếp kéo cần ga giảm máy, đợi cho ghe di-cư *D-56* quay vòng lại, cặp vào tả mạn chiếc *Y-90* xong, anh mới bắt đầu quay lại, tiến đến cặp vào hữu mạn chiếc *Y-90*.

Thuyền-Trưởng Đăng của chiếc *Y-90* đem ra hai hộp nhựa đựng *cà-phê*, trao cho Thuyền-Trưởng Bả và Thuyền-Trưởng Nhiếp, nói:

- *Của Đội-Phó, gửi các anh uống tỉnh ngủ.*

Nhiếp nói:

- *Mới mong cà-phê, đã có ngay, thiệt đúng lúc ghiền.*

Thuyền-Trưởng Bả tiếp:

- *Lúc nào Đội-Phó cũng nghĩ đến tụi mình.*

Thuyền-Trưởng Nhiếp hỏi:

- *Đội-Phó đang nghĩ hay uống cà-phê?*

Thuyền-Trưởng Đăng trả lời:

- *Ông đang uống cà-phê.*

Thuyền-Trưởng Bả tiếp lại:

- *Chúng tôi có cần gặp Đội-Phó không?*

Thuyền-Trưởng Đăng trả lời:

- *Đội-Phó chỉ gọi đến tặng cà-phê cho hai ghe các anh thôi. Hai anh có thể trở về vị-trí.*

Nhiếp cảm ơn Đăng, rồi tách ghe, tiến về phía trước. Sau đó, Bả cũng rời chiếc ghe *Y-90* để đi vào vị-trí giữa.

Ra khơi, sóng tương-đối nhẹ. Uống được nửa ly *cà-phê*, Nhiếp thấy sảng-khoái tinh-thần hơn hút điều thuốc. Nhưng Nhiếp nghĩ, có lẽ cả hai anh đều cần, vì Nhiếp không thể thiếu một trong hai thứ. Nhiếp đưa ống dòm lên nhìn về chân trời phía trước mặt. Mấy bóng đen nhấp-nhò trong ống kính mà Nhiếp chưa phân-biệt được là bóng mây sát chân trời hay bóng ghe. Dùng vạt áo lau hai mặt kính ống dòm, rồi nhìn lại. Nhiếp phát-hiện hai bóng đen trên mặt nước.

Nhiếp cầm ống liên-hợp gọi:

- *Vũng-Tàu, Rạch-Dừa, đây Cát-Lở.* (*Vũng-Tàu* là danh-hiệu của ghe *Yabuta Y-90*).

- *Đây Vũng-Tàu nghe.*

Rồi tiếp theo:

- *Rạch-Dừa nghe.*

Nhiếp hỏi:

- *Vũng-Tàu và Rạch-Dừa thấy gì chưa?*

Trong khi Thuyền-Trưởng Đăng đưa ống dòm lên quan-sát thì từ ống liên-hợp của Thuyền-Trưởng Nhiếp vọng ra tiếng của Thuyền-Trưởng Bả:

- *Yêu cầu Cát-Lở chờ.*

Sau đó Thuyền-Trưởng Bả cũng đưa ống dòm lên tìm kiếm. Tiếng của Thuyền-Trưởng Bả tiếp:

- *Cát-Lở, đây Rạch-Dừa. Báo-cáo, có hai cá.*

Rồi tiếng của Thuyền-Trưởng Đăng tiếp theo:

- *Cát-Lở, Rạch-Dừa, đây Vũng-Tàu. Có vẻ khác thường đó.*

Trên ghe Y-90, Đăng vừa nói xong thì cúi đầu nhìn vào trong khoang ghe, gọi Thiếu-Úy Đăng báo-cáo:

- Thiếu-Úy! Có hai ghe lạ.

Thiếu-Úy Đăng hỏi lại:

- *Lạ cái gì?*

Thuyền-Trưởng Đăng trả lời:

- *Hình dáng ghe khác hơn ghe đánh cá hàng ngày. Bề ngang rộng hơn ghe đánh cá.*

Thiếu-Úy Đăng trả lời:

- *Nước lớn, ghe được đưa lên cao, anh thấy ghe lớn hơn là chuyện thường thôi.*

Thuyền-Trưởng Đăng cãi lại:

- *Không phải vậy đâu! Thiếu-Úy. Em biết mà! Thiếu-Úy ra xem sao.*

Thiếu-Úy Đăng khoác chiếc áo lạnh chui ra khỏi khoang ghe. Thuyền-Trưởng Đăng chỉ cho Thiếu-Úy Đăng hướng có ghe xuất-hiện. Thiếu-Úy Đăng đưa ống dòm lên quan-sát. Nhìn chừng năm phút, Thiếu-Úy Đăng báo Thuyền-Trưởng Đăng:

- *Anh gọi anh em vào nhiệm-sở tác-chiến.*

Thiếu-Úy Đăng cầm máy liên-lạc:

- *Cát-Lở, Rạch-Dừa, đây Hồng-Hà.*

- *Hồng-Hà, đây Cát-Lở, nghe rõ.* Nhiếp trả lời.

Rồi tiếng của Thuyền-Trưởng Bả:

- *Hồng-Hà, đây Rạch-Dừa nghe rõ.*

- *Cát-Lở, Rạch-Dừa, đây Hồng-Hà, cho nhiệm-sở tango charlie (tác-chiến). Tiến về phía trước theo delta hotel (đội hình) hàng ngang. Rạch-Dừa đi giữa, Cát-Lở bên trái, Vũng-Tàu bên phải.*

Rồi Thiếu-Úy Đăng ra lệnh cho ba ghe tách xa nhau để đánh lạc hướng tàu lạ. Khi thấy bóng

dáng hai tàu rõ hơn, Thiếu-Úy Đăng cho ba ghe chạy gần nhau, và hướng thẳng về phía hai tàu lạ theo hàng ngang. Như đã chia nhiệm-vụ trước, khi khoảng cách còn chừng 300 thước, Thiếu-Úy Đăng gọi trong máy:

- *Đèn!*

Tức thì chiếc ghe di-cư D-56 của Thuyền-Trưởng Bả, bật đèn pha sáng chói, chiếu thẳng vào chiếc tàu đi phía trước.

“Đùng, đùng, đùng, ..., đùng đùng, đùng.”

Loạt trung-liên từ tàu địch bắn xối-xả vào ghe D-56 của Thuyền-Trưởng Bả. Tiếp theo những tiếng nổ của trung-liên địch là tiếng súng đại-liên 50, đại-liên 30, từ hai ghe *Yabuta* Y-90, Y-72, và ghe di-cư D-56 nổ đòn, nhắm thẳng vào hai tàu địch. Ba ghe của ta đang tiến theo đội hình hàng ngang nên khai-dụng đúng mức tất cả hỏa-lực. Bên kia, hai tàu địch đang đi hàng dọc, nên chiếc tàu phía sau có vòng cung xạ-trường thu hẹp. Vì thế hỏa-lực của nó thường đi ra ngoài mục-tiêu. Tuy nhiên chiếc tàu địch phía trước cũng đã sử-dụng phóng lựu, nhắm thẳng vào chiếc ghe di-cư D-56 của Thuyền-Trưởng Bả. Lựu-đạn của phóng lựu rơi trên biển, nổ tung phía trước, và hai bên ghe D-56, Y-72, và Y-90. Nhưng những quả phóng lựu này và những tràng trung-liên của địch không đủ sức ngăn-cản sự gan-dạ của các Thuyền-Trưởng Bả, Đăng, Nhiếp, và những xạ-thủ đại-liên chuyên-nghiệp trên ba ghe của ta. Các anh vẫn kiên-cường giữ tay lái và tốc-độ máy, tiến thẳng vào tàu địch. Rồi những tràng tiểu-liên và trung-liên của địch xối thẳng vào cả ba ghe của ta. Đạn xuyên qua hai lớp vách của khoang ghe di-cư D-56. Đạn xuyên thẳng mái tôn ghe *Yabuta* Y-90 của Thuyền-Trưởng Đăng, phát ra những tiếng nổ lớp đốp chát chúa. Đạn của địch xối thẳng vào mũi ghe *Yabuta* Y-72, làm cho ghe này tưởng chừng như muốn khựng lại. Thuyền-Trưởng Nhiếp dùng phóng lựu M-79 phóng liên-tục những quả thật chính-xác vào tàu địch. Những ánh lửa lóe lên do đạn đại-liên 50 xé rách thành sắt tàu địch, là những điểm chỉ mục-tiêu cho những xạ-thủ đại-liên: anh Bốn trên ghe *Yabuta* Y-72, anh Sung trên ghe Y-90 và anh Tính trên ghe di-cư D-56. Các anh không một phút ngưng tay, từ lúc bắt đầu khai-hỏa. Sự gan-dạ,

liều-linh của thuyền-trưởng và nhân-viên trên ba ghe gỗ, trong thời-gian đầu, đã khống-chế được sự hung-bạo của hai tàu sắt địch, đã khai-hỏa vào đoàn ghe của ta trước tiên. Ghe *Yabuta* Y-90 của Thuyền-Trưởng Đẳng quay mũi thẳng vào tàu địch, nhả những tràng đại-liên chính-xác vào chiếc tàu nhả đạn trung-liên. Thiếu-Úy Đẳng vừa chỉ-huy, vừa dùng súng phóng lựu, vừa gọi máy truyền-tin về đơn-vị báo-cáo và xin yểm-trợ.

Không biết tiếng gõ cửa lần thứ mấy, nhưng khi nghe được tiếng “cộc, cộc, cộc!” có vẻ khẩn-cấp, Niệm chồm dậy hỏi:

- Ai đó? Có chuyện gì vậy?

- Dạ em, *Duyên-Đoàn-Phó* cần gặp *Duyên-Đoàn-Trưởng*. Ghe ta đụng-độ với *Việt-Cộng*.

Niệm chạy đến mở cửa, chạy thẳng đến phòng truyền-tin. *Hạ-Sĩ-Nhất Vân* chạy theo sau.

Đến nơi, Niệm hỏi vội:

- *Duyên-Đoàn-Phó* còn ở đầu máy không?

- Dạ còn. *Hạ-Sĩ-Nhất Châu* trả lời.

Niệm cầm máy gọi:

- *Hồng-Hà, Hồng-Hà, đây Bạch-Đằng*.

Từ chiếc loa vọng ra:

- *Bạch-Đằng, đây Hồng-Hà. Tôi đang bắt “cua”*.

Tiếng súng đại-liên 50 và 30 nổ dòn từ chiếc loa của máy *PRC-25*.

- Có mấy con?

- Hai con của vỏ cứng. Chúng có *tango lima* (trung-liên), nhưng tôi đã trói còng nó lại rồi.

- Cho biết *victor tango* (vị-trí).

- Ở hai lần *tango*, gần *charlie tango* (ở Tân-Thành, gần cửa Tiểu).

- Anh cẩn-thận, tôi đến ngay.

Quay qua *Hạ-Sĩ-Nhất Vân*, Niệm bảo:

- Kêu *hạ-sĩ-quan* trực gặp tôi ngay!

Trung-Sĩ Quyền chạy vào:

- Dạ, *Duyên-Đoàn-Trưởng* cần gì?

- Tôi cần A-40, A-12, D-69. Khởi-hành ngay bây giờ. Tôi sẽ xuống ghe liền. *Duyên-Đoàn-Phó* đang đụng trận.

Trung-Sĩ-Nhất Quyền dạ, rồi bỏ chạy ngay xuống cầu tàu. Niệm quay về phòng, lấy áo lạnh, tấm bản-đồ, chiếc đèn rọi, và khẩu *colt 45*, rồi chạy

xuống cầu tàu, chưa đầy hai phút. Ba ghe A-40, A-12, và D-69 đã khởi động máy, sẵn-sàng đợi lệnh. Niệm bước lên A-40, và cho lệnh tháo dây. *Trung-Sĩ Quyền* hỏi theo:

- *Duyên-Đoàn-Trưởng* có cần tôi theo không?

- Anh ở nhà trực máy, có gì còn giải-quyết.

Trung-Sĩ-Nhất Phú thức dậy chưa?

- Dạ rồi.

- Các ghe còn lại sẵn-sàng ứng-chiến, và chất thêm đạn đại-liên, đạn súng cối 60, và đạn phóng lựu M-79.

Niệm nói xong thì ghe chủ-lực A-40 cũng tách bến. Niệm đến máy *PRC-25*, cầm ống gọi:

- *Hồng-Hà, Hồng-Hà, đây Bạch-Đằng*.

- *Bạch-Đằng, đây Hồng-Hà* nghe.

- Tôi đang *tango charlie* đến anh (trực-chỉ đến anh).

- *Bạch-Đằng, đây Hồng-Hà* nhận rõ. *Delta* (địch) *phản-công* có phần chậm lại.

- Lý-do?

- *Tango lima* (trung-liên) của một con của đang chỉ thiên. Có lẽ chúng *bravo tango* (bị thương).

- Cẩn-thận, coi chừng mắc kè!

Niệm quay lại gọi hậu-cứ:

- *Tiên-Sa, Tiên-Sa, đây Bạch-Đằng*. (*Tiên-Sa* là danh-hiệu của đài truyền-tin hậu-cứ *Duyên-đoàn 33*).

- *Bạch-Đằng, đây Tiên-Sa* nghe.

- *Hải-Âu* đã biết việc này chưa? (*Hải-Âu* là danh-hiệu của *Tư-Lệnh Vùng III Duyên-Hải*).

- Không rõ. *Tiên-Sa* đã *bravo charlie* (báo-cáo) cho *Cửu-Long* rồi. (*Cửu-Long* là danh-hiệu của trung-tâm kiểm-soát hành-quân *Vùng III Duyên-Hải*). *Bạch-Đằng* gọi thẳng *Cửu-Long*, nó đang chờ.

Niệm chưa kịp gọi trung-tâm hành-quân, thì đã nghe:

- *Bạch-Đằng, đây Cửu-Long*.

- *Bạch-Đằng* nghe. Niệm trả lời.

- *Hải-Âu* đã biết. *Hải-Âu* yêu-cầu *Bạch-Đằng zulu* hai lần *tango* (đến Tân-Thành).

- *Bạch-Đằng* đang thi-hành.

Biết gặp tàu sắt nên *Thiếu-Úy Đẳng* cho khai-

thác hai khẩu đại-liên 50 và súng phóng lựu M-79 tối-đa. Sau chừng nửa giờ cố-gắng chống đỡ, và cố hướng vào bờ, tiếng súng địch thưa dần, và sau đó tàu địch thực sự đâm thẳng vào ghe của Thiếu-Úy Đăng để cố vào bờ. Thiếu-Úy Đăng không ngăn-cản, chỉ né tránh, để cho địch tiến thẳng vào bờ, rồi từ sau, xả hết hỏa-lực truy theo. Thiếu-Úy Đăng ước chừng địch sẽ bị cạn cách bờ khoảng ba bốn trăm thước, thì chúng không cách nào chạy thoát. Nhưng khi hai tàu địch bị mắc cạn, đại pháo của lực-lượng yểm-trợ của chúng từ trong bờ bắt đầu bắn ra ba ghe của Thiếu-Úy Đăng, ngăn không cho Đăng truy-nã chúng được. Đại pháo nổ trên biển, trên không, nơi khu-vực tàu địch mắc cạn. Đăng ra lệnh lái ghe ra khơi để tránh tâm pháo-kích. Thêm khoảng nửa giờ sau, tiếng đại pháo đã dứt, Thiếu-Úy Đăng ra lệnh cho ba ghe tiến chậm vào bãi, để không gây tiếng máy nổ lớn, và ba ghe giữ khoảng cách xa, để tránh thiệt-hại nếu địch pháo-kích trở lại.



Nhân-viên ba ghe được lệnh Thiếu-Úy Đăng, trang-bị vũ-khí cá-nhân, gồm tiểu-liên, carbine tự-động, và lựu-đạn tay, sẵn-sàng nhảy sang tàu địch khi có lệnh. Các ghe chỉ để lại mỗi ghe hai nhân-viên, một giữ máy, một giữ súng đại-liên phía trước.

Thuyền-Trưởng Nhiếp của ghe Y-72 được lệnh vào cặp tàu địch trước. Nhiếp cầm khẩu carbine tự-động, đeo một dây lựu-đạn M26, và một đèn rọi, nhảy sang tàu địch. Một tên Việt-Cộng vừa ló ra từ hầm tàu, Nhiếp xả ngay một loạt đạn vào tên Việt-Cộng. Sau tiếng hét thất-thanh, tên Việt-Cộng ngã ngược lại trong hầm tàu. Vinh đang đứng phía sau yểm-trợ cho Nhiếp, cầm tiểu-liên chạy đến hỏi:

- Anh Ba có sao không?

Nhiếp trả lời:

- Nó đã bỏ mạng rồi. Phải cẩn-thận! Chúng còn ẩn nấp quanh-quẩn đầu dây, và gài lựu-đạn.

Nhiếp rọi đèn vào các hầm, quan-sát kỹ. Không thấy động-tĩnh, Nhiếp kéo tay Vinh đi về phía mũi tàu. Một súng trung-liên còn nằm trên giàn súng, mũi chỉ thiên. Nhiếp đến ngay cây trung-liên, mò mẫm tháo gỡ các then khóa, rồi nhấc cây trung-liên ra khỏi giá súng. Nhiếp ôm cây trung-liên nhảy về ghe *Yabuta* Y-72, đặt trên sàn ghe, rồi nhảy trở lại tàu địch, lục-soát thêm.

Thuyền-Trưởng Bảy cũng được lệnh cặp vào tàu địch thứ hai để lục-soát. Sau đó, Thiếu-Úy Đăng cho ghe Y-90 cặp vào tàu địch, anh nhảy sang tàu mà Thuyền-Trưởng Nhiếp đang lục-soát, rồi ra lệnh cho Thuyền-Trưởng Đăng đưa ghe ra ngoài yểm-trợ.

Hai tàu địch lúc bấy giờ đã ngập nước hơn nửa tàu, vì tàu bị thủng đạn. Trên hai tàu địch, đạn chứa đầy tàu nằm dưới mặt nước. Thiếu-Úy Đăng cho tiếp-tục lục-soát. Thuyền-Trưởng Nhiếp bước xuống

hầm tàu, nơi mực nước ngang tới bụng. Chân Nhiếp dẫm phải những vật cứng, Nhiếp khom mình, thọc tay kéo lên. Thì ra đó là chiếc bao dùi, nặng, bằng nylon dày. Sẵn con dao, Nhiếp cắt bao, xé ra, và Nhiếp vui mừng reo lớn:

- Súng, súng. Thiếu-Úy!

Thiếu-Úy Đăng chạy đến đỡ bao súng, mở ra xem, thì thấy ba cây súng trường bá đở.

Những bao nylon bọc súng được vớt lên từ hầm tàu, lôi cuốn Thuyền-Trưởng Đăng, anh cũng cặp ghe Y-90 vào để phụ giúp chuyển chiến-lợi-phẩm sang ghe của ta. Thủy-Thủ Thi nhảy sang tàu địch, lội xuống hầm tàu, dùng chân tay mò vớt chiến-lợi-phẩm. Tay phải anh kéo lên một mảnh vải, thấy nặng-nặng. Anh dùng tay trái đỡ lên, một bàn chân ló khỏi một nước. Thi thét lên kinh-hoàng, thả rơi cái chân chìm lại xuống nước.

Nhiếp hỏi vội:

- *Cái gì thế?*

- *Xác Việt-Cộng.* Thi đáp.

Nhiếp bảo:

- *Để đó tao.*

Nói xong, Nhiếp đến kéo xác tên Việt-Cộng sang một bên để tiếp-tục thu nhật súng. Hơn nửa giờ sau, ba ghe rời khỏi hai xác tàu chìm của địch, chạy ra khơi, kiểm-điểm chiến-lợi-phẩm: một trung-liên và 55 bao súng trường bá đở, mỗi bao ba cây. Thiếu-Úy Đăng cầm ống liên-hợp gọi:

- *Bạch-Đăng, đây Hồng-Hà.*

Từ ống liên-hợp vọng ra:

- *Hồng-Hà, Bạch-Đăng nghe.*

- *Báo-cáo Bạch-Đăng, Hồng-Hà đánh chìm hai tango (tàu) với hơn 15 tango delta (tấn đạn), thu một tango lima (trung-liên), và 165 sierra tango (súng trường). Ta victor sierra (vô sự).*

- *Bạch-Đăng nghe rõ. Hồng-Hà chuyển đến tất cả các bạn, cũng như Hồng-Hà, lời khen ngợi nồng-nhiệt của Bạch-Đăng, với thành-quả lớn-lao trong cuộc hotel quebec này (hành-quân).*

Đoàn ghe của Trung-Úy Niệm đến biển Tân-Thành lúc hai giờ sáng. Trung-Úy Niệm đi bắt tay chào mừng và thăm hỏi từng nhân-viên của ba ghe. Sau đó Trung-Úy Niệm trao đổi với Thiếu-Úy Đăng những tin-tức và chiến-lợi-phẩm về trận chiến vừa rồi. Trung-Úy Niệm nói với Thiếu-Úy Đăng:

- *Tôi để lại ở đây A-12, và D-69 với anh. Anh cho một ghe về theo tôi để lấy thêm đạn.*

Thiếu-Úy Đăng quay sang bảo Thuyền-Trưởng Nhiếp:

- *Anh theo Duyên-Đoàn-Trưởng về tiếp-tế đạn.*

Nhiếp nói:

- *Em xin ở lại, để còn khao Thiếu-Úy và anh em gà xé phay mới được.*

Nói xong, anh ta đến trước mũi ghe Y-72 của anh để bắt gà. Nấp hãm ghe được giở ra, hai con gà nằm ngoẻo đầu nhau, chết tự hồi nào. Dùng đèn rọi xem, Nhiếp thấy mũi ghe bị thủng tám chín lỗ. Xách hai con gà đến cạnh Thiếu-Úy Đăng, Nhiếp nói:

- *Đội-Phó xem, hai con gà của em bị vương loạt đạn Việt-Cộng.*

Thiếu-Úy Đăng quay sang Thuyền-Trưởng Bả:

- *Anh đi thế anh Nhiếp, anh Nhiếp muốn ở lại khao đãi anh em thịt gà, vì đã rửa sạch vết thương nơi bắp đùi của anh ta tại kinh Nước-Mặn.*

Thuyền-Trưởng Bả nói:

- *Khi nào đi, Duyên-Đoàn-Phó cho em biết.*



Trong bữa tiệc liên-hoan ăn mừng chiến-thắng bằng hai con gà xé phay lúc bốn giờ sáng tại cửa Tiểu, Thiếu-Úy Đăng nâng ly rượu để lên nói:

- *Chúc mừng các thuyền-trưởng và thủy-thủ-đoàn! Chúc mừng chiến-thắng!*

Tất cả nhân-viên đồng nâng ly hô to:

- *Chúc mừng chiến-thắng!*

Thuyền-Trưởng Nhiếp tay mặt nâng cốc rượu để, tay trái mân-mê vết thẹo nơi đùi, miệng cũng hô to:

- *Chúc mừng chiến-thắng!*

Sau trận chiến, ba thuyền-trưởng được thăng cấp đặc cách tại mặt-trận, kèm anh-dũng bội-tinh với ngôi sao vàng. Các nhân-viên khác trên ba ghe được thưởng huy-chương anh-dũng bội-tinh các loại khác nhau. Một anh-dũng bội-tinh với nhanh-dương-liễu dành cho Thiếu-Úy Lê-quý-Đăng, Duyên-Đoàn-Phó 33. Duyên-đoàn 33 được bộ Tổng-Tham-Mưu tặng thưởng một triệu bạc.



Virginia, ngày 24 tháng 3 năm 2002

⁽¹⁾ Vị chỉ-huy Vùng Duyên-Hải, trước kia được gọi là chỉ-huy-trưởng, nhưng sau đó được gọi là Tư-Lệnh, vì vùng đã được nâng cấp.





*Ghe Chủ-
Lực tuần-
duyên*



*Hạ thủy ghe
ferro cement
Thiên-Nga tại
Hải-Quân Công
Xưởng*

HẢI-QUÂN TRUNG-ÚY
NGUYỄN-ĐỨC-BỔNG
VÀ
LIÊN ĐỘI 34-37
HẢI-THUYỀN

Phan-hữu-Niệm

Vừa cắn mấy hạt dưa, thì đại-liên vọng Một nổi lên một tràng dài. Tiếp đến vọng Hai cũng một tràng đại-liên. Rồi đại-liên vọng Ba nổi tiếp. Sau cùng là đại-liên trên ghe chủ-lực A-12 đang chạy trên sông trước mặt hậu-cứ. Tiếng súng đại-liên vừa chấm dứt thì ba trái hỏa-châu của súng cối 60 của đơn-vị cũng được bắn lên, sáng cả bầu trời hậu-cứ Đội 33 Hải-Thuyền, vùng trường giang Soài-Rạp và Vàm-Cỏ Đông.

Bên ngoài hàng rào áp chiến-lược Lý-Nhơn, trung-đội Nghĩa-Quân cũng nổi lên tiếng súng bụp xọc để đón giao-thừa. Thiếu-Tá Sơn nói:

- *Giao-thừa năm nay đối với tôi thật đầy ý-nghĩa.*

Ông vừa dứt lời thì tiếng gõ cửa vọng vào. Tôi nói:

- *Vào đi !*

- *Dạ, thưa Đội-Trưởng, Đội-Trưởng 37 muốn nói chuyện với Đội-Trưởng.*

- *Tôi sang ngay. Tôi trả lời.*

Bước sang phòng truyền-tin bên cạnh, Trung-

Úy Bổng, Đội-Trưởng Đội 37 bên kia đầu máy nói:
- *Chúc mừng năm mới! anh November (anh Niệm).*

- *Chúc mừng năm mới! Hải Đăng!* (Hải Đăng là danh-hiệu của Đội-Trưởng Đội 37).

- *Thạch-Hân đang ở Đông-Hà hay Quảng-Trị?* (Thạch-Hân là danh-hiệu của Chỉ-Huy-Trưởng Vùng III Duyên-Hải, Đông-Hà là Đội 33, Quảng-Trị là Vùng III Duyên-Hải).

- *Ở Đông-Hà.*

- *Tôi cần gặp được không ?*

- *Hải-Đăng chờ.*

Thiếu-Tá Sơn bước vào phòng truyền-tin, cầm ống liên-hợp:

- *Thạch-Hân nghe đây !*

- ...

- *Chúc mừng năm mới !*

- ...

- *Tôi nghe không rõ.*

- ...

- *Sao?*

- ...

- *Đích thân Hải-Đặng đi papa kilo phải không?* (papa kilo là phục-kích).

- . . .

- *Ông hay quá!*

- . . .

- *Bao nhiêu?*

- . . .

- *Ta thì sao?*

- . . .

- *Chúc mừng chiến-thắng! Chúc mừng năm mới. Cho tôi gửi lời chúc mừng năm mới đến các anh em Sơn-Chà, Hội-An và gia-đình. Tôi sẽ đến với Hải-Đặng. (Sơn-Chà, Hội-An là danh-hiệu của Đội 34 và Đội 37).*

Tôi và Thiếu-Tá Sơn trở về phòng. Tôi hỏi:

- *Có tin vui, Commandant ?*

- *Ông Bổng đi kích, bán tiểu-đội của ông ấy đánh tan một tiểu-đội Việt-Cộng. Hạ 5 tên địch tại chỗ, tịch-thu 5 súng trường, và một số đạn và lựu-đạn.*

Tôi nói:

- *Trung-Ủy Bổng tài quá !*

Thiếu-Tá Sơn tiếp:

- *Ông chuẩn-bị cho tôi hai ghe. Sáng sớm mai tôi đi 37.*

- *Sáng mai mừng một Tết, Commandant lệnh-đệnh ngoài biển buồn chết.*

- *Tôi phải xuống chúc Tết nhân-viên hai đội 34-37, và chúc mừng chiến-thắng của ông Bổng.*

- *Commandant muốn rời đây mấy giờ?*

- *Khoảng sáu giờ sáng.*

Tuy hỏi Thiếu-Tá Sơn mà đầu óc tôi đang liên-tưởng đến hình-ảnh của con người đặc-biệt vừa mới đạt chiến-thắng này.



Tôi biết anh trong một trường-hợp khó quên, vào ngày hội hàng tháng, lần hội đầu tiên của tôi, tại Vũng III Duyên-Hải. Hôm đó, vì nước ròng, ghe tôi úi bãi trong Bộ Chỉ-Huy cho tôi lên bờ. Tôi bị trượt sinh khi nhảy xuống bãi, nên cả tay chân lấm đầy bùn. Tôi mò lên cái giếng dành cho tuần-viên Hải-Thuyền gần đó tìm nước rửa. Thấy một tuần-viên rửa tay chân vừa xong, tôi hỏi:

- *Anh cho tôi mượn cái gàu kéo nước rửa tay tí nhé !*

Anh tuần-viên trả lời:

- *Vâng, tôi cũng đã xong rồi.*

Nói xong, anh ta đưa cái gàu cho tôi. Tôi đưa tay định lấy cái gàu, nhưng anh tuần-viên thấy hai tay tôi lấm đầy bùn nên anh ta nói:

- *Để tôi kéo nước cho anh, tay anh đầy bùn.*

Tôi nói:

- *Cảm ơn anh.*

Kéo nước lên, anh tuần-viên xối nước cho tôi rửa tay. Vừa xối nước, anh ta vừa gọi chuyện:

- *Anh ở đơn-vị nào?*

- *Đội 33.*

- *Chà! Thứ dữ! Anh xuống đó lâu chưa?*

- *Chừng hơn tháng. Còn anh ở đâu ?*

- *37. Nghe nói, 33, địch tấn-công hằng đêm, anh có ngán không?*

- *Ở Sài-Gòn, Vũng-Tàu, khi nghe nói nguy-hiểm, chết chóc thì ai cũng ngán. Nhưng khi đối-diện với nguy-hiểm hằng ngày, riết rồi cũng quen đi.*

Thấy tay tôi đã sạch, anh ta trao gàu nước cho tôi và nói:

- *Tôi phải đi, chào anh.*

Tôi nói:

- *Cảm ơn anh, chào anh.*

Vào phòng tắm thay quần-phục xong, tôi đi trình diện ông Chỉ-Huy-Trưởng Vũng III Duyên-Hải. Hải-Quân Thiếu-Tá Nguyễn-xuân-Sơn vui mừng bắt tay tôi hỏi:

- *Dạo này chúng có thường về khuấy phá hằng đêm không?*

- *Dạ, đôi ba đêm một lần.*

- *Tháng trước, ông không gọi về, tôi cũng không biết ông đã xuống đó.*

- *Tôi nhận sự-vụ-lệnh, Bộ Tư-Lệnh bảo xuống cầu B, đã có ghe chờ sẵn. Tôi xuống cầu B, ghe chở tôi thẳng về Lý-Nhon. Lúc ấy tôi mới biết được ông đội-trưởng cũ đã đổi đi từ lâu.*

- *Đó là cái khó-khăn của ông. Thôi, cứ cố gắng, từ-từ sắp đặt lại công-việc.*

- *Vâng, cảm ơn Chỉ-Huy-Trưởng.*

Sau đó Thiếu-Tá Sơn dùng xe jeep chở tôi đến phòng ăn sĩ-quan và giới-thiệu với mọi người.

Và người sau chót, người có thân hình nhỏ nhất trong nhóm sĩ-quan, Đại-Úy Sơn nói:

- Đây là Thiếu-Úy Nguyễn-đức-Bồng, đội-trưởng Đội 37, kiêm liên-đội-trưởng Liên-Đội 34-37. Thiếu-Úy Bồng xuất thân khóa 10 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang. Thiếu-Úy Bồng với bắt tay tôi cười nói:

- Chào người hùng Rừng Sát. Nghe danh đã lâu, bây giờ mới được gặp mặt.

Tôi đưa tay bắt, với đôi mắt ngạc-nhiên nói:

- Chào Thiếu-Úy. Vừa rồi, . . . tôi ... không biết Thiếu-Úy.

- Chứ tôi nào có biết anh đâu. Thôi forget đi.

Đại-Úy Sơn ngạc-nhiên hỏi:

- Cái gì thế ?

Tôi nói:

- Vừa rồi, ngoài giếng nước tuần-viên, Thiếu-Úy Bồng kéo nước cho tôi rửa tay, tôi cứ ngỡ Thiếu-Úy là tuần-viên Hải-Thuyền.

Thiếu-Úy Bồng nói:

- Thì tôi cũng tưởng anh là tuần-viên vậy.

Mọi người cười thích-thú. Thiếu-Tá Sơn nói:

- Hai bên cùng tưởng nhầm. Mặc thường phục thì ai biết mình là ai. Vì thế nên tôi mới giới-thiệu ông với mọi người ở đây.

Sau phần giới-thiệu, mọi người kéo sang phòng họp. Tôi được biết thêm Hải-Quân Trung-Úy Tôn-thất-Đôn, chỉ-huy-phó. Ông ta xuất thân khóa 8 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang. Trong phần thuyết-trình của mỗi đơn-vị, tôi chú-ý nghe phần hoạt-động của Đội 37, và của Liên-Đội 34-37 do Thiếu-Úy Bồng phụ-trách. Thiếu-Úy Bồng chỉ lên bản-đồ vùng trách-nhiệm nói:

- Vùng hoạt-động của Liên-đội 34-37 từ phía Nam mồm Bình-Đại cho đến phía Bắc cửa Cỏ-Chiên. Là vùng có nhiều ghe thuyền đánh cá, nên việc kiểm-soát và khám-xét ghe khá bận rộn. Ngu dân vùng này có nhiều người không có giấy tờ của chính-quyền địa-phương đương thời. Nhiều người còn giữ giấy tờ từ những năm 1950, mà không có giấy tờ trong những năm hiện tại. Chúng tôi bắt giữ họ giao cho chính-quyền địa-phương, và sau đó vài tuần, họ lại kéo ghe ra biển đánh cá, mà cũng không có giấy tờ. Tuy nhiên, việc chúng tôi lưu-tâm nhiều nhất là các ghe thuyền xâm-nhập

từ ngoài khơi vào. Vùng hoạt-động có hai khu-vực bờ biển mà chúng tôi thường xuyên có mặt. Thứ nhất là khu tiếp giáp với mặt-khu Thanh-Phong, quận Thanh-Phú. Thứ hai là vùng sông Bà-Lai. Hai khu-vực này, mỗi lần ghe Hải-Thuyền vào gần bờ là bị bắn, có khi bằng trung-liên. Tuy bị bắn từ bờ, chúng tôi vẫn cho ghe tuần-tiểu và khám-xét những ghe thuyền ra vào hai vùng biển nói trên, để ngăn-chặn sự tiếp-tế bằng đường biển vào đất liền. Mặt khác, vì áp-lực của địch đối với an-ninh hậu-cứ, chúng tôi phải thường xuyên hành-quân trên bờ, cách hậu-cứ khoảng bốn năm cây-số. Hành-quân an-ninh hậu-cứ tuy không phải là nhiệm-vụ chính của Đội Hải-Thuyền, nhưng nó làm cho chúng ta nhức đầu không ít. Vì nếu hậu-cứ không an-ninh, làm sao chúng ta có thể đưa ghe ra khơi tuần-tiểu. Nếu chúng ta lấy một cái compas, vẽ một vòng tròn, tâm là điểm giữa của hai đội 34 và 37 trên rạch Bà-Hiền, bán-kính một cây-số, thì vùng nằm ngoài vòng tròn trên đất liền, là khu-vực mất an-ninh.

Buổi họp chấm dứt lúc hai giờ trưa, và Đại-Úy chỉ-huy-trưởng khoản-đãi cơm trưa, vì lý-do có hai tân sĩ-quan là Thiếu-Úy Lan và tôi.

Kể từ đó Thiếu-Úy Bồng là vị sĩ-quan trong vùng tôi xem là thân-thiện nhất.

Thấy tôi tư-lự, Thiếu-Tá Sơn hỏi:

- Ông suy-nghĩ gì vậy? Bộ nhớ nhà hả?

- Dạ không, Tôi đang nghĩ về Trung-Úy Bồng. Tôi trả lời.

Thiếu-Tá Sơn nói:

- Ủ, Ông ấy giỏi thật !

Tôi và Thiếu-Tá Sơn, rồi sau đó thêm Chuẩn-Úy Đăng, ăn bánh chung, ăn mứt, uống trà, và trò chuyện đủ mọi việc cho đến ba giờ sáng mới đi ngủ.



Một tháng sau, trong chuyến đi thăm Liên-Đội 34-37, vedette của Thiếu-Tá Sơn chết máy, bị sóng gió đập vào cồn Kẽm trong một đêm giông-bão. Thiếu-Tá Sơn phải đào-thoát vào bãi biển Bình-Đại. Được tin, Trung-Úy Bồng đem một trung-đội đầy-đủ trang-bị, đến ngay vùng biển nơi vedette Thiếu-Tá Sơn mắc nạn. Biển động mạnh,

ghe không thể vào gần bờ để đổ quân, vì đã ba lần ghe suýt mắc cạn. Trung-Úy Bồng bèn dùng cách cho nhân-viên mang áo phao, và cứ từng cặp hai người, nhảy xuống nước, lội vào bờ trong khi các ghe thuyền ở bên ngoài yểm-trợ. Cuộc đổ quân một trung-đội lần này quả thật nhiều-khê vì nếu không cẩn-thận, các ghe sẽ có chung số phận với chiếc *vedette*, và nhân-viên có thể bị sóng cuốn mất. Mất hơn hai giờ Trung-Úy Bồng mới đưa được trung-đội của mình lên bờ, và chính Trung-Úy Bồng lên theo để chỉ-huy. Súng đạn và quần áo của nhân-viên trung-đội bị ướt và đầy cát. Vì là vùng kiểm-soát của địch nên sau khi gặp được Thiếu-Tá Sơn, Trung-Úy Bồng đã cho trung-đội tiến vào các đụn cát bên trong để làm chỗ dựa đóng quân yểm-trợ cho nhau. Ngoài biển một chiến-hạm Hải-Quân được điều-động đến đó để yểm-trợ cánh quân trên bờ. Máy đêm đầu hỏa-châu được máy bay thả sáng rực vùng biển Bình-Đại, nơi Thiếu-Tá Sơn và Trung-Úy Bồng đổ quân. Theo tiết-lộ của một sĩ-quan phòng 3 Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân mà tôi không nhớ tên, mỗi đêm tốn khoảng một triệu bạc trái sáng. Vì không chuẩn-bị thức-ăn khô kịp, trung-đội của Trung-Úy Bồng và Thiếu-Tá Sơn phải ăn dưa hấu trong vùng này để mưu sinh. Tôi không nhớ rõ Thiếu-Tá Sơn bị kẹt ở đó mấy hôm. Khi biển bắt đầu dịu lại, các ghe được điều-động vào gần bờ để bốc Thiếu-Tá Sơn và trung-đội trở về hậu-cứ. Sau trận phục-kích, chiến-thắng một tiểu-đội Việt-Cộng tại Bãi-Ngao, và vụ giải cứu Thiếu-Tá Sơn, Trung-Úy Bồng trở nên người hùng của Vùng III Duyên-Hải.

Hai tháng sau, Thiếu-Tá Sơn mở ngay cuộc hành-quân vào bờ biển vùng Bình-Đại, khu-vực giữa cồn Kẽm và sông Ba-Lai. Cuộc hành-quân này do Thiếu-Tá Sơn chỉ-huy trực-tiếp. Phối-hợp giữa Liên đội 34-37 và Đội 33. Bộ chỉ-huy đặt trên ghe chủ-lực của Đội 37. Lực-lượng hành-quân gồm có hai trung-đội đổ bộ: một do Trung-Úy Bồng chỉ-huy, và một do tôi chỉ-huy. Ngoài biển có một tuần-duyên-hạm *PGM* và sáu ghe Hải-Thuyền của Liên đội 34-37 và Đội 33. Trung-Úy Bồng được lệnh đổ quân trước. Không có kháng-cự nào nên anh rút quân về sau gần hai giờ lục-soát. Đến lượt tôi, ghe vừa vào gần bãi, đã bị trung-liên từ đôi

cát bắn xuống. Ở thế không ngừng được, tôi nhảy xuống nước. Trung-đội nhảy theo và chạy nhanh vào bãi. Tuần-Viên Nguyên xách trung-liên chạy kế sau tôi, cạnh Tuần-Viên Vô-Tuyển Ngàn đang mang chiếc máy *PRC-10* trên lưng. Đạn trung-liên của địch từ đôi cao bắn thẳng vào toán quân của tôi, đạn ghim sâu xuống cát thành hàng. Tôi vượt qua khỏi lần đạn. Anh xạ-thủ trung-liên chậm mất một giây, một viên đạn xuyên vào ngực, vào phổi. Tuần-Viên Nguyên ngã xuống. Tôi quay lại phụ với Tuần-Viên Hy, xóc nách Nguyên, lôi anh nhanh vào đụn cát. Quay lại phía sau, đảo mắt một vòng, tất cả nhân-viên trung-đội cũng đã vào núp các đụn cát kế cận. Tôi bốc máy trên lưng Ngàn gọi chỉ điểm cho Thiếu-Tá Sơn cho chiến-hạm hạ cây trung-liên trên đỉnh đôi, và xin tải-thương Nguyên.

Một ghe *Yabuta* tiến vào với hai ghe yểm-trợ. Ba nhân-viên nhảy lên bờ diu Nguyên trong khi đạn trung-liên của địch bắn theo. Toán ghe ba chiếc của Trung-Úy Bồng vào gần bờ dùng đại-liên và M-79 phóng vào ụ súng trung-liên của địch. Trung-Úy Bồng và trung-đội của anh lập tức đổ quân lên bờ, ngay bên trái tôi để tăng-viện. Nhờ đại-bác *Beauford* của chiến-hạm áp đảo, và sự tăng-cường của cánh quân Trung-Úy Bồng, chúng tôi mới chuyển được Nguyên lên ghe.

Tôi bắt đầu tiến quân vào đất liền. Chừng 20 thước, chúng tôi phải dừng lại, vì trước mặt là bãi sinh với nhiều cây mục chồng chất lên nhau. Không thể qua bãi sinh, vì bên kia là một đôi cát có súng trung-liên của địch. Tôi yêu-cầu hạ ổ trung-liên, nhưng chiến-hạm không nhận-định rõ vị-trí. Ghìm chân địch được chừng một tiếng, Thiếu-Tá Sơn gọi máy bay đến thả bom yểm-trợ. Bom thả xong, hai trung-đội bắt đầu lục-soát dọc theo bờ biển. Đến một hầm phòng-thủ có lỗ châu-mai, sau khi kêu gọi không thấy ai ra, tôi cho một tuần-viên thả một quả lựu-đạn M-26 qua lỗ châu-mai vào trong hầm. Mọi người ngạc-nhiên không nghe lựu-đạn nổ. Tôi hỏi lại anh ta có kéo chốt không. Anh ta trả lời là có. Không biết tại sao tôi lại không ra lệnh cho ném quả thứ hai, mà lại ra lệnh mở cửa hầm. Cửa hầm vừa kéo ra, thì đàn bà, trẻ con khoảng gần 30 người từ trong ụ ra. Tim tôi như muốn ngưng đập. Tôi hú-hồn, và mừng thầm khi

quả lựu-đạn không nổ. Tôi nghĩ: “Trời còn thương mình, còn thương nhóm đàn bà, trẻ con vô tội kia”! Nếu không, anh tuần-viên kéo chốt quả lựu-đạn, thì gần 30 mạng con người sẽ không còn manh giáp. Tôi không thể tưởng-tượng được, và tôi cũng không muốn tưởng-tượng điều sẽ xảy ra. Vì máy bay còn vằn-vũ trên không, tôi ngoắc tay ra lệnh cho ông trung-sĩ đẩy tất cả vào trở lại hầm trú-ẩn, và đóng cửa lại. Việt-Cộng chơi cái trò đẩy đàn bà, trẻ con ra phía trước, chúng núp phía sau. Nếu ta giết nhầm, chúng đem ra rêu-rao tuyên-truyền. Lúc đó Trung-Ủy Bổng cũng vừa đến, kéo xích cánh cửa miệng hầm trú-ẩn. Thấy đàn bà, trẻ con đầy hầm, anh lăm-bắm chửi thề:

- *Mẹ kiếp, Việt-Cộng!*

Sau đó Thiếu-Tá Sơn ra lệnh rút lui. Trận này chúng tôi đối đầu với đàn bà, trẻ con ở mặt-trận trong lúc Việt-Cộng núp phía sau để bắn chúng tôi.



Tháng 5, 1965, tôi rời Đội 33, để đi nhận Đội 34, thuộc Liên Đội 34-37 của Trung-Ủy Bổng. Hậu-cứ của Đội 34 và Đội 37 đều nằm trên bờ tả ngạn sông Hàm-Luông, ngăn cách bởi một con rạch nhỏ, có tên là rạch Bà-Hiền. Khu-vực này thuộc ấp Tiệm-Tôn, xã Tân-Thủy, quận Ba-Tri, tỉnh Kiến-Hòa. Đội 37 nằm cạnh chợ Tiệm-Tôn. Từ chợ đến vòng rào Đội 37 là một khoảng đất trống chừng 50 thước. Cạnh hậu-cứ Đội 37 là một đồn Nghĩa-Quân, cũng nằm sát dọc theo rạch Bà-Hiền. Một lối đi chung cho Đội 37 và đồn Nghĩa-Quân trước khi ra cổng để đi ra chợ. Vì đất hẹp, Đội 37 chỉ được rào dây kẽm gai 4 lớp, ra xa hậu-cứ chừng 50 thước. Ở giữa là nhiều lớp kẽm gai vòng. Hậu-cứ Đội 34 được xây theo hình tam-giác đều, cạnh 120 thước. Một cạnh nằm dọc theo rạch Bà-Hiền. Phía Tây hậu-cứ là ấp Bà-Bèo, cách hậu-cứ hơn một cây-số. Muốn vào ấp Bà-Bèo phải mở cuộc hành-quân. Từ ấp Bà-Bèo đến hậu-cứ là một khu đồng trống và một bãi dừa nước lưa-thưa. Từ bờ thành hậu-cứ ra xa 200 thước là 6 lớp hàng rào kẽm gai. Giữa những lớp rào kẽm gai là những vòng kẽm gai tròn chạy ngang dọc. Mìn *claymore* được đặt dọc theo các rào

kẽm gai. Ngoài mìn *claymore* còn có lựu-đạn M-26 giăng dây để nổ bất ngờ khi có người xâm-nhập hàng rào mà ta chưa phát-giác kịp thời.

Đội 37 gồm có 3 ghe chủ-lực, 3 ghe *Yabuta*, và 7 ghe di-cư. Quân-số 100 người, cả sĩ-quan, hạ-sĩ-quan, và tuần-viên Hải-Thuyền. Đội 34 gồm có 3 ghe chủ-lực, 3 ghe *Yabuta*, và 6 ghe di-cư. Quân-số cũng 100 người. Tại hậu-cứ của mỗi đội có từ 4 đến 6 súng đại-liên 30 tại những vọng gác chính, 1 súng cối 60 ly, và một súng cối 81 ly. Trên mỗi ghe đều có một khẩu đại-liên 30. Các ghe chủ-lực và *Yabuta*, có thêm một đại-liên 50.

Đội 37 có ba sĩ-quan: Thiếu-Ủy Dương-văn-Phú, xuất thân từ Thủ-Đức; Thiếu-Ủy Nguyễn-mạnh-Bình, xuất thân khóa 13 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang; và Trung-Ủy Nguyễn-Đức-Bổng, khóa 10 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang.

Trung-Ủy Bổng nhỏ con, cao chừng 1 thước 58, nặng chừng 45 kg. Nước da ngăm đen. Ăn nói nhỏ-nhẹ, lịch-sự. Trên môi lúc nào cũng sẵn-sàng một nụ cười cho người đối-diện.

Đội 34 có hai sĩ-quan: Thiếu-Ủy Nguyễn-văn-Bào, xuất thân từ khóa 13 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang, và Trung-Ủy Phan-hữu-Niệm, khóa 12 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang.

Tuy là một ấp nhỏ, nhưng Tiệm-Tôn nổi tiếng về tôm ướp mật xì-dầu phơi khô. Các tay nhậu gặp món này đưa cay là chỉ có việc gắn chặt vào bàn tiệc. Người không nhậu cũng mê món tôm này không kém. Nhưng một đặc-sản khác còn quan-trọng hơn, đó là các hoa-khô ở đây đã làm mê mết các vị đơn-vị trưởng của các Đội Hải-Thuyền. Nói có sách mách có chứng, Thiếu-Ủy Tài và Chuẩn-Ủy Bảo, Đội-Trưởng và Đội-Phó Đội 34 đã cưới hai chị em của một gia-đình ở Tiệm-Tôn. Ông Phó thì ẵm cô chị, ông Trưởng thì bông cô em. Trung-Ủy Bổng cũng hào-hoa không kém. Người đẹp của anh có cái tên được xếp vào hàng thứ nhì của bốn đức-tính của người đàn bà: Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Cô ta là một hoa-khô của ấp. Thiếu-Ủy Bình là người mai-mối cho cuộc tình duyên này. Một hôm Trung-Ủy Bổng có ý muốn giới-thiệu người đẹp của mình, anh rủ tôi ra ấp chơi. Tôi biết ý nên hỏi:

- *Huỳnh đã gửi mấy thằng em ra trước chưa?*

Trung-Úy Bổng trả lời:

- *“Moi” đi hà rằm, có sao đâu. Nếu “toi” ngại, thì lặn trong người một cây colt 45 là xong chuyện.*

- *Ờ, thì cũng được.*

Tuy nói thế, nhưng tôi hẹn anh ta nửa tiếng sau mới đi được, vì còn bận tí việc. Tôi âm-thầm cho một tiểu-đội ra áp trước để giữ an-ninh khu-vực quanh nhà cô Dung. Sau đó tôi mới sang, đi cùng anh ta ra áp.

Sự gan-dạ của Trung-Úy Bổng có thể nói tôi chưa bao giờ thấy ai hơn. Con đường bộ từ ấp Tiệm-Tôn lên quận Ba-Tri, không một viên chức hay quân-nhân nào dám bén mảng. Chi-khu Ba-Tri cũng chưa lần nào hành-quân mở đường từ chi-khu đến Tiệm-Tôn. Thế mà Trung-Úy Bổng ngang-nhiên dẫn bán tiểu-đội theo đường bộ này, đến thăm ông quận trưởng và các sĩ-quan chi-khu Ba-Tri, dưới những con mắt đầy ngạc-nhiên và thán-phục của họ, nhất là ông thiếu-úy trưởng phòng nhì chi-khu. Khi Việt-Cộng biết Trung-Úy Bổng xâm-nhập vùng cấm địa của chúng thì Trung-Úy Bổng đã ung-dung dạo chợ Ba-Tri. Dĩ nhiên là Trung-Úy Bổng đã dự tính những gì Việt-Cộng sẽ làm, nên khi trở về, anh đã dùng 3 ghe trang-bị hùng-hậu đến chi-khu Ba-Tri đón anh.

Sự đột nhập vùng Việt-Cộng kiểm-soát một cách xuất quỷ nhập thần này, đã làm cho bọn du-kích địa-phương lâm vào tình-trạng lo-âu. Anh đi phục-kích địch không theo giờ giấc nhất định. Có thể đầu hôm, có thể nửa đêm, và cũng có thể vào giờ gần sáng. Một đêm, vào khoảng 2 giờ sáng, anh thức dậy, đánh thức mấy tay đàn em thiện chiến, nai-nịt gọn-gàng, lên ra vùng Việt-Cộng ở Bãi-Ngao. Đi dọc theo một bên đường lộ, đến nơi, phân tán thành hai toán phục-kích tại hai đồng rơm hai bên lộ. Đến sáng sớm, một tên Việt-Cộng phóng xe đạp vội-vã trên hương lộ. Trung-Úy Bổng cho người ra chặn. Tên Việt-Cộng vội-vàng quay đầu xe đạp thối lui. Nhưng một toán khác đã chặn hậu. Thế là tên Việt-Cộng bị bắt sống. Đem về khai-thác, thì tên này là chủ-tịch xã Tân-Thủy của Việt-Cộng, buổi sáng phóng xe đạp đi tìm cà- phê uống. Tên này được giải giao về quận, rồi về tỉnh, và tỉnh Kiến-Hòa phúc-đáp lại bằng những

huy-chương tặng thưởng cho Trung-Úy Bổng và nhân-viên.

Liên đội 34-37 Hải-Thuyền là cái gai cần phải nhổ, nhưng Việt-Cộng không làm được, vì nếu dùng lực-lượng là tiểu-đoàn để tấn-công hai đơn-vị, thì chỉ làm môi cho các ổ đại-liên. Nếu dùng lực-lượng đông hơn, mà không thanh-toán chớp nhoáng được – mà làm sao thanh-toán chớp nhoáng được với lực-lượng 20 ghe thuyền di-động trên sông rạch – thì chỉ còn làm mục-tiêu cho máy bay oanh-kích. Nhắm vào đơn-vị không được, nên Việt-Cộng đề ra kế-hoạch thanh-toán cá-nhân. Việt-Cộng đưa ra cái giá MỘT TRIỆU ĐỒNG cho cái đầu của Trung-Úy Nguyễn-đức-Bổng. Tin này được loan truyền ra cho dân trong vùng Việt-Cộng kiểm-soát. Sau đó truyền đến tai chúng tôi. Trung-Úy Bổng mỉm cười thích-thú, vì Việt-Cộng đã thực sự lo ngại vì anh. Một triệu đồng thời giá lúc bấy giờ, năm 1965, có giá-trị bao nhiêu? Ta thử so-sánh vài sự việc sau đây. Lương cho lính quân-dịch là 316 đồng một tháng:

“.....”

Ba trăm mười sáu lấy gì nuôi con.”

Lương của sĩ-quan cấp thiếu-úy mới ra trường năm 1964 là ba ngàn tám trăm đồng một tháng, và năm 1965 được khoảng bốn ngàn đồng một tháng. Quái-khệt Trần-văn-Trạch, mỗi chiều Chủ Nhật, tại rạp hát Thống Nhất ở Sài-Gòn vẫn thường hát giúp vui cho chương-trình xổ số kiến-thiết quốc-gia, đã làm mọi người hài-lòng nao-nức qua câu:

“Chỉ MỘT ĐỒNG thôi, mua lấy cái nhà giàu sang mấy đời.”

Cái đầu của Trung-Úy Bổng thì được một triệu. Còn cái đầu của tôi, và những cái đầu của các vị sĩ-quan khác của hai Đội Hải-Thuyền thì cũng bị treo lơ-lửng mà không có giá. Vì thế chúng tôi rất cần-trọng trong việc ra vào ấp Tiệm-Tôn.

Tại Tiệm-Tôn, hậu-cứ của Đội 37 Hải-Thuyền, lúc 9 giờ sáng, Việt-Cộng vào chợ, cạnh hàng rào hậu-cứ, bắn thị-uy dân-chúng, và bắn vào hậu-cứ Đội 37. Trung-Úy Bổng không cho quân ra truy-lùng vì đã cử hai sĩ-quan đi công-tác, không đủ sĩ-quan trưởng toán. Hơn nữa anh còn hai ghe đang phải sửa chữa, và một số báo-cáo hàng tháng. Đến

12 giờ trưa, địch lại vào chợ bắn phá. Nhân-viên rất ngạc-nhiên khi Trung-Úy Bổng không phản-ứng. Đến 3 giờ chiều, địch lại một lần nữa xuất-hiện trong ngõ ngách ấp Tiệm-Tôn bắn vào hậu-cứ. Vừa lúc đó thì Thiếu-Úy Bình cũng về đến đơn-vị. Trung-Úy Bổng gọi Thiếu-Úy Bình nói:

- *“Toi” mới đi công-tác về, ở nhà trông coi hậu-cứ, “moi” đi lòng bọn chúng. Nếu không, tới nay chúng pháo-kích vào đơn-vị, nguy-hiểm lắm.*

Thiếu-Úy Bình nói:

- *Ông Quản-Nội-Trưởng trông chừng đơn-vị cũng được, tôi đi với Trung-Úy cho vui.*

- *Chỉ sợ “toi” mệt thôi. Nếu vậy, “toi” gọi Thiếu-Úy Bào bên 34 dẫn hai ghe và một trung-đội theo rạch Bà-Hiền, đi vào cách cầu sắt chừng hai cây-số, đổ quân lên lục-soát, và tiến về hướng Bãi-Ngao.*

Thiếu-Úy Bình gọi Thiếu-Úy Bào.

Nhắc điện-thoại, Bào nói:

- *Thiếu-Úy Bào, tôi nghe.*

- *Bình đây, “toi” đang làm gì vậy?*

- *Thử đoán xem!*

- *Bộ viết thư tình hả?*

- *Ai nói mà biết hay vậy?*

- *Thì đoán mò đó mà! Ở cái xứ Tiệm-Tôn này mà không viết thư tình thì làm gì để giết thì-giờ phải không? Mà viết xong chưa?*

- *Chưa xong. Có gì vậy?*

- *Thôi để đó, tới về tiếp-tục. Bây giờ Trung-Úy Bổng cần “toi” mang một trung-đội với hai ghe theo rạch Bà-Hiền, vào cách cầu sắt hai cây-số, đổ quân lục-soát về hướng Bãi-Ngao. Sau khi gặp cánh quân của Trung-Úy Bổng và Thiếu-Úy Phú, thì rút về.*

- *Ông Niệm đi công-tác, “moi” cần trông coi hậu-cứ. “Toi” nói với Trung-Úy Bổng để khi khác đi.*

- *OK! “Moi” sẽ trình lại cho ông ấy biết. Bye, bye!*

Được Thiếu-Úy Bình báo-cáo lại, Trung-Úy Bổng bèn dùng chiêu kích tướng, nói với Thiếu-Úy Bình:

- *“Toi” nói với Thiếu-Úy Bào rằng, nếu ông ấy sợ, thì cứ ở nhà!*

Thiếu-Úy Bình lập lại cho Thiếu-Úy Bào. Tự-ái

bị chạm mạnh, Bào nói với Bình:

- *Đi thì đi chứ sợ gì!*

Bào gấp tập thư đang viết nửa chừng, để lên đầu giường, rồi đi tìm Trung-Sĩ Huấn tập hợp nhân-viên đi hành-quân.

Cả Thiếu-Úy Bào và nhân-viên tình-nguyên đi là 13 người. Bào vốn tin dị-đoan, không thích con số 13, mặc dầu anh ta là khóa 13 sĩ-quan Hải-Quân Nha-Trang. Bào nói với Trung-Sĩ Huấn:

- *Ông bỏ lại bớt hay lấy thêm, chứ ai lại đi con số 13.*

Trung-sĩ Huấn lấy thêm được 6 người, là 19 người.

Trung-Úy Bổng cũng yêu-cầu Nghĩa-Quân cho một tiểu-đội theo chân Trung-Úy Phú, mở đường tảo-thanh từ chợ đến Bãi-Ngao.

Còn Trung-Úy Bổng và Thiếu-Úy Bình dẫn một trung-đội đi bộ từ hậu-cứ dọc theo bờ sông Hàm-Luông lên Bãi-Ngao. Trung-đội này được 3 ghe đi trên sông Hàm-Luông yểm-trợ.

Theo hoạch-định, các toán quân sẽ lục-soát những điểm nghi-ngờ, có thể đặt súng cối pháo-kích vào đơn-vị.

Thiếu-Úy Bào đã đổ quân lên bờ được hơn một cây-số.

Cánh quân của Thiếu-Úy Phú ra cách hậu-cứ khoảng 1500 thước thì địch bắt đầu nổ súng lẻ-tẻ, rồi bỏ chạy. Thiếu-Úy Phú không truy đuổi, chỉ từ-từ lục-soát các nơi nghi-ngờ, và liên-lạc với Trung-Úy Bổng và Thiếu-Úy Bào.

Cánh quân của Trung-Úy Bổng đã xa hậu-cứ chừng 4 cây-số, và cách bờ chừng hai cây-số.

Nghe Thiếu-Úy Phú báo-cáo, Trung-Úy Bổng gọi:

- *Bình-Giả, đây Bắc-Bình. Cho biết hai lần lima của delta (Bình-Giả, Bắc-Bình là danh-hiệu của Thiếu-Úy Phú và Trung-Úy Bổng – Cho biết lực-lượng của địch).*

- *Bắc-Bình đây Bình-Giả. Delta bravo lẻ-tẻ (địch bắn lẻ-tẻ). Nhưng tình-hình quá yên-tĩnh, đáng nghi-ngờ. Không thấy một bóng người dân.*

Thiếu-Úy Bào gọi Trung-Úy Bổng:

- *Bắc-Bình, đây Lạc-Hồng. Delta (địch) cách tôi chừng ba trăm tango (thước), rất đông, và đang*

bravo (bắn) vào chúng tôi.

Trung-Úy Bổng gọi Thiếu-Úy Bào và Thiếu-Úy Phú:

- *Lạc-Hồng, Bình-Giả. Đây Bắc-Bình. Yêu cầu dùng Quebec (quân), chờ.*

Thấy Việt-Cộng chạy loảng-thoảng phía trước, trung-đội của Trung-Úy Bổng truy đuổi. Trung-đội này đã tiến quân sâu hơn hai cây-số cách bờ sông. Súng trung-liên địch bắt đầu nổ, trung-đội dùng M-79 và trung-liên trả đũa, và tiến quân. Ổ trung-liên của địch bị M-79 phá tan. Trung-Úy Bổng tiến sâu về hướng Thiếu-Úy Phú. Trung-đội băng qua một bờ đê, rồi dàn quân trong một nghĩa-địa.

Cánh quân Thiếu-Úy Phú và Thiếu-Úy Bào đã bắt đầu bị địch kháng-cự bằng đại-liên.

Trung-Úy Bổng vừa nghe Thiếu-Úy Phú và Thiếu-Úy Bào báo-cáo thì cánh quân của anh ta cũng bị đại-liên nổ dòn chặn lại. Trung-Úy Bổng cho gọi chi-khu Ba-Tri xin yểm-trợ bằng đại-bác 105 ly.

Hai cánh quân của Thiếu-Úy Phú và Thiếu-Úy Bào dùng trung-liên và M-79 chống trả sức ép của đại-liên địch. Nhưng địch có nhiều trung-liên khác, và đang hùng-hổ tiến quân. Một quả phóng lựu rơi vào khẩu trung-liên của toán Thiếu-Úy Phú, làm mấy người tử thương. Rồi tiếng kèn thúc-quân của địch. Chúng phất cờ tiến lên. Cánh quân Thiếu-Úy Phú bắn hạ năm sáu tên, nhưng lớp khác xông lên. Lúc này cánh của Phú cũng tổn-thất bốn năm nhân-viên. Lấy kinh-nghiệm từ những trận chiến hồi còn ở Sư-Đoàn 21 Bộ-Binh, Thiếu-Úy Phú không rút lui, mà lại tiến quân lên phía trước, hướng chếch trái, ra rạch Bà-Hiền, để dùng bờ sông làm thành chống trả, vì địch quá đông, có thể bao vây chặn hậu.

Lúc bấy giờ cánh quân của Thiếu-Úy Bào đã bị địch bao vây. Súng trung-liên của cánh quân anh không còn hiệu-quả trước áp-lực của đại-liên và trung-liên của địch. Địch đã đến quá gần và quá đông.

Xạ-thủ trung-liên của cánh quân Trung-Úy Bổng là một chiến-sĩ nhà nghề. Anh không nao-núng trước lần đạn địch. Anh đặt cây trung-liên một chỗ bắn liên hồi, rồi anh nhảy sang một chỗ khác để quan-sát. Địch bắn vào vị-trí súng trung-

liên của anh. Chờ loạt đạn của địch ngừng, anh nhảy trở lại súng trung-liên bắn tiếp. Vì địch quá đông, đã phát-hiện vị-trí súng trung-liên của anh, nên chúng dồn hết hỏa-lực vào anh. Anh không may vướng đạn địch. Anh gục xuống mà tay vẫn còn giữ chân súng trung-liên. Anh tuần-viên vô-tuyến của Trung-Úy Bổng báo-cáo:

- *Chi-khu sẽ bắn quả đầu tiên để Đội-Trưởng điều-chỉnh.*

Trung-Úy Bổng bảo:

- *Cho bắn đi.*

Vừa nói xong, một tràng đạn từ ngọn cây bay về Trung-Úy Bổng. Anh ta mất thăng-bằng, ngã chúi về trước. Thiếu-Úy Bình thấy anh ngã trên mặt đất, biết anh đã gặp nguy. Bình lăn vội về phía Trung-Úy Bổng, đẩy anh ta nằm nghiêng để xem xét. Trung-Úy Bổng nhìn Bình không nói. Bình xúc Trung-Úy Bổng ẩn sau mô đất. Trung-Úy Bổng cố-gắng trong yếu-ớt, ngập-ngừng:

- Anh em thế nào rồi? "*Toi*" thay "*moi*" lo cho anh em về hậu . . . cứ . . . an . . .

Thiếu-Úy Bình trả lời:

- *Trung-Úy an-tâm, anh em sẽ lo cho Trung-Úy mà. Nói xong thì Bình thấy Trung-Úy Bổng gục đầu, trút hơi thở cuối cùng. Bình đưa tay vuốt mắt cho anh, và nói:*

- *Vĩnh-biệt Đội-Trưởng!*

Đại-liên tiếp-tục bay về hướng Bình. Thêm đạn súng cối 82 ly rơi khắp nghĩa-địa.

Trong lúc đó, cánh quân của Thiếu-Úy Bào bị xé lẻ. Một số anh em nhập vào được với toán của Thiếu-Úy Phú và Nghĩa-Quân. Nhân-viên mang máy truyền-tin của cánh Thiếu-Úy Phú và Thiếu-Úy Bào thất lạc. Phú dẫn số còn lại hướng ra rạch Bà-Hiền, rồi men theo dòng rạch hướng về hậu-cứ.

Một tiếng thét "*Thiếu-Úy*" kéo giật đầu Bình về bên trái, tuần-viên vô-tuyến mang máy PRC-10 mất thăng-bằng chúi đầu về trước. Bình rời xác Trung-Úy Bổng, lăn mấy vòng liền đến cạnh anh tuần-viên vô-tuyến. Bình đưa tay đỡ anh ta lên. Anh ta hoàn-toàn bất động. Bình lại đưa tay vuốt mắt người chiến-hữu thứ hai. Vừa phóng M-79, Bình vừa cố gỡ vội chiếc máy PRC-10 khỏi lưng

anh tuần-viên. Bình xô tay vào dây và đeo lên lưng, rồi bấm máy gọi:

- *Quang-Trung, đây Bắc-Bình!* (Quang-Trung là danh-hiệu của quận Ba-Tri).

Không nghe trả lời. Bình bấm máy gọi lần nữa:

- *Quang-Trung, Quang-Trung, đây Bắc-Bình! Nghe rõ trả lời.*

Hoàn-toàn im-lặng. Bình vội chuyển sang tần-số nội bộ, để gọi Thiếu-Úy Phú và Thiếu-Úy Bào:

- *Bình-Giả, Lạc-Hồng, đây Bắc-Bình!*

- *Bình-Giả, Lạc-Hồng, đây Bắc-Bình. Nghe rõ trả lời.*

Một tràng đại-liên bay về hướng Bình. Anh cúi đầu thấp hơn. Anh đang cố liên-lạc với chi-khu Ba-Tri. Anh nằm sát mặt đất, và cố ép ống liên-hợp vào tai. Bình vẫn không nghe tiếng trả lời. Bình đưa tay vặn nút khuếch đại cho ống nghe lớn hơn. Anh vẫn không nghe tiếng khè-khè của ống liên-hợp. Bình kéo dây quai, đẩy chiếc máy ra khỏi lưng, về phía trước mặt. Chiếc máy vừa chúi ra trước, Bình thấy một lỗ thủng xuyên qua máy. Bình vớt ống liên-hợp, tiếp-tục dùng M-79 phóng về phía địch.

Trung-sĩ Thùy phía sau bò lên nói:

- *Địch đông quá! Có cả phía sau. Anh em một số chết, một số thất lạc. Chỉ còn có tôi và Thiếu-Úy. Chúng ta mau rời nhanh nơi này thôi!*

Thiếu-Úy Bình bảo:

- *Anh chạy trước đi! Tôi yểm-trợ cho.*

Nói xong, Bình đưa M-79 hướng về đại-liên địch phóng liên-tục. Thấy Trung-Sĩ Thùy vẫn còn nằm đó chờ. Bình la lớn:

- *Nhanh lên!*

Nghe Bình hét, Trung-Sĩ Thùy đứng lên, phóng nhanh về phía trái. Súng địch bắn theo Thùy. Bình đưa M-79 nã ngay vào ổ đại-liên. Chạy một lúc, Thùy quay đầu lại tìm Thiếu-Úy Bình – không thấy. Khi ấy Bình vẫn còn ở chỗ cũ. Bình phóng thêm vài quả nữa, rồi chạy nhanh về phía phải, hướng ra cồn Hố. Bình tấp vào một chiếc nhà vách đất bỏ hoang. Một tuần-viên tử thương nằm cạnh cây *Garant* M-1. Bình cúi nhặt nhanh cây súng, chạy thoát ra cửa sau, hướng ra phía sông. Chạy một hồi, Thiếu-Úy Bình gặp nhiều lùm cây.

Quá mệt, Bình lao vào một lùm cây lớn nhất, bắt kể gai-góc. Cây *Garant* kẹt, còn vương lại bên ngoài. Bình phải bò ra, kéo cây súng vào. Lúc bấy giờ trời đã sập tối. Cây M-79 của anh chỉ còn lại một quả đạn duy nhất. Anh nghĩ, quả đạn cuối cùng này sẽ kết-liệu đời anh, nếu địch tìm đến. Anh đặt cây M-79 trên ngực. Họng súng ngang cổ họng của anh, và ngón tay trở nơi cò súng.

Giờ phút cam-go sống chết, anh còn gặp xui-xẻo, đã lao vào đúng ổ kiến vàng. Kiến mọc sức hoành-hành, bâu vào mắt, cắn tai, cắn cổ, cắn tay, cắn chân. Anh cắn răng chịu đựng, không dám phủi hay gãi, cũng không dám cựa quậy. Bình lắng nghe động-tĩnh. Anh nghe tiếng chân chạy sột-soạt của địch. Tiếng chân mỗi lúc rõ dần hơn. Rồi có tiếng một tên nói:

- *Tao mới thấy nó chạy ngang đây.*

Bình không biết rõ có mấy đứa, vì Bình không dám quay lại nhìn. Mà nếu nhìn, cũng chưa chắc đã thấy chúng, vì trời đã tối. Bình nghe tiếng chân xa dần chỗ anh. Bình ngóc đầu nhìn ra ngoài, chẳng thấy gì. Nhưng tiếng chân lại rõ dần hơn. Rồi Bình lại nghe tiếng nói:

- *Rõ-ràng nó mới chạy ngang đây, giờ đã biến mất.*

Bình ghim chặt khẩu M-79, ép sát ngực. Nhưng rồi tiếng chân chạy xa dần. Chờ khoảng 15 - 20 phút, không còn nghe tiếng động, Bình hít một hơi dài để lấy lại bình-tĩnh, rồi bò ra khỏi lùm cây... Sợ chúng thế nào cũng trở lại, và không thấy một ai, anh chạy nhanh một mạch đến một con rạch nhỏ mà anh không biết tên. Bình lội qua con rạch. Chạy thêm một hồi, Bình gặp thêm một con rạch khác. Bình lội qua con rạch thứ hai. Bình muốn càng xa khu trận địa-chiến càng tốt. Khi qua khỏi con rạch, anh chạy xuôi theo dòng rạch. Chạy một lúc, thấy con rạch càng lớn hơn. Bình mừng thầm, đã chạy đúng hướng. Thật vậy, con sông Hàm-Luông đang nằm phẳng-lì, bất động, trước mặt Bình, như một tấm thảm xám đậm rộng lớn, trải ra chào đón anh trong lúc lâm nguy. Bình đảo mắt tìm kiếm. Bình cúi đầu sát mặt đất để nhìn cho rõ hơn. Một chiếc ghe nhỏ đang ở gần bờ sông. Bình ngoắc tay, gọi nhỏ, cho họ vừa đủ nghe:

- *Ê! Vào đây!*

Ghe đánh cá nghe người lạ gọi – sợ – nên định chèo ghe ra xa. Bình đưa cây M-79 lên hướng về hai người trên ghe đe-dọa:

- Vào đây mau, không tao bắn chết!

Thấy cây súng lớn đang hướng thẳng về mình, hai anh lưới ghe vội-vã chèo vào bờ, chỗ Bình đang đứng. Bình bảo hai người kia ra sau lái, và Bình leo lên mũi ghe, ngồi quay mặt về phía hai người ấy. Cây súng M-79 luôn gườm về họ. Bình ra lệnh cho họ trương buồm chạy ra giữa sông, rồi hướng về hậu-cứ Đội 34-37 Hải-Thuyền.

Thiếu-Úy Phú và một số nhân-viên về đến hậu-cứ hơn bảy giờ tối. Sau đó Trung-Sĩ Thù cũng về đến nơi (Trung-Sĩ Thù sau này lên Trung-Úy). Mãi đến 10 giờ đêm ghe chở Thiếu-Úy Bình mới đến gần hậu-cứ. Bình cho ghe vào bãi cách hậu-cứ khoảng một trăm thước, rồi đi bộ lần đến hậu-cứ.

Lính vọng gác thấy bóng người đi đến gần hàng rào, lên còi súng đại-liên sẵn-sàng và hỏi:

- Ai đó? Đứng lại!

Thiếu-Úy Bình đứng lại và hô lớn:

- Tôi, Thiếu-Úy Bình đây!

Lính vọng gác hô mật khẩu:

- Bạch-Đằng.

Thiếu-Úy Bình không biết mật khẩu đã được thay đổi sau khi Thiếu-Úy Phú về đến hậu-cứ, nên nói:

- Tôi, Thiếu-Úy Bình đây mà! Thiếu-Úy Bình đây!

Trung-Sĩ Thù nói:

- Thiếu-Úy Bình đã chết. Chính ông ta đã yểm-trợ cho tôi chạy trước, ông ấy bị kẹt lại không chạy được. Coi chừng Việt-Cộng giả mạo tấn-công đồn.

Thiếu-Úy Phú chạy ra. Vì trời tối, không thấy rõ hình dáng, Thiếu-Úy Phú nói:

- Yêu cầu Thiếu-Úy đọc rõ số-quân của Thiếu-Úy!

Thiếu-Úy Bình đọc:

- 63A701129.

Số-quân được đối-chiếu ăn khớp. Thiếu-Úy Phú vội-vàng cho bán tiểu-đội có trang-bị ra cổng đón Thiếu-Úy Bình vào.

Tình-hình bên trong hai Đội 34 và 37 lúc ấy hầu như rối loạn. Các bà vợ quân-nhân kêu gào khóc lóc, níu chân Thiếu-Úy Phú, rồi Thiếu-Úy Bình, hỏi tin-tức chồng mình. Ngay sau đó, Thiếu-Úy Bình phải sang trông coi Đội 34, vì Thiếu-Úy Bào mất tích, Đội 34 không có sĩ-quan thường vụ.

Tôi rời căn-cứ Giang-đoàn 21 Xung-Phong lúc năm giờ chiều. Trên đường về, một ghe bắt-khiển-dụng. Ghe kia phải kéo nên tốc-độ chậm. Chúng tôi lại bị địch hai bên bờ sông tấn-công. Xoay trở mãi mới đến Kiến-Hòa lúc 12 giờ đêm. Vừa cập cầu Kiến-Hòa thì tàu Giang-đoàn 21 Xung-Phong cũng cập vào. Thiếu-Úy Nguyễn-thiện-Lực hỏi tôi:

- Mày biết gì chưa, mà giờ này còn ở đây?

Tôi hỏi:

- Gì vậy?

Lực trả lời:

- 34-37 tiêu rồi.

Câu nói không đầu không đuôi của anh ta làm tôi giật mình, hoảng-hốt, vì tôi tưởng hậu-cứ bị địch tấn-công. Nhưng sau đó hỏi ra, tôi mới biết đơn-vị chúng tôi bị địch phục-kích khi đi hành-quân. Tôi bỏ ý-định nghỉ qua đêm ở Kiến-Hòa, và cho lệnh tháo dây rời cầu tàu, trực-chỉ hậu-cứ Đội 34-37.

Bảy giờ sáng hôm sau hai ghe mới về đến nơi. Thiếu-Tá Sơn cũng đã có mặt tại đơn-vị tự hồi nào. Vào khoảng xế chiều, một tuần-viên trở về được hậu-cứ an-toàn. Anh ta cho biết, anh ta nằm trên máng xối của một cái nhà bỏ hoang, từ chiều tối hôm qua, sau khi trận chiến chấm dứt. Anh rất lo-âu, khi phía dưới sân, rất nhiều địch quân tụ-tập để tìm kiếm quân của ta và quân của chúng mất tích. Mãi chiều nay, thấy yên-tĩnh, anh leo xuống, tìm về đơn-vị.

Một tiểu-đoàn Dù và một tiểu-đoàn Biệt-Động-Quân được đưa đến, với sự yểm-trợ của trực-thăng và chiến-hạm. Cuộc hành-quân đổ xuống mật-khu Thạnh-Phong, quận Thạnh-Phú, để truy-lùng địch. Theo tài-liệu thu được tại mật-khu Thạnh-Phong cho biết, Liên-Đội 34-37 và Nghĩa-Quân Tiệm-Tôn, khoảng 90 người, đã bị một tiểu-đoàn Việt-Cộng phục-kích tại vùng Bãi-Ngao. Thiệt-hại của địch khá nặng. Trong đó tên tiểu-đoàn-trưởng bị chết. Tiểu-đoàn này đã



Trợ chiến-hạm Nguyễn-đức-Bồng HQ 231

rút về Thanh-Phong, và bị cuộc hành-quân của ta truy-lùng.

Đến ngày thứ ba, lực-lượng hành-quân nói trên đổ xuống vùng Bãi-Ngao. Thiếu-Tá Sơn, Thiếu-Úy Bình và tôi theo vào để đưa xác của Trung-Úy Bồng và nhân-viên tử trận về hậu-cứ. Trở lại lùm cây mà Thiếu-Úy Bình đã ẩn náu cách đây ba hôm, Bình thấy lùm cây trống quá. Thế sao chúng lại không tìm thấy anh. Thật quá lạ-lùng!

Chúng tôi tìm thấy được một tuần-viên bị thương nặng, đang ở trong nhà một ngư-dân, và tải-thương anh về hậu-cứ an-toàn.

Xác các anh được để trên ghe chủ-lực A-48 của Thuyền-Trưởng Lộc. Thiếu-Tá Sơn, Thuyền-Trưởng Lộc, nhân-viên của A-48, và tôi, phải kiểm-điện từng nhân-viên đã hy-sinh, cho khỏi lầm-lẫn, vì thi-thể lúc bấy giờ rất khó nhận-điện. Tắm rửa, thay quần áo, lấy số-quân, giữ lại một tấm thẻ bài, và làm đủ mọi thủ-tục giấy tờ cho dễ nhận-điện. Giang-pháo-hạm HQ 327 đã đưa các anh trực-chỉ Vũng-Tàu ngay đêm hôm đó.

Địch:

- Một thiếu-tá tiểu-đoàn-trưởng bị chết theo tài-liệu tịch-thu được tại mật-khu Thanh-Phong.

- Các thiệt-hại khác không rõ.

Hải-Quân Trung-Úy Nguyễn-đức-Bồng gia nhập khóa 10 Sĩ-Quan Hải-Quân Nha-Trang tháng

7 năm 1960. Sau hai năm trau-dồi một kiến-thức căn-bản và một hải-nghiệp vững-chắc, anh ra trường với cấp bậc thiếu-úy ngày 14 tháng 7 năm 1962. Anh hiến-thân cho tổ-quốc năm 1965, hưởng dương khoảng 27 tuổi.

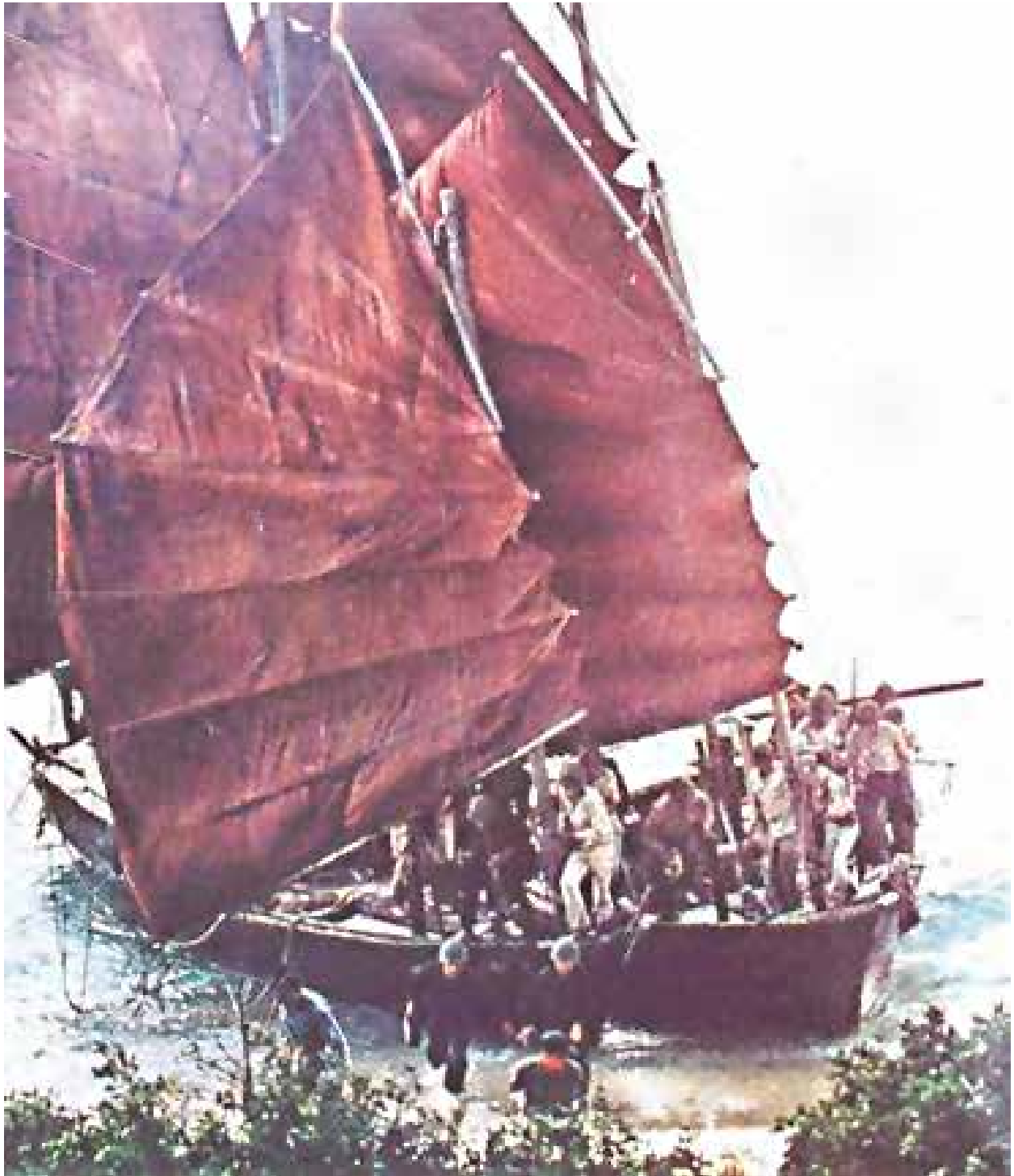
Anh Nguyễn-đức-Bồng không những là một trong những ngôi sao rạng sáng nhất của Đệ Nhất Nam-Dương, anh còn là một trong những ngôi sao rạng sáng nhất của lực-lượng Hải-Thuyền. Sự nở hoa của anh vào lúc chiến-trường miền Nam sôi-động nhất, và cũng là lúc mà nhiều thanh-niên tuấn-tú của miền Nam nước Việt đã phải lấy máu của mình để bồi đắp quê-hương. Anh Nguyễn-đức-Bồng là một trong những thanh-niên đó. Sự thăng-hoa quá sớm của anh, tổ-quốc đã mất đi một đứa con kiêu-hùng, trung-dũng, gia-đình anh mất đi một người con quả-cảm, đồng-đội anh mất đi một chiến-hữu gan-lì, đã từng làm chùn chân giặc.

Giờ đây, viết đôi dòng về anh, tôi không khỏi bùi-ngùi, cúi đầu tưởng-niệm anh.

**XIN VINH-DANH
NGƯỜI ANH-HÙNG HẢI-QUÂN
NGUYỄN-ĐỨC-BỒNG**

Virginia, ngày 21 tháng 4 năm 2002





Duyên-đoàn chuẩn-bị đổ bộ

NGUYỄN-NGỌC-THÔNG

&

NGƯỜI CON GÁI
DẤU MẶT

Phan-lạc-Tiếp

Trong khóa Sĩ-Quan Hải-Quân 11 Nha-Trang, tổng-cộng có 81 người, trong đó Nguyễn-ngọc-Thông thuộc nhóm trẻ nhất. Lúc mới vào trường, phải cắt đi gác ở vọng số 4, nhìn ra bãi đất hoang, hướng về núi Chutt, Thông rụt vai nói:

- “Gác có mình tớ thôi sao”?

Thông nhìn quanh như muốn tìm ai cầu-cứu, và nói tiếp:

- “Tớ sợ ma lắm”.

Mọi người cười ô. Thông cũng cười ô, phờ hằm rằng thiếu một cái. Kẽ răng hở ấy, Thông thường cắm vào một điếu thuốc và nhe răng cười, điếu thuốc vẫn không rơi. Vì thế bạn-bè đặt cho Thông một cái tên đùa nghịch là Thông Sút. Sau hai năm quân-trường, mãn-khóa, như mọi tân sĩ-quan khác, Thông đã là một người khác vững-mạnh, nghiêm-túc. Những tân sĩ-quan khóa 11 được tung đi khắp các đơn-vị Hải-Quân. Người thì về Hạm-Đội, đi tàu. Kẻ xuống miền Lục-Tĩnh đi các Giang-đoàn Xung-Phong. Chẳng bao lâu, từ những

sĩ-quan non trẻ, lần-lượt đã có những sĩ-quan khóa 11 được giữ các chức-vụ Đơn-Vị-Trưởng, trong đó có Nguyễn-ngọc-Thông. Cuối năm 1965, sau khi tham-dự trận đánh khốc-liệt Ba-Rài tại Mỹ-Tho, tôi được gọi về làm Trưởng Đoàn Tâm-Lý-Chiến Lưu-Động, trực thuộc Phòng Tâm-Lý-Chiến Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân, hoạt-động cùng với Bệnh-viện-hạm HQ 400. Chuyển công-tác đầu tiên của Bệnh-viện-hạm HQ 400, đi gần hai tháng suốt các đơn-vị thuộc Vùng IV Sông Ngòi, đã được các đơn-vị Hải-Quân trong vùng và dân-chúng đón nhận nồng-nhiệt. Trong một chuyến công-tác khác tại Vùng I Duyên-Hải, bắt đầu tại Bộ Tư-Lệnh Vùng I tại Đà-Nẵng, rồi dọc theo bờ biển từ Cửa Việt cho đến đơn-vị cuối cùng ở phía Nam Vùng I là Duyên-đoàn 16 tại Cổ-Lũy, Quảng-Ngãi.

Trước khi đến đơn-vị nào, Bệnh-viện-hạm cũng như Đoàn Tâm-Lý-Chiến Lưu-Động, đều có những cuộc gặp-gỡ với các giới chức quân-sự hoặc hành-chánh tại địa-phương để nắm vững nhu-cầu, nhất là vấn-đề an-ninh trong vùng hoạt-động. Duyên-đoàn 16 được ghi-nhận là áp-lực địch rất

nặng. Trong những ngày qua, địch mở những cuộc pháo-kích vào Duyên-đoàn. An-ninh quanh đơn-vị một cây-số được coi là không bảo-đảm. Trước hoàn-cảnh này, Bệnh-viện-hạh có thể từ-chối công-tác. Được biết ý-định ấy, Nguyễn-ngọc-Thông buồn lắm, gọi thẳng cho Hạm-Trưởng Bệnh-viện-hạh và phàn-nàn với tôi:

- *“Ở đây anh em háo-hức chờ đợi đã lâu. Dân quanh đơn-vị cũng đã được thông-báo. Nay quý ‘Cụ’ không đến, mất mặt anh em hết”.*

Tôi hỏi lại:

- *“Liệu ‘Cụ’ bảo-đảm an-ninh được không?”*

Thông đáp:

- *“Phối-hợp với Tiểu-khu nữa, không ngại gì đâu...”*

Tuy nhiên ngay khi Bệnh-viện-hạh đến cửa sông trước đơn-vị, Thông đã có mặt trên chiếc ghe chủ-lực, đón đợi. Một cuộc họp đặc-biệt trên Bệnh-viện-hạh để phân công, nhất là làm sao giữ an-ninh cho đơn-vị cũng như cho đoàn công-tác. Công-tác Quân-Y như khám bệnh, nhổ răng, chiếu điện, phát thuốc cho đồng-bào, thực-hiện ban ngày, không có gì phải quan-tâm lắm. Việc trình-diễn văn-ngệ và công-tác chiêu-hồi vào ban đêm phải tính-toán kỹ. Trên căn-bản, đoàn Tâm-Lý-Chiến chỉ trình-diễn có một buổi tại đơn-vị, một buổi khác sẽ dành cho các vùng phụ-cận. Thông đề-nghị:

- *“Diễn ở đây đi, một buổi thôi cũng được. Lĩnh cũng là dân, và gia-đình họ nữa ...”*

Chúng tôi đồng ý, chỉ trình-diễn tại đơn-vị và hủy bỏ phần chiêu-hồi ban đêm. Đặc-biệt một tiêu-lệnh của Hạm-Trưởng đề ra “Để Bệnh-viện-hạh luôn trong tình-trạng sẵn-sàng, ngoài các nhân-viên đoàn Tâm-Lý-Chiến có công-tác trên bờ, không một nhân-viên nào của Bệnh-viện-hạh được lưu lại trên căn-cứ khi phần vụ của mình đã xong ...” Bệnh-viện-hạh luôn-luôn trong nhiệm-sở tác-chiến, không neo, hải-hành dọc theo bờ biển để dễ hỗ-trợ và phản-ứng khi cần. Một ghe của Duyên-đoàn túc-trực tại cầu tàu để sẵn-sàng đưa đón nhân-viên về Bệnh-viện-hạh. Xuồng nhỏ của Bệnh-viện-hạh cũng được thả xuống nước để sẵn-sàng vào bờ đón nhân-viên ra tàu.

Khi đoàn Quân-Y Hải-Quân làm việc, toán Dân-Sự-Vụ cùng nhân-viên đơn-vị sửa những đoạn



*Hải-Quân Thiếu-Úy Nguyễn-ngọc-Thông,
khi mới ra trường
Số-quân: 62A700320
1942 - 1967*

đường lồi-lôm xung-quanh và tặng những gia-đình nghèo một gói quà gồm vải, chỉ khâu, dầu ăn. Toán Chính-Huấn sinh-hoạt với một trường tiểu-học và tặng học-sinh gói quà gồm bút, mực, vở, ... Tôi và Thông đi lòng vòng gọi là để thăm dân cho biết sự tình, nhưng trên thực-tế chúng tôi xem xét những vị-trí để đặt những trạm gác cho đêm nay. Nhìn những tảng đá trắng nhẵn như những cái trứng khổng-lồ nổi lên giữa những hàng cây thấp, thật đẹp. Tôi bảo Thông:

- *“Như những bức tranh tùng trúc của Tàu ..”*

Thông đáp:

- *“Khốn-khở vì nó đấy. Ban đêm tụi nó về, nấp sau các tảng đá ấy bắn vào đơn-vị ...”*

Thấy Thông nói thế, một sườn núi mênh-mông trước mắt tôi, đúng là những điểm bất lợi cho mình. Địch ở trên cao, có những bức thành chắn thật tốt là những tảng đá nằm la-liệt khắp cả một sườn núi bao-la. Mây thấp ở trên đỉnh núi ...

Hai chúng tôi tới đâu cũng chỉ gặp trẻ con và đàn bà, người già, rất ít khi gặp đàn ông trai trẻ. Tôi có hỏi Thông về vấn-đề này. Thông nói:

- *“Thanh niên đa-số phải vào lính. Đặc-biệt rất nhiều nhà chỉ có đàn bà, đàn ông phần đi tập-kết ra Bắc năm 54, phần bỏ lên núi theo Cộng-Sản sau này ...”*

Tôi nhắc Thông:

- *“Cẩn-thận lắm mới được đó ông ơi ...”*

Buổi tối, trên căn-cứ Duyên-đoàn, một nửa nhân-viên trong nhiệm-sở tác-chiến. Một nửa nhân-viên và gia-đình ngồi thưởng-thức chương-trình văn-ngệ tại trước cửa nhà. Tuyệt-đối không tập-trung quá đông-đảo trước sân-khấu, để tránh bị thiệt-hại khi địch pháo-kích. Riêng đoàn Tâm-Lý-Chiến, không đem theo máy điện, nặng-nề, dùng điện của Duyên-đoàn, do đó phải hạn-chế thấp đèn ở khu gia-binh. Do đó trước mọi nhà đều thấp đèn dầu, lung-linh như một phiên chợ đêm miền quê ngày Tết. Đàn bà và trẻ con tươi cười đi lại thật vui.

Đêm đã xuống, mọi việc đâu vào đó. Tất-nhiên Hạm-Trưởng Bệnh-viện-hạm cũng như các bác-sĩ không lên tham-dự. Sân-khấu cất ở giữa sân, đèn đóm tung-bùng. Trước sân-khấu chỉ có mấy chiếc ghế dành cho các sĩ-quan chủ và khách. Những khu gia-binh mỗi nhà đều mở cửa. Vợ chồng, con cái ngồi đó nhìn ra, xem trình-diễn văn-ngệ.

Cuộc trình-diễn bắt đầu. Xong phần thủ-tục, tôi và Thông trở lại văn-phòng, cũng là Phòng Hành-Quân, nhìn ra sân, vừa thưởng-thức văn-ngệ, vừa uống bia. Thông bảo:

- *“Lâu quá mới gặp ‘Cụ’. Tôi có bảo thằng em nấu cháo gà, chúng ta cùng nhậu cho vui, mấy khi mới được gặp nhau từ lúc ra trường.”*

Thấp-thoảng sau nhà bếp có tiếng con gái cười nói khúc-khích, bảo người phụ bếp đem các món nhậu ra. Tôi đưa mắt hỏi, Thông đáp:

- *“Em gái hậu-phương đến dự văn-ngệ ...”*

Ở ngoài sân, một bài hát thời-thượng vang lên rộn-rã:

“Đón em trong vòng bàn tay người lính”.

Bài hát dứt, tiếng vỗ tay rộn-rã, và hô *bis*,

bis. Ca-sĩ :

- *“Thế theo lời yêu-cầu của các bạn, tôi xin trình-bày bài Hoa Biển của Anh-Thị”.*

Tiếng vỗ tay nổi lên ào-ào, lẫn với tiếng nói lớn:

- *“Yêu cầu Anh-Thị lên sân-khấu cho mọi người biết mặt”.*

Trong này, trong nhà bếp, người con gái ngưng cười, chạy ra sân theo lối bên cạnh để xem mặt nhạc-sĩ Anh-Thị. Hạ-Sĩ Trọng-Pháo Phạm-văn-Khổn bước lên sân-khấu, nhưng trên ngực áo có hai chữ Anh-Thị màu vàng óng-ánh. Cô ca-sĩ giới-thiệu nhạc-sĩ Anh-Thị. Anh-Thị ngưng-ngưng cười và cúi đầu chào mọi người, rồi đi xuống. Tiếng vỗ tay ào-ào. Cô ca-sĩ cất tiếng:

*“Ngày xưa em anh hay hờn-dối
Gặp anh khi anh chưa kịp nói”*

Tôi đợi khi cô gái trở vào, sẽ tìm cơ để nhìn mặt cô ta, nhưng không được. Cô phủ đầu bằng một mảnh khăn dài che gần hết mặt. Cô cúi đầu bước đi như chạy vội vào nhà bếp và lại cất tiếng cười khúc-khích. Tôi và Thông và mấy sĩ-quan vừa ăn uống, vừa nghe-ngóng bốn bề. Tôi chờ đợi một tiếng đạn súng cối rời khỏi nòng, và những tiếng nổ oàng giữa đơn-vị, như từng được nhắc-nhở trước khi đến đây. Cuộc vui mỗi lúc mỗi thêm sôi nổi ở phần thoải-kịch và biểu-diễn ảo-thuật. Trẻ con không cưỡng lại được, ra ngồi trước sân-khấu để xem cảnh nhai bóng đèn điện và nuốt bằng nước *Cô-Ca*. Nỗi sợ-hãi như bay theo những tiếng vỗ tay... Buổi vui chấm dứt hơi sớm so với những lần trình-diễn ở các nơi khác. Mọi người ùa cả ra sân, đứng quanh các nghệ-sĩ. Và chỉ một thoáng tất cả hầu như chia đều vào khu gia-binh. Một chương-trình “hậu văn-ngệ” ngoài dự trù. Những cuộc nâng ly ồn-ào vui-vẻ:

- *“Mấy khi các anh, các chị ghé đây ... Đã quá chớ ... Bao lâu lại ghé tụi này ...”.*

Tôi và Thông lại lòng vòng khắp khu gia-binh, vòng ra cả ngoài các trạm gác. Ở đâu tôi cũng bắt gặp những nụ cười. Đêm lắng dần. Đoàn văn-ngệ Hải-Quân lần-lượt ra ghe, về tàu. Tối nơi tôi thấy Hạm-Trưởng vẫn đứng trên đài chỉ-huy. Khi mọi

nhân-viên đoàn Tâm-Lý-Chiến đã về tàu hết, cửa đở bộ kéo lên, coi nhiệm-sở hải-hành tiếp theo tức-khắc. Chiến-hạm quay mũi theo hướng Nam. Tôi lên đài chỉ-huy báo-cáo cho Hạm-Trưởng tổng-quát về công-tác vừa hoàn-tất. Cùng lúc ấy, tiếng Thông vang trong hệ-thống âm-thoại:

- *“Cám ơn Hạm-Trưởng, cám ơn tất cả. Chúng tôi nhớ mãi buổi vui này. Hẹn gặp nhau sớm.”*

Hạm-trưởng đáp lại vài lời rồi tiếng Thông nói với tôi:

- *“Cám ơn ‘Cụ’ nhiều lắm. Hôm nào về Sài-Gòn sẽ tìm đến Bộ Tư-Lệnh gặp nhau.”*

Từ trên đài chỉ-huy đi xuống, gió biển lồng-lộng thổi, tôi đứng lại ở bên hông phòng ăn, nhìn về bên phải. Bờ biển mờ dần. Duyên-đoàn 16 nhòe trong màn sương, khỏa-lấp với một vùng núi non âm-u trùng-diệp. Ở đó, người bạn cùng khóa với tôi đang phải ngày đêm đối đầu với những gian-nguy. Nhưng cũng trong màn đêm âm-u ấy, tôi vẫn thấy đâu đây tiếng cười khúc-khích của người con gái giấu mặt trong một giải khăn phủ đầu ...

Về tới Sài-Gòn trong khi chờ đợi chuyển công-tác tới, tôi vừa phải viết phúc-trình công-tác đã qua, vừa theo dõi sự tập dợt các chương-trình văn-nghe mới, nhất là theo dõi những đề-nghị, những lá thư thỉnh-nguyện riêng của nhân-viên các cấp mà đoàn Tâm-Lý-Chiến trong khi sinh-hoạt tại các đơn-vị, có nhiệm-vụ khuyến-khích và thu-nhận để trình thẳng lên Tư-Lệnh Hải-Quân. Trong thời-gian này, những âm vang của chuyển công-tác tại các đơn-vị xa vẫn tiếp-tục dội về. Tôi mượn một số hải-đô từ Phòng 2, nghiên-cứu những địa-danh cho chuyển công-tác tới. Tôi nhìn lại Duyên-đoàn 16 và nghĩ miên-man đến vùng đất nhiều núi và ít ruộng này. Một vùng đất mà suốt chín năm kháng-chiến chống Pháp, đây là vùng kiểm-soát của Việt-Minh.

Trước khi tập-kết ra Bắc, theo tinh-thần Hiệp-Định Genève, Việt-Minh tổ-chức những đám cưới tập-thể giữa các cán-binh của họ với các cô gái địa-phương, nhằm tạo sự liên-lạc chặt-chẽ giữa người đi, kẻ ở, hầu để hoạt-động sau này. Đó là một kế-hoạch lâu dài và thâm-độc. Nhà văn Võ-Phiến đã nhìn thấy ý-đồ ấy của Việt-Minh. Quả đúng như thế.

Sau này khi cuộc chiến Bắc Nam khởi dậy, Cộng-Sản đã lén-lút về, đem theo những trẻ con ra Bắc, huấn-luyện để sau đó thả về hoạt-động. Kế-hoạch này nhà văn Võ-Phiến gọi là “Bắt Trẻ Đồng Xanh”. Do đó tôi lo-lắng, bồn-chồn. Càng tìm hiểu, càng theo dõi chiến-sự, tôi càng thấy lo-lắng cho Thông.

Một buổi sáng, sáng ngày 7 tháng 8 năm 1967, tin từ Trung-Tâm Hành-Quân cho hay “Đêm qua sau trận pháo-kích ác-liệt, hai tiểu-đoàn Cộng-quân đã ào-ạt tấn-công Duyên-đoàn 16 tại Cổ-Lũy. Đơn-vị đã phản-ứng mãnh-liệt. Được sự hỗ-trợ của những chiến-đỉnh PCF, và nhất là có sự phản pháo của HQ 10, Nhựt-Tảo, căn-cứ đã đẩy lui được nhiều đợt tấn-công ác-liệt của địch. Nhưng Chỉ-Huy-Trưởng Duyên-đoàn, HQ Trung-Úy Nguyễn-ngọc-Thông đã tử trận”.

Tôi đón nhận tin này thật bàng-hoàng nhưng như đã lờ-mờ thấy biết đâu đó trong tiềm-thức. Và thật khổ cho tôi, tôi lại là người phải thông-báo tin này cho gia-đình Thông. Thông, người bạn cùng khóa. Thông còn trẻ quá, mới 25 tuổi, vinh-thắng Đại-Úy. Thi-hài Thông được đưa về quàn tại Việt-Nam Quốc-Tự, tôi và bằng-hữu cùng khóa có đến canh xác và phân-uu. Ngoài thân-nhân của Thông mà tôi hằng quen biết, có một người con gái phủ kín mặt bằng những vuông khăn trắng, đại tang, chỉ lộ ra đôi mắt sưng nước, sung vù. Người con gái ấy nức-nở, choàng người lên nắp áo quan. Tôi chắc đây là người con gái có tiếng cười khúc-khích ở sau nhà bếp khi tôi đến công-tác tại Cổ-Lũy, Duyên-đoàn 16. Dù chú-ý, cho đến lúc ấy tôi vẫn chưa nhìn được mặt người con gái này. Hôm tiễn Thông lần cuối, tôi phải đi công-tác, nên không dự được. Bạn bè kể lại, đám ma Thông đi giữa Sài-Gòn nắng cháy. Những sĩ-quan cùng khóa mặc đại-lễ, đeo kiếm tiễn đưa Thông, đi một hàng dài. Khi hạ huyệt, hai hàng sĩ-quan tuốt kiếm làm thành hình chữ V, quan-tài Thông đi ở giữa. Khi hạ huyệt, người con gái từ Quảng-Ngãi mặc đại tang, lăn-lộn trên miệng huyệt, kêu khóc thật là thảm-thiết. Tuy chưa hề có một hứa-hẹn gì, gia-đình chưa biết, nhưng thấy tấm lòng xót thương của cô quá thiết-tha, cụ thân-sinh ra Thông có tới nắm tay cô gái này và nói :

- “*Thôi con, Thông nó vẫn sống. Nhưng Thầy cũng coi con như con Thầy ...*”

Cô gái lui ra, những cánh hoa, những nắm đất của bè-bạn, thân-nhân được từ-từ ném xuống. Trên ngôi mộ mới, những tảng đất mới cũ được đắp lên cao, trên phủ lá quốc-kỳ. Mọi người lần-lượt ra về, người con gái còn gục đầu trên nắm mộ, khóc ngất, dā-dươi ... Theo tin của một thân-nhân của Thông hiện ở Hoa-Kỳ cho hay:

- “*Cụ thân-sinh ra Thông nói rằng, đảng nào Thông, người nhà mình cũng đã mất rồi. Chết như thế cũng là vinh-quang. Chết mà có người thương-xót cũng là điều an-ủi*”.

Do đó gia-đình đã cho phép người bạn gái của Thông để tang. Vẫn theo nguồn tin này, trong những ngày đóng tại Duyên-đoàn 16, áp-lực của địch thật là khốc-liệt. Địch đã treo giải ai giết được Thông sẽ được Việt-Cộng thưởng một triệu đồng. Trận đánh vào Duyên-đoàn 16 được kể là ác-liệt, và có nhiều dữ-kiện là đơn-vị bị nội-tuyến. Sau trận đánh tên cận-vệ của Thông biến mất, có thể đó là tên nội-tuyến của địch gài vào. Cũng có người nói:

- “*Cái cô này là gì của Thông mà khóc thương quá vậy. Hay là người của phía bên kia ...*”

Cuộc chiến bi-thương với biết bao khổ-lụy, mỗi lúc mỗi thêm khốc-liệt, câu hỏi trên đã chìm vào quên lãng. Những hận-thù chồng-chéo với thương yêu, quấn chặt lấy nhau. Bom đạn từ những phương trời xa đổ tới. Máu xương người Việt mỗi lúc mỗi tan-tành. Biết bao thanh-niên như Thông đã chết. Chết với cả một tấm lòng trung-tín gìn-giữ quê-hương. Họ là những người anh-hùng của thời-cuộc. Bây giờ, năm 2000, cuộc chiến đã nhạt-nhòa. Người con gái khóc thương Thông giờ ở đâu, có khi nào trở lại Sài-Gòn thăm lại mộ Thông để bù-ngùi nhớ lại. Một vị thân-nhân của Thông hiện ở Mỹ còn nói:

- “*Hôm đưa tiễn chú Thông, cả một khúc đường Trần-quốc-Toản ngập trắng một màu áo Hải-Quân, với cờ xí và ban quân-nhạc. Khi Ông Tư-Lệnh Hải-Quân đến, rồi cử quốc-thiếu, rồi gắn lon Đại-Úy lên gối để truy-thăng chú Thông, rồi lại có gắn Bảo-Quốc Huân-Chương nữa ... Ông tôi đau khổ lắm, nhưng cũng thấy là cái chết của*

chú Thông thật là danh-dự quá. Ông tôi đã để cặp lon, cái huy-chương và thanh kiếm của chú Thông lên bàn thờ, đằng sau tám hình của chú ấy. Sau 75, bàn thờ của chú Thông vẫn không thay đổi. Chú Thông là người con áp út trong số 14 người của ông tôi. Năm 54, một người con thứ năm của ông tôi, kẹt lại ở ngoài Bắc, vào thăm ông tôi. Chú này nhìn lên bàn thờ chú Thông, bù-ngùi và nói với ông tôi: ‘Thật oan-trái, khốn-khổ cho một cuộc huynh-đệ tương-tàn’ ...”



Tại sao Duyên-đoàn 16 lại bị địch ngày đêm bám sát, bao vây? Nhiều cuộc pháo-kích khốc-liệt vào Duyên-đoàn đã liên-tục xảy ra. Dưới sự chỉ-huy của Thông, Duyên-đoàn vẫn đứng vững và liên-tục tạo được những thành-công lớn trong việc bảo-vệ lãnh-hải Việt-Nam. Nhiều tàu địch xâm-nhập vào vùng Sa-Kỳ, mà địch gọi là cửa khẩu của Khu 5, đã bị các chiến-hạm, chiến-thuyền của ta theo dõi, ngăn-chận và đánh chìm. Để có một cái nhìn cụ-thể về các chiến-công này, chúng tôi xin trích một số dữ-kiện trong tài-liệu của Hà-Nội (*Lịch-Sử Hải-Quân Nhân-Dân Việt-Nam, Dự-Thảo và Tóm-Tắt, BTL/HQ 1980, trang 110, 111*) nguyên-văn như sau:

“... Năm 1967, theo chỉ-thị của Quân-Ủy Trung-Ưong, đoàn tạm dừng chờ hàng cho Nam-Bộ để chờ hàng cho Liên-Khu 5, với yêu-cầu mọi địa-phương được một chuyến (...). Tàu 43 xuất-phát ngày 8 tháng 3 năm 1967, đến 23 giờ ngày 13 tháng 7 năm 1967 bị máy bay địch phát-hiện. Đến 2 giờ ngày 14 tháng 3 năm 1967 bị 4 tàu địch bao vây ngăn-chận (...) Cuộc chiến-đấu ở đây nổ ra, cuối cùng buộc ta phải phá hủy tàu”.

“...Tàu 198 xuất-phát ngày 6 tháng 7 năm 1967, chở vũ-khí vào cho Quảng-Ngãi, sau 10 ngày khôn-khéo lừa địch, đến 14 tháng 7 năm 1967, cách bến tàu sáu hải-lý bị tàu chiến và máy bay địch bắn phá ngăn-chận. Tàu 198 vừa nổ súng đạn trả địch vừa vận-động vào bờ biển Ba-Làng-An. Ở trận này thượng-úy chính-trị-viên Huỳnh-ngọc-Thạch, thiếu-úy Phạm-chuyên-Nghiệp đã chiến-đấu rất dũng-cảm và hy-sinh ...”

Hãy bình-tĩnh nhìn lại đoạn văn trên. Từ

ngày 8 tháng 3 cho đến khi Thông bị chết, ngày 6 tháng 8 năm 1967, chưa đầy năm tháng trời, chưa kể những chiếc tàu địch lớn-vỏ ở ngoài khơi bị các chiến-hạm ta theo dõi và săn đuổi. Riêng vùng biển Ba-Làng-An, vùng trách-nhiệm của Duyên-đoàn 16, do Thông chỉ-huy, đã có hai vụ đánh đắm tàu địch. Tài-liệu trên của Hà-Nội đã không nói đến hàng trăm tấn vũ-khí đã bị ta phá hủy và tịch-thu, cũng không nói đến những thủy-thủ-đoàn của các tàu xâm-nhập bị chết và bị thương. Đó là một thiệt-hại nặng-nề cho địch. Duyên-đoàn 16, như con dao đâm vào cổ, như nút chặn ấn vào họng, chúng phải tìm mọi cách gỡ ra. Phải gỡ ra bằng được. Gỡ ra để trả mỗi hận-thù về hai con tàu bị ta đánh đắm, về hai cái chết của viên thượng-úy Huỳnh-ngọc-Thạch, chính-trị-viên, và tên thiếu-úy Phạm-chuyên-Nghiệp. Gỡ ra để tìm hơi thở cho cả mặt-trận của Khu 5 đang thời sôi-động. Chúng đã không thắng được bằng súng đạn và sự can-trường, chúng phải tìm cách khác. Bằng mọi cách dù gian-xảo nhất, tổn-kém nhất. Một triệu đồng được chúng ra giá cho bất cứ ai giết được Hải-Quân Trung-Úy Nguyễn-ngọc-Thông, Chỉ-Huy-Trưởng Duyên-đoàn 16. Phải chăng đó là duyên-cớ đưa đến sự hy-sinh của Thông. Trên ba mươi năm đã qua, những chi-tiết can-trường của quân-nhân Duyên-đoàn 16, sự thông-minh và dũng-cảm của Thông đã bị nhạt-nhòa, quên lãng. Nhưng với những dữ-kiện cụ-thể trong tài-liệu của địch nêu trên, cũng thừa để chứng-minh rằng, Duyên-đoàn 16 là một đơn-vị rất xuất-sắc và hữu-hiệu của Hải-Quân, của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Thông cũng như những quân-nhân dưới quyền anh đã là những người anh-hùng của Quân-Lực, của Miền Nam chống lại sự xâm-nhập của Hà-Nội bằng đường biển.




Thông ơi, trong nỗi tan-hoang đau-đớn của ngày tàn cuộc chiến, chúng ta, kẻ sống cũng như người chết đều có những nỗi đau chung. Trước đây, trong thâm tâm tôi, có lúc tôi đã nghĩ rằng “Thông trẻ quá, Thông chết tội-nghiệp quá ...”



Tàu SL-4 của Hải-Quân Cộng-Sản Bắc-Việt bị ghe Yabuta và ghe Chủ-Lực thuộc duyên-đoàn chặn bắt.

Nhưng với tài-liệu của địch để lại, dù rất đơn-sơ, gian-dối, vẫn phơi bày rõ-ràng rằng: Duyên-đoàn 16 đóng tại Cổ-Lũy quả là một đơn-vị anh-hùng. Và chính Thông, anh là một người anh-hùng. Hai tàu địch, hàng trăm tấn vũ-khí, hai sĩ-quan của địch và thủy-thủ-đoàn của hai tàu này đã vùi thân trong vùng biển trách-nhiệm của Thông. Thông có thể mỉm cười rằng sự hy-sinh của Thông, địch đã trả bằng một giá rất đắt. Là những người cùng khóa, chúng tôi không bao giờ quên anh. Chúng tôi hãnh-diện vì anh. Thôi ngủ yên đi nhé, Thông ơi. Nếu Thông có sống đến bây giờ, Thông cũng sẽ như chúng tôi, và như bao nhiêu người nữa, phải ngậm-ngùi, uất-ức, như thi-sĩ Thanh-Nam đã nói hộ chúng ta rằng:

“Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua”

Ngủ yên đi nhé, Thông ơi. Thông đã sống như một người trai của thời-cuộc. Cái chết của Thông rực-rỡ như một vùng Đông hiện lên ở vùng biển quê nhà. 

Tháng 12 năm 2000

Hoa Biển

Anh-Thi

Ngày xưa em anh hay hôn đôi Giận anh khi
...em khi xưa yêu màu trắng Tại em suy

anh chưa kịp tới Cho anh nhiều lời cho anh bồi hồi Em cuố mặt làm ngo
tử bên bờ vắng Nên đêm vượt trùng anh mong tìm gặp hoa trắng về tặng em

Không nghe kể chuyện bao nhiêu chuyện ảnh đẹp nhất trên trần đời Tại...
Cho anh thì thầm em ở Tĩnh...

...mình trắng như Hoa Đại Dương Trùng khơi nổi gió lênh đênh triển sóng thấy lung linh rừng
hoa Màu hoa thật trắng Ói hoa nở thắm ngắt ngây lòng thêm Vượt bao hải

lý chưa nghe vừa ỹ lác lác con tàu đi Chỉ thấy bọt nước tan theo ngọn

sóng dánh hoa kia mặt mùng Biển khơi không mang hoa màu trắng Tàu

anh xa xôi chưa tìm bến Nên em còn hôn nên em còn buồn sao chưa thấy anh

sang Em ở giận hôn xin như hoa sóng tan trong đại dương Em ở giận...



Capt. William D. Parson (USN retired)

Chiến-hạm tuần-dương

THIỆP RA QUAN-Ả

Phạm-thị Bích-Vân

Tôi lấy chồng năm 19 tuổi, đang học đệ nhất thì bỏ ngang để đi theo tiếng gọi của tình-yêu. Chồng tôi là một sĩ-quan Hải-Quân, khóa 13. Anh bắt đầu tán-tĩnh tôi vào chiều mùng một Tết năm 1967, tôi vừa bước sang tuổi 18 được một ngày. Từ khi quen nhau, cuộc đời tôi cũng bắt đầu theo cái nổi trôi của người thủy-thủ. Năm 1967, anh đang ở Cần-Thơ thì được lệnh thuyền-chuyển về chiến-hạm. Cuối năm 1967 - nhân một chuyến nghỉ bến - chúng tôi làm đám hỏi. Đám hỏi xong, anh theo tàu công-tác Phú-Quốc, rời Sài-Gòn 28 Tết. Anh vẫn hay đùa nhắc mấy câu thơ trong bài màu tím hoa sim, đổi đi mấy chữ:

*Tôi ở đơn-vị về
Hỏi nhau xong là đi*

Rồi tiếp tới Tết Mậu-Thân, tôi ở Cần-Thơ mà cũng phải chạy tới một căn nhà có tường gạch và hầm trú-ẩn để tạm-trú, lòng vẫn nơm-nớp lo cho anh, không biết anh có bị gì không? Sau này nghĩ lại thấy mình thật là ngớ-ngẩn, đi lo cho người trên tàu chiến ở ngoài biển khơi, thân mình đạn rêu bên

tai ngày đêm lại không lo.

Ngoài biển, anh vẫn viết thư đều cho tôi và hoạch-định đám cưới vào tháng 10 năm 1968. Tôi có hỏi anh sao gấp vậy vì tôi muốn để thi cho xong đã. Anh lại giở chàm-ngôn của các cụ xưa, lại đổi đi mấy chữ :

*Cưới vợ thì cưới liền tay
Chớ để lâu ngày thành khác nhào vô.*

Đám cưới xong anh lại đi. Tôi vẫn ở Sài-Gòn với ông bà ngoại tôi. Những chuyến công-tác dai-dẳng của anh đã làm tôi mỗi-mòn, tôi xin vào làm thư-ký ở tòa-án Sài-Gòn. Được ít lâu tôi mang bầu đứa con đầu lòng. Anh lại được lệnh thuyền-chuyển đi làm hạm-trưởng một chiến-hạm khác, và cứ thế, tôi vẫn mỗi-mòn nhưng lần này lại ôm thêm con để mẹ con cùng chờ đợi.

Mùa thu 1970, anh được lệnh thuyền-chuyển về Vũng Hai, quê anh ở Nha-Trang, tôi nghĩ bụng: rốt cuộc rồi mình cũng về làm dâu đây.

Về Nha-Trang, tôi nghĩ có lẽ chúng tôi sẽ được gần-gũi nhau vài năm ở cái thành-phố biển thật tình-tứ này, nào ngờ hai ngày sau anh cho biết

là anh được chỉ-định đi làm Duyên-Đoàn-Trưởng Duyên-đoàn 21. Tôi không mấy ngạc-nhiên vì bố tôi là sĩ-quan truyền-tin, từ nhỏ tôi đã đi theo bố hết Pleiku, Ban-Mê-Thuột, đến Vũng-Tàu, Cần-Thơ. Tôi chỉ hỏi anh Duyên-đoàn 21 ở đâu? Anh cho biết Duyên-đoàn 21 là duyên-đoàn địa-đầu của Vùng II Duyên-Hải, cách Qui-Nhơn độ 60 cây-số về phía Bắc.

- Em có đi theo anh được không?

- Anh chưa biết, để anh ra đó ít lâu, chuẩn-bị chỗ ăn chỗ ở rồi đưa em với con ra sau.

Anh nhận đơn-vị ngày 10 tháng 10 năm 1970. Tôi nhớ hoài vì là ngày Song Thập, dễ nhớ. Khoảng nửa tháng sau anh trở về Nha-Trang để họp đơn-vị trưởng hàng tháng. Họp xong, anh trở lại đơn-vị một mình. Trước khi đi anh có dặn tôi chuẩn-bị, anh sẽ cho người về đưa tôi ra Đê-Gi trong vòng vài ba tuần-lẽ. Đê-Gi là cái địa-danh chỗ anh đồn-trú, nghe lạ hoắc. Trong mấy ngày anh về họp, anh nói cho tôi biết về Đê-Gi để tôi chuẩn-bị tinh-thần, tôi không mấy lo-lắng vì ở đâu chẳng được, miễn có anh là được rồi.

Từ Nha-Trang tới Đê-Gi phải qua hai lần đổi xe. Theo xe đò từ Nha-Trang tới Qui-Nhơn, sang qua xe khác theo quốc-lộ số 1 về phía Bắc tới một chỗ có tên là Chợ Gồm rồi từ Chợ Gồm đi Đê-Gi bằng xe lam. Tôi hoàn-toàn trông cậy vào sự sắp xếp của chú Nghĩa, người hạ-sĩ-quan anh nhờ về đón tôi. Cho tới bây giờ, ngồi nhớ lại cái đoạn đường xe lam đó lưng tôi vẫn còn đau.

Xe lam ngừng ở chợ xã, tôi ẩm con, chú Nghĩa xách hộ hai cái vali, đi bộ vào căn-cứ. Gần mùa đông ở miền Trung, sáu, bảy giờ chiều trời đã chạng-vạng. Cổng Duyên-đoàn đã đóng, kéo rào kẽm gai, chú Nghĩa kêu người lính gác mở cổng. Tôi nhớ loáng-thoáng lời chú Nghĩa:

- Tao đón Bà Trưởng, xe trễ, mày mở cửa lên.

Lần đầu tiên tôi nghe hai tiếng “Bà Trưởng”, tôi có biết gì đâu, mới 21 tuổi đầu, vừa bỏ ghế nhà trường ..., tôi bật cười.

Vào căn-cứ tắm rửa thay quần áo xong, chúng tôi ra dùng cơm tối chung với các sĩ-quan trong đơn-vị. Bàn ăn được kê trong phòng làm việc của anh. Ba sĩ-quan đang ngồi chờ, anh giới-thiệu. Tôi

thấy các vị sĩ-quan có vẻ ngại-ngùng hay ngạc-nhiên, có lẽ họ không ngờ tôi còn nhỏ quá! Con tôi đã ngủ gà, ngủ gật trên ghế, tôi cũng thắm mệt sau một ngày nhảy hết xe này qua xe khác. Tôi định bụng sau bữa cơm vào dọn-dẹp đồ-đạc một chút rồi đi ngủ. Anh dặn tôi:

- Em cứ đi ngủ trước, anh đi một vòng căn-cứ rồi sẽ về ngủ sau, anh đã dặn chú Nghĩa nếu có pháo-kích thì chú Nghĩa sẽ chạy lên đón em và con xuống Phòng Hành-Quân.

Tôi nghĩ bụng: làm gì mà ghê thế, chắc anh muốn hù em chứ gì?

Khoảng 11 giờ đêm, tôi vừa đặt lưng xuống, chưa kịp chợp mắt thì nghe súng nổ. Toàn tiếng đại-bác, nghe gần quá, như sát bên vách. Con tôi, thằng Chinh, khóc thét, tôi rụng-rời luống-cuống ôm con bò lăn bò càng xuống sàn xi-măng. Đạn vẫn tiếp-tục nổ, tôi nghe tiếng chú Nghĩa đập cửa:

- Bà Trưởng, Bà Trưởng, tụi nó pháo, mở cửa, mở cửa.

Tôi luýnh-quýnh lết lại kéo then gài cửa sau, chú Nghĩa ập vào với cây đèn pin, vội-vàng ẵm thằng Chinh, đưa cây đèn pin cho tôi:

- Bà chạy theo tôi.

Chân tôi tê-dại té lên té xuống, lết-bết chạy theo, chú Nghĩa phải ngừng lại mấy lần kéo tôi dậy. Phòng Hành-Quân chỉ cách phòng ngủ của vợ chồng tôi chừng 30, 40 thước mà sao tôi thấy như xa cả cây-số. Rốt cuộc rồi tôi cũng tới được Phòng Hành-Quân. Chú Nghĩa nói với tôi:

- Bà bình-tĩnh, rũi nó pháo trúng ngay trên nóc mới sụp nổ hầm này.

Tôi có cần biết mấy chuyện đó đâu, tôi không thấy anh ở đó, hỏi chú Nghĩa:

- Ông ấy đi đâu rồi?

Chú Nghĩa nói:

- Ông Trưởng đang ở chỗ ụ súng cối.

Tôi nào biết súng cối súng chày gì đâu, lòng rối như tơ vò; đạn cứ tiếp-tục nổ nhưng có lẽ hơi thưa nhịp hơn, không biết chỗ anh đang đứng có hầm bao cát để núp không? Thằng Chinh đã nín, mắt mở thao-láo, sợ điếng. Thiếu-Úy An, Chỉ-Huy-Phó, tôi đã gặp trong bữa cơm tối, cũng có mặt trong Phòng Hành-Quân, đang bận rộn liên-lạc máy cũng cố-gắng quay lại chỉ tôi:

- Bên kia, sau lưng phòng này có cái sạp gỗ có nệm, chị cho cháu qua đó ngủ đỡ đi.

Tôi như cái máy, ẵm con qua ngăn hầm bên cạnh. Vừa đặt con nằm xuống, tôi nghe tiếng anh trên máy truyền-tin, tôi không nhớ anh nói gì, nhưng cần gì, chỉ nghe được tiếng anh lúc này là tôi đã thấy đỡ lo rồi.

Súng đã ngừng nổ, tôi nghe tiếng máy liên-lạc báo-cáo liên hồi, hình như không có ai bị thương, rồi tôi nghe tiếng anh vào Phòng Hành-Quân, nói với Thiếu-Úy An:

- Anh có liên-lạc Vùng được không?

Tiếng Thiếu-Úy An trả lời:

- Dạ, Chỉ-Huy-Phó Vùng đang chờ Chỉ-Huy-Trưởng.

Tôi nghe anh gọi trên máy, hình như nói chuyện với Vùng Hai. Anh dặn Thiếu-Úy An cho toán kích đi vòng căn-cứ xem xét thiệt-hại, ghe không được về cập cầu, gọi cho các ghe ngoài vùng công-tác biết là gia-bình đều bình-an vô sự, tăng-cường các vọng gác, nhớ đổi qua số 2, nhớ đổi qua số 2. Bỗng dưng tôi thấy buồn bực vô cùng, anh vào Phòng Hành-Quân đã 15 phút, liên-lạc đủ mọi nơi, nói chuyện với mọi người trong Phòng Hành-Quân mà không thèm hỏi tới tôi với con một tiếng, tôi đâm giận. Con giận của tôi chưa kịp bộc-phát thì anh bước qua, giọng đùa cợt:

-Hồi tối, anh có nói với em là nếu có pháo-kích thì chú Nghĩa đón em xuống Phòng Hành-Quân, em cho là anh hù em phải không? Bây giờ em tin chưa? ở đây cứ hễ có bà Trưởng mới tới là tụi nó dàn-chào kỹ lắm, súng đại-bác bắn vài ba chục quả, còn hơn là tiếp đón tổng-thống.

Con giận bay đi đâu mất tiêu, tôi cười, nhìn đồng-hồ, gần 1 giờ sáng. Tôi nói với anh:

- Em mệt quá, bây giờ được về phòng chợp mắt được một chút thì đỡ quá.

Anh nói:

- Ừ, để anh đưa em về phòng.

Anh ẵm thằng Chinh trên vai, nắm tay tôi rời khỏi Phòng Hành-Quân. Tôi chợt nhớ hồi nãy anh cứ dặn đi dặn lại Thiếu-Úy An “Nhớ đổi qua số hai”.

Tôi hỏi anh:

- Đổi qua số hai là cái gì vậy anh?

Anh nói :

-Thì bà số một ở đây bị pháo, phải cho bà số hai hay cho bà mừng chứ sao!

Tôi véo tay anh một cái thật đau, anh bật cười giải-thích, vẫn giọng đùa cợt:

-Anh nghỉ tụi Việt-Cộng bắn đại-bác dàn-chào em xong, rồi cho người chui vào tán-tĩnh em nên ra lệnh đổi ám-hiệu để có thằng nào loạng-quạng là dứt liền, anh ghen mà.

- Bộ đêm nào ở đây cũng có súng nổ sao anh?

- Em làm như đêm nào cũng có bà Trưởng mới tới với anh chắc.

Tôi lại véo tay anh một cái nữa, rõ đau.

Đêm đầu tiên sao đi chậm quá, tôi cứ sững-sờ nôm-nớp với tiếng pháo-kích. Từ trước tới nay tôi chưa hề nghe tiếng đại-bác sát rạt như vậy. Thằng Chính đã ngủ say, anh đang ngồi ở phòng làm việc, phòng làm việc của anh chỉ cách phòng ngủ có một bức vách, tiếng anh nói chuyện với các sĩ-quan tôi nghe được hết nhưng không để ý vì quá mệt-mỏi. Tôi loáng-thoáng nghe anh nói với tôi:

- Em ráng ngủ một chút đi, anh cần phải đi một vòng rồi mới về ngủ được.

Tôi không trả lời, lòng buồn rười-rượi. Tôi ráng tìm giấc ngủ mà sao hai câu thơ tôi đã đọc được đâu đó lại cứ lớn-vỗn:

Nơi anh ở mặt trời không mọc nữa

Chỉ từng đêm ánh đạn rạng chân trời.

Không biết tôi nhớ có đúng không, nhưng cần chi, bây giờ, đây không chỉ là nơi anh ở mà cũng là nơi tôi ở nữa.

Tôi thức dậy khoảng bảy giờ sáng, anh đã dậy trước tôi từ lâu, đang uống cà-phê với mấy sĩ-quan trước hiên. Thấy tôi bước ra, mấy sĩ-quan gật đầu chào. Thiếu-Úy Triết hỏi tôi:

- Tối qua chị được dàn-chào kỹ quá, chắc chị ngạc-nhiên lắm.

Tôi cười trả lời:

- Tôi sợ muốn chết luôn mà sao tôi thấy ở đây ai cũng coi pháo-kích như giỡn chơi vậy?

Thiếu-Úy An chen vào:

- Trời kêu ai nấy dạ chị ơi, hơi sức nào mà sợ, chị ở đây ít lâu rồi quen đi.

Tôi cười, cảm thấy an lòng một chút.

Anh nói :

- *Hôm nay đặc-biệt có em tân đáo, anh mời em với các sĩ-quan ăn sáng, ở đây có món hủ-tiểu móng heo hầm với đồ biển rất đặc-biệt.*

- *Hủ-tiểu móng heo hầm nghe lạ quá!*

- *Một cái giò heo nấu hủ-tiểu bảy ngày, ngày đầu còn có tí thịt, tí da, qua ngày thứ hai chỉ còn xương với móng, cho thêm mấy con khô mực vào nấu tiếp, tới ngày thứ bảy thì xương với móng cũng rục luôn, ngon lắm, em cứ ăn thử sẽ thấy hủ-tiểu ở đây thuộc loại sư tổ của hủ-tiểu Thanh-Xuân Chợ Cũ.*

Thiệt đúng như anh nói, Thanh-Xuân có lấy nước rửa bát nấu hủ-tiểu chắc cũng không đến nổi dở như vậy, sư tổ thiệt!

Vậy mà tôi cũng ăn gần hết tô hủ-tiểu, kể cũng lạ.

Ăn sáng vừa xong thì con tôi cũng vừa thức dậy, không thấy tôi nên òa khóc, tôi vội-vàng cáo lui trở vào phòng, anh nói với theo:

- *Nước sôi với sữa có sẵn trên bàn, em pha cho con, độ chín giờ anh sẽ đưa em đi một vòng để chiêm-ngưỡng thắng cảnh ở đây.*

Buổi sáng ở đây thật êm-dềm, êm pháo-kích vừa qua bay đi đâu mất chỉ còn để lại vài hố đạn ngoài bãi đất trống phía Nam căn-cứ, trời trong vắt không một gợn mây, phía Đông mặt biển phẳng-lì, xanh thẳm. Đúng trước hiên, chỗ tôi ở nhìn ra biển, bãi cát trắng chạy dài xa tít. Anh ẵm con, tôi đi theo, lặng-lẽ nghe anh hướng-dẫn. Hóa ra chỗ tôi ở, mở cửa trước ra độ 30 thước là tới Phòng Hành-Quân, nơi tôi núp pháo tối qua, bên trái độ 20 thước là kho đạn, nhà máy đèn; phía Tây, sát hàng rào kẽm gai là nhà dân, đa-số mái tranh lụp-xụp, phía Bắc là khu gia-binh, lưng dựa ra đầm Đề-Gi.

Đi qua khu gia-binh tôi gật đầu chào, tôi có cảm-giác mọi cặp mắt đổ dồn vào tôi, tôi còn nghe tiếng xầm-xì sau lưng.

- *Bà trưởng này còn nhỏ quá.*

Anh ngừng lại gần một hầm núp pháo trước khu gia-binh, nói với đám đông đang tụ lại đó, hình như để coi mắt tôi.

- *Tôi đưa bà xã tôi đi một vòng để giới-thiệu với gia-binh, lỡ có pháo-kích bắn chạy lộn hầm thì đừng có đuổi bả ra khỏi hầm nghe.*

Cả gia-binh cùng cười, vui-vẻ.

Anh đưa tôi với con xuống cầu ghe, một chiếc ghe đang nổ máy chờ sẵn, chắc là anh đã dặn trước nên khi chúng tôi bước xuống, ghe thào dây chạy ngay. Anh ẵm con vào buồng lái, đặt nó ngồi cạnh người nhân-viên đang lái, thằng nhỏ thích quá nhào vô ôm tay lái liền, anh nhân-viên ẵm nó vào lòng để cho cu cậu tha-hồ nghịch-ngợm với tay lái.

Bên ngoài, trên sàn ghe trước buồng lái có kê hai cái ghế dựa, một cái bàn con, chúng tôi ngồi ngắm trời nước, mặt đầm phẳng-lặng, phẳng-phất chút hơi sương chưa tan hẳn trong nắng sớm. Một nhân-viên mang ra cho chúng tôi hai ly trà bốc khói, gió nhẹ, hơi se lạnh nhưng tôi lại thấy ấm-áp, bình-yên bên anh. Tôi hỏi anh:

- *Mình lấy ghe đi chơi có phải xin phép ai không anh?*

Anh cười, vẫn giọng đùa cợt (lúc nào anh cũng đùa cợt được cả):

- *Ở đơn-vị này ai cũng xin phép anh, anh chỉ cho phép chứ không xin phép, em ở đây ít lâu rồi sẽ biết, vợ con lính tráng sẽ lên năn-nỉ với bà trưởng để xin cho chồng này nọ, anh dặn em trước là nếu có bà nào gập em để nhờ cái này cái nọ thì em cứ nói với họ là vào hỏi anh chứ em không biết; chiều nay anh sẽ cho họp đơn-vị lại để dặn trước, bà nào lên òn-ẽn với em là chỉ làm khổ chồng bả thôi, có bà nào biểu món này món kia em tuyệt-đối không được nhận; mấy chuyện này xem ra nhỏ-nhất nhưng anh biết nhiều ông đơn-vị trưởng đã bị mang tiếng vì các bà vợ thích nhận quà biểu xén.*

Thấy anh có vẻ nghiêm-trọng khi nói với tôi việc này, tôi mau-mẫn:

- *Anh đừng lo, em sẽ không nhận quà cáp của bất cứ ai, vả lại em có cần mấy thứ đó đâu, em chỉ cần có anh.*

Anh cười, bóp nhẹ tay tôi.

Ghe chạy một vòng quanh đầm, anh nói sơ-lược về Duyên-đoàn 21; hóa ra đây là địa-điểm thứ ba, trước đây Duyên-đoàn đóng ở cửa Tam-Quan và một hòn đảo nào đó mà tôi không nhớ tên. Tam-Quan là quận cực Bắc của tỉnh Bình-Định, thực tình tôi chẳng cần biết vị-trí cửa Tam-Quan nhưng cái tên cửa Tam-Quan gợi lên hình-ảnh trấn-thủ

lưu-đồn, hình-ảnh người ra ải Bắc, ải Nam-Quan. Phải rồi ải Nam-Quan. Tôi cười nói với anh:

- *Em thấy anh như người trấn-thủ lưu-đồn ngày xưa.*

- *Thì anh đang trấn-thủ lưu-đồn đây chứ còn gì nữa, chỉ hơn ngày xưa là có em đi theo chứ không có cảnh thiếp trong khung cửa, chàng ngoài chân mây nữa.*

Mùa mưa tới. Tôi đã biết mưa Sài-Gòn, mưa Cần-Thơ rồi nhưng đem so-sánh với mưa miền Trung thì không khác gì đem ly nước so-sánh với dòng sông. Ở miền Trung hình như ai cũng biết câu “ông tha mà bà không tha, hàng năm có lụt hăm ba tháng mười”. Khoảng 23 tháng 10, lịch ta, mưa bão dữ-đội, tầm-tã, liên-miền không dứt. Nghe đài phát-thanh nói gió hơn 100 cây-số, căn-cứ chìm ngập trong bão-táp, mái tôn khu gia-bình tróc đỉnh, lộng gió rên xiết, bần-bật. Anh mặc áo lạnh, dầm mưa, huy-động mọi người xúc bao cát chuyển lên nóc nhà để chặn cho tôn khỏi bay, mưa gió tới-bồi mà gia-bình lại rất hăng-say trong công-việc bảo-vệ mái ấm này. Căn nhà tôi ở trước đây là trạm quan-thuế do Tây để lại, tường gạch rất chắc-chắn nhưng mái ngói đã mục, mưa dột tứ tung, nhất là trong phòng ngủ, nước dột thấm xuyên qua mùng, rớt ngay xuống mặt con tôi. Nửa đêm, anh phải lúi-húi trải nệm xuống sàn nhà, chỗ không bị dột, căng mùng cho tôi với con. Gió ào-ào bên ngoài, gió rít qua cửa chính, cửa sổ, lạnh cắt da.

Đã hai ngày hai đêm ròng-rã vẫn không tạnh. Tôi thấy anh lo-lắng quá đỗi, mang cả máy truyền-tin về phòng liên-lạc, tôi muốn san-sẻ với anh một chút nhưng lại không biết mở lời. Dường như anh



đọc được ý-nghĩ của tôi, giải-thích:

- *Phòng Hành-Quân, giao-thông-hào ngập nước hết, nước đầm dâng cao gần muốn tràn vô khu gia-bình, ghe phải chạy lên đầm núp gió, nếu giờ này Việt-Cộng cho đặc-công-thủy lợi nước tấn-công vào khu gia-bình thì đổ nợ.*

Tôi hỏi anh:

- *Sao thỉnh-thoảng em nghe tiếng súng lớn nổ gần quá mà không thấy ai chạy núp hết vậy?*

- *Không phải pháo-kích đâu, thỉnh-thoảng anh cho bắn trái sáng để các ghe trên đầm nhìn thấy nhau, khỏi đụng, anh cũng cho ném lựu-đạn xuống nước phía sau khu gia-bình để phòng đặc-công Việt-Cộng, tiếng nổ em nghe là súng đạn của mình, đừng lo.*

Rạng sáng ngày thứ ba hình như mưa nhẹ lại, gió cũng dịu bớt đi nhiều nhưng lạnh thấu xương. Mới cuối tháng mười ta mà lạnh thế này, không biết tới mùa đông thực sự sẽ lạnh cỡ nào. Tôi dậy khá sớm, mặc thêm áo ấm, lúi-húi nấu nước sôi để định tắm cho con, anh đang ở ngoài phòng làm việc dặn vói vào:

- *Em đừng pha café cho anh, anh đã dặn câu-lạc-bộ pha café cho tất cả nhân-viên, tí nữa anh xuống uống café với mọi người. Tôi cũng nghe anh dặn Thiếu-Úy An chia phiên cho ghe về cặp*

cầu uống café.

Vừa tắm cho con tôi vừa nghĩ bụng. Sao làm trưởng đơn-vị phải lo nhiều thứ quá vậy, pháo-kích, bão-tố, biển động, biển êm, gia-bình ..., cả tới café cho nhân-viên nữa. Nghĩ thì nghĩ vậy chứ tôi không hề hỏi anh. Tôi nghe nói nhiều bà muốn dành cái chức đơn-vị trưởng của chồng, làm chi vậy, tôi không biết, riêng tôi, tôi chỉ muốn dành chồng tôi ra khỏi cái chức đơn-vị trưởng này, anh cực quá!

Mùa hè năm 1971, mới khoảng tháng 5, tháng 6 mà trời nóng như thiêu. Biển như sát bên vách mà sao nóng quá. Nhiều hôm gió nổi mạnh quá, bãi cát bung lên, mịn-mù. Gió hốt cát đổ vào căn-cứ, mái tôn cứ rào rạt từng hồi, cát như bung kín hàng rào kẽm gai, nóng hổi. Hình như ngày nào cũng vậy, cứ khoảng năm giờ chiều gió nhẹ lại, đôi lúc tôi thoáng ngửi thấy mùi nước biển ngậy-ngậy, nồng-nàn. Tôi vẫn thường dắt con đi bộ, vừa tập cho con đi, vừa muốn hít thở một chút gió chiều êm-ả.

Hình như nhịp độ chiến-tranh càng gia tăng, thời-gian anh dành cho tôi với con càng ngày càng bớt đi; đôi lúc dắt con đi dạo, không có anh đi bên cạnh, tôi cảm thấy cô-đơn, lại vớ-vẩn so-sánh nỗi cô-đơn của mình với cái hàng rào kẽm gai buồn-bã trơ-trọi, chịu đựng mưa gió kia. Tôi lại miên-man nghĩ tới anh. Sao anh lại cực-khổ quá như vậy, tôi tưởng đi Hải-Quân sướng lắm chứ, sao lại phải đi tới cái chỗ khí ho hết nổi, gà gáy hết ra hơi này. Đêm nào cũng lo pháo, đặc-công, có đêm một, hai giờ sáng anh chưa ngủ. Máy truyền-tin anh để luôn trong phòng, nhiều khi ba, bốn giờ sáng anh thức dậy liên-lạc, điều-động này nọ.

Trực-thăng đáp xuống căn-cứ càng ngày càng nhiều, các ông lớn tới thăm liên-miên. Tiếng trực-thăng, tiếng ghe rồ máy rời bến, tiếng súng đạn xa gần vọng về ngày đêm làm nóng thêm cái không-khí chiến-tranh ở đây, thêm vào đó cái khí-hậu khắc-nghiệt của miền Trung đã làm cho tôi càng ngày càng cảm thấy mệt-mỏi và bất-an. *"May mà có anh, đời càng dễ thương"*. Không có anh, tôi tới đây làm gì, không đi theo anh chắc không bao giờ tôi tưởng-tượng nổi mình có thể ở một nơi khắc-nghiệt như thế, ở một hành-tinh mà mỗi lần tôi dắt con đi chợ là bao nhiêu người



Ghe Chủ-Lực

dòm ngó, muốn mua vài cái trứng gà cho con ăn cũng phải dặn trước cả tuần-lễ, chờ gà đẻ và nể bà Trưởng lắm mới có.

Anh có hai cái tật. Thứ nhất là thích đùa cợt, chuyện gì anh cũng đùa được cả, thứ hai là thích thi-vị-hóa, thích đem thơ vào cuộc sống hàng ngày. Anh thuộc nhiều thơ, thỉnh-thoảng anh cũng làm thơ nhưng có lẽ không hay nên không cho tôi đọc; dù vậy tôi cũng lấy cái tính này chút ít. Tôi đã lỡ thương anh rồi, thôi thì mấy sông em cũng lội, mấy đèo em cũng qua. Bây giờ tôi đã thật sự ẵm con theo anh vào nơi gió cát này, không biết tôi có chia-xẻ với anh một chút nhọc-nhàn nào không? Anh vẫn thường nói với tôi đời lính thủy khó mà biết trước được, nên nếu có dịp sống gần nhau là phải có nhau, dù cực-khổ cách mấy cũng không sao. Tôi đã theo anh ra quan-ải, nhọc-nhàn, bão-táp ... nghe thì ghê vậy nhưng nghĩ cho cùng, tôi có xá gì. Quan-ải nào ngăn được tình-yêu tôi dành cho anh?



Hồi-ký

LIÊN-ĐOÀN ĐẶC-NHIỆM “HỔ BIỂN”



Lê-bá-Thông

Chiếc giang-tốc-đỉnh (River Patrol Boat - PBR) lướt sóng trên sông Hội-An, hướng ra cửa biển về phía căn-cứ Duyên-đoàn 14. Tôi đứng trước mũi tàu, tay cầm chiếc nón *cát-két* Hải-Quân, mái tóc bay bành-bồng trong cơn gió mát từ biển đông vào một buổi sáng sương mù còn vẫn-vương trên những tàng cây xanh mọc dọc theo bờ sông đầy lau sậy. Xa xa về phía gành đá trên cồn đất, những con cò trắng đang rảo bước, chăm-chú kiếm mồi, không để ý đến tiếng động-cơ vang dội và những đợt sóng nhỏ ào-ạt cuốn vào bờ từ chiếc PBR đang chạy ngang qua với tốc-độ cao.

Nước sông Thu-Bồn đục ngầu chứ không trong xanh như dòng sông Hương của cố đô Huế; đáy sông sâu cạn không đều và uốn khúc qua những cồn cát lau sậy lưa-thưa, rất trở-ngại cho chiến-thuyền và chiến-đỉnh vận-chuyển nếu không quen với hải-trình từ cửa biển, cạnh mật-khu Cẩm-Thanh của Cộng-Sản, lên đến thị-xã Hội-An. Những thủy-thủ-đoàn kinh-nghiệm và thành-thạo của các duyên-kích-đỉnh và chiến-thuyền của các

đơn-vị biệt-phái và tham-dự trong Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm “Hổ Biển”, một cuộc hành-quân Hải-Quân dưới quyền chỉ-huy của Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng I Duyên-Hải đóng tại căn-cứ Tiên-Sa, Đà-Nẵng, đã thuộc nằm lòng hải-trình này nên vẫn duy-trì vận-tốc cao khi hải-hành tuần-tiểu hoặc chuyển quân.

Vào tháng 3 năm 1969 tôi được chọn lựa và chỉ-định về Hội-An nhận lãnh chức-vụ Chỉ-Huy-Trưởng Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm trước đây mang tên là “*Operations Sea Tiger*” do Hải-Quân Hoa-Kỳ bàn-giao lại cho Hải-Quân Việt-Nam trong chương-trình Việt-Nam-hóa chiến-tranh và kế-hoạch *Accelerated Turn Over to Vietnam (ACTOV)*. Tôi rất hãnh-diện chỉ-huy một Liên-Đoàn gồm các đơn-vị hỗn-hợp Việt Mỹ, với các lực-lượng tăng-phái thường-trực gồm Duyên-đoàn 14, duyên-tốc-đỉnh (Patrol Craft, Fast-PCF) thuộc Hải-Đội 1 Duyên-Phòng, một phân-đội gồm từ bốn đến sáu giang-tốc-đỉnh (PBR) của Giang-đoàn 57 Tuần-Thám, một toán Điện-Thám (Sensor Team) và hai nhân-viên bắn sẻ (snipers) thuộc Hải-Quân

Hoa-Kỳ. Ngoài ra người sĩ-quan cố-vấn Liên-Đoàn, Thiếu-Tá Holland, cũng là cựu Chỉ-Huy-Trưởng chiến-dịch “Hổ Biển” này được chỉ-định tiếp-tục phục-vụ để phối-hợp và yểm-trợ hành-quân, nhất là liên-lạc không-yểm cho các cuộc hành-quân do Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm điều-động khi cần-thiết.

Nhiệm-vụ Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm “Hổ Biển” còn bao gồm việc hành-quân hỗn-hợp với các đơn-vị thuộc Tiểu-khu Quảng-Nam và Lữ-Đoàn Thanh-Long, Đại-Hàn, trú đóng phía Nam khu-vực trách-nhiệm hành-quân của Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm. Vùng hành-quân của “Hổ Biển” rộng lớn với lãnh-hải trách-nhiệm của Duyên-đoàn 14 trong nhiệm-vụ ngăn-chặn, tiêu-diệt và kiểm-soát lực-lượng Cộng-Sản hoạt-động từ ba mật-khu chính tại Hội-An, Quảng-Nam; đó là các mật-khu an-toàn và bất-khả xâm-nhập với nhiều *mìn* bẫy của địch nằm rải-rác từ cửa biển Hội-An, trong tầm súng cối Duyên-đoàn 14, dọc theo phía Nam sông Thu-Bồn, lên tận vùng mỏ than Nông-Sơn trong dãy núi Trường-Sơn hùng-vĩ. Ba mật-khu mang tên: Cẩm-Thanh, Đập-Lở và Đồng-Bò đã trở thành địa-danh gây nhiều thiệt-hại cho quân-đội quốc-gia đồn-trú tại lãnh-thổ do Tiểu-khu Quảng-Nam dưới quyền chỉ-huy của Đại-Tá Lê-trí-Tín, Tỉnh-Trưởng kiêm Tiểu-Khu-Trưởng. Trong thời-gian gần đây, Cộng-quân gây áp-lực mạnh bằng những cuộc pháo-kích hằng đêm vào thị-xã Hội-An, gây tổn-thất nặng về nhân-lực, vật-chất và kinh-hoàng cho dân-chúng cư-ngụ tại đây, đồng thời còn phục-kích, giật *mìn* trên con đường chính nối liền quốc-lộ 1 và Hội-An, duy-trì sự bất-ổn và tình-hình khẩn-trương, thiếu an-ninh trên khắp lãnh-thổ tiểu-khu.

Trước đây khoảng hơn một tuần-lễ, vào đêm hôm trước ngày tôi đảo nhậm chức-vụ mới, vào một buổi sáng khá đẹp trời cuối Xuân năm 1969, hai giang-tốc-đỉnh (*PBR*) của “*Operations Sea Tiger*” bị địch quân dùng bộc-phá loại mạnh, phá nổ tung trong khi hành-quân phục-kích cạnh mật-khu Đồng-Bò, gây tử thương cho 4 thủy-thủ Mỹ và thương tích nặng cho thuyền-trưởng. Sau đó Thiếu-Tá Holland, Chỉ-Huy-Trưởng chiến-dịch phải xin Tiểu-khu Quảng-Nam tản thương bằng trực-thăng và rồi yêu-cầu hai phi-tuần khu-trục F4 - *Phantom* từ Đà-Nẵng bay xuống dùng phi-đạn

phá hủy và đánh chìm phần còn lại của hai giang-tốc-đỉnh trước khi các chiến-đỉnh lọt vào tay của địch quân Cộng-Sản.

Tôi nhớ lại thời-gian phục-vụ với chức-vụ hạm-trưởng khinh-tốc ngư-lôi đĩnh (*Torpedo boat, Fast-PTF*) tại Lực-Lượng Hải-Tuần, cũng đã tham-dự nhiều chuyến công-tác đêm thả toán Biệt Hải, bí-mật xâm-nhập vào mật-khu Cẩm-Thanh, phá hoại cơ-sở và bắt tù-binh Cộng-Sản tại mật-khu nổi tiếng kiên-cố và nguy-hiểm này. Và hôm nay chính tôi lại trực diện đối đầu với địch quân trên một trận tuyến không rõ-ràng; ban ngày những công-dân bình-thường, sinh sống giữa những người quốc-gia tại các làng mạc đánh cá, thành-thị đông-đúc để rồi khi bóng đêm bao trùm trên con sông dài uốn khúc, những người này lại trở thành du-kích Cộng-Sản, hờm sẵn các ống phóng hỏa-tiến B40, nằm dọc ven rừng lau sậy, phục-kích tấn-công các chiến-thuyền, giang-đỉnh đang hải-hành tuần-tiểu trên dòng sông Hội-An chật hẹp với bờ đất dựng đứng hai bên khi lên đến thượng dòng gần cầu xe lửa sậy, nằm vắt ngang cuối sông Thu-Bồn.

Những kỷ-niệm của thời-gian xông-pha trong “Vùng Biển Đen”, những mất-mát, nỗi-niềm đau thương vẫn theo mãi với chuỗi đời của người lính biển trong hơn một năm qua sau khi tôi quyết-định rời Lực-Lượng Hải-Tuần. Gió biển, mây ngàn, trăng sao lấp-lánh trong đêm khuya trên sóng nước đại-dương và ý thích phiêu-lưu mạo-hiểm, yêu cảm-giác mạnh làm cho người thủy-thủ đã chọn biển khơi làm bạn, nguy-hiểm là thử-thách, không thể tiếp-tục ngày ngày soạn thảo kế-hoạch hành-quân tiếp-vận tại văn-phòng có máy lạnh, ngày hai buổi tham-dự thuyết-trình và nghe báo-cáo về những chiến-hữu đang tiếp-tục chiến-đấu tại các chiến-trường sông rạch hay đã nằm xuống trong lòng đất Mẹ Việt-Nam. Nhận-lãnh trọng-trách và một thử-thách mới là tôi đã chấp-nhận sự hy-sinh cá-nhân đối với gia-đình, với người vợ lính biển hiền-thục chỉ biết hy-sinh an-phận với đời sống thường nhật, vui đùa và dạy-dỗ con cái để quên đi nỗi mỗi-mòn trông ngóng tin-tức và rồi hằng đêm cầu-nguyện cho sự an-lành của người chồng thủy-thủ đang xây mộng hải-hồ tại một vùng sông biển gian-nguy nào đó.

Đang thả hồn trong ý-nghĩ băng-khuâng, chợt tôi nghe tiếng người cố-vấn Hoa-Kỳ hỏi nhỏ:

- *“Is everything OK, Commander?”*

Tôi quay người lại, đưa tay ra bắt bàn tay cứng rắn của Thiếu-Tá Holland và mỉm cười thân-mật đáp lại bằng tiếng Mỹ:

- *“Vâng, tất cả đều bình-thường, đừng ngắm biển nước và thưởng-thức cơn gió mát từ đại-duong thổi vào, tôi không thể nào quên những chuyến hải-hành cách đây hơn một năm trước khi đang còn là ‘skipper’ của PTF. Tôi thích đi trên những loại tàu chạy nhanh như bay trên sóng và vì thế khi đứng trên chiếc PBR này, cảm-giác cũ một lần nữa đã trở lại với tôi.”*

- *“Tôi rất hiểu về cảm-tưởng này; nhiều lúc tôi cũng nhớ lại thời-gian phục-vụ trên các chiến-hạm, tôi thích nhất là ‘Cruiser’, vì loại chiến-hạm này không lớn lắm mà cũng không quá nhỏ như ‘Destroyer’, tôi học-hỏi và thực-hành được nhiều về hải-nghiệp khi phục-vụ trên tuần-duong-hạm cho đến khi được chỉ-định theo học trường về ‘Brown Water’ và sau khi tốt-nghiệp, tình-nguyện qua Việt-Nam và bắt đầu chiến-đấu trong vùng sông ngòi tại ‘Mekong Delta’. Nghề-nghiệp đã thay đổi nhiều, nhưng tôi vẫn nhớ những chuyến hải-hành khắp nơi trên thế-giới mà tôi đã may-mắn và thích-thú góp phần.”*

Tôi gật đầu như đồng ý với người sĩ-quan Hải-Quân Hoa-Kỳ, xuất thân từ Hàn-Lâm-Viện Hải-Quân U.S. Naval Academy tại Annapolis, thuộc tiểu-bang Maryland, mà tôi vừa thay thế. Tôi đã được nghe vị Cố-Vấn-Trưởng Vùng I Duyên-Hải ca tụng về khả-năng lãnh-đạo, kinh-nghiệm chiến-trường sông rạch và nhất là đức-tính điềm-đạm sau đôi mắt kiếng cận thị trông tựa như một nhà giáo của Thiếu-Tá Holland, trước khi tôi rời Bộ Tư-Lệnh Vùng xuống nhận chức-vụ này ở Tiểu-khu Quảng-Nam.

Chiếc giang-tốc-đỉnh vẫn phăng-phăng rẽ dòng nước đục đang theo ngọn thủy-triều từ cửa biển mà trước đây thực-dân Pháp đã gọi là cửa biển “Phai-Phô” (Faifo) nhiều sóng gió. Từ xa những cánh buồm nâu của các ghe chài lưới nhấp-nhô theo lượn sóng bạc đầu, từng con chim hải-âu bay vờn trên ngàn trùng sóng để kiếm mồi. Bầu trời

buổi chiều trong xanh như màu áo thiên-thanh của các cô gái Hội-An mà tôi nhìn thấy nhõn-nhờ cuộn bay trong gió, trên những chiếc xe đạp đi đến trường khi tôi ngồi trên chiếc xe Jeep quân-đội chạy ra bến tàu cạnh chợ cá Hội-An. Tôi không so-sánh nét đẹp của gái Hội-An với những giai-nhân trong tà áo trắng, hay che dấu mặt và liếc nhìn người khác dưới chiếc nón bài thơ tại đất Thần-Kinh. Mỗi người một vẻ, nhưng các cô gái Hội-An có nước da ngăm đen hơn là người con gái xứ Huế, có lẽ vì quanh năm họ được hưởng ngọn gió mát mang theo mùi biển mặn từ cửa “Faifo” thổi vào, làm tăng thêm nét mặn-mà của các thiếu nữ sống gần đại-duong.

Tiếng súng pháo-binh vọng lại từ phía bên hữu hạm, nơi Lữ-Đoàn Thanh-Long Đại-Hàn đồn-trú đưa những suy-tư của tôi trở về với thực-tại. Bên phía tả hạm chiến-đỉnh, thấp-thoáng rừng dừa nước màu xanh mọc dày đặc trên đảo Cẩm-Thanh, nơi sản-xuất loại cua đồng nổi tiếng Quảng-Nam và cũng là căn-cứ địa, mặt-khu an-toàn của Việt-Cộng. Sông Hội-An mở rộng hơn nhiều khi chảy ra đến gần cửa biển; trên sông những hàng rớ cá của dân chài giăng chằng-chịt giữa dòng. Các con chim biển đậu nghỉ cánh trên những cọc tre, thản-nhiên nhìn lơ-đăng khi chiến-đỉnh chạy ngang qua tạo nên từng đợt sóng lượn dài trên dòng nước đục ngầu. Cầu tàu Duyên-đoàn 14 đã thấy ẩn hiện phía trước, vào khoảng hướng 10 giờ. Chiến-đỉnh giảm dần tốc-độ và người hạ-sĩ-quan thuyền-trưởng đi ra phía boong trước chỗ hai vị sĩ-quan tân cựu Chỉ-Huy-Trưởng Chiến-Dịch đang đứng nhìn về phía Duyên-đoàn:

- *“Trình Commandant, Thiếu-Tá Chỉ-Huy-Trưởng Duyên-đoàn đang tham-dự hành-quân với Tiểu-khu nên không có mặt tại căn-cứ, chỉ có Đại-Ủy Duyên-Đoàn-Phó ở tại đơn-vị mà thôi.”*

Tôi gật đầu nhận hiểu và giải-thích cho người hạ-sĩ-quan mà tôi đã quen biết trước đây tại Đà-Nẵng:

- *“Cám ơn Trung-Sĩ-Quang, tôi đã được Thiếu-Tá Hải báo-cáo sáng nay và tôi cũng muốn theo dõi diễn-tiến hành-quân tại đây với Thiếu-Tá Holland.”*

Tôi mỉm cười vỗ vai người Trung-Sĩ già và hình-dung trong trí nhớ của mình, Hải-Quân

Thiếu-Tá Phan-tứ-Hải, người bạn học cũ của lớp Đệ nhất ban toán ở trường Quốc-Học cách đây hơn 10 năm. Không ai có thể ngờ được một con người nhiều nghệ-sĩ tính, ít nói, chơi đàn *guitar* bằng tay trái hay tuyệt-vời, dáng-dấp nhỏ con ngày nào nay đã trở thành một chiến-sĩ Hải-Quân gan-dạ, một người hùng với khuôn mặt sạm nắng, tài điều-quân xuất-chúng hữu-hiệu đã và đang là vị hung-thần của các đơn-vị Cộng-Sản hoạt-động tại vùng sông rạch thuộc tỉnh Quảng-Nam. Thiếu-Tá Hải là sĩ-quan đàn em, xuất thân khóa 11 Sinh-Viên Sĩ-Quan Hải-Quân Nha-Trang, sau tôi một khóa và là một trong những sĩ-quan Hải-Quân được tuyên-dương công-trạng trước Quân-Đội về những chiến-công mà Hải đã tham-hoạch được trong thời-gian đảm-nhận chức-vụ Chỉ-Huy-Trưởng Duyên-đoàn 14 tại Hội-An.

Chiếc *PBR* từ-từ cặp vào chiếc cầu gỗ của căn-cứ, Thiếu-Tá Holland và tôi lần-lượt bắt tay Đại-Úy Chỉ-Huy-Phó của Duyên-đoàn 14 rồi được hướng-dẫn vào phòng hành-quân và nghe người sĩ-quan trẻ này thuyết-trình về cuộc hành-quân hỗn-hợp của Duyên-đoàn và các đơn-vị Địa-Phương-Quân thuộc Tiểu-khu Quảng-Nam, đang diễn-tiến tại mật-khu Đập-Lỡ, phía Tây-Bắc của thị-xã Hội-An.

Sau đó hai vị tân và cựu Chỉ-Huy-Trưởng Chiến-Dịch “Hổ Biển” xuống cư-xá sĩ-quan để chào vợ của Thiếu-Tá Hải, nói vài câu chào hỏi xã-giao rồi đi thăm trại gia-binh đơn-vị cũng được xây cất trong vòng rào của căn-cứ. Nhìn những khuôn mặt ngây-thơ vô tội dễ thương của các trẻ nhỏ, con quân-nhân Hải-Quân và những người vợ thủy-thủ đã bỏ hết tất cả tiện-nghỉ thành-phố, đi theo chồng lính biển sống một đời sống đầy nguy-hiểm và thiếu-thốn nhu-cầu vật-chất trong trại gia-binh đơn-vị và thường phải xuống hầm trú-ẩn vì địch thỉnh-thoảng pháo-kích, tấn-công vào căn-cứ, tôi thầm thán-phục và ngưỡng-mộ sự hy-sinh cá-nhân, lòng yêu thương chung-thủy của các người vợ lính chiến Việt-Nam Cộng-Hòa.

Vài tuần-lẽ sau ngày đảo nhiệm chức-vụ mới tại Tiểu-khu Quảng-Nam, hàng ngày tháp-tùng Thiếu-Tá Hải trên duyên-tốc-đỉnh (*PCF*), thuyền *Ferrous Cement*, ghe Thiên-Nga, giang-tốc-đỉnh (*PBR*) ... thăm các đơn-vị đang tuần-tiểu trên các

sông rạch và thám-sát các vị-trí chiến-lược dọc theo sông Thu-Bồn và các nhánh sông nhỏ kế cận, hôm nay tôi quyết-định lên gặp Đại-Tá Lê-trí-Tín, Tỉnh-Trưởng kiêm Tiểu-Khu-Trưởng và mời vị sĩ-quan nổi tiếng tốt này tháp-tùng đơn-vị Điện-Thám và chiến-đỉnh hỗn-hợp của Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm “Hổ Biển” thanh-sát khu-vực đang được các đơn-vị Thủy-Quân-Lục-Chiến Hoa-Kỳ khai-quang và kiểm-soát ở phía Nam mật-khu Đồng-Bò của Việt-Cộng.

Hai ngày sau, vào một buổi sáng sớm sương mù đang còn bao phủ trên thành-phố Hội-An, 4 chiến-thuyền và 4 giang-tốc-đỉnh (*PBR*) rời bến tàu gần khu chợ của thị-xã nhỏ bé này, trực-chỉ hướng Tây với phái-đoàn gồm Đại-Tá Tín và các sĩ-quan thuộc tiểu-khu, Thiếu-Tá Hải và Thiếu-Tá Holland. Tôi đứng trên soái-đỉnh chỉ-huy bên cạnh Đại-Tá Tỉnh-Trưởng, giải-thích và hướng-dẫn cho vị sĩ-quan Bộ-Binh này biết về các công-tác tuần-tiểu, phục-kích của các đơn-vị thuộc Liên-Đoàn “Hổ Biển”. Những địa-danh nổi tiếng nơi đã xảy ra các cuộc chạm súng và các cuộc hành-quân thủy-bộ đầy gian-nguy như Cẩm-Thanh, Đập-Lỡ, Đồng-Bò, Cầu Sập ... được Thiếu-Tá Hải chỉ trên hải-đồ và trên địa-thế thật sự cho Đại-Tá Tín. Tiếng máy tàu vang dội hai bên bờ lau sậy của con sông Thu-Bồn trở nên nhỏ lại khi chiến-đỉnh càng đi lên về phía Tây, nước sông chảy nhẹ uốn khúc qua các bờ đất dựng cao với các cây cối mọc rải-rác khắp nơi.

Khi đi ngang qua một khu đất gần Đập-Lỡ, Đại-Tá Tín và tôi vẫy tay chào quân-nhân thuộc tiểu-đội Địa-Phương-Quân đang trú đóng tại đây. Những người lính chiến vội-vàng nháy ra khỏi các chiếc võng treo giữa hai thân cây tùng, đưa tay lên chào khi nhận ra vị Tiểu-Khu-Trưởng. Chiến-đỉnh tiếp-tục giang-hành về khu-vực hành-quân cách đây khoảng hơn bốn cây-số, nơi một lực-lượng Thủy-Quân-Lục-Chiến Hoa-Kỳ đang dùng các xe ủi đất khai-quang khu rừng kế cận mật-khu Đồng-Bò của Việt-Cộng để toán Điện-Thám của Thiếu-Tá Holland vào đặt máy điện-tử hầu có thể theo dõi hoạt-động của đơn-vị Cộng-Sản tại mật-khu này và gọi pháo-binh tiêu-diệt khi phát-hiện địch quân.

Đang ngắm cảnh trời mây nước, bỗng nhiên mọi người giật mình khi nghe tiếng nổ “âm” vang

lên từ phía đóng quân của tiểu-đội Địa-Phương-Quân mà chiến-đỉnh vừa chạy ngang qua. Thiếu-Tá Hải, Duyên-đoàn-trưởng Duyên-đoàn 14, gọi máy PRC-25 liên-lạc rồi quay lại báo-cáo cho Đại-Tá Tỉnh-Trưởng và tôi là một lính Địa-Phương-Quân bị thương nặng vì vừa đạp phải một bẫy *mìn* của du-kích Việt-Cộng gài gần địa-điểm khi anh ta đi kiếm chỗ để tiểu-tiện. Phòng hành-quân Tiểu-khu đã nhận được báo-cáo và trực-thăng tải-thương đang trên đường đến di-tản thương binh này về bệnh-viện để giải-phẫu.

Mìn bẫy là chướng-ngại-vật rất thông-dụng và có hiệu-quả lớn mà Việt-Cộng tại khu-vực tỉnh Quảng-Nam đang tăng-cường sử-dụng để bảo-vệ các căn-cứ địa Cộng-Sản, ngăn-ngừa và gây thiệt-hại cho các đơn-vị hành-quân của Liên-Đoàn “Hổ biển”, Lữ-Đoàn Thanh-Long Đại-Hàn và những tiểu-đoàn Địa-Phương-Quân thuộc tiểu-khu.

Mặt trời đã lên cao tỏa tia nắng ấm-cúng trên vùng đất nhỏ mà chiến-tranh và thương-vong có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Từ xa xen lẫn vào tiếng máy tàu, văng-vẳng lại là động-cơ xe ủi đất của đơn-vị Công-Binh thuộc Thủy-Quân-Lục-Chiến Mỹ. Tôi quay lại ra lệnh cho Thiếu-Tá Hải chỉ-thị hai ghe Thiên-Nga lên án-ngũ tại phía Bắc và hai ghe *Ferro Cement* nằm tại phía Nam, rồi bảo thuyền-trưởng giang-tốc-đỉnh chuẩn-bị ủi vào bờ. Bãi cát nằm cạnh hai cây sồi là nơi thuận-tiện cho mọi người, tôi nắm chặt cây súng M18, vũ-khí tùy-thân quen thuộc của mình, nhảy xuống trước, kế đến Thiếu-Tá Holland và Đại-Tá Tín tiếp-tục nhảy lên bờ. Trước mặt chúng tôi là một xe ủi đất lớn của Công-Binh Hải-Quân Hoa-Kỳ (Sea Bees) đang được một quân-nhân ở trần trùng-trục điều-khiển, chạy lui chạy tới đốn ngã các thân cây và bụi rậm để khai-quang làm thành một con đường đất đi sâu vào khu rừng phía trước mặt. Thiếu-Tá Holland đưa tay lên chào người lính thuộc đơn-vị bạn. Đại-Tá Tín và tôi cũng đưa tay lên vẫy về phía người lính đồng-minh không quen biết này.

Toán Điện-Thám không để mất thì-giờ, bốn nhân-viên biến mất sau lùm cây sẫm-uất với dụng-cụ điện-tử và vũ-khí cá-nhân. Những người lính Hải-Quân Hoa-Kỳ chuyên-nghiệp đã quen thuộc với công-tác đặt máy dò-thám mà họ đã

thi-hành lâu năm kể từ ngày dụng-cụ và kỹ-thuật này được áp-dụng một cách rất hiệu-nghiệm trên chiến-trường Việt-Nam. Hằng đêm ngồi tại phòng hành-quân đơn-vị, các chuyên-viên trực phiên nghiên-ngẫm chăm-chú lắng nghe những tín-hiệu gửi về từ các máy điện-tử đã được họ bí-mật chôn dấu và gài sẵn trước trên các lộ-trình chuyển quân của Việt-Cộng rồi gọi đơn-vị pháo-binh bạn bắn tiêu-diệt lực-lượng địch khi nhận tín-hiệu phát-hiện sự di-chuyển của Cộng-Sản.

Sau khi thăm hỏi các sĩ-quan và quân-nhân đơn-vị Thủy-Quân-Lục-Chiến đang hành-quân tại đây, phái-đoàn tham-dự buổi thuyết-trình “bỏ túi” do tôi trình-bày dưới bóng mát cây tùng bên ven rừng, trong khi chờ đợi toán Điện-Thám hoàn-tất công-tác đặt máy thăm dò điện-tử. Một kế-hoạch phục-kích và hành-quân mới theo ý-kiến và đề-nghị của tôi và Thiếu-Tá Hải được Đại-Tá Tiểu-Khu-Trưởng nhiệt-liệt khen ngợi, khuyến-khích và chấp-thuận thi-hành kể từ tối hôm đó để chặn đứng sự đe-dọa và thiệt-hại do Việt-Cộng pháo-kích hằng đêm vào thị-xã Hội-An, đồng thời nâng cao tinh-thần của dân-chúng đang hoang-mang, sợ-sệt vì phi-pháo của Cộng-Sản. Theo kế-hoạch mới này, sau khi điều-nghiên các vị-trí chiến-lược nối liền với mặt-khu của Cộng-Sản, cũng như vũ-khí mà địch thường sử-dụng để pháo vào thị-xã Hội-An trong thời-gian gần đây, mỗi đêm Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm sẽ chỉ-định hai giang-tốc-đỉnh (*PBR*) với khả-năng chạy nhanh và hỏa-lực mạnh phục-kích tại địa-điểm nghi-ngờ Cộng-Sản đặt hỏa-tiến 122 ly có tầm bắn xa; một duyên-tốc-đỉnh (*PCF*) và hai chiến-thuyền của Duyên-đoàn nằm kích tại vị-trí nghi-ngờ Việt-Cộng có thể đặt súng cối 81 ly với tầm xa trung-bình có thể pháo vào tiểu-khu. Mục-đích là để sử-dụng, phối-hợp khả-năng các chiến-đỉnh, chiến-thuyền và có thể phản-pháo tức thời để tiêu-diệt khi địch vừa khai-hỏa. Địa-điểm kích sẽ thay đổi hằng đêm, thỉnh-thoảng một toán kích gồm các nhân-viên toán bắn sẻ Hoa-Kỳ và thủy-thủ của Duyên-đoàn tháp-tùng với các chiến-đỉnh, chiến-thuyền trong các cuộc phục-kích mà tin tình-báo cho biết về sự hoạt-động của địch có thể xảy ra trong những đêm hôm đó.

Khi công-tác đặt máy Điện-Thám đã hoàn-

tất, phái-đoàn trở về Tiểu-khu vào buổi chiều cùng ngày. Thiếu-Tá Holland vào phòng hành-quân của Hoa-Kỳ rồi vội-vàng trở lên văn-phòng làm việc của tôi tại Tiểu-khu, mặt mày hốt hơ hốt hải thông-báo cho tôi biết một tin buồn kinh-hoàng; ông ta nói rằng người lính Thủy-Quân-Lục-Chiến và chiếc xe ủi đất hồi sáng sớm đã tan-tành khi xe chạy qua một quả bom 250 kí lô mà trước đây Không-Quân oanh tạc khu-vực này, không nổ và Việt-Cộng đã gài bẫy trở lại. Người lính Thủy-Quân-Lục-Chiến đã chết ngay tại chỗ bên cạnh những gì còn lại của chiếc xe khổng-lồ này. Tôi giật mình cảm thấy ớn lạnh và nổi da gà khi nghe tin nói trên vì mới sáng nay, tất cả mọi người trong phái-đoàn đã ngang-nhiên đi trên vùng đất đầy *mìn* bẫy đó. Thật là may-mắn được sống còn, âu cũng là số mệnh, làm sao tôi có thể tránh được cảnh *mìn* nổ đạn bay, cũng như mấy năm trước đây, tôi đã thoát chết trong gang tấc khi tham-dự vào những trận tác-chiến đêm tại Vùng Biển Đen, phía Bắc vĩ-tuyến 17.



Thấm-thoát tôi xuống nhận chức-vụ tại Hội-An được gần hai tháng, kế-hoạch mới của Thiếu-Tá Hải và của tôi đã phần nào có hiệu-quả, lúc đầu địch pháo hầu như cứ hai đêm một lần, ban đầu Việt-Cộng bắn vào khoảng ba bốn trái hỏa-tiến 122 ly hoặc súng cối 81 ly từ phía Tây-Bắc của thành-phố, sau đó mỗi lần vừa bắt đầu pháo-kích, đặc-công địch bị các chiến-đỉnh phản pháo ngay tức-khắc nên im luôn. Rồi sau đó có lẽ sợ khiếp vía, Việt-Cộng chỉ pháo lẻ-tẻ một tuần một lần và trong tuần-lễ qua, lần đầu tiên, dân-chúng thị-xã Hội-An được ngủ ngon giấc vì không phải thức dậy giữa đêm khuya, vợ chồng bỗng bế con thơ chạy xuống hầm trú-ẩn tránh đạn pháo-kích của Cộng-Sản.

Vào một buổi tối không trăng, đầu tháng 5 năm 1969, khoảng 12 giờ rưỡi sáng, Thiếu-Tá Holland, Thiếu-Tá Hải và tôi theo hai giang-tốc-đỉnh, duyên-tốc-đỉnh, một cặp ghe *Yabuta*, nhân-viên bắn sẻ cùng với toán kích của Duyên-đoàn vào kích tại mật-khu Cẩm-Thanh, cạnh căn-cứ Duyên-đoàn 14, mục-đích oanh-kích, tiêu-diệt và

gây hoang-mang tinh-thần cán-binh Việt-Cộng nằm trong bán-đảo này. Tất cả đơn-vị vào vị-trí phục-kích sau khoảng nửa giờ giang-hành, các chiến-đỉnh tắt máy nằm chờ, anh lính bắn sẻ Hoa-Kỳ sẵn-sàng với cây súng nòng dài, đang điều-chỉnh ống nhắm hồng-ngoại-tuyến, chia súng về khóm dừa nước trên bờ sông phía bên trái, nơi nghi-ngờ địch quân xuất-hiện. Tôi lấy chiếc ống nhòm hồng-ngoại-tuyến, quan-sát về phía bờ xa. Bỗng nhiên từ dưới cụm dừa nước, một bóng đen bò lên, rồi đứng dậy, tay cầm một khẩu súng trường. Thiếu-Tá Holland vừa quan-sát trong ống nhòm nhìn đêm, vừa vỗ vai quân-nhân bắn sẻ như ra lệnh; một tiếng “phụt” nghe thật nhỏ từ nòng súng dài, tôi thấy xuyên qua ống nhòm, thân hình của tên Việt-Cộng nhào ngửa về phía sau vì trúng đạn, chết không kịp la, có lẽ não bộ đã bị tan-tành vì viên đạn bắn sẻ xuyên qua đầu hất. Thế rồi từng tia đạn bắn ra từ rặng dừa nước về phía giữa sông “tạch...tạch...tạch”, nước văng lên tung-tóc dưới làn đạn lân-tinh vạch thành vòng cung với tia sáng trong đêm tối mịt trời. Tôi biết địch quân chỉ bắn hoảng, không biết chiến-đỉnh đang nằm sát cạnh bờ, vì thế tôi ra lệnh chiến-đỉnh nổ máy tàu và phản pháo mạnh. Trên tần-số máy *PRC-25* tôi nghe tiếng Thiếu-Tá Hải chỉ-thị các chiến-đỉnh chạy đội hình hàng một, dọc theo bờ đảo Cẩm-Thanh, bắn hỏa-châu sâu vào địa-điểm của địch và tác-xạ về phía tả hạm của đội hình về phía các vị-trí của Cộng-quân. Tiếng súng đại-liên 12 ly 7 trên các giang-tốc-đỉnh, duyên-tốc-đỉnh hòa lẫn với súng tiểu-liên, tiếng “phụt...phụt” của súng cối 60 ly bắn từ các ghe *Yabuta*, súng cối 81 ly bắn trực xạ từ duyên-tốc-đỉnh nghe “đùng... đùng... đùng... tạch...tạch...tạch” xóa tan sự im-lặng của vùng trời Cẩm-Thanh và làm rực sáng màn đêm đang phủ kín muôn trùng.

Cuộc tác-xạ hải-pháo kéo dài trong vòng gần nửa giờ, khi các công-sự chiến-đấu của Việt-Cộng bên cạnh rừng dừa nước tại các địa-điểm phòng-thủ của Cộng-Sản bị phá tan-tành cùng với những xác chết không toàn thân của cán-bộ nằm vùng, tôi ra lệnh cho tất cả chiến-đỉnh ngưng bắn và hải-hành về căn-cứ. Ngày hôm sau và liên-tiếp trong những ngày của tuần-lễ cuối tháng 5, các chiến-thuyền,

chiến-đỉnh của Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm “Hổ Biển” phong-tỏa bán-đảo Cẩm-Thanh, ngăn-chặn sự đào-thoát của quân lính Cộng-Sản ra khỏi mật-khu này cho đến khi hai tiểu-đoàn Địa-Phương-Quân của tiểu-khu mở cuộc hành-quân phối-hợp với Liên-Đoàn, tấn-công và đổ bộ sâu vào đảo Cẩm-Thanh và tiêu-diệt các đơn-vị Cộng-Sản đồn-trú tại mật-khu này vào tháng 6 năm 1969.

Trong một buổi trưa hè tháng 7, khoảng 1 giờ chiều, tôi và Thiếu-Tá Holland đang ngồi nói chuyện tại phòng ăn Duyên-đoàn 14, Sĩ-Quan Hành-Quân đi vào đưa tay lên chào rồi mời tôi xuống phòng hành-quân vì có Thiếu-Tá Hải xin gặp trên máy truyền-tin, Hải đang chỉ-huy bốn chiến-thuyền của Duyên-đoàn tham-dự cuộc hành-quân hỗn-hợp với hai đại-đội thuộc Lữ-Đoàn Thanh-Long Đại-Hàn, tại vùng kiểm-soát của Lữ-Đoàn bạn này. Thiếu-Tá Hải yêu-cầu tôi dùng giang-tốc-đỉnh đi tiếp-cứu hai ghe Chủ-Lực đang bị mắc cạn tại vùng có áp-lực mạnh của Việt-Cộng. Lập tức tôi và Thiếu-Tá Holland, lấy nón sắt, áo giáp và vũ-khí, cùng hai quân-nhân Mỹ trong toán bắn sẻ chạy xuống bến tàu, lên bốn chiếc giang-tốc-đỉnh đang nổ máy sẵn-sàng khởi-hành rồi xả hết máy tiến “full”, hải-hành về phía Tây của căn-cứ, nơi đang xảy ra trận giao-tranh quyết-liệt giữa đơn-vị Đại-Hàn và Cộng-Sản.

Khi đến nơi, tôi dùng máy liên-lạc với Thiếu-Tá Hải, lúc đó đang dùng dây cáp kéo hai chiến-thuyền mắc cạn và được yêu-cầu yểm-trợ về phía trước cho đơn-vị của Thiếu-Tá Hải. Các giang-tốc-đỉnh nổ súng đại-liên 50 vào các vị-trí Cộng-Sản và dưới hỏa-lực hùng-hậu của các giang-tốc-đỉnh, địch hoảng sợ bỏ chạy, để lại xác chết nổi lênh-bềnh bên cạnh đám rong bèo dật-dờ trôi theo dòng nước. Một nhân-viên Mỹ trong toán bắn sẻ lấy dây buộc vào cổ của một xác chết Việt-Cộng, cột sau lái chiếc PBR với ý-định kéo về đơn-vị làm chiến-lợi-phẩm, thích-thú chỉ trở cười đùa với quân-nhân thứ hai; đây là một hành-động dã-man, vô nhân-bản làm tôi nổi nóng và hầm-hầm muốn làm dữ với người lính Mỹ này, đến nỗi Thiếu-Tá Holland phải đến xin lỗi tôi và hứa sẽ có biện-pháp trừng-phạt khi về đến đơn-vị. Chiến-tranh thù hận một lần nữa suýt làm lạc hướng chính-nghĩa và lý-tưởng chiến-

đấu cho tự-do và dân-chủ của toàn-thể quân-nhân và dân-tộc yêu chuộng hòa-bình trên thế-giới vì những thành-phần vô trách-nhiệm, thích cảnh giết chóc và ưa trả thù.

Những chuyến phục-kích đêm với các chiến-đỉnh thuộc Giang-đoàn 57 Tuần-Thám và Hải-Đội 1 Duyên-Phòng đã mang lại nhiều thành-quả tốt đẹp, chặn đứng hoạt-động pháo-kích hằng đêm của Cộng-Sản vào các đơn-vị bạn trong lãnh-thổ Tiểu-khu Quảng-Nam kể từ thượng tuần tháng 6 cho đến cuối tháng 9 năm 1969. Những sĩ-quan trẻ tuổi tài-ba của Hải-Quân Việt-Nam, thuyền-trưởng các duyên-tốc-đỉnh (PCF), đặc-biệt là Hải-Quân Trung-Úy Trịnh-thiếu-Sinh, được các chiến-hữu gọi là “Sinh râu”, đẹp trai cao ráo có bộ râu mép “Clark Gable” quyến-rữ với biệt tài vận-chuyển tàu và lòng quả-cảm gan-dạ mỗi khi chạm địch làm tôi nể-phục và hãnh-diện là người chỉ-huy của vị sĩ-quan tương-lai đầy hứa-hẹn của Quân-Chúng áo trắng này.

Nhiều đêm tại vị-trí phục-kích, ngồi trên *boong* chiến-đỉnh gần sau lái chiếc PCF, trong chiếc áo giáp, đầu đội nón sắt, khẩu M-18, vũ-khí tùy-thân quen thuộc dựng bên cạnh pháo tháp khẩu 81 ly, tôi lắng nghe lời tâm-sự của những chiến-hữu trẻ tuổi, đàn em, những hải-âu vừa rời mái trường Mẹ Hải-Quân tại Nha-Trang, về mộng-ước tương-lai, về cuộc sống hải-hồ trên biển cả đại-dương. Tôi cảm thấy một niềm hy-vọng và vui mừng vì biết Hải-Quân đã có những tài-năng son trẻ nhiều nhiệt-huyết, đầy lý-tưởng có thể gánh vác đại cuộc và duy-trì truyền-thống của Đức Thánh Tổ Trần-Hung-Đạo. Tuy nhiên trước đó tôi cũng đã chỉ-thị cho các thủy-thủ-đoàn chiến-đỉnh không được nấu nướng thực-phẩm phủ-phê do Hoa-Kỳ vừa chuyển giao lại như thịt gà, *beef steak*, ... trong khi đi phục-kích đêm, vì mùi thơm của gà *rô-ti* và mùi tỏi gia-vị ướp thịt nướng sẽ bay xa trong đêm tối gió nhiều và báo động cho Việt-Cộng biết vị-trí của các giang-đỉnh đang thi-hành công-tác, rất nguy-hiểm và làm bại lộ cuộc hành-quân.

Vào trung tuần tháng 8 năm 1969, Thiếu-Tá Holland và tôi nhận được báo-cáo về các máy điện-tử đã được gài trong mật-khu Đồng-Bò đã ngưng phát tín-hiệu, có lẽ vì hết “*battery*” hoặc bị

thiên-hủy vì đạn pháo-binh bạn và cần được thay thế bằng các máy điện-tử mới. Tôi lên gặp Đại-Tá Lê-trí-Tín, báo-cáo sự kiện, đồng thời thông-báo là đầu tuần tới, tôi sẽ chỉ-huy bảy giang-đỉnh, cùng với toán Điện-Thám và tiểu-đội thám-kích của Duyên-đoàn 14, khai-thông giang-lộ nằm về phía Tây-Bắc thị-xã, vào tận Cầu Sập, để toán Điện-Thám vào gài máy dò-thám phía sau mật-khu Đồng-Bò. Để bảo-mật và tránh thiệt-hại cho các đơn-vị hành-quân, tôi xin Đại-Tá Tín chỉ ra lệnh cho Pháo-Binh Tiểu-Khu sẵn-sàng yểm-trợ khi được tôi yêu-cầu trong trường-hợp đơn-vị bị tấn-công bất ngờ bởi lực-lượng đông-đảo của Việt-Cộng. Tôi cũng báo-cáo cho vị Tiểu-Khu-Trưởng biết là Thiếu-Tá Holland đã được chấp-thuận bởi Bộ Tư-Lệnh Hoa-Kỳ tại Đà-Nẵng biệt-phái một phi-cơ quan-sát, bay thường-trực trên đội hình chiến-đỉnh và hai khu-trục phản-lực-cơ F4- *Phantom* sẵn-sàng bay xuống để phụ-trách không-yểm cho cuộc hành-quân.

Sáng ngày D, một duyên-tốc-đỉnh, bốn giang-tốc-đỉnh và hai ghe *Yabuta* khởi-hành từ hậu-cứ Duyên-đoàn 14 khi trời còn chưa sáng, trực-chỉ thượng dòng sông Thu-Bồn qua hướng Đập-Lỡ để tránh tình-báo địch tại các địa-điểm chung-quanh khu-vực sông gần thị-xã Hội-An. Mặt trời vẫn còn say ngủ dưới chân trời xa về hướng cửa biển *Phai-Phô*, trăng lưỡi liềm hạ tuần treo lơ-lửng trên bầu trời lấp-lánh ánh sao đêm. Tôi nhìn lên chòm sao Đại-Hùng to lớn trên đỉnh đầu và sao Bắc-Đẩu nằm chéch về hướng hai giờ, thăm cầu-nguyện Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát như thường lệ mỗi lần tôi sắp đối đầu với gian-nguy trong đời mình.

Vào khoảng 6 giờ rưỡi khi tia nắng đầu ngày bắt đầu rọi sáng dòng sông nhỏ, mặt trời từ từ lên cao qua rặng cây chéch sau lưng phía hữu hạm đội hình, trên không tôi đã nghe tiếng máy bay thám-thính bay ngang qua đầu. Thiếu-Tá Holland cho tôi biết đây là phi-cơ biệt-phái cho cuộc hành-quân đặc-biệt ngày hôm nay. Tôi cảm thấy yên-tâm hơn khi được không-yểm cho một chuyến công-tác đi vào lãnh-hải cấm địa của địch quân, một vùng mà trước đây chưa có một chiến-đỉnh nào dám vào tuần-tiểu. Khi đến "*Check Point Alpha*", nơi xa nhất tại thượng dòng sông Thu-Bồn mà duyên-tốc-đỉnh (*PCF*) có thể vào được, tôi ra

lệnh cho Trung-Úy Hòa, Thuyền-Trưởng chiến-đỉnh này thi-hành chỉ-thị đã được giao-phó từ trước, đó là nằm án-ngũ, yểm-trợ hải-pháo bằng khẩu 81 ly và súng đại-liên 12 ly 7 cho đoàn tàu khi rút lui trở về, duy-trì liên-lạc truyền-tin với lực-lượng hành-quân và Tiểu-Khu cũng như với Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng I Duyên-Hải. Sau đó lệnh "nhiệm-sở tác-chiến" được ban-hành và sáu chiến-đỉnh còn lại theo đội hình "*India*", hàng dọc tiếp-tục giang-hành vào vùng sông tử địa. Hai bên bờ vách tường đất dựng đứng thẳng lên với rừng cây xanh um bao phủ đỉnh đồi, địa-điểm lý-tưởng và thuận-lợi cho các cuộc phục-kích của địch quân. Sông Thu-Bồn uốn khúc về phía trái khi đi sâu vào hướng núi, chim chóc không cất tiếng hót, không-gian im lìm dễ sợ, không một thuyền đánh cá trên dòng sông nước chảy đục ngầu, mọi người chỉ nghe tiếng máy phom-phom của ống phun nước sau lái *PBR*, giang-tốc-đỉnh có thể chạy với vận-tốc tối-đa 25 *knots* khi tác-chiến với hỏa-lực gồm hai cây đại-liên 50 phía mũi và một đại-liên 50 sau lái tàu. Thiếu-Tá Holland chỉ cho tôi vị-trí của hai giang-tốc-đỉnh Mỹ trước đây bị phá tan vì bộc-phá của Việt-Cộng, khi tôi sắp sửa đảo nhậm chức-vụ Chỉ-Huy-Trưởng Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm "Hổ Biển". Trên không chiếc thám-thính-cơ màu xám nhạt vẫn tiếp-tục bay vẫn quanh, quan-sát khu-vực hành-quân, thỉnh-thoảng viên phi-công liên-lạc thử máy truyền-tin và cập nhật tin-tức thám-sát cho Thiếu-Tá Holland.

Với kinh-nghiệm rút tĩa từ những chuyến công-tác đêm ngoài Bắc khi còn phục-vụ tại Lực-Lượng Hải-Tuần, tôi biết chắc, nếu Việt-Cộng muốn tấn-công đơn-vị của tôi, địch sẽ chờ khi các chiến-đỉnh trên đường trở về, nhân-viên mệt-mỏi và lơ-là, chúng sẽ phục-kích và tác-xạ vào đoàn tàu tại những gành cong uốn khúc của sông Thu-Bồn. Tôi nói cho Thiếu-Tá Holland và Thiếu-Tá Hải biết về nhận-xét của tôi và hai vị sĩ-quan nhiều kinh-nghiệm chiến-trường này cũng rất đồng ý và chuẩn-bị đề-phòng. Toán Thám-Kích Duyên-đoàn tháp-tùng theo hai chiến-thuyền *Yabuta*, hỏa-lực gồm có súng cối 60 ly và đại-liên 12 ly 7 với vận-tốc khá nhanh và dễ vận-chuyển được điều-khiển bởi các hạ-sĩ-quan thuyền-trưởng thâm-niên, kinh-

nghiệm trận mạc và gan-dạ nhất của Duyên-đoàn 14. Sáu giang-đĩnh và chiến-thuyền tiếp-tục lộ-trình trên dòng nước sông chảy khá mạnh về phía Hội-An, ra cửa biển *Phai-Phô*. Mặt trời đã lên cao trên đỉnh đầu, gió mát rượi thổi vào mặt tôi, đang trầm ngâm đứng cạnh người cố-vấn Mỹ.

Khoảng 10 giờ, Thiếu-Tá Hải trên ghe *Yabuta* báo-cáo là đã đến địa-điểm án-định và đề-nghị cho hai chiến-thuyền ủi bãi, thả toán thám-kích lên bờ trước để án-ngữ và bảo-vệ cho bốn nhân-viên Điện-Thám thi-hành việc đặt những máy điện-tử tối-tân mới, có tầm hoạt-động rộng lớn rất nhiều hơn các máy gài mấy tháng trước đây tại Đồng-Bò. Tôi chấp-thuận và chỉ-thị các giang-tốc-đĩnh chạy dọc phía trên và phía dưới điểm đổ bộ, quan-sát cẩn-thận để yểm-trợ toán quân trên bờ. Sau đó từ trên *PBR* chỉ-huy, tôi dùng ống nhòm nhìn các chiến-hữu của tôi đang thi-hành nhiệm-vụ. Lần này toán Điện-Thám chỉ đi vào sâu khoảng 100 thước từ bờ, đặt các máy móc gần cạnh con đường đất mòn chạy ngoằn-ngoè theo con sông Thu-Bồn về hướng núi, có lẽ đây là con đường chuyển quân của các lực-lượng Việt-Cộng và đặc-công địch mà Phòng Tình-Báo Bộ Tư-Lệnh Quân-Đoàn I đã ghi-nhận trước đây.

Công-tác đặt máy báo động điện-tử diễn hành thật tốt đẹp và không có biến-cố gì xảy ra làm tôi ngạc-nhiên và vui mừng, tuy-nhiên nổi lo-âu cho chuyến trở về, qua các khúc sông nguy-hiểm, uốn khúc với bức tường đất dựng cao hai bên bờ sông thuận-tiện cho địch phục-kích tấn-công vẫn xâm-chiếm tâm-hồn tôi. Các nhân-viên toán Điện-Thám thu dọn dụng-cụ và chuẩn-bị leo lên ghe *Yabuta* cùng lướt với tiểu-đội thám-kích Duyên-đoàn 14 Hải-Quân. Tôi gọi máy nói chuyện với Thiếu-Tá Phan-tứ-Hải, bàn định kế-hoạch và sắp đặt đội hình các giang-tốc-đĩnh và ghe *Yabuta*. Với kinh-nghịệm chiến-đấu thâm-thập trong hơn hai năm chỉ-huy Duyên-đoàn hành-quân tại vùng Hội-An, Thu-Bồn, Thiếu-Tá Hải đề-nghị chỉ-định cho hai giang-tốc-đĩnh (*PBR*) đi trước mở đường, tiếp theo đó là cặp *Yabuta* với các tay súng cá-nhân, đại-liên 50, súng phóng lựu và súng cối 60 ly, với vận-tốc tương-đối chậm so với các giang-tốc-đĩnh; cuối cùng là hai *PBR* chạy phía sau để yểm-trợ đoàn



Hải-Quân Trung-Tá Phan-tứ-Hải

“convoy” chiến-đĩnh. Ngoài ra Thiếu-Tá Hải còn xin được tác-xạ vào các vị-trí chiến-lược hai bên bờ sông như gành đá, khúc queo, đồi đất cây cối sầm-uất ... để tạo yếu-tố bất ngờ gây hoang-mang cho Việt-Cộng trong trường-hợp địch đang phục-kích sẵn-sàng và chờ đoàn “convoy” chiến-đĩnh chạy ngang qua các vị-trí này. Tôi thông-dịch lại cho Thiếu-Tá Holland biết về đề-nghị và kế-hoạch triệt-thối của Thiếu-Tá Hải mà tôi hoàn-toàn đồng-ý và đã ra lệnh chuẩn-bị khởi-hành. Tôi yêu-cầu Thiếu-Tá Holland gọi máy phi-cơ thám-sát và cho biết dự-định của Hải-Quân, đồng thời báo-cáo về Đà-Nẵng để hai khu-trục phản-lực-cơ F4-*Phantom* sẵn-sàng trong trường-hợp tôi cần không-yểm. Sau đó tôi gọi máy cho Trung-Úy Hòa, Thuyền-Trưởng duyên-tốc-đĩnh án-ngữ tại cuối nhánh sông, chuẩn-bị và sẵn-sàng hải-pháo để bắn yểm-trợ chiến-đĩnh bạn đang trên đường trở về căn-cứ.

Đội hình các giang-đĩnh bắt đầu di-chuyển về phía Nam-Đông-Nam theo hàng dọc, khoảng cách giữa các chiến-thuyền, chiến-đĩnh chừng 75 thước với vận-tốc tối-đa của các ghe *Yabuta* đang tung làn khói mỏng trên dòng sông chật hẹp vào một buổi xế trưa đầu thu năm 1969. Chung-quanh là tường đất dựng thẳng đứng, không-gian như chìm hẳn xuống, không một bóng chim trời giống như

“Thung-lũng tử thần”, tên của địa-danh tại vùng đồi núi “Arizona” trong cuốn *phim* cao-bồi mà tôi đã xem trước đây tại Đà-Nẵng. Mặt trời lấp-ló sau rừng cây trên đỉnh đồi đất, vài tia sáng yếu-ớt cố-gắng len-lỏi qua rặng cây già chiếu xuống lộ-trình các chiến-đỉnh đang lằm-lũi chạy trên dòng sông cạn. Tiếng nói của Thiếu-Tá Hải chọt vang lên trên máy truyền-tin:

- “*Hải-Âu đây Kinh-Ngư, bắt đầu đốt pháo về phía hữu hạm hướng hai giờ, đỉnh đồi, trả lời.*”

Tôi vội-vàng nhắc ống nói của máy truyền-tin và ra lệnh cho các chiến-đỉnh:

- “*Kinh-Ngư đây Hải-Âu, nhận rõ, tất cả Hải-Ngư bắt đầu đốt pháo, phía hữu hạm hướng hai giờ, đỉnh đồi, thi-hành, hết.*”

Thế rồi tôi chỉ-thị thuyền-trưởng chiếc giang-tốc-đỉnh chỉ-huy đang chạy ở vị-trí hai, bắt đầu khai-hỏa. Tiếng súng hải-pháo, đại-liên, tiểu-liên... “tạch...tạch, ùng...ùng” nổ vang dội cả khúc sông Thu-Bồn, các đàn chim quạ từ đâu bỗng giạt mình tung cánh bay tán-loạn trên mặt sông, đất đá, cây lá, gỗ bụi bay mịt-mù trong không-khí oi bức của một ngày cuối hè. Sau gần năm phút các chiến-đỉnh bắn tới-tấp và liên-tục cho đến khi qua khỏi khúc quanh thứ nhất, tôi mới ra lệnh tất cả ngưng bắn vì vẫn không thấy phản-ứng của Việt-Cộng. Mọi người cảm thấy hăng-say trong khói thuốc súng tỏa đầy không-gian, tinh-thần tôi vẫn căng thẳng vì đoạn sông còn dài, chưa đến chỗ hai giang-tốc-đỉnh Mỹ bị đánh đắm.

Tôi gọi máy cho tất cả giang-đỉnh và nhắc-nhở mọi người cẩn-thận đề-phòng, quan-sát thật kỹ-lưỡng hai bên bờ đất, bình-tĩnh chống trả nếu bị tấn-công bất ngờ, tôi tin rằng với kinh-nghiệm hải-nghiệp và chiến-đấu, kế-hoạch chu-đáo của Thiếu-Tá Hải sẽ giúp tất cả chiến-đỉnh và thủy-thủ-đoàn an-toàn. Từ xa, sông Thu-Bồn uốn cong về phía tay mặt, hai bên bờ đất cao vời-vọi là cây rừng rậm-rạp, chạy dài gần hai cây-số đến chỗ giang-tốc-đỉnh Hải-Quân Hoa-Kỳ bị phá nổ trước đây. Tôi gọi máy ra lệnh hai chiếc ghe *Yabuta* bắn bốn quả đạn súng cối 60 ly vào đỉnh đồi hai bên bờ sông. Sau tiếng nổ “phụt...phụt...phụt...phụt” là tiếng “âm...âm...âm...âm” khi các viên đạn *một-chê* rơi xuống lùm cây trên bờ đất cao. Bỗng nhiên

mọi người nghe tiếng nổ “bùng...oành” thật lớn, nước sông văng lên tung-tóe, làm thành chiếc vệt trời, cong vòng đầy màu sắc dưới ánh nắng buổi xế trưa, tôi la lớn vào máy truyền-tin trong khi tiếng đạn đủ loại nghe điếc cả lỗ tai:

- “*Hải-Ngư, Hải-Ngư đây Hải-Âu, coi chừng địch đang bắn B40 ... B40, tất cả đơn-vị tác-xạ, tác-xạ tự-do... nhận rõ thi-hành, hết.*”

Trước mặt tôi, từ đỉnh đồi trên tường đất dựng đứng, những làn khói súng tỏa đầy về hướng các chiến-đỉnh đang bình-tĩnh phản-pháo dữ-dội bằng tất cả hỏa-lực hùng-hậu. Tiếng la ó trên máy truyền-tin xen lẫn tiếng rít của đạn Cộng-Sản rồi tiếng nổ bùng trên mặt nước và tung-tóe lên mặt mũi của tôi. Thiếu-Tá Holland đã gọi máy bay khu-trục phản-lực ngay khi viên đạn B40 nổ cạnh chiếc *PBR* dẫn đầu lúc đoàn tàu chiến chưa đến khúc quẹo của điểm phục-kích. Địch đã khai-hỏa sớm hơn dự-định vì bốn quả súng cối rơi trúng vào vị-trí đặt súng của Việt-Cộng trên ngọn đồi đất hai bên bờ sông. Một chiếc ghe *Yabuta* bị trúng đạn tại đài chỉ-huy, thuyền-trưởng và nhân-viên lái tàu bị thương nhẹ, vẫn tiếp-tục anh-dũng chiến-đấu. Tiếng nói hùng-hôn của Thiếu-Tá Hải nghe khi được khi mất trong máy truyền-tin, đang ra lệnh và hướng-dẫn các ổ súng bắn vào mục-tiêu địch từ ghe *Yabuta* chạy ở vị-trí thứ tư của đội hình. Súng vẫn nổ rầm trời, âm-ĩ đến độ tôi không nghe tiếng Thiếu-Tá Holland báo-cáo là hai phi-tuần khu-trục của Thủy-Quân-Lục-Chiến Hoa-Kỳ đang trên đường bay đến địa-điểm hành-quân và phi-cơ thám-thính đã hướng-dẫn và cho vị-trí địch để máy bay *Phantom* thả bom *Napalm* tiêu-diệt. Mọi người bỗng nghe tiếng động-cơ máy bay thật gần như đang bay qua đầu, rồi hai tiếng nổ “âm...âm” nối tiếp nhau, rung chuyển cả bầu trời như muốn phá tan màng nhĩ, một rừng lửa ngùn ngụt cháy bùng lên trên đỉnh đồi, nơi Cộng-Sản đặt súng bắn xuống đoàn tàu chiến, mùi khói xăng xông lên nồng-nặng làm tôi muốn ngộp thở vì địa-điểm bị phi-cơ Mỹ thả bom quá gần vị-trí các giang-đỉnh, đang tiếp-tục tác-xạ và với hai máy tiến “*full*” chạy ra khỏi vùng địch phục-kích. Hai khu-trục phản-lực-cơ bay trở lại lần thứ hai và bắn hỏa-tiễn không-địa vào vị-trí nằm sâu hơn trong bờ, có lẽ để tiêu-diệt và chặn đường

rút quân của tàn quân Cộng-Sản. Tất cả trận chiến chỉ diễn-tiến trong khoảng gần 20 phút nhưng đối với những chiến-sĩ của Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm “Hổ Biển”, thời-gian này dài như không muốn dứt, họ đã chiến-đấu để sống còn trong một địa-thể và môi-trường không thuận-lợi cho việc tác-chiến của mình khi các giang-đỉnh chạy dưới một thung-lũng và bị địch tấn-công từ hai phía trên bờ cao. Kết-quả là chỉ vài thủy-thủ bị thương nhẹ, một chiến-đỉnh bị hư hại cần phải được kéo về căn-cứ và hàng trăm lỗ đạn chằng-chịt trên các thành tàu bằng sắt và bằng gỗ. Một lần nữa, Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đã cứu nạn cho người lính biển.

Hai tháng sau cuộc hành-quân yểm-trợ toán Điện-Thám Hoa-Kỳ đặt máy điện-tử tại mật-khu Đồng-Bò, tôi nhận lệnh về giữ chức-vụ mới tại Bộ Tư-Lệnh Vùng I Duyên-Hải và bàn-giao chức-vụ Chỉ-Huy-Trưởng Chiến-Dịch “Hổ Biển” cho Thiếu-Tá Hải, người bạn học và cũng là chiến-hữu thân-mến của tôi, Thiếu-Tá Hải tiếp-tục nhiệm-vụ hành-quân ngăn-chặn các đơn-vị Cộng-Sản và bảo-vệ an-ninh lãnh-thổ cho dân-chúng và chính-quyền Quốc-Gia tại tỉnh Quảng-Nam. Riêng Thiếu-Tá Holland, người hùng của Chiến-dịch “Hổ Biển” trở về Hoa-Kỳ sau khi mãn nhiệm-kỳ phục-vụ tại Đà-Nẵng một tháng sau ngày tôi rời Hội-An.

Vào một buổi chiều khi cơn mưa giông cuối mùa thu bắt đầu che phủ thị-xã Hội-An, trên chiếc xe *Jeep* chở hành-trang gồm một xách tay, cái nón sắt và chiếc áo giáp nằm bên cạnh khẩu M18 quý giá thân yêu, tôi nhìn lại thành-phố nhỏ hơn thành-phố Huế của tôi, như thăm từ-giã vì biết mình sẽ

không bao giờ trở lại nơi này, nhưng tôi cũng nhận thức rằng những gì đã xảy ra trong giai-đoạn vừa qua sẽ không bao giờ phai-nhạt trong ký-ức của tôi.

Tôi sẽ không thể nào quên được kỷ-niệm về các chuyến hành-quân phục-kích đêm sống chết trong gang tấc với người chiến-hữu Hải-Quân, những buổi chiều vắng ngồi trong quán nước quen thuộc cùng người bạn học lính biển, bên cạnh ly *cà-phê* đắng, đang phì-phà điệu thuốc lá thơm, rồi với cây đàn *guitar* bên tay trái, cất giọng ca ấm-cúng truyền cảm, hát bài “*Mùa thu chết*”, khi ngoài trời mưa bụi đang bay. Tôi nhớ đến những đêm trăng mười sáu sáng vàng-vạc, ngồi ngắm ánh trăng vàng bên cạnh các chiến-hữu thuộc quân-binh-chủng bạn trên “*Vọng-Nguyệt Lâu*”, căn gác thượng tại nhà của Thiếu-Tá Chỉ-Huy-Trưởng Tiểu-đoàn Công-Binh Chiến-đấu ở Hội-An, thưởng-thức ly rượu *Cognac* nhiều chân tình, Hải và tôi, trong chốc lát bỏ lại sau lưng sự phiền-toái của cuộc đời, quên hết những nguy-hiểm trên trận mạc, chỉ biết say cùng men rượu và tình chiến-hữu giữa những người trai trẻ đang hy-sinh tất cả cuộc đời mình cho lý-tưởng đã chọn, đó là xả thân bảo-vệ lá cờ vàng ba sọc đỏ của quê-hương dân-tộc, ngọn cờ vàng mà đã nhiều lần, Thiếu-Tá Hải và tôi ngậm-ngùi thương tiếc phủ lên quan-tài mang thi-hài của những người lính biển thân-mến vừa tử trận và nằm xuống mãi-mãi trong lòng đất lạnh và vòng tay ấm của Mẹ Việt-Nam. 🇻🇳

Virginia, Mùa hè 30 năm sau





Khinh-tốc-đĩnh của Hải-Quân Việt-Nam

DUYÊN-ĐOÀN 35

BA LẦN ĐUỔI GIẶC

Vũ-bí-Thư – Phạm-công-Dũng

Lúc bấy giờ đúng ba giờ sáng. Ngày 11 tháng 1 năm 1975. Đêm tối đen trên dòng sông lớn, trên con lạch nhỏ quanh hàng rào căn-cứ, một ánh lửa đột-nhiên lóe lên, tiếp theo là những tiếng nổ vang rền. Trong doanh-trại của hậu-cứ Duyên-đoàn 35 quang-cảnh vẫn im lìm. Đã biết trước giây phút này sẽ xảy đến, đã sẵn-sàng đón chờ nên không một ai nhốn-nháo, hốt-hoảng. Mọi người trong tình-trạng sẵn-sàng chiến-đấu, chỉ còn chờ những bóng đen xuất-hiện là súng ta sẽ nổ đòn. Những đạn pháo địch vẫn ào-ạt dữ-dội. Từng cụm khói trắng mờ, từng khối đất và mảnh đạn văng tung-tóe chung-quanh căn-cứ. Đạn pháo địch chưa dứt, chắc-chắn địch chưa xuất đầu lộ diện. Ai còn lạ gì chiến-thuật cố hữu xưa như trái đất của Cộng-quân? Tiễn pháo hậu xung, dùng chiến-thuật biển người tấn chiếm mục-tiêu vừa tàn-phá.

Nhưng lần này chúng nó tệ quá. Pháo bừa-bãi không trúng đích. Rất nhiều trái rớt bên ngoài căn-cứ, trúng vào nhà dân-chúng. Lửa cháy rực đỏ nhà dân lành vô tội. Đạn bay rít tiếng trong tiếng khóc la của những ông bà già, trẻ thơ nửa đêm

kinh-hoàng thức giấc trong khung cảnh thê-lương. Trong hậu-cứ Duyên-đoàn 35 im lìm bao nhiêu thì bên ngoài hàng rào kềm gai phòng-thủ, quang-cảnh lại vô cùng nhốn-nháo. Tiếng đạn pháo-kích địch vẫn vang rền trong đêm.

Sau mối hận thua cay đau nhức với căn-cứ Hải-Quân Tuyên-Nhơn ở Kiến-Tường, Cộng-Sản Bắc-Việt nhất quyết phục-thù với Duyên-đoàn 35 ở Vĩnh-Bình. Từ nhiều ngày trước, tin tình-báo cho biết, hai tiểu-đoàn chính-quy Cộng-Sản không rõ danh-số đang sửa-soạn một cuộc tấn-kích qui-mô vào căn-cứ Duyên-đoàn. Lệnh ứng-chiến toàn diện chỉ cần nhắc lại cho “chắc ăn” bởi vì ở đây, vùng dầu sôi lửa bỏng, lúc nào mọi người chẳng sẵn-sàng.

Duyên-đoàn 35, một thành-phần của Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 31, xưa nay được tiếng là đơn-vị “có hạng” trong tỉnh Vĩnh-Bình, là cái gai trong mắt địch quân. Lần này chúng nhất định phải nhổ cái gai đau mắt ấy bằng lời phao truyền trong khu dân-chúng ở, đây dọa nạt:

- Nếu không lấy được Duyên-đoàn 35, toàn thể lực-lượng Cộng-Sản Bắc-Việt đây sẽ buông

súng đầu hàng.

Lời dọa nạt, bây giờ đang bắt đầu được thực hiện. Lúc 3 giờ sáng của ngày 11 tháng 1 năm 1975, địch pháo như điên. Pháo tàn canh, bằng đủ loại và đạn đạo thật gần. Bích-kích-pháo 82 ly, B.40, B.41 và cả M.79. Lực-lượng Hải-Quân vẫn bên gan tử thủ, không nao-núng. Trong doanh-trại một vài nơi trúng đạn, nhưng không bốc cháy, chỉ sụp xuống, hay “sút mẻ”. Chưa hề gì. Những cái xảy ra tiếp theo trận pháo này mới là đáng kể, là thứ dữ phải ngừa. Nửa tiếng đạn nổ trên đầu. Đột-nhiên tiếng súng lời dần và âm vang mơ hồ tiếng hô, tiếng hét nghe lạnh tanh, đầy chết chóc. Những bóng đen đột-ngột nhô lên bên kia vòng rào kẽm gai phòng-thủ, lao như điên tới gần. Những tiếng hét khác nổi lên, bên này hàng rào. Cũng là những lời xung-sát, nhưng đầy hùng-dũng và cương-quyết. Tiếng súng nổ dồn, đạn lửa đạn xiên như mưa trong đêm tối, điểm nhịp bằng tiếng trọng-pháo ì-ầm.

Cộng-quân điên-cuồng xông tới. Nhưng những người lính của Duyên-đoàn 35 quả-cảm chẳng thua gì. Một chọi mười. Đen nghịt bóng người ở bên ngoài những mắt gai đỏ lửa lại càng là mục-tiêu tốt cho bên ta nhắm đạn, không cần nhắm. Trước mắt những xạ-thủ, từng đợt thân người tung lên rồi rụng xuống toi-bời, không còn dậy nữa. Đến thì ồn-ào ghê-gớm thế, lúc bỏ chạy lại lạng-lẽ như ma. Địch bỗng biến đi theo một mệnh-lệnh hờn đau nào đó. Chiến-trường trở lại lạng-lẽ. Trong không-khí hình như mọi người chỉ còn nghe tiếng lửa cháy trên những mái trú-ẩn tiêu-điều của dân xa xa bên ngoài doanh-trại, hòa với tiếng rên-rỉ của những địch quân chưa tới phút xuôi tay nhắm mắt ngậm hờn.

Dòng sông Vĩnh vẫn lạng-lờ chảy xuôi, nhưng chở theo những xác giặc bỏ chạy cuống cuồng rồi gục chết trên dòng ... Lần thứ nhất Cộng-quân tấn-công hậu-cứ Duyên-đoàn 35, lần thứ nhất Cộng-quân thất-bại. Và lần thứ nhất, giá-trị lời hăm-dọa của chúng bị lung-lay.

Sáu giờ. Hình như bầu trời rạng sáng thêm đôi chút. Một mệnh-lệnh ngắn được ban ra. Dưới sự chỉ-huy của Hải-Quân Thiếu-Tá Phí-ngọc-Khánh, Chỉ-Huy-Trưởng, toán Thám-Báo và một số nhân-viên khác lập tức lên đường rời căn-cứ trên những

chiến-đỉnh nhẹ. Đoàn người lạng-lẽ tiến trong đêm, sau ít phút đổ bộ lên Bãi Vàng B cách bên hông căn-cứ một khoảng đường. Trong cái vắng lặng khác thường lúc sương tan, một người chợt nghe tiếng chó sủa khả-nghi. Hạ-Sĩ Dương-văn-Năm, chiến-sĩ Hải-Quân xuất-sắc của Duyên-đoàn 35, từng đại-diện đơn-vị và quân-chúng về dự ngày Quốc-Khánh 74, có mặt trong toán kích đêm này, là người đầu tiên phát hiện tổ súng 82 của địch. Chúng đang sửa-soạn cho màn pháo-kích mới. Tổ này gần quá, lại nằm vị-trí trọng-yếu, không thể để chúng thành-công được. Phải “dứt ngay”. Toán dạ-kích nhào tới thanh-toán mục-tiêu. Địch bị tấn-công bỏ súng chạy tán-loạn. Nhưng đồng bọn chúng ào đến tiếp-cứ. Hỏa-lực địch vừa đông vừa mạnh. Thiếu-Tá Chỉ-Huy-Trưởng liền cho lệnh rút về. Thượng-Sĩ Quản-Nội-Trưởng vừa rút vừa tiếc rẻ những chiến-lợi-phẩm chưa kịp nhặt. Trên đường về căn-cứ, dưới ánh rạng đông của một ngày vừa trở lại, mọi người nhìn xác giặc rải-rác trên mặt đất, bập-bênh dưới dòng sông.

Buổi sáng qua đi trong chờ đợi của mọi người ... Địch không thấy trở lại, nhưng vẫn nhắc-nhở sự hiện-diện của chúng bằng những trái đạn pháo cầm chừng. Những người lính trẻ ngứa-ngáy chân tay buột miệng chửi thề và thách-thức:

- Ngon thì trở lại đi, bắn điếu đó thấy mực quá.

Lời thách-thức được chấp nhận. Lúc 14 giờ, tin báo về cho biết Cộng-quân đã tấn-công và tràn ngập công-sở xã Hưng-Mỹ gần vùng trách-nhiệm của Duyên-đoàn. Các đơn-vị bạn cố-gắng cố thủ trên những phần đất còn giữ được và kêu gọi Hải-Quân tiếp viện. Thiếu-Tá Chỉ-Huy-Trưởng liền điều-động tức thời một lực-lượng tiếp-cứ. Hải-pháo yểm-trợ tối-đa, những thân tàu rung chuyển vì sức đạn phóng đi dữ-dội.

Địch lại đột-nhiên xuất-hiện, diện đối-diện. Chúng mở màn cho cuộc tấn-công-bằng loạt SKZ 57 ly, bích-kích-pháo 60 ly, B.40, B.41 và đại-liên. Các chiến-đỉnh ào-ạt phóng tới, quây nát vùng ẩn núp của địch. Khi mặt trận lắng xuống, đoàn tàu trở về căn-cứ, đem theo 9 thương dân tị-nạn vừa vượt thoát khỏi vùng Cộng-quân chiếm cứ tại xã Hưng-Mỹ.

Mấy “thằng” Cộng-Sản cũng khá đúng giờ.

Chúng trở lại phục hận chua cay cũng đúng vào giờ đêm hôm trước. Ba giờ sáng ngày 12 tháng 1 năm 1975. Lại tiền pháo hậu xung, cái trò dã-man ấy. Lửa lại bùng bùng trên mái nhà dân. Khói bốc cao thành cột. Gì chứ cái trò giết con người vô tội thì không ai tranh lại với các “đồng-chí”. Các “đồng-chí” cứ đặt súng nhắm bừa, mục-tiêu không hề hấn mà chỉ trúng nhà dân.

Lần này ta phản pháo dữ-dội. Cũng đáp cho đúng lễ tiền khách hậu chủ. Nhất định là phải chính-xác hơn, nên tiếng súng nặng 82 của địch bỗng ngưng im tịt. Khẩu đội này chưa kịp làm mưa làm gió đã vội chết non. Những bóng đen xuất-hiện bên ngoài hàng rào hò hét man-rợ. Bên trong, chiến-sĩ ta ghì chặt tay súng cho đạn bay chụp xuống quân thù. Trận đánh kéo dài hơn nửa tiếng đồng-hồ rồi chấm dứt. Lần thứ hai địch bỏ dở mưu-đô, lần thứ hai địch thất-bại chua cay. Lần thứ hai lời hăm-dọa không thể thực-hiện được và có lẽ chỉ còn là ảo-tưởng trong đầu óc của những kẻ cuồng xâm.

Lại một trùng-hợp kỳ-lạ. Cũng đúng sáu giờ, một cuộc hành-quân lực soát được thực-hiện. Duyên-đoàn 35 bắt tay được với đơn-vị bạn, Tiểu-đoàn 2/10 thuộc Sư-Đoàn 7 Bộ-Binh, tổ-chức hành-quân lực soát các vùng quanh căn-cứ. Ta và

bạn tịch-thu được 40 bánh *Béta*, 5 súng *AK*, 200 bộ đồ trận, một số thiệp Tết và một sơ-đồ tấn-công hậu-cứ Duyên-đoàn 35 của Cộng-quân bỏ lại chạy lấy thân. Nhiều công-sự chiến-đấu của chúng bị lực-lượng hỗn-hợp phá hủy hoàn-toàn. Cuộc hành-quân lực soát lại tiếp-tục lúc 9 giờ ngày hôm sau, 13 tháng 1 năm 1975. Ta tịch-thu thêm một lá cờ, một số băng đạn, lựu đạn cùng quân-trang quân-dụng, và khám-phá hai hầm chứa 10 xác Việt-Cộng đã sinh thúi. Nhiều hầm trú-ẩn của chúng bị san bằng.

Sau hai đợt tấn-công vô hiệu-quả, Cộng-quân đã mở cuộc tấn-công lần thứ ba vào lúc 21 giờ ngày 13 tháng 1 năm 1975. Đánh đêm không thắng thì đánh ngày. Đánh ngày cũng thua lại xoay trò đánh tối. Tiếp theo nhiều đợt pháo-kích dữ-dội bằng bích-kích-pháo 82 ly, B.40, B.41 và M.79, địch tấn-công toàn diện hậu-cứ Duyên-đoàn 35. Đây là trận xả láng của đôi bên. Trận đánh kéo dài thâu đêm, đến 3 giờ sáng hôm sau 14 tháng 1 năm 1975 mới dứt, quang-cảnh thật tiêu-diều sau trận chiến. Khu-vực dân-cư tan nát hoàn-toàn, nhưng hậu-cứ Duyên-đoàn 35 vẫn ngạo-nghe. Những người tử thủ đã thành-công. Bức tường ngăn chặn địch quân chỉ làm bằng kẽm gai không kiên-cố nhưng không sao xuyên thủng nổi. Địch đã rút đi, không trở lại. Đành bỏ cuộc ngậm-ngùi với chiến-bại đắng cay: 105 Cộng-quân bị hạ.

Đánh không thắng thì hàng, chúng đã đại ngôn như thế. Nhưng xưa nay ai chả biết tài khoác-lác của Cộng-quân, cũng như khả-năng nuốt mất tầm mắt tích những gì đã tuyên-thệ. Cho nên chúng đã không buông súng qui-hàng như lời hăm-dọa. Hay đã chết hết, nên chẳng còn tên nào quay gót qui-hàng?

Tình-hình những ngày kế tiếp hoàn-toàn yên-tĩnh. Trận mưa pháo suốt bốn ngày giờ đã tạnh, mọi người thông-thả ngả nón sắt, kéo nhẹ vài hơi thuốc, ăn thông-thả gói cơm gạo xấy cho lòng dịu lại. Đêm không còn tối, trời đã sáng rồi, lần thứ ba



Phó-Đề-Độc Đặng-cao-Thăng thị-sát

Cộng-quân bị bại vào tay những chiến-sĩ Hải-Quân Duyên-đoàn 35 phòng-thủ, lần thứ ba địch cắm đầu chạy chết, đành bỏ dở cuộc xâm-lãng, không còn trở lại.

ĐẾN VỚI NGƯỜI CHIẾN-THẮNG

Duyên-đoàn 35 ba lần đuổi giặc. Tin chiến-thắng về tới Sài-Gòn, người anh cả Quân-Chúng lập tức lên đường đến với người chiến-thắng. Phái-đoàn tháp-tùng có những nhân-vật quan-trọng của Hải-Quân: Tư-Lệnh Vùng III Duyên-Hải, Tham-Mưu-Phó Chiến-Tranh Chính-Trị, Tham-Mưu-Phó Hành-Quân cùng một số sĩ-quan khác. Đúng 10 giờ sáng 16 tháng 1 năm 1975, chiếc trực-thăng chở Tư-Lệnh Hải-Quân và phái-đoàn hạ xuống bãi đáp bên hông căn-cứ. Từ trên trực-thăng trong lúc lượn vòng, nhìn xuống, khu nhà dân-chúng và khu chợ vẫn còn cháy, nghi-ngút khói. Tội ác giết dân của Cộng-quân còn rành-rành chứng-tích. Bên cạnh đó, khu doanh-trại của Hải-Quân vẫn ngạo-nghe phơi mình dưới nắng, tiêu-biểu cho thành-tích tử thủ anh-hùng của những người chiến-sĩ Hải-Quân Duyên-đoàn 35 đó.

Thiếu-Tá Chỉ-Huy-Trưởng đón tiếp Tư-Lệnh Hải-Quân và phái-đoàn vào căn-cứ. Nghe trình-bày diễn tiến trận đánh trong phòng thuyết-trình xong, người anh cả nhiệt-liệt khen ngợi thành-tích chiến-đấu của toàn-thể nhân-viên. Tiếp đó Tư-Lệnh Hải-Quân đi thăm khắp doanh-trại, đến từng vọng gác, vào từng hầm phòng-thủ của căn-cứ. Tại mỗi nơi, Tư-Lệnh Hải-Quân siết chặt tay chiến-hữu, ngợi khen, chỉ dẫn, ủy-lạo tinh-thần của mỗi người. Tư-Lệnh Hải-Quân đã ngợi khen chiến-sĩ xuất-sắc Dương-văn-Năm và chụp chung tấm hình kỷ-niệm với các chiến-sĩ Duyên-đoàn ngay cạnh hầm chiến-đấu.

Đặc-biệt, Đô-Đốc Tư-Lệnh đã nồng-nhiệt khen ngợi em Trần-văn-Đài, sinh năm 1957, con của Thượng-Sĩ Quản-Nội-Trưởng. Mặc dầu còn nhỏ, em Đài đã không hề hãi sợ, phụ giúp tải đạn và chiến-đấu cạnh cha trong suốt bốn ngày Cộng-Sản tấn-công căn-cứ. Không run vì sợ, nhưng em

Đài đã run run cảm-động nhận gói quà cùng bao thư hiện kim của Tư-Lệnh Hải-Quân tưởng thưởng.


Người anh cả ở lại với đám đàn em nửa ngày mới trở về Sài-Gòn, sau khi đã ủy-lạo và khen thưởng xứng-đáng cho những người hữu công.

TỪ TUYỀN-NHƠN ĐẾN VINH-BÌNH

Từ Tuyền-Nhơn đến Vinh-Bình có những điểm tương-đồng bộc-lộ dã-tâm của Việt-Cộng qua âm-mưu tấn chiếm hàng loạt các căn-cứ quân-sự của Việt-Nam Cộng-Hòa trong đó có Tuyền-Nhơn và Vinh-Bình. Tuyền-Nhơn toàn thắng, Vinh-Bình vững-vàng như bàn thạch. Địch quân thất-bại nặng-nề trong mưu-toan tiêu-diệt các đơn-vị Hải-Quân, mà chúng quan-niệm là chiếc xương mấu hóc-hiểm trong cổ họng chúng. Hơn một trăm tên gục ngã bên một tiên-đồn nhỏ của Hải-Quân, người ta hẳn có nhiều cảm-nghĩ và so-sánh trước hình-ảnh đó. Tuyền-Nhơn, Vinh-Bình và gì nữa, cũng vẫn là chiến-tích hào-hùng của Hải-Quân ta.

PHẦN NGỢI KHEN

Trước chiến-tích vẻ-vang của Duyên-đoàn 35, ngày 22 tháng 1 năm 1975, Đô-Đốc Lâm-ngươn-Tánh, Tư-Lệnh Hải-Quân, đã gửi một công-điện cho Phó-Đề-Đốc Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng III Duyên-Hải để chuyển lời ngợi khen nồng-nhiệt đến toàn-thể nhân-viên các cấp đã góp phần vào chiến-công nêu trên.

Tư-Lệnh Hải-Quân cũng thuận cứu xét ân-thưởng xứng-đáng cho các quân-nhân hữu công và xuất-sắc trong chiến-thắng này, đồng thời Đô-Đốc Tư-Lệnh tỏ ý mong-mỏi **“Ý-thức trách-nhiệm, tinh-thần chiến-đấu của toàn-thể nhân-viên các cấp thuộc Duyên-đoàn 35 luôn luôn được duy-trì và phát-triển ngõ hầu thấu-đạt được nhiều thành-quả tốt đẹp hơn nữa trong tương-lai và mang lại vinh-dự chung cho Quân-Chúng”**. 

VÙNG V DUYÊN-HẢI

TRONG

NHỮNG NGÀY TÀN CUỘC CHIẾN

Ban Biên-Tập

CHUYẾN CÔNG-TÁC CUỐI CÙNG THÁNG 3 NĂM 1975

Ấ

ấm sơ-đồ phúc-trình chót được lật qua, Thiếu-Tá Nguyễn-khương-Ninh, Chỉ-Huy-Trưởng Căn-Cứ Yểm-Trợ Tiếp-Vận Năm-Căn nhẹ-nhàng gác cây gậy thuyết-trình lên giá, rồi hướng đôi mắt về phía phái-đoàn thanh-tra. Đầu óc tôi rối bời. Qua các tấm sơ-đồ phúc-trình nhảy múa trong trí nhớ của tôi. Các đường biểu-diễn xanh, đỏ, đen chằng-chịt ấy, tôi đã nhận rõ một điều là đơn-vị này đang ở trong tình-trạng thiếu hụt trầm-trọng về tiếp-liệu. So với bản cấp-số cũng như so với nhu-cầu hiện tại,

mức cung chưa vượt qua được bốn mươi lăm phần trăm. Có một số nhu-cầu khác như truyền-tin, bộ phận thay thế cho các chiến-đỉnh... thì mức độ cung-cấp còn ở mức thấp hơn nhiều, hai chục phần trăm. Vậy mà đơn-vị vẫn phải cáng-đáng, cố-gắng sao cho phần hoạt-động không được thụt dưới mức bảy mươi phần trăm. Tôi buông cái bút lên tập hồ-sơ ghi chép, khép cuốn sổ đó lại. Muốn phá cái không-khí ngột-ngạt, nóng bức trong căn phòng hâm-hấp nắng mái tôn này, tôi hỏi Ninh :

- Ông cho biết, để bảo-vệ thủy-lộ từ căn-cứ ra của biển, thực lực của đơn-vị bạn ra sao, và đơn-vị đã phối-hợp với họ như thế nào ?

Ninh cúi xuống một khắc, rồi ngừng đầu lên nói:

- Trên lý-thuyết, tôi xin nhấn mạnh, trên lý-thuyết thì từ đây ra đến cửa biển, dọc theo hai bên bờ sông có một tiểu-đoàn Địa-Phương-Quân đóng đồn tại Tân-An bảo-vệ. Về phía Hải-Quân, ta có ba giang-đoàn ngày đêm phối-hợp hành-quân với các đại-đội địa-phương của Chi-Khu Năm-Căn. Nhưng trên thực-tế, như quý vị đã thấy,

khi quý vị dùng tàu đến đây ngày hôm qua, mặc dù chúng tôi đã mở cuộc hành-quân khai-thông thủy-lộ, nhưng tàu vẫn bị bắn và bị thiệt-hại tuy nhỏ, một giang-đĩnh bị hư-hại nhẹ, hai quân-nhân bị thương, nhưng về phía địch, thực sự chúng ta không phối-kiểm được chúng đã thiệt-hại như thế nào. Muốn tiêu-diệt các chốt địch dọc theo hai bên sông, ta phải có đủ quân-số để hành-quân truy lùng sau khi phản-pháo, và đặc-biệt là phải có đầy-đủ thuốc khai-quang để làm sạch hai bên bờ sông. Chúng tôi đã nhận thấy nhu-cầu ấy là cần-thiết, nhưng không thể làm được. Tuy là một tiểu-đoàn Địa-Phương-Quân và các đại-đội địa-phương của Chi-Khu Năm-Căn, nhưng mỗi đại-đội không quá bốn mươi lăm người. Quân-số đã thế, đạn-dược lại hao-hụt, nhiều khi chạm địch, họ không dám bắn nhiều, để tiết-kiệm đạn.

Ninh còn nói nhiều lắm, nhưng tôi đã không còn đủ yên-tâm để nghe, để nhớ. Tôi chỉ còn nhận thấy một sự èo-uột, yếu-đuối đến sợ-hãi của các đơn-vị đang phải đồn-trú tại đây. Năm-Căn, giữa lòng đất địch. Tôi thấy cái bề ngoài, vẻ hùng-hổ của các chiến-đĩnh ngày đêm ra vào trên khúc sông này, và cả các đơn-vị bạn nữa, hết như một anh khổng-lô, bị nghiện xì-ke, và giờ thì xì-ke đã hết. Các cố-gắng, hùng-hổ và cố-tinh-táo kia còn được bao lâu. Tôi đã đi thanh-tra nhiều đơn-vị khác. Ở đâu tôi cũng gặp những trở-ngại tương-tự như vậy về tiếp-liệu, nhưng tôi còn nhìn thấy ở các đơn-vị ấy biểu-lộ những niềm tin, biểu-lộ những dũng-cảm, nhưng chưa bao giờ tôi phải chạm trán với sự thực thê-thảm này. Tại sao các đơn-vị của ta lại hóa ra như vậy. Tại sao chúng ta lại sa-sút đến nông-nỗi này. Và làm sao cứu-vãn.

Các câu hỏi ấy cứ quanh-quẩn gây rối trong lòng tôi. Tất-nhiên là không thể trông vào các đề-nghị lên thượng cấp như tôi đã từng viết ra. Tất cả đã nhàm, đã thừa. Và cả chính tôi nữa, cả cái ý-nghĩ đang nhảy múa trong đầu tôi, phải chăng cũng đã nhàm, đã thừa, đã chỉ là con cờ đến lúc không còn cần-thiết nữa ?

Tôi cảm ơn Thiếu-Tá Ninh, và bắt đầu đi thăm viếng đơn-vị. Tôi và một vị sĩ-quan phụ-trách phòng-thủ đơn-vị đi dọc theo phi-đạo. Những mảnh vĩ sắt đã hoen rỉ, chạy dài dưới nắng. Cỏ ấu hai bên

bờ phi-đạo mọc ùa ra nhón-nhờ, và tận cuối phi-đạo là một cái lô-cốt đất. Khi tôi đến gần thì anh lính bắt súng chào. Tôi giơ tay chào lại, và bắt gặp một khuôn mặt già, quen quen, nhưng tôi không biết gặp anh ở đâu. Anh đeo quanh mình anh hai tràng đạn mới tinh như hai bánh pháo. Tay cầm khẩu M.16 trong tư thế sẵn-sàng, nhưng cũng thật là mệt-mỏi. Bên cạnh anh là khẩu M.79 và một thùng đạn. Anh đứng bên bờ đất. Tôi xem quanh lô-cốt. Tôi ghi-nhận tất cả những cái thiếu sót vào cuốn sổ tay. Người sĩ-quan phòng-thủ và anh lính tỏ vẻ lo-lắng nhìn theo những hàng chữ viết tắt tôi ghi. Tôi hỏi anh lính gác:

- Anh gác một mình sao ?

- Dạ...

- Bao lâu?

- Dạ, ban ngày 8 giờ đến 12 giờ, ban đêm cũng 8 đến 12.

Tôi tiếp-tục ghi vào sổ các điều ấy, và hỏi vị sĩ-quan phòng-thủ:

- Từ đây vào trong căn-cứ khá xa, có đến gần một ngàn thước, vậy phương-tiện liên-lạc ra sao?

- Đã có điện-thoại.

- Ông cho tôi coi.

Vị sĩ-quan dẫn tôi vào bên trong lô-cốt. Ở đó, dưới tấm mái tôn đã xiêu vẹo, có một tấm ghế vải, đã cũ, gãy chân, nằm xẹp lép dưới nền đất. Bên đó là mấy vỏ bao thuốc lá Quân-Tiếp-Vụ có vẽ anh lính đang cầm ngang khẩu súng trong tư thế xung-phong, và một vài mảnh báo Quân-Đội đã nhàu nát. Tôi không thấy điện-thoại đâu. Tôi nhìn vị sĩ-quan. Ông ta có vẻ ngượng. Nhưng tôi biết ông ta không thể làm khác. Tôi nói :

- Tôi biết sự khó-khăn của các anh, nhất là vấn-đề này, nhưng thay thế điện-thoại, phải tìm một cách thông-tin khác chứ.

Vị sĩ-quan chỉ "Dạ" rồi ghi vào sổ của ông ta lời tôi khuyến-cáo.

Tôi trở ra đến bên cạnh anh lính gác, anh đang hướng đôi mắt dưới lòng con lạch trước mặt. Ở đó là những cọc thép gai chằng-chịt bao dọc theo phi-đạo và ăn sâu ra mặt nước khá xa. Bên kia con rạch là rừng đước xanh ngắt, lặng-lẽ đến rợn người, chạy dài xa tít tắp tận chân trời. Một cơn gió đưa lại, tỏa hơi mát, và mang theo mùi tanh nồng của



*Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-May
(ảnh chụp lúc là Trung-Úy)*

bùn đất và cây khô. Tôi hỏi anh lính:

- Anh ở đơn-vị này bao lâu ?
- Dạ gần hai năm.
- Hai năm! Sao không xin chuyển-chuyển?
- Dạ, từ khi rút khỏi căn-cứ Cửa Việt năm 1972, em được đổi về đây và ở đây luôn.
- Gia-đình ở đây luôn với anh hay ở nơi khác?
- Dạ ở đây luôn.

Vị sĩ-quan nói thêm:

- Đây là Hạ-Sĩ T., quân-nhân gương mẫu của đơn-vị này.

Anh lính chỉ mỉm cười, nhưng tôi biết có lẽ đã chẳng thể làm khác. Qua giọng nói của anh, tôi biết anh là dân Quảng-Trị, và chắc anh là gốc dân chài lưới, anh đã theo đơn-vị vào đây, và ở đây, như không muốn di-chuyển đi đâu nữa. Ở đây giữa vùng rừng tràm, rừng đước trùng-điệp này, hẳn nhiều lúc anh nhớ đến Quảng-Trị, đến núi non, sông nước quê nhà. Với anh, đây là một quê-hương khác. Với anh, anh đang ao-ước có một ngày trở lại quê xưa. Và tôi nhớ lại cuộc rút quân khéo-léo và đầy can-

trường của các quân-nhân căn-cứ Hải-Quân Cửa Việt vào mùa hè năm 1972.

Tôi nhắc vị sĩ-quan phòng-thủ: Ông nên lưu-ý thật kỹ kế-hoạch phòng-thủ đơn-vị, nhất là khi chúng ta không được đầy-đủ tiếp-liệu như bây giờ. Đặc-biệt hơn nữa là kế-hoạch rút lui khi cần-thiết. Cần phải có kế-hoạch tỉ-mỉ, chu-đáo. Phải nhớ bảo-vệ khu gia-binh, phải có đường an toàn cho họ khi rút ra cầu tàu. Phải có nước ngọt và thực phẩm khô.



Để mở đầu bữa cơm mà đơn-vị khoản-đãi phái-đoàn thanh-tra, Ninh đã nói:

- Xin quý vị dùng tạm bữa cơm nghèo chỉ có cá và tôm. Đây là món thổ-sản dễ kiếm. Nhà nào cũng phải ăn cá và tôm hết. Còn ai bánh lấm mới có rau ăn, dù là rau muống già, hay bầu bí, vì các thứ này “nhập-cảng” từ Rạch-Giá hay Sài-Gòn.

Mọi người cùng cười, nhưng ngay câu nói tếu ấy, Ninh cúi xuống xắn một khúc cá lớn trong một tô canh, môi của Ninh mím lại, xương quai hàm hằn lên, và mí mắt như sụp xuống. Tôi thấy Ninh là hiện thân của một cái gì nhẫn-nại, lo-âu sâu kín và tự nhiên tôi bỗng thấy chán-ngán thế nào. Tôi không ăn ngon được từ phút ấy. Đầu óc tôi cứ quanh-quẩn với những thiếu sót mà đơn-vị đang gặp phải. Tôi đang nghĩ đến khu gia-binh, tôi nghĩ đến anh lính già, muốn yên thân ở nơi góc rừng heo-hút này. Tôi mong là anh không còn phải một lần nào di-tản nữa.

Khi tiệc đã tàn, đêm đã xuống, thì ngoài sân, toán Tâm-Lý-Chiến lưu-động cùng xuống đây với chúng tôi, đang sửa-soạn bắt đầu trình-diễn. Chúng tôi cùng rời phòng ăn ra tham-dự.

Đêm hầu như đặc lại ở bốn bề, chỉ có khu sân đang sửa-soạn trình-diễn là có đèn sáng. Muối bay tới-tấp. Một đống củi đốt lớn ở đầu ngọn gió, nơi góc sân, để xua bớt đám muỗi đi.

Trên sân-khấu, ban hợp-ca đã xuất-hiện. Các cô ca-sĩ mặc áo dài thật đẹp, mặt mày hóa trang trông không còn nhận ra được hình-ảnh các cô gái lẩn-lóc ỏi mưa trên sàn tàu nữa. Các cô đã xuất-hiện như là những nữ thần trước đám sinh linh đói khát là những quân-nhân ngồi bên dưới. Họ ngồi chặt cứng cả một vùng sân rộng lớn. Họ leo lên nóc

các *connex*. Họ trèo lên các bao cát. Họ ở trên các *lô-cốt* nhìn xuống. Họ ngồi im-lặng đến lạ-lùng. Tiếng hát các cô từ vùng ánh-sáng chói lòa trên sân-khấu tỏa ra, lướt-thướt phủ lên các khuôn mặt nhợt-nhòa ánh đèn phía dưới. Tiếng hát vang lên và tỏa ra cả ngoài vùng rừng đước bao quanh. Tôi nghĩ đến anh lính gác ở *lô-cốt* cuối phi-đạo. Anh có nghe được những tiếng hát này hay không. Anh có yên-tâm mà đứng gác không. Tiếng hát đã nức-nở: ... *Anh trở về, có khi là hòm gỗ cài hoa. Anh trở về trên chiếc băng-ca, trên trục-thăng sơn màu tang trắng, em ơi!!!*

Tiếng hát nức-nở như vỡ ra từ nắp áo quan. Tiếng hát như chất chứa bao nhiêu nỗi-niềm cay-đắng có sẵn trong lòng mỗi người có mặt. Tôi nghĩ đến những người lính ở đây đêm nay, tôi nghĩ đến những người du-kích, biết đâu hiện đang rình-rập bên ngoài vòng rào căn-cứ, trong bóng lưng đen thẫm của rừng. Họ sẽ nghĩ gì về cuộc chiến kỳ-lạ và tội-nghiệp này, hồi những thanh-niên đau khổ của cả hai bên chiến-tuyến.

Tiếng hát vẫn tiếp-tục với những bài hát của Trịnh-công-Son, Phạm-Duy, của những nỗi buồn đau trong mấy mươi năm chiến-tranh tích-tụ lại.

Khi cuộc vui đã chấm dứt, đám đông đã tan, tôi nói đùa với Ninh :

- *Ở đây hầu như cái gì cũng cần phải khuyến-cáo cả, trừ một cái...*

- *Cái gì ?*

- *Là cái sân-khấu của đơn-vị. Thật là tốt, rộng, chắc và cao.*

Ninh nghiêng đầu cười :

- *Đâu có. Đơn-vị thụ-hưởng sẵn của Hoa-Kỳ để lại.*

- *Để trình-diễn?*

- *Không. Nguyên là khi Mèo còn ở đây đông, ngày nào cứ ra ngoài là đụng, là thiệt-hại, không nhiều thì ít. Do đó, họ đóng cái bục lớn này để tạm các thi-hài quân-nhân Mỹ, chờ trục-thăng đến bốc.*

Tôi nhìn cái sập sắt. Tôi liền tưởng đến những xác chết nằm kênh-càng ở đó. Tôi nhớ đến Dực, người lính của Giang-đoàn 21 Xung-Phong đã chết, đã chìm, sau đó được vớt lên. Xác chết chơng lên, ửng ra và rỉ-rỉ nước. Tôi nhớ đến các bạn-bè tôi,

mỗi đứa một nơi, đứa binh-chúng này, đứa binh-chúng khác, ít khi gặp lại được nhau. Đôi khi tưởng quên, bất ngờ thấy tên bạn mình hiện lên tối om ở những hàng cáo-phó.



Trước khi rời căn-cứ Hải-Quân Năm-Căn, tôi và các sĩ-quan trong phái-đoàn thanh-tra lại thăm văn-phòng Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng V Duyên-Hải, chào từ-biệt Đại-Tá Nguyễn-văn-May, Tư-Lệnh. Ngoài vẻ nghiêm-túc được thể-hiện qua người Quân-Cảnh đứng gác ngoài văn-phòng, tôi chỉ thấy toàn khu, kể cả Căn-Cứ Yểm-Trợ, Bộ Tư-Lệnh... rất đáng lo-âu và tội-nghiệp. Tôi thấy thương tất cả mọi người ở đây.

Đại-Tá May hỏi tôi:

- *Có cần lưu-ý các đơn-vị gì không?*

Tôi rất từ tốn thưa:

- *Như Đại-Tá thấy, đơn-vị nằm giữa lòng đất địch, nếu có những biến-động lớn như hồi Mậu-Thân, hay Mùa Hè Đỏ Lửa, thì phải hết sức lưu-ý đến kế-hoạch bảo-vệ khu gia-bình, việc di-tản.*

Đại-Tá May cũng rất đồng ý với tôi như thế. Tôi hỏi thăm về Trung-Tá Trần-đình-Trụ, Tư-Lệnh-Phó. Được biết Trung-Tá Trụ đang đi công-tác tại Sài-Gòn.

Sáng hôm sau, chúng tôi xuống tàu trở lại Sài-Gòn. Đơn-vị đã nghi binh cho một toán giang-đĩnh trở ra cửa sông mà hôm trước chúng tôi đã vào. Và quả nhiên toán này đã đụng. Nhưng vì đã dự phòng, nên họ không thiệt-hại gì. Trong khi ấy, tụi tôi và tất cả quân-nhân hoán-chuyển rời căn-cứ Năm-Căn, đi bằng một ngã sông khác.

Trên đường đi, tôi ngồi trong phòng lái của một chiếc giang-đĩnh với vị sĩ-quan trưởng toán. Ở đó, bên cạnh các báo-cáo từ các chiến-đỉnh trong toán gọi về, tôi còn nghe được từ cái *radio* nhỏ, lời Phạm-Huấn tường-trình về cuộc đổ quân tuyệt-vời của các chiến-sĩ Dù xuống phi-trường ngoại-ô Ban-Mê-Thuật để tái chiếm thị-xã này. Phạm-Huấn nói rất rành-rẽ. Nhưng mỗi lúc tôi mỗi thấy trong giọng nói ấy có cái gì hấp-tấp, lo-âu: "*Cho tôi 12 giờ ngày 13 tháng 3 năm 1975 thì*

quân ta đã hạ được 16 chiến-xa của địch. Xác xe tăng địch nằm ngổn-ngang trong đường phố Ban-Mê-Thuật... Phạm-Huấn tường-trình từ Mặt-Trận Quân-Khu 2”.

Mười sáu chiếc xe tăng bị bắn hạ, cố nhiên là phải có gấp ba, gấp bốn số xe tăng khác xuất-hiện. Phải có hàng ngàn lính bộ thấp-tùng. Với một thành-phố nhỏ hẹp như thế, tôi nghĩ thật ghê-gớm. Tôi liên tưởng đến một điều gì kinh-khiếp đang, đã bắt đầu xảy ra. Và tôi theo dõi thật sát tin-tức qua đài phát-thanh. Cứ mỗi lúc số xe tăng địch bị ta bắn hạ lại càng tăng lên, có tới gần bốn mươi chiếc, và tôi đâm sợ. Đùng một cái chiều hôm ấy, đài Quân-Đội không nói gì đến mặt trận ấy nữa. Tôi đợi mãi các tin-tức ở những lần phát tin, nhưng càng đợi càng thấy im vắng. Tôi lắng tai nghe qua cái im-lặng ấy, như thấy được một sự gì bất-ổn, ngổn-ngang đang diễn ra.

CUỘC GẶP-GỠ SAU 25 NĂM XA CÁCH: THÁNG 3 NĂM 2000

Suốt bao nhiêu năm ở hải ngoại, rất nhiều lúc tôi vẫn bị cuốn hút bởi đoạn đời quân-ngũ cũ. Bao nhiêu gian-khổ đã diễn ra. Bao nhiêu khuôn mặt bạn-bè, đồng-đội được nhớ lại. Một trong những nơi, những người mà tôi cứ bâng-khuâng trăn-trở là Năm-Căn, nơi đặt Bộ Tư-Lệnh của Vùng V Duyên-Hải, tất nhiên tôi không thể nào quên được Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-May, Tư-Lệnh Vùng V Duyên-Hải. Và thật tình-cờ, tôi được gặp lại ông, hầu như đúng 25 năm xa cách. Cuộc gặp-gỡ trước là để từ-biệt. Cuộc gặp-gỡ mới đây, để ôn lại những gì đã diễn ra sau 25 năm xa cách ông, nhất là để được biết về giây phút tan hàng, rã ngũ của Vùng V Duyên-Hải ra sao, như thế nào.

ĐÔI HÀNG VỀ VỊ TƯ-LỆNH VÙNG V DUYÊN-HẢI

Cựu Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-May, sinh năm 1933, tốt-nghiệp khóa 5 Sĩ-Quan Hải-Quân Nha-Trang vào năm 1955. Cùng khóa với ông, có những người mà hoạt-động của họ đã in sâu vào sinh-hoạt của lịch-sử: Hải-Quân Đại-Tá Hà-văn-Ngạc, Chỉ-Huy-Trưởng Hải-Đội Đặc-Nhiệm Hải-Quân Việt-Nam chống trả với Hải-Quân Trung-Cộng tại vùng biển Hoàng-Sa; Phó-Đề-Đốc Hoàng-cơ-Minh, một vị tướng lãnh mà lòng can-đảm, khí-tiết đã được anh em Hải-Quân dưới quyền hết lòng ngưỡng-mộ. Một số các vị khác cùng khóa với ông, trong Hải-Quân Việt-Nam đã là những người giữ những chức-vụ quan-trọng như các vị Đại-Tá Nguyễn-công-Hội, Phan-phi-Phụng, Trần-bình-Phú, Vũ-trọng-Đệ, hoặc các vị Trung-Tá Trịnh-kim-Thanh, Trần-văn-Lâm là hai hạm-trưởng phóng-lôi-hạm đánh ra Bắc đầu tiên của Lực-Lượng Hải-Tuần. Tất cả khóa 5 Sĩ-Quan Hải-Quân, có 23 người.

VỊ-TRÍ ĐỊA-DU, TỔ-CHỨC VÀ NHIỆM-VỤ CỦA VÙNG V DUYÊN-HẢI

Vùng V Duyên-Hải, Bộ Tư-Lệnh đóng tại Năm-Căn, thuộc tỉnh An-Xuyên. Trực thuộc Vùng V Duyên-Hải, có các đơn-vị cơ-hữu sau đây:

- Căn-cứ Hải-Quân Năm-Căn, cũng là nơi đặt Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng V Duyên-Hải.
- Tiền-Doanh Yểm-Trợ Tiếp-Vận Năm-Căn, đồn-trú chung doanh-trại với Căn-Cứ Hải-Quân

Năm-Căn.

- Duyên-đoàn 36 đóng tại Long-Phú, tỉnh Ba-Xuyên.

- Duyên-đoàn 41 đóng tại Hòn Khoai còn có tên là hải-đảo Giáng-Tiên, tên trên hải-đồ là Poulo Obi.

- Đài Kiểm-Báo 401 đặt trên núi Hòn Khoai bên cạnh hải-đăng trên đỉnh núi này.

- Hải-đội V Duyên-Phòng.

- Giang-đoàn 43 Ngăn-Chặn.

- Giang-đoàn 65 Tuần-Thám.

Ba đơn-vị sau này đồn-trú chung doanh-trại Căn-Cứ Hải-Quân Năm-Căn.

Ngoài các đơn-vị cơ-hữu trên, một chiến-hạm thuộc Hạm-Đội được tặng-phái cho Vùng V Duyên-Hải để tăng-cường hoạt-động duyên-phòng và yểm-trợ chiến-đỉnh, chiến-thuyền thuộc Hải-đội 5 Duyên-Phòng, Duyên-đoàn 36 và 41 trong khi hoạt-động dọc duyên-hải.

Đơn-vị tặng-phái gồm:

- Một tiểu-đoàn Địa-Phương-Quân đóng tại Tân-An, cách cửa Bồ-Đề khoảng hơn 10 cây-số.

- Hai trung-đội Pháo-Binh 105 ly, một đóng tại Bộ Tư-Lệnh Vùng V Duyên-Hải, một đóng tại Tân-An.

Vùng V Duyên-Hải có nhiệm-vụ giữ-gìn an-ninh thủy-trình các sông ngòi liên-hệ trong ba tỉnh Ba-Xuyên, Bạc-Liêu, An-Xuyên và phối-hợp hành-quân với các đơn-vị bạn trong lãnh-thổ liên-hệ. Về mặt duyên-hải, vùng trách-nhiệm của Vùng V Duyên-Hải từ cửa sông Định-An, mặt Đông Cà-Mau, bao vùng xuống Hòn Khoai và ngược lên phía Tây Cà-Mau, tới Hòn Đá Bạc. Như thế, Vùng V Duyên-Hải, vừa có trách-nhiệm duyên-hải, vừa có trách-nhiệm lãnh-thổ. Một lãnh-thổ dày đặc cây rừng và nằm sâu trong lòng đất địch, với những con sông uốn khúc đầy hiểm-nguy: sông Bảy-Hạp, sông Cái Nháp, sông Cửa Lớn, Ngã Cái Tàu, rạch Ông Trang. Các cửa sông đã từng được nhắc đến bởi các cuộc đụng-độ với địch, cũng như với các tàu của Cộng-Sản xâm-nhập và đã bị Hải-Quân Việt-Nam săn đuổi và đánh chìm tại cửa sông Gành-Hào, cửa Bồ-Đề, liên-hệ đến các mặt-khu của vùng U-Minh hung-hiểm.

Như thế, một cách tổng-quát, Vùng V Duyên-

Hải thống-thuộc Bộ Tư-Lệnh Hải-Quân về hệ-thống chỉ-huy hàng dọc, và Quân-Đoàn IV về địa-dư, nhưng cụ-thể là phối-hợp với Sư-Đoàn 21 Bộ-Binh và các đơn-vị bạn tại địa-phương vùng này về hành-quân và an-ninh lãnh-thổ.

Sau 25 năm gặp lại, vị cựu tư-lệnh Vùng V Duyên-Hải, Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-May, bề ngoài đã là một con người khác, khác rất xa mà chúng tôi đã thấy 25 năm cũ. Giữa khi chúng tôi bắt đầu cuộc nói chuyện, có những người gọi đến, lời lẽ ông đối-đáp nhẹ-nhàng khiêm-tốn nói về hoàn-cảnh của gia-đình. Bà May, bán thân bất-toại, đang nằm bệnh-viện, vì bị ngã gãy xương hông. Trong căn phòng khách nhỏ, ngăn-nấp, nhưng mọi đồ vật đều đơn-sơ, phù-hợp với vẻ đơn-sơ khiêm-tốn của chính ông. Ông nói:

- Trước năm 1963, vùng này là vùng bất trị, mật-khu của tụi nó. Đầu năm 1963 (ngày 3 tháng 1 năm 1963), Hải-Quân mình mở đầu cuộc hành-quân Sóng Tình-Thương, mục-đích là tái chiếm Năm-Căn, nhưng đó cũng là cuộc hành-quân hỗn-hợp đầu tiên do Hải-Quân mình chủ động và điều-hợp. Lúc ấy Đại-Tá Hồ-tấn-Quyền, Tư-Lệnh Hải-Quân, đích thân chỉ-huy, có các vị phụ-tá như Đình-mạnh-Hùng, Nghiêm-văn-Phú (hai vị này sau là Phó-Đề-Đốc). Ngoài các đơn-vị cơ-hữu của mình còn có các đơn-vị Thủy-Quân Lục-Chiến tham-dự là thành-phần đở bộ. Sau đó Hải-Quân mình lo bình-định lãnh-thổ và thiết-lập quân Năm-Căn. Nhưng, thắng-thắn mà nói, tuy có qui-tụ được một số dân, nhưng áp-lực địch xung-quanh và cũng rất nặng-nề. Tàu mình ra hay vào đều phải mở cuộc hành-quân an-ninh thủy-trình. Tới năm 1966, Mỹ ồ-ạt vào Việt-Nam. Tại Năm-Căn, Mỹ lập căn-cứ nổi Seafloat, làm bến đậu cho các chiến-đỉnh, sân bay trực-thăng. Đó là hậu-cứ xuất phát để mở các cuộc hành-quân bắt đầu là Năm-Căn lan rộng ra các vùng lân-cận. Rồi tới năm 1969 Mỹ rút, trao lại cho Hải-Quân mình. Mỹ đến thì đến ào-ạt. Đi thì cũng đi thật nhanh.

Được hỏi, như thế mục-đích của việc chiếm đóng Năm-Căn làm gì?

Lưỡng-lự khá lâu, vị cựu Tư-Lệnh Vùng V Duyên-Hải nói:

- Nhìn tổng-quát, mình có thể thấy việc chiếm

cứ Năm-Căn, giữa lòng đất địch có những mục-đích sau đây: Năm-Căn là vùng rừng được âm-u, những khúc sông nguy-hiểm, là sào-huyệt dưỡng quân. Như thế, ở giữa lòng địch, dù gặp rất nhiều áp-lực, đầy cam-go nguy-hiểm, nhưng sự hiện-diện của ta, phối-hợp với chánh-quyền yểm-trợ công-tác bình-định, đã gây khó-khăn rất lớn cho địch. Địch không có lúc nào yên để dưỡng quân, sắp xếp các chiến-dịch to lớn mà không bị ta làm khó dễ. Và như ai cũng biết, hàng tháng, phát xuất từ Sóc-Trăng, qua các thủy-lộ huyết-mạch và nguy-hiểm, đoàn giang-vận vẫn đi lại đều hòa từ Sài-Gòn đến Sóc-Trăng và ngược lại. Bao nhiêu ngàn tấn lúa, than, cá tôm từ đây tiếp-tế cho Sài-Gòn. Và bao nhiêu tấn phẩm vật, nhiên-liệu từ Sài-Gòn là nguồn tiếp-tế cho các tỉnh thuộc vùng Cà-Mau và phụ-cận, quan-trọng lắm chứ.

Người viết rất đồng ý với nhận xét của Đại-Tá May, một nhận xét tổng-quát, vượt ra ngoài trách-nhiệm thuần-túy quân-sự. Được hỏi ai là những vị tiền nhiệm ở chức-vụ này, Đại-Tá May, đỡ cặp kính mắt và nói:

- Tôi không nhớ hết đâu. Một thời, Năm-Căn còn là một căn-cứ nhỏ, được sự chỉ-huy của Hải-Quân Đại-Ủy Nguyễn-văn-Tuyên. Sau đó, lúc Năm-Căn trở thành một căn-cứ lớn, nơi đặt Bộ Tư-Lệnh Vùng V Duyên-Hải, thì có các ông Đại-Tá Phạm-mạnh-Khuê. Sau ông Khuê là Đại-Tá Nguyễn-công-Hội. Ông Hội ở chức-vụ cũng khá lâu từ năm 1973 đến năm 1974. Sau chót là tôi, Nguyễn-văn-May, từ 1974 đến lúc tan hàng.

Như thế, trong thời-gian từ năm 1974 đến tháng 4 năm 1975, thời-gian chót của cuộc chiến, Mỹ đã không còn cung-cấp đầy-đủ các cơ-phận, cũng như nhiên-liệu như các năm trước. Nói một cách cụ-thể, như lời Tổng Thống Thiệu: “Ta phải chiến-đấu với hoàn-cảnh của con nhà nghèo....” Người viết đã nêu ý này với Đại-Tá May, ông thông-thả đáp:

- Tất-nhiên khi thượng cấp giao-phó trách-nhiệm, mình đâu có thể từ chối. Thôi thì liệu cơm gắp mắm với tinh-thần trách-nhiệm cao và cố-gắng tối-đa vậy chứ sao. Một cách cụ-thể, trong công-tác bảo-vệ an-ninh thủy-trình, ta phải thay đổi qui luật hoạt-động và chiến-thuật để lừa địch,

đánh địch được khi bị tấn-công. Tôi chỉ-thị cho các chiến-đỉnh áp-dụng chiến-thuật cóc nhảy. Tôi còn nhớ vào tháng 8 năm 74, trong một cuộc hành-quân an-ninh thủy-trình cho một hải-vận-hạm LSM vào tiếp-tế Năm-Căn. Lần này tôi nghĩ nếu nó tấn-công thì mình sẽ được, tôi dùng 8 giang-tốc-đỉnh PBR, mỗi chiếc chở hai binh-sĩ Địa-Phuong-Quân và phải nằm núp kín bên trong tàu từ khi rời căn-cứ xuất phát cho đến khi ra gần cửa sông Bồ-Đề. Khi LSM bắt đầu vào cửa Bồ-Đề, các PCF và các giang-đỉnh Giang-đoàn 43 Ngăn-Chặn hộ-tống trước và sau LSM như thường lệ, còn 8 chiếc PBR có chở Địa-Phuong-Quân phải đi phía sau LSM khoảng 1 cây-số. Khi LSM bị địch tấn-công, chiến-hạm và chiến-đỉnh vừa phản-pháo vừa tiếp-tục chạy. Tức thì các PBR phía sau được điều-động tăng vận-tốc tối-đa và đổ bộ ngay vào mục-tiêu. Bị phản-công bất ngờ và nhanh lẹ, toán Việt-Cộng phục-kích hoảng-khiếp bỏ vũ-khí chạy lầy người, và bị thanh-toán thật dễ, ta hạ được 3 tên và tịch-thu 1 đại-bác 75 ly, 1 B-41 và 5 AK-47.

Vấn lời Đại-Tá May:

- Là sĩ-quan thì vấn-đề tự-trọng, trách-nhiệm, mình phải cố-gắng trong chức-vụ được giao-phó, còn đại đa-số nhân-viên thì phải nói là thành-phần bất-hảo mới bị đổi xuống đấy. Ấy, trên căn-bản là thế. Sống giữa sự nguy-khốn, cô-đơn, xa gia-đình. Ở đó nổi vui mừng nhất là được về phép. Tôi ra lệnh cho các đơn-vị phân chia ngày phép cho nhân-viên, nhất là đề cao các gương kỷ-luật, những thành-tích công-tác mà cấp giấy phép. Rồi trong các lần sinh-hoạt với tất cả nhân-viên các đơn-vị, tôi cũng thật lòng mà nói:

“Anh em cũng như tôi, đâu có ai muốn phục-vụ ở nơi xa xôi hẻo-lánh. Muốn rời đây nên cùng nhau gắng sức chu-toàn công-tác, để khi được đổi đi, mình còn lành-lặn mà về với vợ con chứ.” Nói thế là tất cả sự chân-thành, anh em như hiểu lòng tôi, sự rượu chè, bữa-bãi ít dần.... Đó là sự gắn-bó của tất cả anh em các cấp tại nơi địa-đầu nguy-hiểm này.

Vấn lời Đại-Tá May:

- Đây là đâu lưng nhau mà sống. Anh em các cấp đã chu-toàn nhiệm-vụ được giao-phó. Như Đại-Ủy Trần-văn-Bảy trên đài kiểm-báo 401 tại

Hòn Khoai, lúc nào tôi gọi cho biết vị-trí các tàu bè của mình trong vùng trách-nhiệm, anh Bảy đều sẵn-sàng có ngay. Như vào khoảng tháng 2 năm 1974, toán giang-đỉnh Giang-đoàn 43 Ngăn-Chặn hoạt-động tại Tân-An, đang ủi bãi tại đồn, bị đặc-công-thủy đặt mìn thời chính vào thành tàu LCM, bên trái phần chìm dưới nước. Rất may một nhân-viên giang-đỉnh khám-phá kịp thời. Với tinh-thần phục-vụ cao độ và thật là can-đảm, nhân-viên này lặn xuống nước, men theo thành tàu gỡ được quả mìn và mang lên bờ, bỏ vào cái hố đã đào sẵn ngoài rào phòng-thủ của đồn. Toán tháo gỡ đạn-dược ở Quân-Đoàn IV được trực-thăng-vận xuống đồn Tân-An để phân loại và vô-hiệu-hóa mìn. Thật là một hành-động rất đáng ca ngợi cho nhân-viên Hải-Quân gan dạ này.

Vấn lời Đại-Tá Nguyễn-văn-May:

- Còn nói về sự nguy-hiểm thì thiếu gì. Nhớ làm sao cho hết. Như hôm 21 tháng 4 năm 1975, lúc sắp tàn cuộc chiến, chiếc LSM do Thiếu-Tá Lễ (không nhớ họ) khi được hộ-tống vào Năm-Căn đã không thi-hành đúng huấn-thị giang-hành, không kiểm-soát nhân-viên chiến-hạm cũng như nhân-viên quá-giang, để họ ỷ-y đứng trên boong tàu trong vùng nguy-hiểm. Việt-Cộng dùng B-41 bắn có một trái, làm 8 người chết và hơn 10 người bị thương. Còn nói về đặc-công-thủy của địch, phải nói đây là mối lo ngại rất lớn của ta. Lựu-đạn MK-3 thả đều đều, suốt cả ngày đêm, sơ sẩy ra là có tàu bị gài thủy-lôi.

VẤN-ĐỀ DI-TẢN VÀO GIỜ PHÚT CUỐI

Trong Hải-Quân, hầu như tất cả các đơn-vị có phương-tiện di-chuyển, các vị chỉ-huy-trưởng đại đơn-vị ở Sài-Gòn và vùng phụ-cận, đều được thông-báo, sẵn-sàng chiến-đấu, nhưng cần ra đi là đã sẵn-sàng. Việc này đã không xảy ra với vị Tư-Lệnh Lực-Lượng Thủy-Bộ, Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-bá-Trang, và vị Tư-Lệnh Vùng V Duyên-Hải, Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn-văn-May. Người viết đặt câu hỏi này với Đại-Tá May, ông ngồi tư-lự rất lâu, rồi thông-thả nói:

- Thật không biết lý-do nào là chánh. Hôm cuối tháng 4 năm 1975, nghe đài, tìm hiểu thấy đất nước thật quá nguy-ngập. Tôi có cho Trung-Tá Trụ, Tư-Lệnh-Phó, về Sài-Gòn xem tình-hình ra sao. Gia-đình ông Trụ và gia-đình tôi đều có mặt tại Năm-Căn. Tối 29 tháng 4 năm 75 tôi ra Hòn Khoai, đem theo cả gia-đình tôi và gia-đình ông Trụ. Tôi chỉ-thị cho các đơn-vị là sẽ có quyết-định sau, và bằng mọi giá chúng ta sẽ đem hết lực-lượng rời Năm-Căn. Đêm 30 tháng 4 năm 1975 tôi vẫn còn ở đây. Mà lúc ấy sao lạ quá. Đầu óc tôi bỗng tối sầm lại. Tôi chỉ-thị cho các đơn-vị rời khỏi Năm-Căn vào sáng ngày 1 tháng 5 năm 1975. Hẹn anh em lại, nêu ý-kiến đi hay ở. Đa-số anh em, phần lớn là không có gia-đình bên cạnh, đều muốn về thăm vợ con, rồi tính sau.

Vấn lời Đại-Tá May:

- Có lẽ tại ở Năm-Căn buồn quá, nhớ nhà quá, ai cũng chỉ nghĩ đến gia-đình mà thôi. Lúc ấy tôi sẵn phương-tiện trong tay, tôi đi là được, dễ lắm chứ. Song nghĩ lại, khi chế-độ vững-vàng, mình chỉ-huy anh em. Bao nhiêu tháng cùng nhau chia ngọt xẻ bùi, sống chết có nhau, bây giờ là giây phút khó-khăn nhất cho đất nước, tôi thấy lo-lắng và bất-nhẫn, nếu bỏ anh em lại Năm-Căn, Việt-Cộng sẽ vào tàn-sát tất cả, không thể xử-thế như vậy được. Lại nghĩ, sang Mỹ làm sao sống đây. Làm nghề gì để sống. Nếu tất cả anh em muốn về, thế là mình cùng ở lại.

- Lúc ấy lực-lượng của Vùng V Duyên-Hải còn lại như thế nào?

Đại-Tá May nhắm tính.

- Tại điểm hẹn của Bảy-Hạp, Thiếu-Tá Khải, Đại-Úy Ba, Trung-Tá Ôn, Thiếu-Tá Ninh, phần lớn sĩ-quan và nhân-viên các cấp bình-tĩnh cùng nhau điều-động đưa gia-đình về Hòn Tre. Tàu bè của mình lúc ấy: PCF có từ 15 đến 20 chiếc, PBR 20 chiếc. Tàu của Giang-đoàn 43 Ngăn-Chặn là 15 chiếc, 1 LCM của Tiền-Doanh Yểm-Trợ Tiếp-Vận Năm-Căn. Tổng-cộng độ 50 chiếc tàu đủ loại tất cả. Đoàn tàu này ghé Duyên-đoàn 44 tại Hòn Tre, và trao cho tụi nó tại đây.

Vẫn là Đại-Tá May kể:

- Bảy Hồ, trung-đoàn-trưởng Việt-Cộng có mặt tại đây. Y nói: “Anh em đã về đây, chánh-

phủ cách-mạng rất hoan-nghênh...” và ra lệnh tập-trung chúng tôi vào các rạch nhỏ ở xã Tây-An. Tụi nó chia mình ra ở những nhà dân. Dân cho ăn, rất là tử-tế. Từ đó, tụi nó đưa anh em mình về trại nữ tù-nhân chính-trị tại Bình-Thủy. Ở đây tôi gặp Đại-Tá Nguyễn-bá-Trang, Tư-Lệnh Lục-Lượng Thủy-Bộ. Từ đó là một chuỗi những ngày tù liên-tiếp, từ Nam ra Bắc, từ Long-Giao, đến Hoàng-Liên-Son, Hà-Son-Bình rồi Hà-Nam-Ninh.... Mãi tới tháng 2 năm 1988 tôi mới được thả, vị chỉ tất cả 13 năm tù.

Khi Đại-Tá May ở Hòn Khoai, ông chỉ liên-lạc với Hải-Quân Trung-Tá Nguyễn-văn-Ôn, Chỉ-Huy-Trưởng Hải-Đội 5 Duyên-Phòng, xử-lý chức-vụ Tư-Lệnh-Phó Vùng 5 Duyên-Hải và Thiếu-Tá Khải. Ông May nói:

- Ôn ơi, anh và anh Khải cố lo cho chu-toàn, đưa tất cả ra ngoài biển.

Tất cả đoàn tàu trên 50 chiếc, rời Năm-Căn lúc 12 giờ đêm. Ôn ra lệnh đốt các tài-liệu mật. Đám lửa bập-bùng. Tất cả nhân-viên tại căn-cứ Năm-Căn đã xuống tàu hết. Chia đều, mỗi tàu không được chở quá 30 người. Khi đoàn tàu đã sẵn-sàng, Ôn cùng một người lính đi một vòng doanh-trại. Tất cả trống vắng đến rợn người. Chỉ có hai gia-đình ở lại, không đi, vì “không biết đi đâu hè.” Ôn bước xuống chiếc PCF. Sau đó là Ninh, Thiếu-Tá Nguyễn-khuông-Ninh. Tàu cởi giây tách bến. Trên bờ hai con chó của Ninh vẫy đuôi cuống-quýt, kêu lên ư-ừ.

Suốt lộ-trình từ Năm-Căn ra sông Cửa Lớn, địch bắn quấy rối vài lần, không gây thiệt-hại gì. Đàn bà, trẻ con ngồi kín dưới lòng tàu. Tối sáng, đoàn tàu đã ra đến Cửa Lớn. Tại đây, đoàn tàu gặp Đại-Tá May, Tư-Lệnh, lênh-đênh chờ đó. Nghe đài, Sài-Gòn đã đổi chủ. Gọi máy liên-lạc các nơi, vắng ngắt. Cho tới chiều, gặp mấy ghe câu từ biển về, sau lái các ghe ấy còn cắm cờ VNCH, anh em Hải-Quân mừng rỡ gọi lại hỏi tình-hình. Họ không biết gì vì: “Đi biển đã mấy hôm, có radio đâu mà nghe.” Biển êm, đoàn tàu tụ lại, đông như một cái

chợ nổi. Kể cả quân-nhân và gia-đình, gần 1500 người. Ngoài anh em Hải-Quân ra, bên Bộ-Binh có Thiếu-Tá Niệm, Quận-Trưởng Năm-Căn, và một số anh em trong pháo-đội 105 ly cùng đi theo.

Trưa ngày 1 tháng 5, cho gọi đại-diện các tàu sang chiếc PCF họp. Vẫn theo lời kể của Ôn:

- Ông May bảo: Thôi anh họp đi. Theo ý đa-số.

Ôn, đại-diện cho Đại-Tá May họp, cho các cấp nhỏ nói trước: đi hay ở. Đi thì đi đâu. Sau nhiều bàn-cãi, nhất là bốn phương đều lạnh ngắt, chẳng còn liên-lạc được với đơn-vị nào của ta cả. Lương-thực thì đã bắt đầu cạn, nên đa-số đồng ý là vào Hòn Tre, giao cho tụi nó rồi ai về nhà nấy. Một số tàu tách ra đi hướng Tây, thẳng qua Thái-Lan. Một vài chiếc đi thẳng vào Rạch-Giá.

Trước khi vào đảo, vẫn lời thuật lại của Ôn, tất cả các súng ống to, nhỏ, đều được lệnh tháo cơ bả vít xuống biển. Lên đảo, theo lời thuật lại của Ninh, tụi nó, Việt-Cộng, lèo-tèo có mươi đứa. Một số anh em thấy thế, nóng mặt bảo:

- Làm thật tụi nó đi ông thầy, để ợt à.

Ninh nói:

- Thì được, rồi đi đâu?

Thế là lần lượt từ Đại-Tá May, tới mọi người, tháo lon để vào mặt bàn của tên đại-diện Việt-Cộng. Đại-Tá May và Trung-Tá Ôn, bị tụi nó giữ lại, rồi đưa thẳng qua các trại cải-tạo. Các người khác tụi nó viết cho mấy chữ lèo-ngòè, cho về.

Đại-Tá May thì tù 13 năm như trên đã nói. Ôn và Ninh cũng tương-tự. Riêng Ninh, sau đó, 10 năm tù ra, còn thêm mấy năm tù nữa, vì hơn 10 lần vượt biên thất-bại. Cả Ôn và Ninh, hiện đang ở Úc. Người sĩ-quan trẻ lúc ấy là Ninh, lúc này, vừa làm tiệc “lên lão 60”. Ở Úc, cứ 60 là họ cho về, như lính đến tuổi thì cho giải-ngũ. Cuộc đời bao giông-tổ, thoáng cái, tóc đã bạc, tất cả như một giấc mơ. Giấc mơ buồn-bã. Không biết trong hai gia-đình ở lại, không đi, có gia-đình anh Hạ-Sĩ T., đến từ Căn-Cứ Hải-Quân Cửa Việt?

VÀI KỶ-NIỆM VỚI NGƯỜI BẠN CÙNG KHÓA: PHÓ-ĐỀ-ĐỐC HOÀNG-CƠ-MINH

Trong khóa 5 Sĩ-Quan Hải-Quân, người được biết đến nhiều nhất, chắc-chắn là Phó-Đề-Đốc Hoàng-cơ-Minh. Là người bạn cùng khóa chắc-chắn Đại-Tá May phải có một số kỷ-niệm, một vài suy-nghĩ về ông Minh. Vấn-đề ấy được đặt ra, Đại-Tá May ngồi lặng-lẽ một lúc, rồi vào phòng trong lấy ra một bao thư vàng, mở ra, la-liệt những hình-ảnh cũ. Ông nói, bà xã tôi cất hết, không mất một cái nào, từ ảnh gia-đình đến ảnh trong quân-đội. Ông chìa tập hình ra, một tấm ảnh lớn, gồm các sinh-viên sĩ-quan cùng khóa, mặc đại-lễ. Kéo lại cặp kính mắt, ông nói:

- Đây, ông Minh đây này. Hồi đó chưa để râu.

Hớp một ngụm nước, ông nói:

- Phải nói là ông Minh là một người đặc-biệt. Làm gì cũng tha-thiết, hơn người. Kể cả lon Phó-Đề-Đốc, các lon khác hầu như ông đều lên lon trước anh em cùng khóa, do các công-tác đặc-biệt, các chiến-công mà có. Đặc-biệt, khi Mỹ

giao Lực-Lượng Thủy-Bộ năm 1970, một lực-lượng hùng-mạnh nhất của Giang-Lục, kế nhiệm các vị Phó-Đề-Đốc Đình-mạnh Hùng và Đại-Tá Nguyễn-văn-Thông. Ông Minh làm Tư-Lệnh, là người quản nạt U-Minh Thượng, U-Minh Hạ, và ông đã lên Phó-Đề-Đốc trong thời-gian này. So với tất cả Hải-Quân, trừ khóa 1, là khóa đầu đàn, ông Minh đeo sao cùng với các vị khóa 2, và khóa 1 Brest. Đặc-biệt sự can-đảm, đi sát với các đơn-vị chiến-đấu, ông Minh đã được anh em dưới quyền hết lòng nể-phục và biết ơn. Cứ có đụng là thấy tiếng ông trên máy. Cứ có thiệt-hại, là đã thấy ông xuất-hiện.

Vẫn lời Đại-Tá May:

- Minh kẹt lại, chẳng trách ai. Thấy anh em đi được thì mừng cho họ. Đến như vào tháng 7 năm 1987, lúc ấy tôi còn ở trong tù, khi đọc báo Nhân-Dân, thấy hình ông Minh, mặc áo giáp nằm chết. Tấm ảnh đó miệng ông Minh hơi há, nhìn rõ-ràng, mắt mở nhỏ. Đúng là ông Minh. Tôi nhìn mà bàng-hoàng khó tả, và đau buồn cho một cơ may đã vỡ, vừa hãnh-diện có một người bạn đã đi vào lịch-sử.

ĐÔI LỜI GỞI GẮM

- Là một vị đàn anh trong Hải-Quân, là một cựu tư-lệnh đại đơn-vị, Đại-Tá có muốn nhắn gởi điều gì với anh em, bằng-hữu nữa không?

Vẫn nhẹ-nhàng, êm-ả, Đại-Tá May nói:

- Vì cái tình mà gắn-bó với nhau để sống tại Năm-Căn. Chính cái tình, vì cùng thương nhau mà làm việc, chứ không phải là vì kỷ-luật. Cũng vì cái tình ấy mà lúc tan hàng ai cũng muốn về với gia-đình, hóa ra kẹt lại cả. Điển-hình là ông Trụ



Duyên-tốc-đỉnh PCF của Hải-Đội 5 Duyên-Phòng trên sông Bồ-Đề, Năm-Căn

(Tư-Lệnh-Phó Vùng V Duyên-Hải), lúc tan hàng có mặt tại Sài-Gòn, theo được tàu ra được nước ngoài, rồi vì cái tình gia-đình mà nhất định trở về. Ông Trụ dẫn con tàu Việt-Nam Thương-Tín và gần 2000 đồng-bào về lại Việt-Nam, để mong nhìn được mặt người thân. Nhưng không, cũng vào tù cả. Sau bao gian-khổ, cũng đã đến được Mỹ. Còn nhớ lại thật như một giấc mơ. Song dù ở giai-đoạn nào, với tôi, tôi cũng đã làm hết hết lòng. Mong anh em đã làm việc với tôi, hiểu cho lòng tôi mà đừng oán trách gì.

Vấn lời Đại-Tá May:

- Tôi sang đây muộn-màng, lúc đã ở tuổi 60, cái tuổi ở Mỹ, là tuổi đã già. Chỉ có hai bố con. Nhà tôi sợ mất căn nhà, ở lại. Đầu năm 1997, vợ tôi bị tai-biến mạch máu não và đến tháng 7 năm 1997 bà ấy mới qua, còn căn nhà ở Việt-Nam cũng đâu có giữ được. Bà ấy vừa bị té, gãy xương đùi gần hông, đang nằm ở bệnh-viện.

Chúng tôi gồm có người viết và anh chị Trần-

chấn-Hải, lặng-lẽ ngồi nghe, ghi chép, và nhìn các tấm hình bày ra la-liệt trên bàn nước. Từ một sinh-viên sĩ-quan mắt sáng, tươi cười, đến một vị hạm-trưởng uy-nghi trên đài chỉ-huy. Từ hình-ảnh một người chồng đang độ thành-công, bên bà vợ tuổi trẻ mặc áo dài thướt-tha trong một dạ-tiệc đến hình-ảnh ngày mừng 1 Tết, đứng nghiêm để nhận lễ gắn lon Đại-Tá từ vị Tư-Lệnh Hải-Quân... Tất cả diễn ra lấp-loáng chông lóp như một cuốn phim. Chúng tôi chìm ngợp trong không-khí ấy, thì Đại-Tá May nhẹ-nhàng nói:

- Qua đây, gặp lại anh em cũ, nói sao cho hết nỗi mừng vui. Người giúp cái này, người cho cái khác. Một việc nhỏ làm thêm qua ngày để có chút tiền tiêu, cũng do anh em quen giúp cả. Tôi chẳng quản ngại gì...

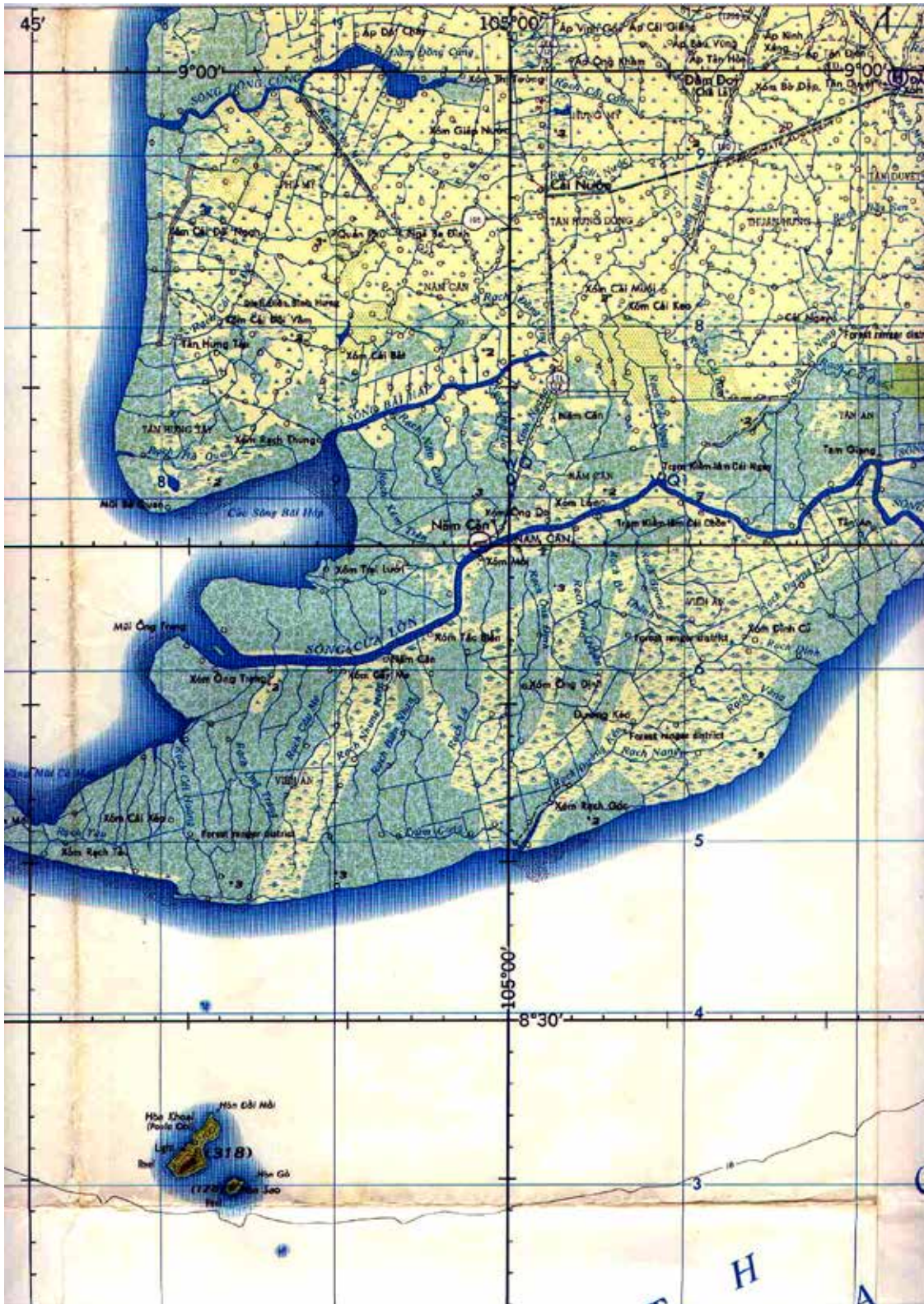


Bài viết theo lời kể của Đại-Tá May, Trung-Tá Ôn và Thiếu-Tá Ninh.



Căn-cứ Hải-Quân Năm-Căn





Bản đồ Vùng V Duyên-Hải